



HỘI ĐỒNG CHỈ ĐẠO XUẤT BẢN
SÁCH XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN

CẨM NANG

CÔNG TÁC TỔ CHỨC - CÁN BỘ XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN

(Tái bản lần thứ hai)



NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

**CẨM NANG
CÔNG TÁC
TỔ CHỨC - CÁN BỘ
XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN**

HỘI ĐỒNG CHỈ ĐẠO XUẤT BẢN

Chủ tịch Hội đồng:

TS. NGUYỄN THẾ KỶ

Phó Chủ tịch Hội đồng:

TS. NGUYỄN DUY HÙNG

Thành viên:

TS. NGUYỄN AN TIÊM

TS. NGUYỄN TIẾN HOÀNG

TS. VŨ TRỌNG LÂM

**CẨM NANG
CÔNG TÁC
TỔ CHỨC - CÁN BỘ XÃ,
PHƯỜNG, THỊ TRẤN**

**NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
HÀ NỘI - 2011**

CÁC TÁC GIẢ

NGUYỄN ĐỨC HÀ (Chủ biên)

PHẠM VĂN ĐỒNG

ĐỖ TUẤN NGHĨA

VÕ THÀNH NAM

KIỀU CAO CHUNG

NGUYỄN VĂN PHÓNG

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về phát triển kinh tế, văn hoá - xã hội, an ninh - quốc phòng về căn bản được thực hiện ở cơ sở xã, phường, thị trấn. Vì vậy bộ máy của hệ thống chính trị và cán bộ lãnh đạo của hệ thống chính trị ở cơ sở giữ vai trò nền tảng, nòng cốt.

Để giúp cán bộ, đảng viên làm công tác lãnh đạo ở cơ sở hiểu rõ vị trí pháp lý, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng loại hình tổ chức; nhiệm vụ, quyền hạn, quyền lợi của từng cán bộ, công chức cấp xã, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật tái bản cuốn ***Cẩm nang công tác tổ chức - cán bộ xã, phường, thị trấn*** do Vụ Cơ sở đảng, Ban Tổ chức Trung ương soạn thảo.

Căn cứ vào các đạo luật, pháp lệnh, nghị quyết, chỉ thị, thông tư hiện hành của các cơ quan có thẩm quyền ban hành, các tác giả sắp xếp cuốn sách thành ba phần nói rõ về tổ chức bộ máy, cán bộ, công chức cấp xã, tổ chức, hoạt động của thôn và tổ dân phố.

Phần thứ nhất về tổ chức bộ máy cấp xã, cuốn sách nêu rõ về cách thức tiến hành bầu cử, nhiệm vụ, quyền hạn của hội đồng nhân dân cấp xã, các kỳ họp của hội đồng nhân dân, hoạt động giám sát của hội đồng nhân dân và thường trực hội đồng nhân dân cấp xã. Về uỷ

ban nhân dân cấp xã, cuốn sách nêu rõ nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức hoạt động, số lượng, cơ cấu thành viên của từng loại xã, quy chế làm việc của người đứng đầu hội đồng nhân dân và uỷ ban nhân dân. Phần này cũng nói rõ về địa vị pháp lý của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức của mặt trận cũng như các cơ quan chuyên môn của xã.

Phần hai cuốn sách nói về cán bộ, công chức cấp xã trên các mặt tuyển dụng, sử dụng, kỷ luật, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã.

Phần cuối cùng cuốn sách nói về tổ chức, hoạt động của thôn và tổ dân phố trên các mặt tổ chức hoà giải, thực hiện dân chủ trực tiếp và quy chế tổ chức hoạt động của thôn và tổ dân phố.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách cùng bạn đọc.

Tháng 3 năm 2011

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT

Phần I

TỔ CHỨC BỘ MÁY

A. HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

I- BẦU CỬ HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

1. Quyền ứng cử đại biểu hội đồng nhân dân

Nghị định số 19/2004/NĐ-CP ngày 10-1-2004 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của *Luật bầu cử đại biểu hội đồng nhân dân* năm 2003 quy định: công dân nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam không phân biệt dân tộc, nam, nữ, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo, trình độ văn hoá, nghề nghiệp, thời hạn cư trú:

- Đủ 18 tuổi trở lên đều có quyền bầu cử đại biểu hội đồng nhân dân; trừ những trường hợp đã được quy định tại Điều 25 của *Luật bầu cử đại biểu hội đồng nhân dân*.

- Đủ 21 tuổi trở lên, có đủ điều kiện và tiêu chuẩn quy định đều có quyền ứng cử đại biểu hội đồng nhân dân các cấp trừ những trường hợp đã

được quy định tại Điều 31 của *Luật bầu cử đại biểu hội đồng nhân dân*.

- Tuổi để thực hiện quyền bầu cử và ứng cử của công dân được tính từ ngày, tháng, năm sinh ghi trong giấy khai sinh đến ngày bầu cử đại biểu hội đồng nhân dân đã được Ủy ban Thường vụ Quốc hội ấn định. Trường hợp không có giấy khai sinh thì căn cứ vào sổ hộ khẩu hoặc giấy chứng minh nhân dân để tính tuổi thực hiện quyền bầu cử, ứng cử. Mỗi tuổi tròn được tính từ ngày, tháng, năm sinh (dương lịch) của năm trước đến ngày, tháng, năm sinh (dương lịch) của năm sau.

2. Tiêu chuẩn đại biểu hội đồng nhân dân

- Trung thành với Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, phấn đấu thực hiện công cuộc đổi mới đất nước và xây dựng, phát triển địa phương;

- Có phẩm chất đạo đức tốt, gương mẫu chấp hành pháp luật, tích cực đấu tranh chống mọi biểu hiện quan liêu, hách dịch, cửa quyền, tham nhũng, lãng phí và các hành vi vi phạm pháp luật khác, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân;

- Có trình độ và năng lực thực hiện nhiệm vụ đại biểu hội đồng nhân dân, có khả năng tuyên truyền, vận động gia đình và nhân dân thực hiện chính sách, pháp luật; am hiểu tình hình kinh tế - xã hội để tham gia quyết định những vấn đề quan trọng ở địa phương;

- Liên hệ chặt chẽ với nhân dân, lắng nghe ý kiến của nhân dân, được nhân dân tín nhiệm;
- Có điều kiện tham gia các hoạt động của hội đồng nhân dân.

3. Ứng cử, hiệp thương, giới thiệu người ứng cử đại biểu hội đồng nhân dân

Người được giới thiệu ứng cử và người tự ứng cử đại biểu hội đồng nhân dân phải nộp hồ sơ tại hội đồng bầu cử nơi mình ứng cử chậm nhất là 60 ngày trước ngày bầu cử. Hồ sơ gồm có: đơn ứng cử; sơ yếu lý lịch có chứng nhận của uỷ ban nhân dân cấp xã nơi thường trú hoặc cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi người đó làm việc; tiểu sử tóm tắt và ba ảnh màu cỡ 4cm x 6cm.

Sau khi nhận và xem xét hồ sơ của những người tự ứng cử, người được cơ quan, tổ chức, đơn vị giới thiệu ứng cử, nếu thấy hợp lệ theo quy định của luật này thì hội đồng bầu cử chuyển tiểu sử tóm tắt và danh sách trích ngang của những người ứng cử đến Ban Thường trực Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp.

Người tự ứng cử, người được giới thiệu ứng cử đại biểu hội đồng nhân dân địa phương nào thì phải là người cư trú hoặc làm việc thường xuyên ở địa phương đó. Người tự ứng cử và người được giới thiệu ứng cử chỉ được ghi tên ứng cử ở một đơn vị bầu cử và không được tham gia ban bầu cử hoặc tổ bầu cử thuộc đơn vị mình ra ứng cử.

Những người sau đây không được ứng cử đại biểu hội đồng nhân dân:

- Người thuộc các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 25 của *Luật bầu cử đại biểu hội đồng nhân dân*;

- Người đang bị khởi tố về hình sự;

- Người đang phải chấp hành bản án, quyết định hình sự của toà án;

- Người đã chấp hành xong bản án, quyết định hình sự của toà án nhưng chưa được xoá án tích;

- Người đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính về giáo dục tại xã, phường, thị trấn, tại cơ sở giáo dục, cơ sở chữa bệnh hoặc đang bị quản chế hành chính.

Hội nghị hiệp thương lần thứ nhất ở cấp xã thỏa thuận về cơ cấu, thành phần và số lượng người tự ứng cử, người được giới thiệu ứng cử của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức kinh tế, đơn vị vũ trang nhân dân, cơ quan nhà nước cùng cấp và thôn, tổ dân phố trên địa bàn. Biên bản hội nghị hiệp thương phải ghi rõ thành phần, số lượng người tham dự, diễn biến, kết quả hội nghị. Biên bản hội nghị hiệp thương ở cấp xã được gửi ngay đến thường trực hội đồng nhân dân, uỷ ban nhân dân, Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp trên trực tiếp và thường trực hội đồng nhân dân, hội đồng bầu cử cùng cấp.

Trên cơ sở kết quả hiệp thương lần thứ nhất

và điều chỉnh của thường trực hội đồng nhân dân, căn cứ vào tiêu chuẩn đại biểu hội đồng nhân dân, các cơ quan, tổ chức, đơn vị và thôn, tổ dân phố (đối với cấp xã) được phân bổ số lượng đại biểu tiến hành giới thiệu người ứng cử đại biểu hội đồng nhân dân. Việc giới thiệu được tiến hành như sau:

- Ban lãnh đạo tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội dự kiến người của tổ chức mình ứng cử đại biểu hội đồng nhân dân, tổ chức lấy ý kiến nhận xét của hội nghị cử tri nơi người đó làm việc. Trên cơ sở ý kiến của hội nghị cử tri, ban lãnh đạo tổ chức hội nghị ban thường vụ mở rộng để thảo luận, giới thiệu người của tổ chức mình ứng cử đại biểu hội đồng nhân dân;

- Ban lãnh đạo cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp, tổ chức kinh tế phối hợp với ban chấp hành công đoàn cơ quan dự kiến người của cơ quan mình ứng cử đại biểu hội đồng nhân dân, tổ chức lấy ý kiến nhận xét của hội nghị cử tri nơi người đó làm việc. Trên cơ sở ý kiến của hội nghị cử tri, ban lãnh đạo cơ quan tổ chức hội nghị gồm ban lãnh đạo cơ quan, đơn vị, tổ chức, ban chấp hành công đoàn, đại diện lãnh đạo các đơn vị trực thuộc để thảo luận, giới thiệu người của cơ quan mình ứng cử đại biểu hội đồng nhân dân;

- Lãnh đạo, chỉ huy đơn vị vũ trang nhân dân dự kiến người của đơn vị mình ứng cử đại biểu hội

đồng nhân dân, tổ chức lấy ý kiến nhận xét của hội nghị cử tri nơi người đó làm việc. Trên cơ sở ý kiến của hội nghị cử tri, lãnh đạo, chỉ huy đơn vị tổ chức hội nghị gồm lãnh đạo, chỉ huy đơn vị, đại diện ban chấp hành công đoàn (nếu có), đại diện quân nhân và chỉ huy cấp dưới trực tiếp để thảo luận, giới thiệu người của đơn vị mình ứng cử đại biểu hội đồng nhân dân.

- Ban công tác mặt trận ở thôn, tổ dân phố dự kiến người của thôn, của tổ dân phố ứng cử đại biểu hội đồng nhân dân cấp xã và phối hợp với trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố tổ chức hội nghị cử tri để thảo luận, giới thiệu người ứng cử đại biểu hội đồng nhân dân cấp xã.

Việc giới thiệu người ra ứng cử đại biểu hội đồng nhân dân cấp xã ở thôn, tổ dân phố do Chính phủ phối hợp với Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hướng dẫn.

Cơ quan, tổ chức, đơn vị giới thiệu người ứng cử đại biểu hội đồng nhân dân phải chuyển biên bản hội nghị cử tri nơi làm việc và biên bản hội nghị lãnh đạo mở rộng của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình về việc thảo luận, giới thiệu người ứng cử đại biểu hội đồng nhân dân đến Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tổ chức hội nghị hiệp thương.

Ban công tác mặt trận chuyển biên bản hội nghị cử tri ở thôn, tổ dân phố về việc thảo luận, giới thiệu người ứng cử đại biểu hội đồng nhân

dân cấp xã đến Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã.

Hội nghị hiệp thương lần thứ hai ở mỗi cấp do Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp tổ chức chậm nhất là năm mươi lăm ngày trước ngày bầu cử.

Hội nghị hiệp thương căn cứ vào tiêu chuẩn đại biểu hội đồng nhân dân, cơ cấu, thành phần, số lượng đại biểu và người được giới thiệu ứng cử, người tự ứng cử để lập danh sách sơ bộ những người ứng cử đại biểu hội đồng nhân dân, gửi lấy ý kiến cử tri nơi cư trú đối với người tự ứng cử, người được cơ quan, tổ chức, đơn vị giới thiệu ứng cử và lấy ý kiến cử tri nơi làm việc (nếu có) của người tự ứng cử, người được thôn, tổ dân phố giới thiệu ứng cử đại biểu hội đồng nhân dân cấp xã. Việc tổ chức lấy ý kiến được tiến hành theo quy định tại Điều 37 của *Luật bầu cử đại biểu hội đồng nhân dân*.

Hội nghị cử tri ở xã, phường, thị trấn tổ chức theo đơn vị thôn, tổ dân phố do Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phối hợp với thường trực hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân cùng cấp triệu tập và chủ trì.

Hội nghị cử tri ở cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức kinh tế, đơn vị sự nghiệp do thủ trưởng cơ quan hoặc người đứng đầu của tổ chức phối hợp với ban chấp hành công đoàn cùng cấp triệu tập

và chủ trì. Hội nghị cử tri ở đơn vị vũ trang nhân dân là hội nghị quân nhân do lãnh đạo, chỉ huy đơn vị triệu tập và chủ trì.

Người được giới thiệu ứng cử, tự ứng cử đại biểu hội đồng nhân dân, đại diện cơ quan, tổ chức, đơn vị, thôn, tổ dân phố có người ứng cử được mời tham dự các hội nghị này.

Tại các hội nghị này, cử tri đối chiếu với tiêu chuẩn đại biểu hội đồng nhân dân để nhận xét, bày tỏ sự tín nhiệm đối với người tự ứng cử, người được giới thiệu ứng cử bằng cách giơ tay hoặc bỏ phiếu kín theo quyết định của hội nghị.

Biên bản hội nghị cử tri lấy ý kiến về những người ứng cử đại biểu hội đồng nhân dân phải ghi rõ thành phần, số lượng người tham dự, diễn biến, kết quả hội nghị. Biên bản hội nghị cử tri lấy ý kiến về những người ứng cử đại biểu hội đồng nhân dân cấp nào thì gửi đến Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp ấy để chuẩn bị cho hội nghị hiệp thương lần thứ ba.

Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phối hợp với Chính phủ hướng dẫn trình tự, thủ tục tổ chức hội nghị cử tri nơi làm việc và nơi cư trú.

Trách nhiệm xác minh và trả lời các vụ việc mà cử tri nêu lên đối với người được giới thiệu ứng cử, tự ứng cử được quy định như sau:

- Đối với vụ việc ở nơi làm việc thì cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp quản lý người ứng cử có

trách nhiệm xác minh và trả lời bằng văn bản cho Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tổ chức hiệp thương. Trường hợp người ứng cử là người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị thì cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp trên trực tiếp có trách nhiệm xác minh và trả lời. Nếu cơ quan, tổ chức, đơn vị không có cấp trên trực tiếp quản lý thì cơ quan có thẩm quyền ra quyết định thành lập cơ quan, tổ chức, đơn vị đó có trách nhiệm xác minh và trả lời;

- Đối với vụ việc ở khu dân cư thì cơ quan, tổ chức, đơn vị giới thiệu người ứng cử phối hợp với ủy ban nhân dân cấp xã xác minh và trả lời bằng văn bản cho Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tổ chức hiệp thương;

- Đối với người tự ứng cử đại biểu hội đồng nhân dân cấp nào thì hội đồng bầu cử phối hợp với cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp quản lý người đó hoặc ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú xác minh và trả lời bằng văn bản cho Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tổ chức hiệp thương;

- Chậm nhất là bốn mươi ngày trước ngày bầu cử, việc xác minh và trả lời về các vụ việc mà cử tri nêu lên đối với người ứng cử quy định tại Điều này phải được tiến hành xong.

Hội nghị hiệp thương lần thứ ba ở mỗi cấp do Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp tổ chức chậm nhất là ba mươi lăm

ngày trước ngày bầu cử. Thành phần và khách mời tham dự như hội nghị hiệp thương lần thứ nhất. Hội nghị hiệp thương căn cứ vào tiêu chuẩn đại biểu hội đồng nhân dân, cơ cấu, thành phần và số lượng người tự ứng cử, người được giới thiệu ứng cử của cơ quan, tổ chức, đơn vị và kết quả lấy ý kiến cử tri để lựa chọn, lập danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu hội đồng nhân dân. Biên bản hội nghị hiệp thương lần thứ ba phải ghi rõ thành phần, số lượng người tham dự, diễn biến và kết quả của hội nghị.

Chậm nhất là ba mươi ngày trước ngày bầu cử, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã phải gửi biên bản hội nghị hiệp thương lần thứ ba và danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu hội đồng nhân dân đến thường trực hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp trên trực tiếp và thường trực hội đồng nhân dân, hội đồng bầu cử cùng cấp.

Chậm nhất là hai mươi lăm ngày trước ngày bầu cử, hội đồng bầu cử công bố danh sách những người ứng cử theo từng đơn vị bầu cử. Chậm nhất là hai mươi ngày trước ngày bầu cử, tổ bầu cử phải niêm yết danh sách những người ứng cử theo công bố của hội đồng bầu cử ở các khu vực bỏ phiếu.

Số người ứng cử đại biểu hội đồng nhân dân ở mỗi đơn vị bầu cử phải nhiều hơn số đại biểu được

bầu ở đơn vị đó ít nhất là hai người, trừ trường hợp khuyết người ứng cử vì lý do bất khả kháng theo hướng dẫn của Chính phủ.

- Kể từ ngày công bố danh sách những người ứng cử đại biểu hội đồng nhân dân thì công dân có quyền khiếu nại, tố cáo về người ứng cử; khiếu nại, kiến nghị về những sai sót trong việc lập danh sách những người ứng cử với ban bầu cử ở cấp đó. Ban bầu cử phải ghi vào sổ và giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị theo thẩm quyền. Trong trường hợp người khiếu nại, tố cáo, kiến nghị không đồng ý với kết quả giải quyết của ban bầu cử thì có quyền khiếu nại, kiến nghị với hội đồng bầu cử. Quyết định của hội đồng bầu cử là quyết định cuối cùng.

- Trong thời hạn mười ngày trước ngày bầu cử, hội đồng bầu cử, ban bầu cử ngưng việc xem xét, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị về người ứng cử và việc lập danh sách những người ứng cử. Trong trường hợp những khiếu nại, tố cáo đã rõ ràng, có đủ cơ sở kết luận người ứng cử không đủ tiêu chuẩn đại biểu hội đồng nhân dân thì hội đồng bầu cử các cấp quyết định xóa tên người đó trong danh sách những người ứng cử trước ngày bầu cử và thông báo cho cử tri biết.

- Không xem xét, giải quyết đối với những đơn khiếu nại, tố cáo nặc danh.

- Hội đồng bầu cử chuyển toàn bộ hồ sơ về khiếu nại, tố cáo chưa được giải quyết và những

khiếu nại, tố cáo đã được giải quyết nhưng đương sự vẫn không đồng ý đến thường trực hội đồng nhân dân cùng cấp khoá mới để giải quyết theo thẩm quyền.

Người có tên trong danh sách những người ứng cử đại biểu hội đồng nhân dân đã được công bố có quyền vận động bầu cử thông qua việc gặp gỡ, tiếp xúc với cử tri hoặc thông qua các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định của pháp luật để báo cáo với cử tri dự kiến việc thực hiện trách nhiệm của người đại biểu nếu được bầu làm đại biểu hội đồng nhân dân. Việc gặp gỡ, tiếp xúc cử tri do Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tổ chức. Việc vận động bầu cử được tiến hành dân chủ, bình đẳng, đúng pháp luật, bảo đảm trật tự, an toàn và phải kết thúc trước khi bắt đầu cuộc bỏ phiếu hai mươi bốn giờ.

4. Trình tự bầu cử

Việc bỏ phiếu bắt đầu từ bảy giờ đến mười chín giờ cùng ngày. Tùy tình hình địa phương, tổ bầu cử có thể quyết định bắt đầu cuộc bỏ phiếu sớm hơn và kết thúc muộn hơn giờ quy định, nhưng không được bắt đầu trước năm giờ và kết thúc quá hai mươi giờ cùng ngày. Khu vực bỏ phiếu nào đã có một trăm phần trăm số cử tri đi bầu thì tổ bầu cử đó có thể kết thúc cuộc bỏ phiếu sớm hơn. Trước khi bỏ phiếu, tổ bầu cử phải kiểm tra hòm phiếu trước sự chứng kiến của cử tri.

Mỗi cử tri có quyền bỏ một phiếu bầu cho mỗi cấp hội đồng nhân dân. Cử tri phải tự mình đi bầu, không được nhờ người khác bầu thay, trừ trường hợp quy định tại Điều 50 của luật này; khi bầu cử phải xuất trình thẻ cử tri.

Cử tri không thể tự viết được phiếu bầu thì có thể nhờ người khác viết hộ, nhưng phải tự mình bỏ phiếu. Người viết hộ phải bảo đảm bí mật phiếu bầu của cử tri. Nếu vì tàn tật không tự bỏ phiếu được thì cử tri có thể nhờ người khác bỏ phiếu vào hòm phiếu. Trong trường hợp cử tri ốm đau, già yếu, tàn tật không thể đến phòng bỏ phiếu được thì tổ bầu cử cử người mang hòm phiếu phụ và phiếu bầu đến chỗ ở của cử tri để cử tri nhận phiếu và bầu.

Khi cử tri viết phiếu, không ai được xem, kể cả thành viên tổ bầu cử. Nếu viết hỏng, cử tri có quyền đổi phiếu bầu khác. Khi cử tri bỏ phiếu xong, tổ bầu cử có trách nhiệm đóng dấu "đã bỏ phiếu" vào thẻ cử tri.

Mọi người đều phải tuân theo nội quy của phòng bỏ phiếu; không được tuyên truyền vận động bầu cử tại nơi bỏ phiếu.

Khi hết giờ bỏ phiếu, nếu còn cử tri có mặt tại phòng bỏ phiếu mà chưa kịp bỏ phiếu thì chỉ sau khi số cử tri này bỏ phiếu xong, tổ bầu cử mới được tuyên bố kết thúc cuộc bỏ phiếu.

Trong ngày bầu cử, cuộc bỏ phiếu phải được tiến hành liên tục. Trong trường hợp có sự kiện

bất ngờ làm gián đoạn việc bỏ phiếu thì tổ bầu cử phải lập tức niêm phong giấy tờ và hòm phiếu, kịp thời báo cáo cho ban bầu cử biết, đồng thời phải có những biện pháp cần thiết để cuộc bỏ phiếu được tiếp tục. Trong trường hợp đặc biệt cần hoãn ngày bỏ phiếu hoặc bỏ phiếu sớm hơn ngày quy định thì tổ bầu cử phải kịp thời báo cáo ban bầu cử biết để đề nghị hội đồng bầu cử trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định.

5. Kết quả bầu cử

Việc kiểm phiếu phải được tiến hành tại phòng bỏ phiếu ngay sau khi cuộc bỏ phiếu kết thúc. Trước khi mở hòm phiếu, tổ bầu cử phải thống kê, lập biên bản, niêm phong số phiếu bầu không sử dụng đến và phải mời hai cử tri không phải là người ứng cử có mặt tại đó chứng kiến việc kiểm phiếu. Người ứng cử, đại diện cơ quan, tổ chức, đơn vị, thôn, tổ dân phố có người ứng cử có quyền chứng kiến việc kiểm phiếu và khiếu nại về việc kiểm phiếu. Các phóng viên báo chí được chứng kiến việc kiểm phiếu.

Những phiếu sau đây là không hợp lệ: phiếu không phải là phiếu theo mẫu quy định do tổ bầu cử phát; phiếu không có dấu của tổ bầu cử; phiếu để số người được bầu quá số đại biểu mà đơn vị bầu cử được bầu; phiếu gạch xóa hết tên những người ứng cử; phiếu ghi tên người ngoài danh sách ứng cử, phiếu có viết thêm.

Nếu có phiếu nào nghi là không hợp lệ thì tổ trưởng tổ bầu cử phải đưa ra toàn tổ giải quyết. Tổ bầu cử không được gạch xóa hoặc sửa các tên ghi trên phiếu bầu.

Những khiếu nại tại chỗ về việc kiểm phiếu do tổ bầu cử tiếp nhận, giải quyết và ghi rõ cách giải quyết vào biên bản. Nếu tổ bầu cử không giải quyết được thì phải báo cáo ban bầu cử giải quyết.

Sau khi kiểm phiếu xong, tổ bầu cử phải lập biên bản kiểm phiếu. Biên bản kiểm phiếu phải ghi rõ: Tổng số cử tri của khu vực bỏ phiếu; số cử tri đã tham gia bỏ phiếu; số phiếu phát ra; số phiếu thu vào; số phiếu hợp lệ; số phiếu không hợp lệ; số phiếu bầu cho mỗi người ứng cử; những khiếu nại đã nhận được, những khiếu nại đã giải quyết và cách giải quyết, những khiếu nại chuyển đến ban bầu cử giải quyết.

Biên bản kiểm phiếu được lập thành ba bản, có chữ ký của tổ trưởng, tổ phó, thư ký tổ bầu cử và hai cử tri được mời chứng kiến việc kiểm phiếu để gửi đến ban bầu cử, uỷ ban nhân dân, Ban Thường trực Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, phường, thị trấn.

Ban bầu cử kiểm tra các biên bản kiểm phiếu của các tổ bầu cử và lập biên bản xác định kết quả bầu cử ở đơn vị bầu cử của mình. Biên bản xác định kết quả bầu cử phải ghi rõ: số đại biểu hội đồng nhân dân được ấn định cho đơn vị bầu cử; số người ứng cử; tổng số cử tri của đơn vị bầu cử; số cử tri đã

tham gia bỏ phiếu, tỷ lệ so với tổng số cử tri; số phiếu phát ra; số phiếu thu về; số phiếu hợp lệ; số phiếu không hợp lệ; số phiếu bầu cho mỗi người ứng cử; danh sách những người trúng cử; những khiếu nại do tổ bầu cử đã giải quyết; những khiếu nại do ban bầu cử giải quyết; những khiếu nại chuyển đến hội đồng bầu cử giải quyết.

Biên bản xác định kết quả bầu cử được lập thành bốn bản, có chữ ký của trưởng ban, phó trưởng ban và thư ký ban bầu cử để gửi đến hội đồng bầu cử, thường trực hội đồng nhân dân, uỷ ban nhân dân và Ban Thường trực Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp.

Những người ứng cử được quá nửa số phiếu hợp lệ và được nhiều phiếu hơn thì trúng cử. Trong trường hợp có nhiều người được số phiếu bằng nhau thì người nhiều tuổi hơn là người trúng cử.

Uỷ ban nhân dân cấp bầu cử có trách nhiệm lưu trữ, quản lý toàn bộ hồ sơ, tài liệu, con dấu của các tổ chức phụ trách bầu cử cấp mình. Uỷ ban nhân dân cấp xã lưu trữ, quản lý các biên bản kiểm phiếu, toàn bộ phiếu bầu đại biểu hội đồng nhân dân các cấp (kể cả phiếu bầu không sử dụng đến đã được niêm phong), con dấu và hòm phiếu do tổ bầu cử bàn giao theo quy định pháp luật.

6. Việc bầu cử bổ sung đại biểu hội đồng nhân dân

Việc bầu cử bổ sung đại biểu hội đồng nhân

dân trong nhiệm kỳ được tiến hành trong các trường hợp sau đây:

- Đơn vị bầu cử khuyết đại biểu;
- Đơn vị hành chính mới được sáp nhập, đơn vị hành chính được chia thành nhiều đơn vị hành chính mới, hoặc đơn vị hành chính được thay đổi cấp có số lượng đại biểu hội đồng nhân dân chưa đủ theo quy định của pháp luật.

Việc bầu cử bổ sung chỉ được tiến hành trong trường hợp số lượng đại biểu hội đồng nhân dân không còn đủ hai phần ba tổng số đại biểu được ấn định và khi thời gian của nhiệm kỳ hội đồng nhân dân còn ít nhất là một phần ba, trừ trường hợp đặc biệt theo hướng dẫn của Chính phủ. Thủ tục bầu cử bổ sung đại biểu hội đồng nhân dân theo quy định tại luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

7. Xử lý những hành vi vi phạm về pháp luật bầu cử

Người dùng các thủ đoạn lừa gạt, gian lận, mua chuộc hoặc cưỡng ép làm trở ngại việc bầu cử, ứng cử đại biểu hội đồng nhân dân của công dân; người có trách nhiệm trong công tác bầu cử mà giả mạo giấy tờ, gian lận phiếu bầu hoặc dùng thủ đoạn khác làm sai lệch kết quả bầu cử, thì tùy theo tính chất và mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử lý hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Mọi người có quyền tố cáo những việc làm trái

pháp luật trong bầu cử đại biểu hội đồng nhân dân. Người cản trở hoặc trả thù người tố cáo thì tùy theo tính chất và mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử lý hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

8. kê khai tài sản đối với những người ứng cử đại biểu hội đồng nhân dân

Những người ứng cử đại biểu hội đồng nhân dân các cấp phải kê khai đầy đủ, chính xác, trung thực các loại tài sản của mình theo mẫu ban hành kèm theo Nghị quyết số 487/2004/NQ-UBTVQH11 ngày 17-3-2004 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và phải chịu trách nhiệm về nội dung kê khai của mình.

Hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân phối hợp với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp chỉ đạo hội đồng bầu cử tổ chức việc kê khai tài sản cho những người ứng cử đại biểu hội đồng nhân dân các cấp mình. Bản kê khai tài sản được gửi kèm trong hồ sơ của người ứng cử và được quản lý, sử dụng theo quy định về quản lý, sử dụng hồ sơ bầu cử.

Trong trường hợp có thắc mắc, khiếu nại, tố cáo về việc kê khai tài sản của người ứng cử đại biểu hội đồng nhân dân các cấp thì được giải quyết theo quy định của *Luật bầu cử đại biểu hội đồng nhân dân*.

Nghiêm cấm việc làm sai lệch nội dung, mất

mát, hư hỏng, cung cấp cho những người không có thẩm quyền khai thác, sử dụng trái pháp luật bản kê khai tài sản; người nào vi phạm, tùy tính chất, mức độ sẽ bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

II- NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CẤP XÃ

1. Lĩnh vực kinh tế

Trong lĩnh vực kinh tế, hội đồng nhân dân xã, thị trấn thực hiện những nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

- Quyết định biện pháp thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm; kế hoạch sử dụng lao động công ích hằng năm; biện pháp thực hiện chương trình khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, khuyến công và chuyển đổi cơ cấu kinh tế, cây trồng, vật nuôi theo quy hoạch chung;

- Quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; dự toán thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ dự toán ngân sách cấp mình; phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương; các chủ trương, biện pháp để triển khai thực hiện ngân sách địa phương và điều chỉnh dự toán ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật; giám sát việc thực hiện ngân sách đã được hội đồng nhân dân quyết định;

- Quyết định biện pháp quản lý và sử dụng hợp lý, có hiệu quả quỹ đất được để lại nhằm phục vụ các nhu cầu công ích của địa phương;

- Quyết định biện pháp xây dựng và phát triển hợp tác xã, tổ hợp tác, kinh tế hộ gia đình ở địa phương;

- Quyết định biện pháp quản lý, sử dụng và bảo vệ nguồn nước, các công trình thủy lợi theo phân cấp của cấp trên; biện pháp phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, bão lụt, bảo vệ rừng, tu bổ và bảo vệ đê điều ở địa phương;

- Quyết định biện pháp thực hiện xây dựng, tu sửa đường giao thông, cầu, cống trong xã và các cơ sở hạ tầng khác ở địa phương;

- Quyết định biện pháp thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng, chống buôn lậu và gian lận thương mại.

2. Lĩnh vực văn hóa - xã hội

Trong lĩnh vực giáo dục, y tế, xã hội và đời sống, văn hoá, thông tin, thể dục - thể thao, bảo vệ tài nguyên, môi trường, hội đồng nhân dân xã, thị trấn thực hiện những nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

- Quyết định biện pháp bảo đảm các điều kiện cần thiết để trẻ em vào học tiểu học đúng độ tuổi, hoàn thành chương trình phổ cập giáo dục tiểu học; tổ chức các trường mầm non; thực hiện

bổ túc văn hoá và xoá mù chữ cho những người trong độ tuổi;

- Quyết định biện pháp giáo dục, chăm sóc thanh niên, thiếu niên, nhi đồng; xây dựng nếp sống văn minh, gia đình văn hoá, giáo dục truyền thống đạo đức tốt đẹp; giữ gìn thuần phong mỹ tục của dân tộc; ngăn chặn việc truyền bá văn hoá phẩm phản động, đồi trụy, bài trừ mê tín, hủ tục, phòng, chống các tệ nạn xã hội ở địa phương;

- Quyết định biện pháp phát triển hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao; hướng dẫn tổ chức các lễ hội cổ truyền, bảo vệ và phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hoá và danh lam thắng cảnh ở địa phương theo quy định của pháp luật;

- Quyết định việc xây dựng, tu sửa trường lớp, công trình văn hoá thuộc địa phương quản lý;

- Quyết định biện pháp bảo đảm giữ gìn vệ sinh, xử lý rác thải, phòng, chống dịch bệnh, biện pháp bảo vệ môi trường trong phạm vi quản lý; biện pháp thực hiện chương trình y tế cơ sở, chính sách dân số và kế hoạch hoá gia đình;

- Quyết định biện pháp thực hiện chính sách, chế độ đối với thương binh, bệnh binh, gia đình liệt sĩ, những người và gia đình có công với nước, thực hiện công tác cứu trợ xã hội và vận động nhân dân giúp đỡ gia đình khó khăn, người già, người tàn tật, trẻ mồ côi không nơi nương tựa; biện pháp thực hiện xoá đói, giảm nghèo.

3. Lĩnh vực an ninh, quốc phòng, xây dựng chính quyền

Trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, hội đồng nhân dân xã, thị trấn thực hiện những nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

- Quyết định biện pháp bảo đảm thực hiện chế độ nghĩa vụ quân sự; xây dựng lực lượng dân quân, tự vệ và quốc phòng toàn dân; thực hiện nhiệm vụ hậu cần tại chỗ; thực hiện chính sách hậu phương quân đội và chính sách đối với các lực lượng vũ trang nhân dân ở địa phương;

- Quyết định biện pháp bảo đảm giữ gìn an ninh, trật tự công cộng, an toàn xã hội; phòng, chống cháy, nổ; đấu tranh phòng ngừa, chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật khác trên địa bàn.

- Quyết định biện pháp thực hiện chính sách dân tộc, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần, nâng cao dân trí của đồng bào các dân tộc thiểu số; bảo đảm thực hiện quyền bình đẳng giữa các dân tộc, tăng cường đoàn kết toàn dân và tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau giữa các dân tộc ở địa phương;

- Quyết định biện pháp thực hiện chính sách tôn giáo, bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân địa phương theo quy định của pháp luật.

- Quyết định biện pháp bảo đảm việc thi hành

Hiến pháp, luật, các văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên và nghị quyết của mình ở địa phương;

- Quyết định biện pháp bảo hộ tính mạng, tự do, danh dự, nhân phẩm, các quyền và lợi ích hợp pháp khác của công dân;

- Quyết định biện pháp bảo vệ tài sản, lợi ích của Nhà nước; bảo hộ tài sản của cơ quan, tổ chức, cá nhân ở địa phương;

- Quyết định biện pháp bảo đảm việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân theo quy định của pháp luật.

- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm chủ tịch, phó chủ tịch hội đồng nhân dân, chủ tịch, phó chủ tịch và thành viên khác của uỷ ban nhân dân cùng cấp; bãi nhiệm đại biểu hội đồng nhân dân và chấp nhận việc đại biểu hội đồng nhân dân xin thôi làm nhiệm vụ đại biểu theo quy định của pháp luật;

- Bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do hội đồng nhân dân bầu;

- Bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ quyết định, chỉ thị trái pháp luật của uỷ ban nhân dân cùng cấp;

- Thông qua đề án thành lập mới, nhập, chia và điều chỉnh địa giới hành chính ở địa phương để đề nghị cấp trên xem xét, quyết định.

III- KỲ HỌP HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

Hội đồng nhân dân thảo luận và ra nghị

quyết về các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của mình tại các kỳ họp của hội đồng nhân dân. Nghị quyết của hội đồng nhân dân phải được quá nửa tổng số đại biểu hội đồng nhân dân biểu quyết tán thành, trừ trường hợp bãi nhiệm đại biểu hội đồng nhân dân được quy định tại Điều 46 của *Luật tổ chức hội đồng nhân dân và uỷ ban nhân dân* ngày 26-11-2003. Hội đồng nhân dân quyết định việc biểu quyết bằng cách giơ tay, bỏ phiếu kín hoặc bằng cách khác theo đề nghị của chủ tọa phiên họp.

Hội đồng nhân dân các cấp họp thường lệ mỗi năm hai kỳ. Ngoài kỳ họp thường lệ, hội đồng nhân dân tổ chức các kỳ họp chuyên đề hoặc kỳ họp bất thường theo đề nghị của chủ tịch hội đồng nhân dân, chủ tịch uỷ ban nhân dân cùng cấp hoặc khi có ít nhất một phần ba tổng số đại biểu hội đồng nhân dân cùng cấp yêu cầu. Thường trực hội đồng nhân dân quyết định triệu tập kỳ họp thường lệ của hội đồng nhân dân chậm nhất là hai mươi ngày, kỳ họp chuyên đề hoặc bất thường chậm nhất là mười ngày trước ngày khai mạc kỳ họp.

Kỳ họp hội đồng nhân dân được tiến hành khi có ít nhất hai phần ba tổng số đại biểu hội đồng nhân dân tham gia. Tài liệu cần thiết của kỳ họp hội đồng nhân dân phải được gửi đến đại biểu hội đồng nhân dân chậm nhất là năm ngày trước ngày khai mạc kỳ họp.

Kỳ họp thứ nhất của mỗi khoá hội đồng nhân dân được triệu tập chậm nhất là ba mươi ngày, kể từ ngày bầu cử đại biểu hội đồng nhân dân. Ở miền núi, nơi nào đi lại khó khăn, thì kỳ họp thứ nhất của hội đồng nhân dân tỉnh được triệu tập chậm nhất là bốn mươi lăm ngày, kể từ ngày bầu cử đại biểu hội đồng nhân dân.

Kỳ họp thứ nhất của mỗi khoá hội đồng nhân dân do chủ tịch hội đồng nhân dân khoá trước triệu tập và chủ tọa cho đến khi hội đồng nhân dân bầu được chủ tịch hội đồng nhân dân khoá mới. Nghị quyết và biên bản các phiên họp hội đồng nhân dân phải do chủ tịch hội đồng nhân dân ký chứng thực.

Trong trường hợp khuyết chủ tịch hội đồng nhân dân thì phó chủ tịch hội đồng nhân dân triệu tập kỳ họp thứ nhất của hội đồng nhân dân khoá mới. Nếu khuyết cả chủ tịch và phó chủ tịch hội đồng nhân dân thì thường trực hội đồng nhân dân cấp trên trực tiếp chỉ định triệu tập viên để triệu tập và chủ tọa kỳ họp cho đến khi hội đồng nhân dân bầu được chủ tịch hội đồng nhân dân; ở cấp tỉnh thì do Ủy ban Thường vụ Quốc hội chỉ định triệu tập viên.

Tại kỳ họp thứ nhất của mỗi khoá, hội đồng nhân dân bầu:

- Chủ tịch hội đồng nhân dân trong số các đại biểu hội đồng nhân dân theo sự giới thiệu của chủ tọa kỳ họp;

- Phó chủ tịch, uỷ viên thường trực hội đồng nhân dân, trưởng ban và các thành viên khác của các ban của hội đồng nhân dân trong số các đại biểu hội đồng nhân dân theo sự giới thiệu của chủ tịch hội đồng nhân dân;

- Chủ tịch uỷ ban nhân dân trong số các đại biểu hội đồng nhân dân theo sự giới thiệu của chủ tịch hội đồng nhân dân;

- Phó chủ tịch và các thành viên khác của uỷ ban nhân dân theo sự giới thiệu của chủ tịch uỷ ban nhân dân;

- Thư ký kỳ họp của mỗi khoá hội đồng nhân dân theo sự giới thiệu của chủ tọa kỳ họp.

Người giữ chức vụ nêu trên thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình ngay sau khi được hội đồng nhân dân bầu.

Đại biểu hội đồng nhân dân có quyền giới thiệu và ứng cử vào các chức vụ nêu trên. Việc bầu cử các chức vụ này được tiến hành bằng cách bỏ phiếu kín theo danh sách đề cử chức vụ từng người.

IV- THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CẤP XÃ

Thường trực hội đồng nhân dân do hội đồng nhân dân cùng cấp bầu ra. Thường trực hội đồng nhân dân cấp xã gồm chủ tịch, phó chủ tịch hội đồng nhân dân. Thành viên của thường trực hội

đồng nhân dân không thể đồng thời là thành viên của uỷ ban nhân dân cùng cấp. Kết quả bầu chủ tịch, phó chủ tịch hội đồng nhân dân phải được thường trực hội đồng nhân dân cấp trên trực tiếp phê chuẩn.

Thường trực hội đồng nhân dân có những nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

- Triệu tập và chủ tọa các kỳ họp của hội đồng nhân dân; phối hợp với uỷ ban nhân dân trong việc chuẩn bị kỳ họp của hội đồng nhân dân;

- Đôn đốc, kiểm tra uỷ ban nhân dân cùng cấp và các cơ quan nhà nước khác ở địa phương thực hiện các nghị quyết của hội đồng nhân dân;

- Giám sát việc thi hành pháp luật tại địa phương;

- Điều hoà, phối hợp hoạt động của các ban của hội đồng nhân dân; xem xét kết quả giám sát của các ban của hội đồng nhân dân khi cần thiết và báo cáo hội đồng nhân dân tại kỳ họp gần nhất; giữ mối liên hệ với đại biểu hội đồng nhân dân; tổng hợp chất vấn của đại biểu hội đồng nhân dân để báo cáo hội đồng nhân dân;

- Tiếp dân, đôn đốc, kiểm tra và xem xét tình hình giải quyết kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của công dân; tổng hợp ý kiến, nguyện vọng của nhân dân để báo cáo tại kỳ họp của hội đồng nhân dân;

- Phê chuẩn kết quả bầu chủ tịch, phó chủ tịch, uỷ viên thường trực hội đồng nhân dân cấp dưới trực tiếp;

- Trình hội đồng nhân dân bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do hội đồng nhân dân bầu theo đề nghị của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp hoặc của ít nhất một phần ba tổng số đại biểu hội đồng nhân dân;

- Phối hợp với ủy ban nhân dân quyết định việc đưa ra hội đồng nhân dân hoặc đưa ra cử tri bầu nhiệm đại biểu hội đồng nhân dân theo đề nghị của Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp;

- Báo cáo về hoạt động của hội đồng nhân dân cùng cấp lên hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân cấp trên trực tiếp; thường trực hội đồng nhân dân cấp tỉnh báo cáo về hoạt động của hội đồng nhân dân cấp mình lên Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Chính phủ;

- Giữ mối liên hệ và phối hợp công tác với Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp; mỗi năm hai lần thông báo cho Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp về hoạt động của hội đồng nhân dân.

Kinh phí hoạt động của hội đồng nhân dân do hội đồng nhân dân quyết định và ghi vào ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật.

V- HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CẤP XÃ

Hoạt động giám sát của hội đồng nhân dân

được tiến hành thường xuyên, gắn liền với việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn do pháp luật quy định. Giám sát của hội đồng nhân dân bao gồm: giám sát của hội đồng nhân dân tại kỳ họp; giám sát của thường trực hội đồng nhân dân và giám sát của đại biểu hội đồng nhân dân.

Hội đồng nhân dân quyết định chương trình giám sát hằng năm của mình theo đề nghị của thường trực hội đồng nhân dân, đại biểu hội đồng nhân dân, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp và kiến nghị của cử tri ở địa phương.

Thường trực hội đồng nhân dân dự kiến chương trình giám sát của hội đồng nhân dân trình hội đồng nhân dân xem xét, quyết định tại kỳ họp cuối năm của năm trước và tổ chức thực hiện chương trình đó.

Tại kỳ họp hội đồng nhân dân, việc chất vấn và trả lời chất vấn được thực hiện như sau:

- Đại biểu hội đồng nhân dân ghi rõ nội dung chất vấn, người bị chất vấn vào phiếu ghi chất vấn và gửi đến thường trực hội đồng nhân dân. Thường trực hội đồng nhân dân chuyển chất vấn đến người bị chất vấn và tổng hợp các chất vấn của đại biểu hội đồng nhân dân để báo cáo hội đồng nhân dân;

- Thường trực hội đồng nhân dân dự kiến danh sách những người có trách nhiệm trả lời chất vấn và báo cáo hội đồng nhân dân quyết định;

- Việc trả lời chất vấn tại phiên họp toàn thể của hội đồng nhân dân được thực hiện theo trình tự sau đây:

+ Người bị chất vấn trả lời trực tiếp, đầy đủ về các nội dung mà đại biểu hội đồng nhân dân đã chất vấn và xác định rõ trách nhiệm, biện pháp khắc phục;

+ Đại biểu hội đồng nhân dân có thể nêu câu hỏi liên quan đến nội dung đã chất vấn để người bị chất vấn trả lời.

Thời gian trả lời chất vấn do hội đồng nhân dân quyết định;

Sau khi nghe trả lời chất vấn, nếu đại biểu hội đồng nhân dân không đồng ý với nội dung trả lời thì có quyền đề nghị hội đồng nhân dân tiếp tục thảo luận tại phiên họp đó, đưa ra thảo luận tại phiên họp khác của hội đồng nhân dân hoặc kiến nghị hội đồng nhân dân xem xét trách nhiệm của người bị chất vấn. Hội đồng nhân dân ra nghị quyết về việc trả lời chất vấn và trách nhiệm của người bị chất vấn khi xét thấy cần thiết.

Khi phát hiện văn bản quy phạm pháp luật của uỷ ban nhân dân cùng cấp có dấu hiệu trái với Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên và nghị quyết của mình thì hội đồng nhân dân xem xét, quyết định việc bãi bỏ văn bản đó.

VI- GIÁM SÁT CỦA THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CẤP XÃ

Thường trực hội đồng nhân dân có quyền giám sát hoạt động của uỷ ban nhân dân; giám sát cơ quan nhà nước, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân và công dân trong việc thi hành Hiến pháp, luật, các văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên và các nghị quyết của hội đồng nhân dân cùng cấp.

Thường trực hội đồng nhân dân quyết định chương trình giám sát hằng quý, hằng năm của mình căn cứ vào chương trình giám sát của hội đồng nhân dân và ý kiến của các thành viên thường trực hội đồng nhân dân, đề nghị của đại biểu hội đồng nhân dân, Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp và ý kiến, kiến nghị của cử tri ở địa phương.

Căn cứ vào chương trình giám sát đã được thông qua, thường trực hội đồng nhân dân phân công thành viên thường trực hội đồng nhân dân thực hiện các nội dung trong chương trình.

Căn cứ vào chương trình giám sát của mình hoặc theo yêu cầu của hội đồng nhân dân, đề nghị của các ban của hội đồng nhân dân, các đại biểu hội đồng nhân dân, thường trực hội đồng nhân dân quyết định thành lập đoàn giám sát. Quyết định của thường trực hội đồng nhân dân về việc thành lập đoàn giám sát phải xác định rõ nội

dung, kế hoạch giám sát, thành phần đoàn giám sát và cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát. Nội dung, kế hoạch giám sát của đoàn giám sát được thông báo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát chậm nhất là bảy ngày, trước ngày đoàn bắt đầu tiến hành hoạt động giám sát.

Đoàn giám sát có những nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

- Thực hiện đúng nội dung, kế hoạch giám sát trong nghị quyết về việc thành lập đoàn giám sát;

- Yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát báo cáo bằng văn bản, cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan đến nội dung giám sát, giải trình những vấn đề mà đoàn giám sát quan tâm;

- Xem xét, xác minh những vấn đề mà đoàn giám sát thấy cần thiết;

- Khi phát hiện có hành vi vi phạm pháp luật, gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân thì đoàn giám sát có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân hữu quan áp dụng các biện pháp để kịp thời chấm dứt hành vi vi phạm và khôi phục lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân bị vi phạm; yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xem xét trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật;

- Chậm nhất là mười lăm ngày, kể từ ngày kết thúc hoạt động giám sát, đoàn giám sát phải có

báo cáo kết quả giám sát gửi thường trực hội đồng nhân dân xem xét, quyết định.

Thường trực hội đồng nhân dân có trách nhiệm báo cáo hội đồng nhân dân về hoạt động giám sát của mình giữa hai kỳ họp.

Thường trực hội đồng nhân dân giám sát việc thi hành pháp luật về khiếu nại, tố cáo; tổ chức đoàn giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo tại địa phương. Khi phát hiện có hành vi vi phạm pháp luật, gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân thì thường trực hội đồng nhân dân yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền áp dụng các biện pháp để kịp thời chấm dứt hành vi vi phạm pháp luật, xem xét trách nhiệm, xử lý người vi phạm, khôi phục lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân bị vi phạm, đồng thời yêu cầu người có thẩm quyền xem xét, giải quyết; nếu không đồng ý với việc giải quyết của người đó thì yêu cầu người đứng đầu cơ quan, tổ chức cấp trên trực tiếp xem xét, giải quyết. Cơ quan, tổ chức, cá nhân hữu quan có trách nhiệm thực hiện yêu cầu của thường trực hội đồng nhân dân và phải báo cáo thường trực hội đồng nhân dân trong thời hạn bảy ngày, kể từ ngày ra quyết định giải quyết.

Thường trực hội đồng nhân dân trình hội đồng nhân dân xem xét các văn bản quy phạm pháp luật của uỷ ban nhân dân cùng cấp trong trường

hợp có dấu hiệu trái với Hiến pháp, luật, các văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên và nghị quyết của hội đồng nhân dân cùng cấp.

Thường trực hội đồng nhân dân trình hội đồng nhân dân bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do hội đồng nhân dân bầu theo đề nghị của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp hoặc khi có ít nhất một phần ba tổng số đại biểu hội đồng nhân dân yêu cầu.

Thường trực hội đồng nhân dân có trách nhiệm tiếp nhận kiến nghị, chất vấn của đại biểu hội đồng nhân dân để chuyển đến người bị chất vấn; thông báo cho người bị chất vấn thời hạn và hình thức trả lời chất vấn.

Thường trực hội đồng nhân dân điều hòa, phối hợp hoạt động giám sát của các đại biểu hội đồng nhân dân; tổng hợp kết quả giám sát, trình hội đồng nhân dân xem xét, quyết định xử lý theo thẩm quyền.

VII- VỀ THỰC HIỆN THÍ ĐIỂM KHÔNG TỔ CHỨC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN PHƯỜNG

Nghị quyết số 26/2008/NQ-QH12 ngày 15-11-2008 của Quốc hội khóa XII quyết định thực hiện thí điểm không tổ chức hội đồng nhân dân huyện, quận, phường tại một số địa phương. Nghị quyết số 724/2009/NQ-UBTVQH12 ngày 16-1-2009 của

Ủy ban Thường vụ Quốc hội về danh sách huyện, quận, phường thí điểm không tổ chức hội đồng nhân dân quy định thực hiện thí điểm không tổ chức hội đồng nhân dân huyện, quận, phường tại 67 huyện, 32 quận và 483 phường của 10 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương sau đây:

1. Tỉnh Lào Cai

8 huyện, bao gồm: Bảo Thắng, Bắc Hà, Si Ma Cai, Mường Khương, Bát Xát, Sa Pa, Văn Bàn, Bảo Yên;

12 phường, bao gồm: các phường thuộc thành phố Lào Cai: Lào Cai, Phố Mới, Cốc Lếu, Kim Tân, Bắc Cường, Duyên Hải, Bắc Lệnh, Pom Hán, Xuân Tăng, Thống Nhất, Bình Minh, Nam Cường.

2. Tỉnh Vĩnh Phúc

7 huyện, bao gồm: Vĩnh Tường, Yên Lạc, Tam Dương, Bình Xuyên, Lập Thạch, Tam Đảo, Sông Lô; 13 phường, bao gồm: các phường thuộc thành phố Vĩnh Yên: Hội Hợp, Đồng Tâm, Tích Sơn, Ngô Quyền, Đồng Đa, Liên Bảo, Khai Quang; các phường thuộc thị xã Phúc Yên: Xuân Hoà, Đồng Xuân, Hùng Vương, Trưng Trắc, Trưng Nhị, Phúc Thắng.

3. Thành phố Hải Phòng

7 huyện, bao gồm: Thuỷ Nguyên, An Dương, An Lão, Kiến Thụy, Tiên Lãng, Vĩnh Bảo, Cát Hải;

7 quận và 70 phường, bao gồm:

- Quận Hồng Bàng và các phường thuộc quận Hồng Bàng: Quán Toan, Hùng Vương, Sở Dầu, Trại Chuối, Thượng Long, Hạ Long, Minh Khai, Hoàng Văn Thụ, Quang Trung, Phan Bội Châu, Phạm Hồng Thái;

- Quận Ngô Quyền và các phường thuộc quận Ngô Quyền: Lạch Tray, Đồng Quốc Bình, Đằng Giang, Đông Khê, Lê Lợi, Gia Viên, Cầu Đất, Lương Khánh Thiện, Lạc Viên, Máy Tơ, Cầu Tre, Vạn Mỹ, Máy Chai;

- Quận Lê Chân và các phường thuộc quận Lê Chân: Trại Cau, Hồ Nam, Hàng Kênh, Đông Hải, An Biên, Dư Hàng, Vĩnh Niệm, Dư Hàng Kênh, Kênh Dương, Nghĩa Xá, Niệm Nghĩa, Cát Dài, Trần Nguyên Hãn, Lam Sơn, An Dương;

- Quận Kiến An và các phường thuộc quận Kiến An: Quán Trữ, Lãm Hà, Bắc Sơn, Ngọc Sơn, Trần Thành Ngọ, Đồng Hoà, Nam Sơn, Văn Đẩu, Phù Liễn, Tràng Minh;

- Quận Hải An và các phường thuộc quận Hải An: Cát Bi, Đằng Lâm, Thành Tô, Đằng Hải, Đông Hải 1, Đông Hải 2, Nam Hải, Tràng Cát;

- Quận Đồ Sơn và các phường thuộc quận Đồ Sơn: Ngọc Hải, Ngọc Xuyên, Vạn Hương, Vạn Sơn, Bàng La, Minh Đức, Hợp Đức;

- Quận Dương Kinh và các phường thuộc quận Dương Kinh: Đa Phúc, Anh Dũng, Hưng Đạo, Hải Thành, Hoà Nghĩa, Tân Thành.

4. Tỉnh Nam Định

9 huyện, bao gồm: Ý Yên, Vụ Bản, Mỹ Lộc, Nam Trực, Nghĩa Hưng, Trực Ninh, Xuân Trường, Hải Hậu, Giao Thủy;

20 phường, bao gồm: các phường thuộc thành phố Nam Định: Bà Triệu, Quang Trung, Trần Đăng Ninh, Năng Tĩnh, Phan Đình Phùng, Nguyễn Du, Trường Thi, Cửa Bắc, Vị Hoàng, Vị Xuyên, Văn Miếu, Ngô Quyền, Trần Tế Xương, Hạ Long, Trần Hưng Đạo, Lộc Vượng, Thống Nhất, Lộc Hạ, Cửa Nam, Trần Quang Khải.

5. Tỉnh Quảng Trị

7 huyện, bao gồm: Vĩnh Linh, Gio Linh, Cam Lộ, Đakrông, Hướng Hoá, Triệu Phong, Hải Lăng;

13 phường, bao gồm: các phường thuộc thị xã Đông Hà: 1, 2, 3, 4, 5, Đông Thanh, Đông Giang, Đông Lễ, Đông Lương; các phường thuộc thị xã Quảng Trị: 1, 2, 3, An Đôn.

6. Thành phố Đà Nẵng

1 huyện: Hoà Vang;

6 quận và 45 phường, bao gồm:

- Quận Hải Châu và các phường thuộc quận Hải Châu: Hoà Cường Nam, Hoà Cường Bắc, Hoà Thuận Đông, Hoà Thuận Tây, Bình Thuận, Bình Hiên, Nam Dương, Phước Ninh, Hải Châu 1, Hải Châu 2, Thạch Thang, Thanh Bình, Thuận Phước;
- Quận Thanh Khê và các phường thuộc quận

Thanh Khê: An Khê, Thanh Khê Tây, Xuân Hà, Tam Thuận, Chính Gián, Thạc Gián, Vĩnh Trung, Tân Chính, Hoà Khê, Thanh Khê Đông;

- Quận Liên Chiểu và các phường thuộc quận Liên Chiểu: Hoà Hiệp Nam, Hoà Hiệp Bắc, Hoà Khánh Nam, Hoà Khánh Bắc, Hoà Minh;

- Quận Sơn Trà và các phường thuộc quận Sơn Trà: An Hải Bắc, An Hải Đông, An Hải Tây, Mân Thái, Nại Hiên Đông, Phước Mỹ, Thọ Quang;

- Quận Ngũ Hành Sơn và các phường thuộc quận Ngũ Hành Sơn: Mỹ An, Khuê Mỹ, Hoà Hải, Hoà Quý;

- Quận Cẩm Lệ và các phường thuộc quận Cẩm Lệ: Hoà Thọ Đông, Hoà Thọ Tây, Hoà An, Hoà Phát, Hoà Xuân, Khuê Trung.

7. Tỉnh Phú Yên

7 huyện, bao gồm: Đông Hoà, Tây Hoà, Phú Hoà, Tuy An, Đồng Xuân, Sơn Hoà, Sông Hinh;

12 phường, bao gồm: các phường thuộc thành phố Tuy Hoà: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, Phú Lâm, Phú Thạnh, Phú Đông.

8. Thành phố Hồ Chí Minh

5 huyện, bao gồm: Bình Chánh, Cần Giuộc, Củ Chi, Hóc Môn, Nhà Bè;

19 quận và 259 phường, bao gồm:

- Quận 1 và các phường thuộc Quận 1: Tân

Định, Bến Nghé, Bến Thành, Đa Kao, Cô Giang, Cầu Kho, Nguyễn Thái Bình, Phạm Ngũ Lão, Nguyễn Cư Trinh, Cầu Ông Lãnh;

- Quận 2 và các phường thuộc Quận 2: An Phú, Thủ Thiêm, Bình Trưng Tây, Bình Trưng Đông, An Lợi Đông, An Khánh, Cát Lái, Thạnh Mỹ Lợi, Bình An, Thảo Điền, Bình Khánh;

- Quận 3 và các phường thuộc Quận 3: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14;

- Quận 4 và các phường thuộc Quận 4: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 8, 9, 10, 12, 13, 14, 15, 16, 18;

- Quận 5 và các phường thuộc Quận 5: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15;

- Quận 6 và các phường thuộc Quận 6: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14;

- Quận 7 và các phường thuộc Quận 7: Tân Thuận Tây, Tân Thuận Đông, Tân Quy, Tân Phong, Tân Phú, Tân Hưng, Bình Thuận, Phú Mỹ, Tân Kiểng, Phú Thuận;

- Quận 8 và các phường thuộc Quận 8: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16;

- Quận 9 và các phường thuộc Quận 9: Long Bình, Hiệp Phú, Trường Thạnh, Long Trường, Tăng Nhơn Phú A, Tăng Nhơn Phú B, Phước Long A, Phước Long B, Phước Bình, Phú Hữu, Tân Phú, Long Thạnh Mỹ, Long Phước;

- Quận 10 và các phường thuộc Quận 10: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15;

- Quận 11 và các phường thuộc Quận 11: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16;

- Quận 12 và các phường thuộc Quận 12: Thanh Lộc, An Phú Đông, Tân Thới Hiệp, Tân Hưng Thuận, Đông Hưng Thuận, Tân Thới Nhất, Tân Chánh Hiệp, Thạnh Xuân, Hiệp Thành, Trung Mỹ Tây, Thới An;

- Quận Bình Tân và các phường thuộc quận Bình Tân: Bình Hưng Hoà, Bình Hưng Hoà A, Bình Hưng Hoà B, Bình Trị Đông, Bình Trị Đông A, Bình Trị Đông B, Tân Tạo, Tân Tạo A, An Lạc, An Lạc A;

+ Quận Bình Thạnh và các phường thuộc Quận Bình Thạnh: 1, 2, 3, 5, 6, 7, 11, 12, 13, 14, 15, 17, 19, 21, 22, 24, 25, 26, 27, 28;

+ Quận Gò Vấp và các phường thuộc quận Gò Vấp: 1, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17;

+ Quận Phú Nhuận và các phường thuộc quận Phú Nhuận: 1, 2, 3, 4, 5, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 17;

+ Quận Tân Bình và các phường thuộc quận Tân Bình: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15;

+ Quận Tân Phú và các phường thuộc Quận Tân Phú: Tân Sơn Nhì, Tân Thạnh, Sơn Kỳ, Tân Quý, Tân Thành, Phú Thọ Hoà, Phú Thạnh, Phú Trung, Hoà Thạnh, Hiệp Tân, Tân Thới Hoà;

+ Quận Thủ Đức và các phường thuộc quận Thủ Đức: Trường Thọ, Linh Trung, Bình Chiểu, Hiệp Bình Chánh, Hiệp Bình Phước, Bình Thọ, Tam Bình, Tam Phú, Linh Đông, Linh Chiểu, Linh Tây, Linh Xuân.

9. Tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu

5 huyện, bao gồm: Long Điền, Đất Đỏ, Tân Thành, Xuyên Mộc, Châu Đức;

24 phường, bao gồm: các phường thuộc thành phố Vũng Tàu: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, Thắng Nhất, Thắng Tam, Rạch Dừa, Nguyễn An Ninh; các phường thuộc thị xã Bà Rịa: Kim Dinh, Long Hương, Phước Hưng, Phước Hiệp, Phước Trung, Phước Nguyên, Long Toàn, Long Tâm.

10. Tỉnh Kiên Giang

11 huyện, bao gồm: An Minh, Châu Thành, Vĩnh Thuận, Gò Quao, Giồng Riềng, Kiên Hải, Phú Quốc, Tân Hiệp, Hòn Đất, An Biên, U Minh Thượng;

15 phường, bao gồm: các phường thuộc thành phố Rạch Giá: Vĩnh Quang, Vĩnh Thanh Vân, Vĩnh Lợi, Vĩnh Hiệp, Vĩnh Thông, An Bình, Vĩnh Lạc, Rạch Sỏi, Vĩnh Bảo, An Hoà, Vĩnh Thanh; các phường thuộc thị xã Hà Tiên: Đông Hồ, Bình San, Tô Châu, Pháo Đài.

B. ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ

I- NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ

1. Ủy ban nhân dân xã, thị trấn

a) Lĩnh vực kinh tế

1- Trong lĩnh vực kinh tế, ủy ban nhân dân xã,

thị trấn thực hiện những nhiệm vụ, quyền hạn sau:

- Xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm trình hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua để trình uỷ ban nhân dân huyện phê duyệt; tổ chức thực hiện kế hoạch đó;

- Lập dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; dự toán thu, chi ngân sách địa phương và phương án phân bổ dự toán ngân sách cấp mình; dự toán điều chỉnh ngân sách địa phương trong trường hợp cần thiết và lập quyết toán ngân sách địa phương trình hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định và báo cáo uỷ ban nhân dân, cơ quan tài chính cấp trên trực tiếp;

- Tổ chức thực hiện ngân sách địa phương, phối hợp với các cơ quan nhà nước cấp trên trong việc quản lý ngân sách nhà nước trên địa bàn xã, thị trấn và báo cáo về ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật;

- Quản lý và sử dụng hợp lý, có hiệu quả quỹ đất được để lại phục vụ các nhu cầu công ích ở địa phương; xây dựng và quản lý các công trình công cộng, đường giao thông, trụ sở, trường học, trạm y tế, công trình điện, nước theo quy định của pháp luật;

- Huy động sự đóng góp của các tổ chức, cá nhân để đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng của xã, thị trấn trên nguyên tắc dân chủ, tự nguyện. Việc quản lý các khoản đóng góp này phải công khai, có kiểm tra, kiểm soát và bảo đảm

sử dụng đúng mục đích, đúng chế độ theo quy định của pháp luật.

Trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, thủy lợi và tiểu thủ công nghiệp, ủy ban nhân dân xã, thị trấn thực hiện những nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

- Tổ chức và hướng dẫn việc thực hiện các chương trình, kế hoạch, đề án khuyến khích phát triển và ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ để phát triển sản xuất và hướng dẫn nông dân chuyển đổi cơ cấu kinh tế, cây trồng, vật nuôi trong sản xuất theo quy hoạch, kế hoạch chung và phòng trừ các bệnh dịch đối với cây trồng và vật nuôi;

- Tổ chức việc xây dựng các công trình thủy lợi nhỏ; thực hiện việc tu bổ, bảo vệ đê điều, bảo vệ rừng; phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai, bão lụt; ngăn chặn kịp thời những hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ đê điều, bảo vệ rừng tại địa phương;

- Quản lý, kiểm tra, bảo vệ việc sử dụng nguồn nước trên địa bàn theo quy định của pháp luật;

- Tổ chức, hướng dẫn việc khai thác và phát triển các ngành, nghề truyền thống ở địa phương và tổ chức ứng dụng tiến bộ về khoa học, công nghệ để phát triển các ngành, nghề mới.

2- Trong lĩnh vực xây dựng, giao thông vận tải, ủy ban nhân dân xã, thị trấn thực hiện những nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

- Tổ chức thực hiện việc xây dựng, tu sửa đường giao thông trong xã theo phân cấp;

- Quản lý việc xây dựng, cấp giấy phép xây dựng nhà ở riêng lẻ trong điểm dân cư nông thôn theo quy định của pháp luật, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về xây dựng và xử lý vi phạm pháp luật theo thẩm quyền do pháp luật quy định;

- Tổ chức việc bảo vệ, kiểm tra, xử lý các hành vi xâm phạm đường giao thông và các công trình cơ sở hạ tầng khác ở địa phương theo quy định của pháp luật;

- Huy động sự đóng góp tự nguyện của nhân dân để xây dựng đường giao thông, cầu, cống trong xã theo quy định của pháp luật.

b) Lĩnh vực văn hóa - xã hội

Trong lĩnh vực giáo dục, y tế, xã hội, văn hoá và thể dục, thể thao, uỷ ban nhân dân xã, thị trấn thực hiện những nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

- Thực hiện kế hoạch phát triển sự nghiệp giáo dục ở địa phương; phối hợp với trường học huy động trẻ em vào lớp một đúng độ tuổi; tổ chức thực hiện các lớp bổ túc văn hoá, thực hiện xóa mù chữ cho những người trong độ tuổi;

- Tổ chức xây dựng và quản lý, kiểm tra hoạt động của nhà trẻ, lớp mẫu giáo, trường mầm non ở địa phương; phối hợp với uỷ ban nhân dân cấp trên quản lý trường tiểu học, trường trung học cơ sở trên địa bàn;

- Tổ chức thực hiện các chương trình y tế cơ

sở, dân số, kế hoạch hoá gia đình được giao; vận động nhân dân giữ gìn vệ sinh; phòng, chống các dịch bệnh;

- Xây dựng phong trào và tổ chức các hoạt động văn hoá, thể dục, thể thao; tổ chức các lễ hội cổ truyền, bảo vệ và phát huy giá trị của các di tích lịch sử - văn hoá và danh lam thắng cảnh ở địa phương theo quy định của pháp luật;

- Thực hiện chính sách, chế độ đối với thương binh, bệnh binh, gia đình liệt sĩ, những người và gia đình có công với nước theo quy định của pháp luật;

- Tổ chức các hoạt động từ thiện, nhân đạo; vận động nhân dân giúp đỡ các gia đình khó khăn, người già cô đơn, người tàn tật, trẻ mồ côi không nơi nương tựa; tổ chức các hình thức nuôi dưỡng, chăm sóc các đối tượng chính sách ở địa phương theo quy định của pháp luật;

- Quản lý, bảo vệ, tu bổ nghĩa trang liệt sĩ; quy hoạch, quản lý nghĩa địa ở địa phương.

c) Lĩnh vực an ninh, quốc phòng, xây dựng chính quyền

Trong lĩnh vực an ninh, quốc phòng, xây dựng chính quyền, uỷ ban nhân dân xã, thị trấn thực hiện những nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

- Tổ chức tuyên truyền, giáo dục, xây dựng quốc phòng toàn dân, xây dựng làng, xã chiến đấu trong khu vực phòng thủ địa phương;

- Thực hiện công tác nghĩa vụ quân sự và

tuyển quân theo kế hoạch; đăng ký, quản lý quân nhân dự bị động viên; tổ chức thực hiện việc xây dựng, huấn luyện, sử dụng lực lượng dân quân, tự vệ ở địa phương;

- Thực hiện các biện pháp bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội; xây dựng phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc vững mạnh; thực hiện biện pháp phòng ngừa và chống tội phạm, các tệ nạn xã hội và các hành vi vi phạm pháp luật khác ở địa phương;

- Quản lý hộ khẩu; tổ chức việc đăng ký tạm trú, quản lý việc đi lại của người nước ngoài ở địa phương.

- Tổ chức, hướng dẫn và bảo đảm thực hiện chính sách dân tộc, chính sách tôn giáo; quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân ở địa phương theo quy định của pháp luật.

- Tổ chức tuyên truyền, giáo dục pháp luật; giải quyết các vi phạm pháp luật và tranh chấp nhỏ trong nhân dân theo quy định của pháp luật;

- Tổ chức tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và kiến nghị của công dân theo thẩm quyền;

- Tổ chức thực hiện hoặc phối hợp với các cơ quan chức năng trong việc thi hành án theo quy định của pháp luật; tổ chức thực hiện các quyết định về xử lý vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

2. Ủy ban nhân dân phường

Ủy ban nhân dân phường thực hiện những nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại các điều 111,

112, 113, 114, 115, 116 và 117 của *Luật tổ chức hội đồng nhân dân và uỷ ban nhân dân* và thực hiện những nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

- Tổ chức thực hiện các nghị quyết của hội đồng nhân dân phường về việc bảo đảm thực hiện thống nhất kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch đô thị, xây dựng nếp sống văn minh đô thị, phòng, chống các tệ nạn xã hội, giữ gìn trật tự vệ sinh, sạch đẹp khu phố, lòng đường, lề đường, trật tự công cộng và cảnh quan đô thị; quản lý dân cư đô thị trên địa bàn;

- Thanh tra việc sử dụng đất đai của tổ chức, cá nhân trên địa bàn phường theo quy định của pháp luật;

- Quản lý và bảo vệ cơ sở hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn phường theo phân cấp; ngăn chặn, xử lý các hành vi vi phạm đối với các cơ sở hạ tầng kỹ thuật theo quy định của pháp luật;

- Kiểm tra giấy phép xây dựng của tổ chức, cá nhân trên địa bàn phường; lập biên bản, đình chỉ những công trình xây dựng, sửa chữa, cải tạo không có giấy phép, trái với quy định của giấy phép và báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, quyết định.

II- TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA UỶ BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ

Uỷ ban nhân dân do hội đồng nhân dân cùng

cấp bầu ra, gồm có: chủ tịch, phó chủ tịch và uỷ viên. Chủ tịch uỷ ban nhân dân là đại biểu hội đồng nhân dân. Các thành viên khác của uỷ ban nhân dân không nhất thiết phải là đại biểu hội đồng nhân dân.

Kết quả bầu các thành viên của uỷ ban nhân dân phải được chủ tịch uỷ ban nhân dân cấp trên trực tiếp phê chuẩn. Trong nhiệm kỳ nếu khuyết chủ tịch uỷ ban nhân dân thì chủ tịch hội đồng nhân dân cùng cấp giới thiệu người ứng cử chủ tịch uỷ ban nhân dân để hội đồng nhân dân bầu. Người được bầu giữ chức vụ chủ tịch uỷ ban nhân dân trong nhiệm kỳ không nhất thiết là đại biểu hội đồng nhân dân.

Uỷ ban nhân dân chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước hội đồng nhân dân cùng cấp và uỷ ban nhân dân cấp trên trực tiếp. Uỷ ban nhân dân cấp xã có từ ba đến năm thành viên. Uỷ ban nhân dân mỗi tháng họp ít nhất một lần. Các quyết định của uỷ ban nhân dân phải được quá nửa tổng số thành viên uỷ ban nhân dân biểu quyết tán thành. Uỷ ban nhân dân cấp xã thảo luận tập thể và quyết định theo đa số các vấn đề sau đây:

- Chương trình làm việc của uỷ ban nhân dân;
- Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách, quyết toán ngân sách hằng năm và quỹ dự trữ của địa phương trình hội đồng nhân dân quyết định;
- Kế hoạch đầu tư, xây dựng các công trình

trọng điểm ở địa phương trình hội đồng nhân dân quyết định;

- Kế hoạch huy động nhân lực, tài chính để giải quyết các vấn đề cấp bách của địa phương trình hội đồng nhân dân quyết định;

- Các biện pháp thực hiện nghị quyết của hội đồng nhân dân về kinh tế - xã hội; thông qua báo cáo của uỷ ban nhân dân trước khi trình hội đồng nhân dân;

- Đề án thành lập mới, nhập, chia, điều chỉnh địa giới hành chính ở địa phương.

Chủ tịch Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và người đứng đầu các đoàn thể nhân dân ở địa phương được mời dự các phiên họp của uỷ ban nhân dân cùng cấp khi bàn các vấn đề có liên quan. Uỷ ban nhân dân tạo điều kiện thuận lợi để Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân tổ chức, động viên nhân dân tham gia xây dựng và củng cố chính quyền nhân dân; tổ chức, thực hiện các chính sách, pháp luật của Nhà nước, giám sát các hoạt động của cơ quan nhà nước, cán bộ, công chức.

Uỷ ban nhân dân thực hiện chế độ thông báo tình hình mọi mặt của địa phương cho Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân. Uỷ ban nhân dân và các thành viên của uỷ ban nhân dân có trách nhiệm giải quyết và trả lời các kiến nghị của Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân.

Chủ tịch uỷ ban nhân dân có những nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

- Lãnh đạo công tác của uỷ ban nhân dân, các thành viên của uỷ ban nhân dân, các cơ quan chuyên môn thuộc uỷ ban nhân dân:

- + Đôn đốc, kiểm tra công tác của các cơ quan chuyên môn thuộc uỷ ban nhân dân cấp mình trong việc thực hiện Hiến pháp, luật, các văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của hội đồng nhân dân và quyết định, chỉ thị của uỷ ban nhân dân cùng cấp;

- + Quyết định các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của uỷ ban nhân dân cấp mình, trừ các vấn đề quy định tại Điều 124 của *Luật tổ chức hội đồng nhân dân và uỷ ban nhân dân*;

- + Áp dụng các biện pháp nhằm cải tiến lề lối làm việc; quản lý và điều hành bộ máy hành chính hoạt động có hiệu quả; ngăn ngừa và đấu tranh chống các biểu hiện quan liêu, vô trách nhiệm, hách dịch, cửa quyền, tham nhũng, lãng phí và các biểu hiện tiêu cực khác của cán bộ, công chức và trong bộ máy chính quyền địa phương;

- + Tổ chức việc tiếp dân, xét và giải quyết kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của nhân dân theo quy định của pháp luật.

- Triệu tập và chủ tọa các phiên họp của uỷ ban nhân dân;

- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, cách chức,

khen thưởng, kỷ luật cán bộ, công chức nhà nước theo sự phân cấp quản lý;

- Đình chỉ việc thi hành hoặc bãi bỏ những văn bản trái pháp luật của cơ quan chuyên môn thuộc uỷ ban nhân dân cấp mình;

- Chỉ đạo và áp dụng các biện pháp để giải quyết các công việc đột xuất, khẩn cấp trong phòng, chống thiên tai, cháy, nổ, dịch bệnh, an ninh, trật tự và báo cáo uỷ ban nhân dân trong phiên họp gần nhất;

- Ra quyết định, chỉ thị để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

III- SỐ LƯỢNG, CƠ CẤU THÀNH VIÊN UỶ BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ

Nghị định số 107/2004/NĐ-CP ngày 1-4-2004 của Chính phủ quy định số lượng phó chủ tịch và cơ cấu thành viên uỷ ban nhân dân các cấp quy định (Điều 11):

1- Uỷ ban nhân dân xã miền núi, hải đảo có dân số từ 5.000 người trở lên; xã đồng bằng, trung du có dân số từ 8.000 người trở lên và xã biên giới, có 5 thành viên gồm có 1 chủ tịch, 2 phó chủ tịch, 2 uỷ viên. Thành viên uỷ ban nhân dân được phân công phụ trách các lĩnh vực công việc như sau :

- Chủ tịch phụ trách chung, khối nội chính, quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của xã.

- Các phó chủ tịch uỷ ban nhân dân:
 - + Một phó chủ tịch phụ trách khối kinh tế - tài chính, xây dựng, giao thông, nhà đất và tài nguyên - môi trường.

- + Một phó chủ tịch phụ trách khối văn hoá - xã hội và các lĩnh vực xã hội khác.

- Các uỷ viên uỷ ban nhân dân:

- + Một uỷ viên phụ trách công an.

- + Một uỷ viên phụ trách quân sự.

2- Uỷ ban nhân dân xã không thuộc diện quy định tại Điều 11 nghị định này có 3 thành viên gồm có 1 chủ tịch, 1 phó chủ tịch và 1 uỷ viên. Căn cứ vào những lĩnh vực công việc được quy định tại Điều 11 nghị định này, chủ tịch uỷ ban nhân dân xã phân công các thành viên phụ trách cho phù hợp với địa phương.

Trong nhiệm kỳ hội đồng nhân dân xã có thể ấn định thêm số lượng thành viên uỷ ban nhân dân cấp mình nhưng tổng số không vượt quá 5 thành viên và phải được chủ tịch uỷ ban nhân dân cấp trên trực tiếp phê chuẩn.

3- Uỷ ban nhân dân phường, thị trấn có 5 thành viên gồm có 1 chủ tịch, 2 phó chủ tịch, 2 uỷ viên. Thành viên uỷ ban nhân dân được phân công phụ trách các lĩnh vực công việc như sau:

- Chủ tịch phụ trách chung, khối nội chính, quản lý công tác quy hoạch đô thị.

- Các phó chủ tịch uỷ ban nhân dân:

- + Một phó chủ tịch phụ trách khối kinh tế - tài

chính, xây dựng cơ sở hạ tầng, khoa học - công nghệ, nhà đất và tài nguyên - môi trường.

+ Một phó chủ tịch phụ trách khối văn hoá - xã hội và các lĩnh vực xã hội khác.

- Các ủy viên uỷ ban nhân dân :

+ Một ủy viên phụ trách công an.

+ Một ủy viên phụ trách quân sự.

IV- QUY CHẾ LÀM VIỆC CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ

Quy chế làm việc mẫu của uỷ ban nhân dân cấp xã ban hành kèm theo Quyết định số 77/2006/QĐ-TTg, ngày 13-4-2006 của Thủ tướng Chính phủ quy định:

1. Nguyên tắc làm việc của uỷ ban nhân dân cấp xã

- Uỷ ban nhân dân xã làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ, phát huy vai trò tập thể, đề cao trách nhiệm cá nhân và tinh thần chủ động, sáng tạo của chủ tịch, phó chủ tịch, ủy viên uỷ ban nhân dân. Mỗi việc chỉ được giao một người phụ trách và chịu trách nhiệm chính. Mỗi thành viên uỷ ban nhân dân xã chịu trách nhiệm cá nhân về lĩnh vực được phân công.

- Chấp hành sự chỉ đạo, điều hành của cơ quan nhà nước cấp trên, sự lãnh đạo của đảng uỷ, sự giám sát của hội đồng nhân dân xã; phối hợp

chặt chẽ giữa uỷ ban nhân dân xã với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân cùng cấp trong quá trình triển khai thực hiện mọi nhiệm vụ.

- Giải quyết các công việc của công dân và tổ chức theo đúng pháp luật, đúng thẩm quyền và phạm vi trách nhiệm; bảo đảm công khai, minh bạch, kịp thời và hiệu quả; theo đúng trình tự, thủ tục, thời hạn quy định và chương trình, kế hoạch công tác của uỷ ban nhân dân xã.

- Cán bộ, công chức cấp xã phải sâu sát cơ sở, lắng nghe mọi ý kiến đóng góp của nhân dân, có ý thức học tập để nâng cao trình độ, từng bước đưa hoạt động của uỷ ban nhân dân xã ngày càng chính quy, hiện đại, vì mục tiêu xây dựng chính quyền cơ sở vững mạnh, nâng cao đời sống nhân dân.

2. Trách nhiệm, phạm vi giải quyết công việc

Uỷ ban nhân dân xã thảo luận tập thể, quyết định theo đa số các vấn đề được quy định tại Điều 124 *Luật tổ chức hội đồng nhân dân và uỷ ban nhân dân năm 2003* và những vấn đề quan trọng khác mà pháp luật quy định thuộc thẩm quyền của uỷ ban nhân dân xã.

Cách thức giải quyết công việc của uỷ ban nhân dân xã:

- Uỷ ban nhân dân xã họp, thảo luận tập thể và quyết định theo đa số các vấn đề quy định tại

khoản 1 điều này tại phiên họp uỷ ban nhân dân;

- Đối với các vấn đề cần giải quyết gấp nhưng không tổ chức họp uỷ ban nhân dân được, theo quyết định của chủ tịch uỷ ban nhân dân, văn phòng uỷ ban nhân dân xã gửi toàn bộ hồ sơ của vấn đề cần xử lý đến các thành viên uỷ ban nhân dân để lấy ý kiến. Nếu quá nửa tổng số thành viên uỷ ban nhân dân xã nhất trí thì văn phòng uỷ ban nhân dân xã tổng hợp, trình chủ tịch uỷ ban nhân dân quyết định và báo cáo uỷ ban nhân dân xã tại phiên họp gần nhất.

Trách nhiệm, phạm vi giải quyết công việc của các thành viên uỷ ban nhân dân xã:

1- Trách nhiệm chung

- Tích cực, chủ động tham gia các công việc chung của uỷ ban nhân dân xã; tham dự đầy đủ các phiên họp của uỷ ban nhân dân, cùng tập thể quyết định các vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn của uỷ ban nhân dân; tổ chức chỉ đạo thực hiện chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước; kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; tăng cường kiểm tra, đôn đốc cán bộ, công chức cấp xã, trưởng thôn, tổ trưởng dân phố hoàn thành các nhiệm vụ; thường xuyên học tập, nâng cao trình độ, nghiên cứu đề xuất với cấp có thẩm quyền về chủ trương, chính sách đang thi hành tại cơ sở;

- Không được nói và làm trái các nghị quyết của hội đồng nhân dân, quyết định, chỉ thị của uỷ

ban nhân dân xã và văn bản chỉ đạo của cơ quan nhà nước cấp trên. Trường hợp có ý kiến khác thì vẫn phải chấp hành, nhưng được trình bày ý kiến đó với hội đồng nhân dân, uỷ ban nhân dân, chủ tịch uỷ ban nhân dân xã.

2- Trách nhiệm, phạm vi giải quyết công việc của chủ tịch uỷ ban nhân dân xã

- Chủ tịch uỷ ban nhân dân xã là người đứng đầu uỷ ban nhân dân, lãnh đạo và điều hành mọi công việc của uỷ ban nhân dân, chịu trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định tại Điều 127 *Luật tổ chức hội đồng nhân dân và uỷ ban nhân dân năm 2003*; đồng thời, cùng uỷ ban nhân dân xã chịu trách nhiệm tập thể về hoạt động của uỷ ban nhân dân trước đảng uỷ, hội đồng nhân dân xã và uỷ ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là uỷ ban nhân dân huyện);

- Chủ tịch uỷ ban nhân dân xã triệu tập, chủ trì các phiên họp và các hội nghị khác của uỷ ban nhân dân, khi vắng mặt thì uỷ quyền cho phó chủ tịch chủ trì thay; bảo đảm việc chấp hành pháp luật, các văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của đảng uỷ và hội đồng nhân dân xã;

- Căn cứ vào các văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của đảng uỷ, hội đồng nhân dân xã và tình hình thực tiễn của địa phương, xây dựng chương trình công tác năm, quý, tháng của uỷ ban nhân dân xã;

- Tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch công tác; phân công nhiệm vụ, đôn đốc, kiểm tra các thành viên uỷ ban nhân dân xã và các cán bộ, công chức khác thuộc uỷ ban nhân dân xã, trưởng thôn, tổ trưởng dân phố trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao;

- Quyết định những vấn đề quan trọng, liên quan đến nhiều nội dung công việc, những vấn đề đột xuất, phức tạp trên địa bàn; những vấn đề còn có ý kiến khác nhau hoặc vượt quá thẩm quyền của phó chủ tịch và uỷ viên uỷ ban nhân dân xã;

- Ký ban hành các văn bản thuộc thẩm quyền uỷ ban nhân dân xã và thẩm quyền chủ tịch uỷ ban nhân dân theo quy định của pháp luật;

- Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội của xã, hoạt động của uỷ ban nhân dân với đảng uỷ, hội đồng nhân dân xã và uỷ ban nhân dân huyện;

+ Thường xuyên trao đổi công tác với bí thư đảng uỷ, chủ tịch hội đồng nhân dân, chủ tịch Mặt trận Tổ quốc và người đứng đầu các đoàn thể nhân dân cấp xã; phối hợp thực hiện các nhiệm vụ công tác; nghiên cứu, tiếp thu về các đề xuất của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân đối với công tác của uỷ ban nhân dân; tạo điều kiện để các đoàn thể hoạt động có hiệu quả;

- Tổ chức việc tiếp dân, xem xét giải quyết các khiếu nại, tố cáo và kiến nghị của nhân dân theo quy định của pháp luật.

3- Trách nhiệm, phạm vi giải quyết công việc của phó chủ tịch uỷ ban nhân dân xã

- Trực tiếp chỉ đạo các lĩnh vực và địa bàn công tác do chủ tịch phân công; chủ động xây dựng chương trình, kế hoạch triển khai các công việc theo lĩnh vực được phân công trên địa bàn. Phó chủ tịch được sử dụng quyền hạn của chủ tịch khi giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực được giao;

- Chịu trách nhiệm cá nhân trước chủ tịch, trước uỷ ban nhân dân và hội đồng nhân dân xã về lĩnh vực được giao, về những quyết định chỉ đạo, điều hành của mình; cùng chủ tịch và các thành viên khác của uỷ ban nhân dân chịu trách nhiệm tập thể về toàn bộ hoạt động của uỷ ban nhân dân trước đảng uỷ, hội đồng nhân dân xã và uỷ ban nhân dân huyện. Đối với những vấn đề vượt quá phạm vi thẩm quyền thì phó chủ tịch phải báo cáo chủ tịch quyết định;

- Khi giải quyết công việc, nếu có vấn đề liên quan đến phạm vi và trách nhiệm giải quyết công việc của thành viên khác của uỷ ban nhân dân thì chủ động trao đổi, phối hợp với thành viên đó để thống nhất cách giải quyết; nếu vẫn còn có ý kiến khác nhau thì báo cáo chủ tịch quyết định;

- Kiểm tra, đôn đốc cán bộ, công chức, các thôn và tổ dân phố thực hiện các chủ trương, chính sách và pháp luật thuộc lĩnh vực được giao.

4- Trách nhiệm, phạm vi giải quyết công việc của uỷ viên uỷ ban nhân dân xã

- Uỷ viên uỷ ban nhân dân xã chịu trách

nhiệm về nhiệm vụ được phân công trước chủ tịch uỷ ban nhân dân và uỷ ban nhân dân xã; cùng chủ tịch và phó chủ tịch chịu trách nhiệm tập thể về hoạt động của uỷ ban nhân dân trước hội đồng nhân dân xã và uỷ ban nhân dân huyện; nắm tình hình, báo cáo kịp thời với chủ tịch uỷ ban nhân dân xã về lĩnh vực công tác của mình và các công việc khác có liên quan;

- Trực tiếp chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc công việc thuộc lĩnh vực được phân công trên địa bàn; chủ động đề ra các biện pháp để hoàn thành tốt công việc đó;

- Phối hợp công tác với các thành viên khác của uỷ ban nhân dân, các cán bộ, công chức có liên quan và giữ mối liên hệ chặt chẽ với cơ quan chuyên môn của uỷ ban nhân dân huyện (sau đây gọi chung là cơ quan chuyên môn cấp huyện) để thực hiện tốt nhiệm vụ của mình;

- Thực hiện các nhiệm vụ khác do chủ tịch uỷ ban nhân dân giao.

5- Trách nhiệm, phạm vi giải quyết công việc của công chức cấp xã

Ngoài việc thực hiện các quy định tại Nghị định số 114/2003/NĐ-CP ngày 10-10-2003 của Chính phủ, công chức cấp xã còn có trách nhiệm:

- Giúp uỷ ban nhân dân và chủ tịch uỷ ban nhân dân thực hiện chức năng quản lý nhà nước ở cấp xã, bảo đảm sự thống nhất quản lý theo lĩnh vực chuyên môn; chịu trách nhiệm trước chủ tịch

ủy ban nhân dân xã và cơ quan chuyên môn cấp huyện về lĩnh vực được phân công.

- Nêu cao tinh thần trách nhiệm, chủ động giải quyết công việc được giao, sâu sát cơ sở, tận tụy phục vụ nhân dân, không gây khó khăn, phiền hà cho dân. Nếu vấn đề giải quyết vượt quá thẩm quyền, phải kịp thời báo cáo chủ tịch hoặc phó chủ tịch phụ trách để xin ý kiến.

- Tuân thủ quy chế làm việc của ủy ban nhân dân xã, chấp hành sự phân công công tác của chủ tịch ủy ban nhân dân; giải quyết kịp thời công việc theo đúng chức năng, nhiệm vụ được giao, không để tồn đọng, ùn tắc; chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật và nội quy cơ quan.

- Không chuyển công việc thuộc phạm vi trách nhiệm cá nhân lên chủ tịch, phó chủ tịch hoặc tự ý chuyển cho cán bộ, công chức khác; không tự ý giải quyết các công việc thuộc trách nhiệm của cán bộ, công chức khác; trong trường hợp nội dung công việc có liên quan đến cán bộ, công chức khác thì phải chủ động phối hợp và kịp thời báo cáo chủ tịch, phó chủ tịch xử lý.

- Chịu trách nhiệm bảo quản, giữ gìn hồ sơ, tài liệu liên quan đến công tác chuyên môn; tổ chức sắp xếp, lưu trữ tài liệu có hệ thống phục vụ cho công tác lâu dài của ủy ban nhân dân xã; thực hiện chế độ báo cáo bảo đảm kịp thời, chính xác tình hình về lĩnh vực công việc mình phụ trách theo quy định của chủ tịch ủy ban nhân dân xã.

6- Trách nhiệm, phạm vi giải quyết công việc của cán bộ không chuyên trách cấp xã, trưởng thôn và tổ trưởng dân phố

- Cán bộ không chuyên trách cấp xã chịu trách nhiệm trước ủy ban nhân dân và chủ tịch ủy ban nhân dân xã về nhiệm vụ chuyên môn được chủ tịch phân công, thực hiện các nhiệm vụ được quy định tại Điều 5 quy chế này.

- Trưởng thôn, tổ trưởng dân phố chịu trách nhiệm trước chủ tịch ủy ban nhân dân xã về mọi mặt hoạt động của thôn, tổ dân phố; tổ chức thực hiện mọi nhiệm vụ công tác trên địa bàn; thường xuyên báo cáo tình hình công việc với chủ tịch, phó chủ tịch phụ trách; đề xuất giải quyết kịp thời những kiến nghị của công dân, tổ chức và các thôn, tổ dân phố.

3. Quan hệ công tác của ủy ban nhân dân xã

Ủy ban nhân dân xã và chủ tịch ủy ban nhân dân xã chịu sự chỉ đạo của ủy ban nhân dân huyện, chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước ủy ban nhân dân huyện. Trong chỉ đạo điều hành, khi gặp những vấn đề vượt quá thẩm quyền hoặc chưa được pháp luật quy định, ủy ban nhân dân xã phải báo cáo kịp thời để xin ý kiến chỉ đạo của ủy ban nhân dân huyện; thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo tình hình với ủy ban nhân dân huyện

và cơ quan chuyên môn cấp huyện theo quy định hiện hành về chế độ thông tin báo cáo.

Ủy ban nhân dân xã chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc về chuyên môn, nghiệp vụ của cơ quan chuyên môn cấp huyện trong thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trên địa bàn xã; có trách nhiệm phối hợp với cơ quan chuyên môn cấp huyện trong đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ, công chức cấp xã, từng bước nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã.

Ủy ban nhân dân xã bố trí cán bộ, công chức đủ năng lực đáp ứng yêu cầu theo dõi các lĩnh vực công tác theo hướng dẫn nghiệp vụ của cấp trên, giữ mối liên hệ chặt chẽ với cơ quan chuyên môn cấp huyện, tuân thủ sự chỉ đạo thống nhất của cơ quan chuyên môn cấp trên.

1- Quan hệ với đảng ủy xã

- Ủy ban nhân dân xã chịu sự lãnh đạo của đảng ủy xã trong việc thực hiện nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước và các văn bản chỉ đạo của cơ quan nhà nước cấp trên;

- Ủy ban nhân dân xã chủ động đề xuất với Đảng ủy phương hướng, nhiệm vụ cụ thể về phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh, trật tự an toàn xã hội, nâng cao đời sống nhân dân và những vấn đề quan trọng khác ở địa phương; có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng để giới thiệu với đảng ủy những cán bộ, đảng viên có

phẩm chất, năng lực đảm nhiệm các chức vụ công tác chính quyền.

2- Quan hệ với hội đồng nhân dân xã

- Ủy ban nhân dân xã chịu sự giám sát của hội đồng nhân dân xã; chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện nghị quyết của hội đồng nhân dân, báo cáo trước hội đồng nhân dân xã; phối hợp với thường trực hội đồng nhân dân chuẩn bị nội dung các kỳ họp của hội đồng nhân dân xã, xây dựng các đề án trình hội đồng nhân dân xã xem xét, quyết định; cung cấp thông tin về hoạt động của ủy ban nhân dân xã, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của các đại biểu hội đồng nhân dân xã;

- Các thành viên ủy ban nhân dân xã có trách nhiệm trả lời các chất vấn của đại biểu hội đồng nhân dân; khi được yêu cầu, phải báo cáo giải trình về những vấn đề có liên quan đến công việc do mình phụ trách;

- Chủ tịch ủy ban nhân dân xã thường xuyên trao đổi, làm việc với thường trực hội đồng nhân dân xã để nắm tình hình, thu thập ý kiến của cử tri; cùng thường trực hội đồng nhân dân xã giải quyết những kiến nghị, nguyện vọng chính đáng của nhân dân.

3- Quan hệ với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân cấp xã

Ủy ban nhân dân xã phối hợp chặt chẽ với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân cấp xã

trong thực hiện các nhiệm vụ công tác, chăm lo đời sống và bảo vệ lợi ích của nhân dân; tạo điều kiện cho các tổ chức này hoạt động có hiệu quả; định kỳ 6 tháng một lần hoặc khi thấy cần thiết thông báo về tình hình phát triển kinh tế - xã hội địa phương và các hoạt động của uỷ ban nhân dân cho các tổ chức này biết để phối hợp, vận động, tổ chức các tầng lớp nhân dân chấp hành đúng đường lối, chính sách, pháp luật và thực hiện tốt nghĩa vụ công dân đối với Nhà nước.

4- Quan hệ giữa uỷ ban nhân dân xã với trưởng thôn và tổ trưởng dân phố

- Chủ tịch uỷ ban nhân dân xã phân công các thành viên uỷ ban nhân dân phụ trách, chỉ đạo, nắm tình hình các thôn và tổ dân phố. Hằng tháng, các thành viên uỷ ban nhân dân làm việc với trưởng thôn, tổ trưởng dân phố thuộc địa bàn được phân công phụ trách hoặc trực tiếp làm việc với thôn, tổ dân phố để nghe phản ánh tình hình, kiến nghị và giải quyết các khiếu nại của nhân dân theo quy định của pháp luật.

- Trưởng thôn, tổ trưởng dân phố phải thường xuyên liên hệ với hội đồng nhân dân, uỷ ban nhân dân xã để tổ chức quán triệt các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, các văn bản chỉ đạo điều hành của cơ quan nhà nước cấp trên và của hội đồng nhân dân, uỷ ban nhân dân xã để triển khai thực hiện; phát huy quyền làm chủ của nhân dân, thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở.

Trưởng thôn, tổ trưởng dân phố kịp thời báo cáo uỷ ban nhân dân và chủ tịch uỷ ban nhân dân xã về tình hình mọi mặt của thôn, tổ dân phố, đề xuất biện pháp giải quyết khi cần thiết, góp phần giữ gìn an ninh trật tự trên địa bàn.

4. Chế độ hội họp, giải quyết công việc

1- Uỷ ban nhân dân xã mỗi tháng họp ít nhất một lần, ngày họp cụ thể do chủ tịch quyết định

Thành phần tham dự phiên họp gồm có: chủ tịch, phó chủ tịch và các uỷ viên uỷ ban nhân dân xã. Chủ tịch uỷ ban nhân dân mời thường trực đảng uỷ, thường trực hội đồng nhân dân cùng tham dự. Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc, người đứng đầu các đoàn thể nhân dân, cán bộ không chuyên trách, công chức cấp xã và các trưởng thôn, tổ trưởng dân phố được mời tham dự khi bàn về các công việc có liên quan. Đại biểu mời tham dự được phát biểu ý kiến nhưng không có quyền biểu quyết.

2- Nội dung phiên họp của uỷ ban nhân dân xã thảo luận tập thể, quyết định theo đa số các vấn đề được quy định tại Điều 124 Luật tổ chức hội đồng nhân dân và uỷ ban nhân dân năm 2003 và những vấn đề quan trọng khác mà pháp luật quy định thuộc thẩm quyền của uỷ ban nhân dân xã.

3- Trình tự phiên họp

- Chủ tịch uỷ ban nhân dân chủ tọa phiên họp.

Khi chủ tịch vắng mặt, ủy quyền phó chủ tịch chủ tọa phiên họp;

- Văn phòng ủy ban nhân dân báo cáo số thành viên ủy ban nhân dân có mặt, vắng mặt, đại biểu được mời dự và chương trình phiên họp;

- Chủ đề án báo cáo tóm tắt đề án, những vấn đề còn có ý kiến khác nhau, những vấn đề cần thảo luận và xin ý kiến tại phiên họp;

- Các đại biểu dự họp phát biểu ý kiến;

- Chủ tọa phiên họp kết luận từng đề án và lấy biểu quyết. Đề án được thông qua nếu được quá nửa tổng số thành viên ủy ban nhân dân biểu quyết tán thành.

Trường hợp vấn đề thảo luận chưa được thông qua thì chủ tọa yêu cầu chuẩn bị thêm để trình lại vào phiên họp khác;

- Chủ tọa phát biểu ý kiến kết luận phiên họp.

4- Giao ban của chủ tịch và phó chủ tịch ủy ban nhân dân xã

- Hằng tuần, chủ tịch và các phó chủ tịch họp giao ban một lần theo quyết định của chủ tịch để kiểm điểm tình hình, thống nhất chỉ đạo các công tác; xử lý các vấn đề mới nảy sinh; những vấn đề cần báo cáo xin ý kiến của ủy ban nhân dân, hội đồng nhân dân xã, ủy ban nhân dân huyện; chuẩn bị nội dung các phiên họp của ủy ban nhân dân, các hội nghị, cuộc họp khác do ủy ban nhân dân xã chủ trì triển khai. Thường trực hội đồng nhân dân, Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc và người đứng

đầu các đoàn thể nhân dân cấp xã và cán bộ, công chức xã được mời tham dự khi bàn về các vấn đề có liên quan.

Trình tự giao ban:

- Văn phòng uỷ ban nhân dân xã báo cáo những công việc chính đã giải quyết tuần trước, những khó khăn, vướng mắc, tồn tại và các công việc cần xử lý; chương trình công tác trong tuần;

- Chủ tịch, phó chủ tịch thảo luận, quyết định một số vấn đề thuộc thẩm quyền và xử lý các nội dung công tác.

- Khi cần thiết, chủ tịch hoặc phó chủ tịch uỷ ban nhân dân xã triệu tập các trưởng thôn, tổ trưởng dân phố, một số cán bộ, công chức hợp để chỉ đạo, giải quyết các vấn đề theo yêu cầu nhiệm vụ.

- Sáu tháng một lần hoặc khi thấy cần thiết, uỷ ban nhân dân xã họp liên tịch với thường trực đảng uỷ, thường trực hội đồng nhân dân, chủ tịch Mặt trận Tổ quốc và người đứng đầu các đoàn thể nhân dân cấp xã, cán bộ không chuyên trách và công chức cấp xã, trưởng thôn, tổ trưởng dân phố để thông báo tình hình kinh tế - xã hội, kiểm điểm sự chỉ đạo, điều hành của uỷ ban nhân dân và triển khai nhiệm vụ công tác sắp tới.

- Các hội nghị chuyên đề, sơ kết, tổng kết công tác 6 tháng, cả năm của uỷ ban nhân dân xã về các nhiệm vụ công tác cụ thể được tổ chức theo hướng dẫn của cơ quan nhà nước cấp trên.

Hàng tuần, chủ tịch uỷ ban nhân dân xã bố trí ít nhất một buổi để tiếp dân, lịch tiếp dân phải được công bố công khai để nhân dân biết. Chủ tịch và các thành viên khác của uỷ ban nhân dân phải luôn có ý thức lắng nghe ý kiến phản ánh, giải quyết kịp thời hoặc hướng dẫn công dân thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

Uỷ ban nhân dân xã phối hợp với các đoàn thể có liên quan, chỉ đạo cán bộ, công chức tổ chức việc tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và kiến nghị của công dân theo thẩm quyền; không đùn đẩy trách nhiệm lên cấp trên. Những thủ tục hành chính liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của công dân phải được giải quyết nhanh chóng theo quy định của pháp luật. Đối với những vụ việc vượt quá thẩm quyền, phải hướng dẫn chu đáo, tỉ mỉ để công dân đến đúng cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận giải quyết.

Trưởng thôn, tổ trưởng dân phố có trách nhiệm nắm vững tình hình an ninh trật tự, những thắc mắc, mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân, chủ động giải quyết hoặc đề xuất với uỷ ban nhân dân xã kịp thời giải quyết, không để tồn đọng kéo dài.

Cán bộ, công chức phụ trách từng lĩnh vực công tác của uỷ ban nhân dân xã chịu trách nhiệm giúp chủ tịch uỷ ban nhân dân tiếp công dân; tiếp nhận, phân loại, chuyển kịp thời đến bộ phận, cơ quan có trách nhiệm giải quyết các đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân.

Ủy ban nhân dân xã có trách nhiệm:

- Thông báo kịp thời cho ban thanh tra nhân dân xã những chính sách, pháp luật liên quan đến tổ chức, hoạt động, nhiệm vụ của hội đồng nhân dân, uỷ ban nhân dân xã; các mục tiêu và nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội hàng năm của địa phương.

- Yêu cầu tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp đầy đủ và kịp thời các thông tin, tài liệu cần thiết cho ban thanh tra nhân dân xã.

- Xem xét, giải quyết kịp thời các kiến nghị của ban thanh tra nhân dân xã; xử lý nghiêm minh người có hành vi cản trở hoạt động của ban thanh tra nhân dân xã hoặc người có hành vi trả thù, trù dập thành viên ban thanh tra nhân dân xã.

- Thông báo cho ban thanh tra nhân dân xã kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo, việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở; hỗ trợ kinh phí, phương tiện để ban thanh tra nhân dân xã hoạt động có hiệu quả theo quy định của pháp luật.

Khi có vấn đề đột xuất, phức tạp nảy sinh, uỷ ban nhân dân xã phải báo cáo tình hình kịp thời với uỷ ban nhân dân huyện bằng phương tiện thông tin nhanh nhất.

5. Quản lý và ban hành văn bản của uỷ ban nhân dân xã

Tất cả các loại văn bản đến, văn bản đi đều phải qua văn phòng uỷ ban nhân dân xã. Văn

phòng uỷ ban nhân dân xã chịu trách nhiệm đăng ký các văn bản đến vào sổ công văn và chuyển đến các địa chỉ, người có trách nhiệm giải quyết. Các văn bản đóng dấu hoả tốc, khẩn, phải chuyển ngay khi nhận được.

Đối với những văn bản phát hành của uỷ ban nhân dân và chủ tịch uỷ ban nhân dân xã, văn phòng uỷ ban nhân dân xã phải ghi đầy đủ ký hiệu, số văn bản, ngày, tháng, năm, đóng dấu và gửi theo đúng địa chỉ; đồng thời lưu giữ hồ sơ và bản gốc.

Chủ tịch uỷ ban nhân dân thay mặt uỷ ban nhân dân ký ban hành quyết định, chỉ thị sau khi được uỷ ban nhân dân quyết định thông qua.

Trong trường hợp đột xuất, khẩn cấp, chủ tịch uỷ ban nhân dân chỉ đạo việc soạn thảo, ký ban hành quyết định, chỉ thị theo quy định tại Điều 48 *Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật của hội đồng nhân dân và uỷ ban nhân dân*.

Chủ tịch uỷ ban nhân dân xã ký các văn bản trình uỷ ban nhân dân huyện và hội đồng nhân dân xã; các quyết định, chỉ thị của uỷ ban nhân dân xã, các văn bản thuộc thẩm quyền cá nhân quy định tại Điều 127 *Luật tổ chức hội đồng nhân dân và uỷ ban nhân dân năm 2003*.

Khi chủ tịch vắng mặt, chủ tịch uỷ quyền cho phó chủ tịch ký thay. Phó chủ tịch có trách nhiệm báo cáo chủ tịch biết về văn bản đã ký thay. Phó chủ tịch ký thay chủ tịch các văn bản xử lý những

vấn đề cụ thể, chỉ đạo chuyên môn nghiệp vụ thuộc lĩnh vực được chủ tịch phân công.

Chủ tịch uỷ ban nhân dân xã trực tiếp chỉ đạo, đôn đốc kiểm tra tình hình thực hiện các văn bản pháp luật của các cơ quan nhà nước cấp trên, văn bản của hội đồng nhân dân và uỷ ban nhân dân xã, kịp thời phát hiện những vấn đề vướng mắc, bất hợp lý trong quá trình triển khai thực hiện các văn bản đó, báo cáo cấp có thẩm quyền bổ sung, sửa đổi.

Phó chủ tịch, uỷ viên uỷ ban nhân dân xã, cán bộ và công chức cấp xã, trưởng thôn, tổ trưởng dân phố theo nhiệm vụ được phân công phải thường xuyên sâu sát từng thôn, tổ dân phố, hộ gia đình, kiểm tra việc thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước của mọi công dân trên địa bàn xã.

C. TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN, UỶ BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ

I- TRONG THỰC THI CÔNG VỤ

Nghị định số 157/2007/NĐ-CP, ngày 27-10-2007 của Chính phủ quy định chế độ trách nhiệm đối với người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị của Nhà nước trong thi hành nhiệm vụ, công vụ:

1. Trong thi hành nhiệm vụ, công vụ

- Chịu trách nhiệm về toàn bộ hoạt động của đơn vị được giao lãnh đạo, quản lý.

- Gương mẫu và nghiêm chỉnh chấp hành đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và chỉ đạo của cấp trên; tổ chức, điều hành cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, có chất lượng và đúng thời hạn được giao; quyết định chủ trương, giải pháp cần thiết để hoàn thành nhiệm vụ và chịu trách nhiệm về quyết định đó.

- Ban hành hoặc trình cơ quan, người có thẩm quyền ban hành văn bản pháp luật bảo đảm tính hợp pháp của văn bản (bao gồm: văn bản quy phạm pháp luật, văn bản cá biệt, công văn chỉ đạo, điều hành và nội quy, quy chế, điều lệ, quy định áp dụng trong nội bộ cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc quyền quản lý).

- Căn cứ các quy định về phân công, phân cấp và nhiệm vụ, quyền hạn được giao, ban hành văn bản quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của các cấp phó, các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấu thành hoặc từng cán bộ, công chức, viên chức thuộc quyền; không để tình trạng chồng chéo, trùng lặp về nhiệm vụ hoặc trách nhiệm không rõ ràng; bảo đảm cán bộ, công chức, viên chức thuộc quyền thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao và đúng pháp luật.

- Tuyển dụng, sử dụng, đánh giá, đào tạo, bồi dưỡng, nâng lương, cử dự thi nâng ngạch, quyết định nâng ngạch, bổ nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, cho nghỉ chế độ và quản lý đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo đúng chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

- Quản lý, sử dụng có hiệu quả tài sản công được giao; phòng, chống cháy nổ và bảo đảm an toàn lao động tại cơ quan, tổ chức, đơn vị. Khi sử dụng các nguồn tài chính, các tài sản, trang thiết bị phải thực hiện đúng chế độ, chính sách và đúng quy định của pháp luật; quản lý, kiểm tra thường xuyên, không để xảy ra tham nhũng, lãng phí, hư hỏng, mất mát, thất thoát.

- Thực hiện đúng quy định của pháp luật về văn hóa công sở; không để xảy ra tình trạng cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý có thái độ hách dịch, cửa quyền, gây phiền hà cho công dân, doanh nghiệp trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, công vụ.

- Tổ chức thực hiện Quy chế dân chủ trong cơ quan, tổ chức, đơn vị; giải quyết khiếu nại, tố cáo trong phạm vi thẩm quyền theo đúng quy định của pháp luật.

- Thực hiện đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước; về phát ngôn, khai thác, quản lý và sử dụng mạng Internet trong cơ quan, tổ chức, đơn vị.

- Các chế độ trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

2. Những trường hợp xử lý trách nhiệm đối với người đứng đầu

- Vi phạm nội dung chế độ trách nhiệm người đứng đầu quy định tại Điều 7 Nghị định số 157/2007/NĐ-CP ngày 27-10-2007 của Chính phủ quy định chế độ trách nhiệm đối với người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị của Nhà nước trong thi hành nhiệm vụ, công vụ.

- Khi phát hiện cán bộ, công chức, viên chức thuộc quyền quản lý vi phạm pháp luật trong thực hiện nhiệm vụ, công vụ, người đứng đầu không có biện pháp kiên quyết để chấm dứt hành vi vi phạm đó và không kịp thời áp dụng biện pháp khắc phục có hiệu quả.

- Không giao nhiệm vụ hoặc giao nhiệm vụ cho cấp dưới không rõ; không kiểm tra hoặc thiếu kiểm tra, đôn đốc cấp dưới thực hiện.

- Cấp dưới đã báo cáo, xin chỉ thị những vấn đề thuộc thẩm quyền của người đứng đầu nhưng không kịp thời giải quyết theo quy định.

- Đưa ra ý kiến chỉ đạo trái pháp luật, chung chung, không rõ ràng, không nhất quán, gây lãng phí ngân sách, tài sản của Nhà nước; tham mưu, đề xuất, trình cấp có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền văn bản trái pháp

luật; không thực hiện đúng thời hạn nhiệm vụ được giao.

- Cấp phó, người đại diện hoặc người được ủy quyền làm trái chế độ, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong thực hiện nhiệm vụ, công vụ mà pháp luật đã giao cho người đứng đầu.

- Để cấp phó và cán bộ, công chức, viên chức thuộc quyền quản lý tham nhũng, lãng phí.

- Để xảy ra tình trạng đơn, thư khiếu nại, tố cáo vượt cấp, kéo dài.

- Xử lý không nghiêm minh các hành vi vi phạm pháp luật của cấp dưới hoặc bao che cho hành vi vi phạm pháp luật của cấp dưới.

3. Nguyên tắc xem xét xử lý trách nhiệm đối với người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu

- Việc xử lý người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu vi phạm chế độ trách nhiệm của người đứng đầu phải được tiến hành một cách công minh, công khai, khách quan, đúng pháp luật, đúng thủ tục, đúng tính chất và mức độ của hành vi vi phạm; không xử lý oan, sai; không để lọt hành vi vi phạm;

- Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu có cùng hành vi vi phạm pháp luật có tính chất và mức độ như nhau, thì người đứng đầu bị xử lý nặng hơn một mức so với cấp phó của người đứng đầu.

4. Các trường hợp được miễn, giảm nhẹ trách nhiệm đối với người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu

1- Người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu được miễn trách nhiệm trong các trường hợp sau:

- Người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu không thể biết hoặc đã làm hết trách nhiệm và áp dụng các biện pháp cần thiết để phòng ngừa, ngăn chặn hành vi tham nhũng, lãng phí hoặc hành vi vi phạm pháp luật khác;

- Người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu phụ trách lĩnh vực được phân công đã ban hành văn bản pháp luật để sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ, hủy bỏ hoặc đình chỉ việc thi hành một phần hoặc toàn bộ văn bản trái pháp luật do mình ban hành và khắc phục xong hậu quả do việc ban hành và thực hiện văn bản trái pháp luật đó gây ra;

- Do thiên tai, dịch họa, các tai nạn rủi ro khác hoặc trường hợp bất khả kháng mà người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị đã có biện pháp phòng, chống;

- Người đứng đầu vắng mặt tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và có văn bản ủy quyền cho cấp phó trong thời gian vắng mặt; cấp phó của người đứng đầu phải chịu trách nhiệm về hành vi, quyết định của mình trong việc thực hiện nhiệm

vụ, quyền hạn của người đứng đầu trong văn bản ủy quyền;

- Trường hợp người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu phải chấp hành quyết định của cấp trên, khi có căn cứ để cho là quyết định đó trái pháp luật thì phải báo cáo ngay với người ra quyết định; trong trường hợp vẫn phải chấp hành thì phải báo cáo lên cấp trên trực tiếp của người ra quyết định và không phải chịu trách nhiệm về hậu quả của việc thi hành quyết định đó.

2- Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu vi phạm chế độ trách nhiệm được xem xét giảm nhẹ một mức kỷ luật khi người đó đã tự nhận hành vi vi phạm, có đơn xin từ chức và đã khắc phục hậu quả do mình gây ra, được cấp có thẩm quyền chấp thuận.

5. Các trường hợp tăng nặng trách nhiệm đối với người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu

- Báo cáo sai sự thật về tình hình thực hiện, kết quả thực hiện nhiệm vụ, công vụ được giao;

- Phương tiện thông tin đại chúng đưa tin về hiện tượng vi phạm pháp luật tại cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc cấp trên phát hiện và đã kịp thời có ý kiến chỉ đạo nhưng người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu không thực hiện hoặc không áp dụng ngay biện pháp để xử lý, dẫn đến xảy ra hậu quả;

- Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu đã bị xử lý kỷ luật về hành vi vi phạm chế độ trách nhiệm mà lại tái phạm hoặc thiếu trung thực trong báo cáo, tường trình, tiếp thu phê bình, kiểm điểm hoặc cố tình né tránh, đùn đẩy trách nhiệm.

II- TRÁCH NHIỆM TRONG THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ

Nghị định số 103/2007/NĐ-CP ngày 14-6-2007 của Chính phủ quy định:

1. Nguyên tắc xác định trách nhiệm của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu và của cán bộ, công chức, viên chức về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

- Người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu (sau đây gọi chung là người đứng đầu) phải đề ra các biện pháp, tổ chức thực hiện các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí quy định tại *Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí*; đồng thời phải chịu trách nhiệm trực tiếp hoặc trách nhiệm liên đới về việc đề cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình phụ trách vi phạm các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Người đứng đầu cấp trên trực tiếp, nếu đề cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc xảy ra vụ vi phạm các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng

phí thì tùy theo tính chất và mức độ của vụ vi phạm cũng có thể phải chịu trách nhiệm liên đới.

- Cán bộ, công chức, viên chức phải thực hiện các biện pháp thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; đồng thời phải chịu trách nhiệm về những vi phạm của mình về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

- Trường hợp vụ việc vi phạm các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí liên quan đến nhiều cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân thì ngoài cơ quan, tổ chức, đơn vị xảy ra vụ việc, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có người trực tiếp vi phạm và người liên quan vi phạm cũng phải chịu trách nhiệm trực tiếp hoặc trách nhiệm liên đới theo quy định tại nghị định này và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

2. Trách nhiệm của người đứng đầu trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

- Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị chịu trách nhiệm tổ chức việc rà soát các văn bản do cơ quan, tổ chức, đơn vị mình ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành để bãi bỏ các quy định không còn phù hợp, sửa đổi, bổ sung các quy định mới, phù hợp với yêu cầu thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

- Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị chịu trách nhiệm ban hành hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành các văn bản quy phạm pháp luật,

các văn bản hướng dẫn tổ chức thực hiện, trong đó phải quy định các biện pháp và kế hoạch thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí trong ngành, lĩnh vực, cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình được giao quản lý.

- Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các biện pháp thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đến từng tổ chức, từng cán bộ, công chức, viên chức, tạo chuyển biến thực sự về trách nhiệm, lề lối làm việc, cải cách hành chính và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

- Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị chịu trách nhiệm tổ chức rà soát các định mức, tiêu chuẩn, chế độ thuộc lĩnh vực mình được giao phụ trách, ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành để bãi bỏ các định mức, tiêu chuẩn chế độ không còn phù hợp, sửa đổi, bổ sung các quy định mới, phù hợp làm cơ sở cho việc thực hiện, kiểm tra, giám sát việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

- Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị chịu trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức thực hiện các quy định để công khai việc sử dụng ngân sách nhà nước và các nguồn tài chính được giao; công khai việc mua sắm, sử dụng trang bị, thiết bị, phương tiện, trụ sở làm việc, nhà công vụ, công trình phúc lợi và các tài sản khác trong cơ quan, tổ chức, đơn vị để làm cơ sở cho các cơ

quan có chức năng kiểm tra, giám sát và cán bộ, công chức, viên chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

- Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị chịu trách nhiệm hướng dẫn, tổ chức việc kiểm tra, thanh tra để phát hiện, ngăn ngừa các hành vi vi phạm các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

- Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị chịu trách nhiệm chỉ đạo các đơn vị trong phạm vi lĩnh vực quản lý của mình xử lý, giải quyết dứt điểm các vụ việc vi phạm các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

- Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị chịu trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức thực hiện các quy định của *Luật ngân sách nhà nước*, các chế độ và nguyên tắc tài chính trên các khâu: lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ, quản lý, sử dụng, kiểm soát chi và quyết toán ngân sách nhà nước, đánh giá hiệu quả và giải trình việc quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước được giao.

- Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị chịu trách nhiệm chỉ đạo và tổ chức thực hiện việc quản lý, phê duyệt, triển khai dự án đầu tư đúng quy trình, quy chế quản lý đầu tư hiện hành của Nhà nước, thực hiện đầu tư có tập trung, không dàn trải để bảo đảm yêu cầu thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; xác định rõ trách nhiệm của mỗi

cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân trong quản lý đối với từng khâu của quá trình đầu tư xây dựng các dự án.

- Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng đất đai, trụ sở làm việc, nhà công vụ được giao đúng mục đích, tiết kiệm và hiệu quả; trong phạm vi quản lý của mình, có trách nhiệm kiểm tra, rà soát diện tích đất đai, trụ sở làm việc, nhà công vụ đang quản lý để bố trí, sử dụng hợp lý, đúng chế độ, tiêu chuẩn quy định; không cấp thêm đất, không bố trí xây dựng trụ sở làm việc khi chưa hoàn thành việc sắp xếp, sử dụng theo đúng tiêu chuẩn, diện tích đất đai, trụ sở làm việc, nhà công vụ đã có.

- Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên có trách nhiệm rà soát lại quy hoạch, kế hoạch quản lý, khai thác, sử dụng từng loại tài nguyên thiên nhiên, đặc biệt là các tài nguyên đất, nước, rừng, khoáng sản để sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả; rà soát, ban hành các quy chế, quy định về tái tạo, bảo vệ, phát triển lâu dài các nguồn tài nguyên thiên nhiên.

- Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị chịu trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức thực hiện các quy định của Nhà nước về đào tạo, quản lý, sử dụng lao động, thời gian lao động; sử dụng có hiệu quả đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; thực hiện tinh giản biên chế đối với các cán bộ, công chức,

viên chức không đủ năng lực, không đáp ứng được yêu cầu chuyên môn và vi phạm kỷ luật lao động.

- Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị chịu trách nhiệm chỉ đạo và giám sát thực hiện các quy chế, nội quy về kỷ luật lao động, đặc biệt là các quy định về sử dụng thời gian lao động.

3. Căn cứ để xem xét, xử lý kỷ luật

1- Căn cứ để xem xét kỷ luật đối với người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra vi phạm các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý, phụ trách:

- Sự phân công, phân cấp quản lý, tính chất, mức độ của hành vi vi phạm, mức thiệt hại thực tế do hành vi lãng phí gây ra; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ hình thức kỷ luật để xác định mức độ chịu trách nhiệm trực tiếp hoặc liên đới khi để xảy ra vi phạm các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí;

- Mối quan hệ công tác giữa hành vi vi phạm các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của người dưới quyền đối với trách nhiệm quản lý của người đứng đầu.

2- Đối với trường hợp vi phạm các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí có dấu hiệu cấu thành tội phạm thì cơ quan có thẩm quyền chuyển hồ sơ đến cơ quan điều tra để xử lý theo quy định của pháp luật.

3- Hình thức xử lý kỷ luật trách nhiệm đối với người đứng đầu:

- *Khiển trách*: hình thức kỷ luật khiển trách áp dụng đối với người đứng đầu trong trường hợp để lĩnh vực công tác được giao quản lý hoặc trong đơn vị trực tiếp phụ trách có người vi phạm pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí bị xử lý kỷ luật theo hình thức quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều 21 Nghị định số 103/2007/NĐ-CP ngày 14-6-2007 của Chính phủ về trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị và trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức trong việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

- *Cảnh cáo*: hình thức kỷ luật cảnh cáo áp dụng đối với người đứng đầu trong trường hợp để lĩnh vực công tác được giao quản lý hoặc trong đơn vị trực tiếp phụ trách có người vi phạm pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí bị xử lý kỷ luật theo hình thức quy định tại khoản 5 và khoản 6 Điều 21 Nghị định số 103/2007/NĐ-CP ngày 14-6-2007 của Chính phủ về trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị và trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức trong việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

- *Cách chức*: hình thức kỷ luật cách chức áp dụng đối với người đứng đầu trong trường hợp để lĩnh vực công tác được giao quản lý hoặc trong đơn vị trực tiếp phụ trách có người vi phạm pháp luật

về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí gây hậu quả rất nghiêm trọng.

4- Người đứng đầu cấp trên trực tiếp của cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý vốn, tài sản nhà nước, nếu để cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc xảy ra vụ vi phạm các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí gây hậu quả nghiêm trọng cũng phải chịu trách nhiệm liên đới và có thể bị xem xét xử lý kỷ luật về trách nhiệm liên đới đối với vụ vi phạm các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí gây hậu quả nghiêm trọng của cấp dưới trực tiếp.

4. Các trường hợp loại trừ, miễn, giảm nhẹ và tăng nặng hình thức kỷ luật

1- Trường hợp được loại trừ, miễn xử lý kỷ luật

- Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức được xem xét loại trừ trách nhiệm kỷ luật do không thể biết được hoặc đã áp dụng các biện pháp cần thiết để phòng ngừa, ngăn chặn hành vi vi phạm các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí theo quy định của pháp luật;

- Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra vi phạm các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý, phụ trách, bị xem xét xử lý kỷ luật bằng hình thức khiển trách, nếu trước đó đã tự nguyện xin từ chức và đã được cấp có

thẩm quyền chấp thuận thì có thể được miễn xử lý kỷ luật.

2- Trường hợp giảm nhẹ kỷ luật

- Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra vi phạm các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý, phụ trách, bị xem xét kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo trở lên, nếu trước đó đã tự nguyện xin từ chức và đã được cấp có thẩm quyền chấp thuận thì được xem xét giảm nhẹ mức xử lý kỷ luật xuống một bậc;

- Cán bộ, công chức, viên chức vi phạm các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong cơ quan, tổ chức, đơn vị đã tự giác khắc phục hậu quả thì được xem xét giảm nhẹ hình thức kỷ luật.

3- Trường hợp tăng nặng kỷ luật

- Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị đã bị xử lý kỷ luật vì để xảy ra vi phạm các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý, phụ trách mà không kịp thời ngăn chặn, xử lý vụ việc vi phạm các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí thuộc phạm vi do mình quản lý, phụ trách.

- Cán bộ, công chức, viên chức không thực hiện các biện pháp cần thiết nhằm ngăn chặn, khắc phục hậu quả của hành vi lãng phí; khi phát hiện hành vi vi phạm thực hành tiết kiệm, chống

lãng phí cố tình che giấu, không báo cáo kịp thời với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.

5. Về bồi thường thiệt hại, xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

- Cán bộ, công chức, viên chức vi phạm pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong thi hành công vụ gây lãng phí, phải bồi thường thiệt hại và bị xử lý kỷ luật theo quy định tại Nghị định số 84/2006/NĐ-CP ngày 18-8-2006 của Chính phủ về bồi thường thiệt hại, xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

- Người lao động làm việc theo chế độ hợp đồng lao động trong cơ quan, tổ chức nhà nước vi phạm pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong thi hành công vụ phải bồi thường thiệt hại và bị xử lý kỷ luật theo quy định tại hợp đồng lao động.

- Cơ quan, tổ chức, cá nhân (bao gồm cả cán bộ, công chức, viên chức không trong thi hành công vụ) có hành vi vi phạm pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, bị xử phạt vi phạm hành chính và phải bồi thường thiệt hại theo quy định.

- Người có thẩm quyền xử lý việc bồi thường thiệt hại, xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính mà chậm trễ hoặc không tiến hành các thủ

tục liên quan đến bồi thường thiệt hại, xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính thì bị xử lý kỷ luật theo quy định.

Tiền bồi thường thiệt hại phải được thu đúng, thu đủ và được sử dụng để chi cho việc xác định số tiền bồi thường thiệt hại, phần còn lại được hoàn trả cho cơ quan, tổ chức bị thiệt hại hoặc ngân sách nhà nước.

6. Bồi thường thiệt hại, xử lý kỷ luật đối với cán bộ, công chức, viên chức

Nguyên tắc bồi thường thiệt hại: Thiệt hại phải được bồi thường toàn bộ và kịp thời. Số tiền bồi thường thiệt hại được xác định trên cơ sở thiệt hại thực tế do hành vi lãng phí gây ra. Việc xét bồi thường phải được thực hiện công bằng, công khai, khách quan và chính xác. Bồi thường được thực hiện bằng đồng tiền Việt Nam.

* Xác định số tiền bồi thường thiệt hại:

- Đối với những lĩnh vực đã có định mức, tiêu chuẩn, chế độ hoặc dự toán được duyệt, số tiền bồi thường thiệt hại được xác định căn cứ vào chênh lệch tính thành tiền giữa định mức, tiêu chuẩn, chế độ hoặc dự toán được duyệt với thực tế thực hiện và chi phí khắc phục hậu quả.

- Đối với các trường hợp khác, số tiền bồi thường thiệt hại được xác định bằng chi phí thực tế do hành vi lãng phí gây ra và chi phí khắc phục hậu quả.

* Xác định trách nhiệm bồi thường thiệt hại:

- Trường hợp hành vi lãng phí do một người thực hiện thì người đó phải chịu trách nhiệm bồi thường toàn bộ thiệt hại.

- Trường hợp hành vi lãng phí do từ hai người trở lên thực hiện thì những người đó phải cùng chịu trách nhiệm bồi thường. Trách nhiệm bồi thường được xác định tương ứng với mức độ trách nhiệm và vi phạm của từng người; trường hợp không xác định được mức độ trách nhiệm và vi phạm của từng người thì trách nhiệm bồi thường được chia đều cho từng người.

* Thẩm quyền ra quyết định về bồi thường thiệt hại:

- Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức nơi xảy ra lãng phí có thẩm quyền ra quyết định về bồi thường thiệt hại.

- Trường hợp đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này vi phạm pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí thì người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan cấp trên trực tiếp có thẩm quyền ra quyết định về bồi thường thiệt hại.

* Thành lập Hội đồng bồi thường thiệt hại:

- Trong vòng 30 ngày, kể từ khi phát hiện ra hành vi gây lãng phí, nếu thấy cần thiết người có thẩm quyền ra quyết định bồi thường có thể thành lập Hội đồng bồi thường thiệt hại (dưới đây gọi là Hội đồng) để xem xét, giải quyết việc bồi thường thiệt hại. Thành phần Hội đồng gồm:

+ Người có thẩm quyền ra quyết định về bồi thường thiệt hại quy định tại Điều 9 Nghị định này làm Chủ tịch Hội đồng;

+ Đại diện lãnh đạo tổ chức công đoàn cùng cấp làm ủy viên;

+ Người phụ trách bộ phận tài chính, kế toán làm ủy viên;

+ Người phụ trách đơn vị trực tiếp của người phải bồi thường làm ủy viên (nếu có);

+ Một chuyên gia về kinh tế, kỹ thuật làm ủy viên (nếu cần).

Không bố trí người vi phạm pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đang bị xem xét, xử lý bồi thường vào thành phần Hội đồng của vụ vi phạm đó. Hội đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Chi phí cho việc xác định số tiền bồi thường thiệt hại được tính vào chi phí khắc phục hậu quả.

Trách nhiệm của Hội đồng: chậm nhất sau mười ngày, kể từ khi Hội đồng được thành lập, Chủ tịch Hội đồng phải tổ chức cuộc họp để xem xét việc bồi thường thiệt hại do hành vi lãng phí gây ra.

Hội đồng có trách nhiệm xem xét và đưa ra kiến nghị về: hành vi vi phạm; đánh giá mức thiệt hại thực tế do hành vi vi phạm gây ra; xác định trách nhiệm của từng cá nhân; kiến nghị với người có thẩm quyền ra quyết định bồi thường thiệt hại về số tiền và phương thức bồi thường thiệt hại cụ thể đối với từng cá nhân.

Trong thời gian 30 ngày, kể từ ngày thành lập, Hội đồng phải có văn bản kiến nghị với người có thẩm quyền đề ra quyết định về bồi thường thiệt hại đối với từng cá nhân gây ra lãng phí. Trường hợp phức tạp thì chậm nhất không quá 90 ngày, kể từ ngày thành lập, Hội đồng phải có văn bản kiến nghị với người có thẩm quyền ra quyết định về bồi thường thiệt hại.

Trường hợp sau khi đã quyết định về số tiền phải bồi thường mà phát hiện những tình tiết mới làm thay đổi lỗi, mức độ vi phạm và số tiền bồi thường thiệt hại đã kết luận trước đó thì người có thẩm quyền có trách nhiệm xem xét, quyết định lại số tiền bồi thường.

* Áp dụng hình thức kỷ luật đối với cán bộ, công chức, viên chức có hành vi vi phạm quy định của pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí:

- Hình thức khiển trách áp dụng đối với cá nhân có hành vi vi phạm lần đầu phải bồi thường thiệt hại đến 5.000.000 đồng/lần xét bồi thường.

- Hình thức cảnh cáo áp dụng đối với cá nhân có hành vi vi phạm đã bị xử lý kỷ luật khiển trách nhưng tái phạm hoặc các đối tượng vi phạm lần đầu gây lãng phí phải bồi thường thiệt hại từ trên 5.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng/lần xét bồi thường.

- Hình thức hạ bậc lương áp dụng đối với cá nhân có hành vi vi phạm đã bị xử lý kỷ luật cảnh cáo nhưng tái phạm hoặc các đối tượng vi phạm

lần đầu gây lãng phí phải bồi thường thiệt hại từ trên 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng/lần xét bồi thường.

- Hình thức hạ ngạch áp dụng đối với cá nhân có hành vi vi phạm đã bị xử lý kỷ luật hạ bậc lương nhưng tái phạm hoặc các đối tượng vi phạm lần đầu gây lãng phí phải bồi thường thiệt hại từ trên 30.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng/lần xét bồi thường.

- Hình thức cách chức áp dụng đối với cá nhân giữ chức vụ có hành vi vi phạm đã bị xử lý kỷ luật hạ ngạch nhưng tiếp tục vi phạm.

- Hình thức buộc thôi việc áp dụng đối với cá nhân có hành vi vi phạm đã bị xử lý bằng một trong các hình thức kỷ luật nêu tại các khoản 4 và khoản 5 Điều 19 Nghị định số 84/2006/NĐ-CP nhưng tái phạm, gây hậu quả lớn và xét thấy không còn đủ điều kiện để tiếp tục làm việc hoặc các đối tượng vi phạm gây lãng phí phải bồi thường thiệt hại từ 50.000.000 đồng trở lên/lần xét bồi thường.

* Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ hình thức kỷ luật:

- Cán bộ, công chức, viên chức bị tăng hình thức kỷ luật trong các trường hợp sau:

- + Có hành vi che giấu vi phạm; trốn tránh, cản trở việc xử lý vi phạm;

- + Vi phạm có tổ chức.

- Cán bộ, công chức, viên chức được xem xét giảm hình thức kỷ luật trong các trường hợp sau:

- + Thành khẩn, có tinh thần hợp tác;
- + Chủ động thực hiện các biện pháp để hạn chế thiệt hại do hành vi lãng phí gây ra.

Việc tăng, giảm hình thức kỷ luật không làm thay đổi mức bồi thường thiệt hại đã được quyết định.

III. TRÁCH NHIỆM KHI ĐỂ XẢY RA THAM NHƯNG

1. Nguyên tắc xử lý trách nhiệm người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị

Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị nếu phải chịu trách nhiệm trực tiếp về việc để xảy ra hành vi tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý, phụ trách thì bị xử lý kỷ luật theo quy định hoặc nếu có đủ dấu hiệu cấu thành tội phạm thì bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị nếu phải chịu trách nhiệm liên đới về việc để xảy ra hành vi tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý, phụ trách thì bị xử lý kỷ luật theo quy định tại Nghị định số 107/2006/NĐ-CP ngày 22-9-2006 của Chính phủ quy định xử lý

trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị khi để xảy ra tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý, phụ trách.

Trường hợp vụ, việc tham nhũng xảy ra liên quan đến nhiều cơ quan, tổ chức, đơn vị thì ngoài cơ quan, tổ chức, đơn vị xảy ra vụ, việc tham nhũng, người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị liên quan có người vi phạm cũng phải chịu trách nhiệm liên đới theo quy định tại Nghị định số 107/2006/NĐ-CP.

2. Xử lý kỷ luật đối với người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị

Việc xử lý kỷ luật người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý, phụ trách và người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan, ngoài việc thực hiện theo các nguyên tắc xem xét xử lý kỷ luật đối với cán bộ, công chức quy định tại Nghị định số 35/2005/NĐ-CP ngày 17-3-2005 của Chính phủ về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, còn thực hiện theo các nguyên tắc sau:

- Căn cứ vào sự phân công, phân cấp quản lý trong cơ quan, tổ chức, đơn vị để xác định mức độ chịu trách nhiệm trực tiếp hoặc trách nhiệm liên đới.

- Căn cứ vào mối quan hệ công tác giữa trách

nhiệm quản lý của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu với hành vi tham nhũng của người dưới quyền.

Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị, nếu để xảy ra vụ, việc tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý, phụ trách thì tùy theo tính chất, mức độ của vụ, việc sẽ xử lý kỷ luật bằng một trong những hình thức sau:

+ *Khiển trách*: hình thức khiển trách được áp dụng trong trường hợp người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra vụ, việc tham nhũng nghiêm trọng hoặc nhiều vụ, việc tham nhũng ít nghiêm trọng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý, phụ trách.

+ *Cảnh cáo*: hình thức cảnh cáo được áp dụng trong trường hợp người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra vụ, việc tham nhũng rất nghiêm trọng hoặc nhiều vụ, việc tham nhũng nghiêm trọng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý, phụ trách.

+ *Cách chức*: hình thức cách chức được áp dụng trong trường hợp người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra vụ, việc tham nhũng đặc biệt nghiêm trọng hoặc nhiều vụ, việc tham nhũng rất nghiêm trọng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý, phụ trách.

* Trường hợp loại trừ trách nhiệm, miễn, giảm nhẹ hoặc tăng nặng hình thức kỷ luật:

- Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị được loại trừ trách nhiệm trong trường hợp họ không thể biết hoặc đã áp dụng các biện pháp cần thiết để phòng ngừa, ngăn chặn hành vi tham nhũng.

- Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý, phụ trách và bị xử lý kỷ luật bằng hình thức khiển trách, nếu trước đó đã tự nguyện xin từ chức và đã được cấp có thẩm quyền chấp thuận thì được miễn xử lý kỷ luật.

- Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý, phụ trách được giảm nhẹ một mức kỷ luật nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

+ Đã có đơn xin từ chức và đã được cấp có thẩm quyền chấp thuận;

+ Đã thực hiện các biện pháp cần thiết nhằm ngăn chặn, khắc phục hậu quả của hành vi tham nhũng; đã xử lý nghiêm minh, báo cáo kịp thời với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền về hành vi tham nhũng.

- Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý, phụ trách, nếu không thực hiện các biện pháp cần thiết nhằm ngăn chặn, khắc phục hậu quả của

hành vi tham nhũng hoặc nếu phát hiện hành vi tham nhũng mà không xử lý nghiêm minh, không báo cáo kịp thời với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền thì phải tăng nặng một mức kỷ luật.

D. MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM CẤP XÃ VÀ CÁC TỔ CHỨC THÀNH VIÊN

1. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là tổ chức liên minh chính trị, liên hiệp tự nguyện của tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội và các cá nhân tiêu biểu trong các giai cấp, các tầng lớp xã hội, các dân tộc, các tôn giáo và người Việt Nam định cư ở nước ngoài.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là bộ phận của hệ thống chính trị của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân, nơi thể hiện ý chí, nguyện vọng, tập hợp khối đại đoàn kết toàn dân, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, nơi hiệp thương, phối hợp và thống nhất hành động của các thành viên, góp phần giữ vững độc lập dân tộc, chủ quyền quốc gia, toàn vẹn lãnh thổ, thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam có nhiệm vụ tập hợp, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, tăng cường sự nhất trí về chính trị và tinh thần trong nhân dân; tuyên truyền, động viên nhân dân phát huy quyền làm chủ, thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, nghiêm chỉnh thi hành Hiến pháp và pháp luật, giám sát hoạt động của cơ quan nhà nước, đại biểu dân cử và cán bộ, công chức nhà nước; tập hợp ý kiến, kiến nghị của nhân dân để phản ánh, kiến nghị với Đảng và Nhà nước; tham gia xây dựng và củng cố chính quyền nhân dân; cùng Nhà nước chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của nhân dân; tham gia phát triển tình hữu nghị, hợp tác giữa nhân dân Việt Nam với nhân dân các nước trong khu vực và trên thế giới.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tổ chức và hoạt động theo *Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam* và *Điều lệ của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam* phù hợp với Hiến pháp và pháp luật. Tổ chức, hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam được thực hiện theo nguyên tắc tự nguyện, hiệp thương dân chủ, phối hợp và thống nhất hành động. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ở mỗi cấp là cơ quan chấp hành của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp, do đại hội đại biểu Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp đó hiệp thương cử ra, có trách nhiệm tổ chức thực hiện nhiệm vụ của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam được tổ chức theo

cấp hành chính. Dưới cấp xã có ban công tác mặt trận ở cộng đồng dân cư.

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ở mỗi cấp là cơ quan chấp hành giữa hai kỳ đại hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp. Số lượng uỷ viên Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp nào, do đại hội đại biểu Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp đó hiệp thương thoả thuận và quyết định theo cơ cấu thành phần quy định tại Điều 13, Điều 22, Điều 24 *Điều lệ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam* và hướng dẫn của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp trên trực tiếp.

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, phường, thị trấn (gọi chung là cấp xã) do đại hội đại biểu Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp hiệp thương dân chủ cử, là cơ quan chấp hành giữa hai kỳ đại hội, bao gồm:

- Người đứng đầu của tổ chức thành viên cùng cấp. Trong trường hợp đặc biệt tổ chức thành viên mới cử đại diện lãnh đạo;

- Các trưởng ban công tác mặt trận;

- Một số cá nhân tiêu biểu trong các giai cấp, các tầng lớp xã hội, các dân tộc, các tôn giáo, người Việt Nam ở nước ngoài;

- Một số chủ tịch công đoàn công ty, nghiệp đoàn, hội lao động đóng trên địa bàn. Đại diện lãnh đạo của một số tổ chức kinh tế tập thể và thành phần kinh tế khác ở địa phương;

- Một số cán bộ chuyên trách và không chuyên

trách của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam khóa trước.

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã họp thường lệ ít nhất ba tháng một lần. Chủ tịch, phó chủ tịch chủ tọa hội nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, phường, thị trấn (gọi chung là ban thường trực cấp xã) do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp đó hiệp thương dân chủ cử trong số ủy viên Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, là cơ quan đại diện của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam giữa hai cuộc họp Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Ban thường trực cấp xã gồm có chủ tịch, hai phó chủ tịch và ủy viên thường trực. Ban thường trực cấp xã có những nhiệm vụ, quyền hạn sau:

- Tổ chức việc chuẩn bị, triệu tập và chủ trì các cuộc họp Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã;

- Tổ chức thực hiện nghị quyết, chương trình phối hợp và thống nhất hành động hằng năm, sáu tháng của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp mình và các chủ trương công tác của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp trên; chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nghị quyết của hội đồng nhân dân, quyết định của ủy ban nhân dân có liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;

- Thường xuyên tập hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri và nhân dân để phản ánh, kiến nghị với cấp uỷ đảng, chính quyền, ban thường trực cấp trên trực tiếp. Góp ý kiến, kiến nghị với cấp uỷ đảng, chính quyền về việc thực hiện chính sách, pháp luật tại địa phương;

- Tổ chức thực hiện các cuộc vận động, các phong trào thi đua yêu nước trong nhân dân; các nhiệm vụ mặt trận tham gia xây dựng và củng cố chính quyền; bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của nhân dân; giám sát hoạt động của cơ quan nhà nước, đại biểu dân cử và cán bộ, công chức nhà nước; thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở; tham gia giải quyết khiếu nại, tố cáo ở địa phương;

- Chỉ đạo, hướng dẫn hoạt động của ban công tác mặt trận, ban thanh tra nhân dân;

- Giữ mối quan hệ phối hợp công tác với chính quyền và các tổ chức thành viên cùng cấp;

- Hướng dẫn hoạt động của các tổ chức tư vấn, cộng tác viên của Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp;

- Ban hành quyết định, quy chế phối hợp công tác và tổ chức thực hiện các văn bản đó;

- Xét, quyết định khen thưởng, kỷ luật.

Ban thường trực Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã họp thường lệ mỗi tháng ít nhất hai lần. Chủ tịch Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam chủ tọa hội nghị ban thường trực. Nếu chủ

tịch vắng mặt, phó chủ tịch thường trực chủ tọa hội nghị.

Ban công tác mặt trận được thành lập ở thôn, làng, ấp, bản, buôn, phum, sóc, khu phố (gọi chung là khu dân cư). Cơ cấu của ban công tác mặt trận bao gồm:

- Ủy viên Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã cư trú ở thôn, tổ dân phố;

- Đại diện chi ủy;

- Những người đứng đầu của chi đoàn thanh niên, chi hội phụ nữ, chi hội nông dân, chi hội cựu chiến binh, chi hội người cao tuổi, chi hội chữ thập đỏ...;

- Một số cá nhân tiêu biểu trong các tầng lớp nhân dân, trong các tôn giáo, các dân tộc...;

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã ra quyết định thành lập ban công tác mặt trận, trong đó có chức danh trưởng ban, phó trưởng ban. Khi có sự thay đổi trưởng ban, Phó trưởng ban hoặc thay đổi, bổ sung thành viên ban công tác mặt trận, thì ban công tác mặt trận báo cáo Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã ra quyết định thay đổi, bổ sung. Ban công tác mặt trận có chức năng phối hợp và thống nhất hành động giữa các thành viên; phối hợp với trưởng thôn (làng, ấp, bản...) để thực hiện nhiệm vụ:

- Trực tiếp vận động nhân dân thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; nghị quyết của hội đồng nhân dân,

quyết định của uỷ ban nhân dân; chương trình hành động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp;

- Thu thập, phản ánh ý kiến, kiến nghị của cử tri và nhân dân ở khu dân cư với cấp uỷ đảng và Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã;

- Động viên nhân dân giám sát hoạt động của cơ quan nhà nước, đại biểu dân cử, cán bộ công chức nhà nước;

- Phối hợp thực hiện Quy chế dân chủ và hoạt động tự quản ở cộng đồng dân cư.

2. Hội Cựu chiến binh

Pháp lệnh cựu chiến binh quy định, Hội Cựu chiến binh Việt Nam được tổ chức đến cấp xã, phường, thị trấn. Hội đồng nhân dân, uỷ ban nhân dân các cấp trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm cấp kinh phí cho hội cựu chiến binh cùng cấp hoạt động, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho cựu chiến binh, tạo điều kiện để Hội Cựu chiến binh Việt Nam, cựu chiến binh tham gia các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội theo quy định của pháp luật.

Hội Cựu chiến binh Việt Nam là tổ chức chính trị - xã hội trong hệ thống chính trị do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, được tổ chức từ trung ương đến cơ sở xã, phường, thị trấn. Chủ tịch hội cựu chiến binh cấp xã, phường, thị trấn được hưởng lương, phụ cấp theo quy định; phó chủ tịch hội cựu chiến binh cấp xã, phường, thị trấn được

hưởng phụ cấp như phó chủ tịch đoàn thể chính trị - xã hội khác và do ngân sách địa phương đảm bảo. Cựu chiến binh đang hưởng lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp bệnh binh đảm nhiệm chức danh chủ tịch, phó chủ tịch hội cựu chiến binh cấp xã, phường, thị trấn; cựu chiến binh tham gia công tác tại cơ quan hội cựu chiến binh từ cấp huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh trở lên, khi thôi làm công tác hội, cứ mỗi năm (đủ 12 tháng) được hưởng trợ cấp một lần bằng nửa (1/2) tháng lương theo mức lương hiện lĩnh tại cấp hội mà cựu chiến binh đang công tác.

Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, hội đồng nhân dân, uỷ ban nhân dân các cấp có trách nhiệm đảm bảo kinh phí để hội cựu chiến binh cùng cấp hoạt động; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho cựu chiến binh; tạo điều kiện để hội cựu chiến binh, cựu chiến binh tham gia các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương. Định kỳ 6 tháng uỷ ban nhân dân các cấp làm việc với hội cựu chiến binh cùng cấp để nghe báo cáo về công tác của hội và giải quyết các đề xuất, kiến nghị liên quan đến cựu chiến binh, hội cựu chiến binh.

3. Hội Liên hiệp phụ nữ

Hệ thống tổ chức Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam bao gồm cả cấp xã, phường, thị trấn. Hội liên hiệp phụ nữ cấp xã là nền tảng của tổ chức

hội, được thành lập theo xã, phường, thị trấn và tương đương. Hội liên hiệp phụ nữ cấp xã thành lập:

- Các chi hội theo thôn, ấp, khu phố, bản, làng, buôn...; dưới chi hội có thể lập tổ phụ nữ theo địa bàn dân cư.

- Các câu lạc bộ, chi hội, tổ phụ nữ có tính chất đặc thù theo nghề nghiệp, độ tuổi...

Chi hội, tổ phụ nữ sinh hoạt ít nhất 3 tháng một lần.

Nhiệm vụ của ban chấp hành hội liên hiệp phụ nữ cấp xã:

- Kịp thời nắm bắt tình hình tư tưởng, nhu cầu, nguyện vọng của phụ nữ và phản ánh, đề xuất với cấp uỷ, chính quyền địa phương, hội liên hiệp phụ nữ cấp trên nhằm chăm lo, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp và chính đáng của phụ nữ.

- Hằng năm, căn cứ nghị quyết đại hội phụ nữ Việt Nam cấp trên và cấp mình xây dựng chương trình - kế hoạch và tổ chức thực hiện. Tham gia giám sát, phản biện xã hội đối với chính sách, pháp luật về bình đẳng giới, các chương trình, dự án liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp của phụ nữ.

- Tổ chức, vận động, hướng dẫn hội viên, phụ nữ tham gia tích cực vào các hoạt động của hội và thực hiện nhiệm vụ chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội của địa phương, góp phần xây dựng Đảng, chính quyền vững mạnh.

- Tuyên truyền, vận động các tầng lớp phụ nữ tham gia hoạt động hội; quản lý, phát triển hội viên; xây dựng quỹ hội, thu hội phí và quản lý, sử dụng nguồn kinh phí từ chương trình, dự án, các nguồn thu hợp pháp khác đảm bảo đúng luật và quy định của tổ chức hội.

- Ban Chấp hành hội liên hiệp phụ nữ cấp xã họp một tháng một lần, khi cần có thể họp bất thường.

Nhiệm vụ của ban thường vụ hội liên hiệp phụ nữ cấp xã:

- Thay mặt ban chấp hành lãnh đạo và kiểm tra việc thực hiện nghị quyết của ban chấp hành giữa hai kỳ họp ban chấp hành; chuẩn bị nội dung và triệu tập các kỳ họp của ban chấp hành.

- Ban thường vụ họp một tháng một lần, khi cần có thể họp bất thường.

Cơ quan hành chính nhà nước các cấp có trách nhiệm phối hợp và tạo điều kiện thuận lợi cho hội phụ nữ cùng cấp tham gia các hoạt động quản lý nhà nước liên quan đến phụ nữ, trẻ em như sau:

- Mời đại diện hội phụ nữ cùng cấp tham gia thảo luận hoặc gửi dự thảo văn bản để hội phụ nữ góp ý kiến khi xây dựng, sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật; khi xây dựng, bổ sung chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và chính sách liên quan đến phụ nữ, trẻ em.

- Mời đại diện hội phụ nữ cùng cấp tham gia

với tư cách là thành viên chính thức trong các tổ chức tư vấn cho cơ quan hành chính nhà nước cùng cấp (hội đồng, ủy ban, ban chỉ đạo, ban quản lý) về các vấn đề có liên quan đến phụ nữ và trẻ em như: giải quyết lao động, việc làm, đời sống, sức khỏe, đất đai, nhà ở, khen thưởng, kỷ luật, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng và bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ, công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý.

- Định kỳ phối hợp với hội phụ nữ cùng cấp tổ chức các cuộc họp để thu thập ý kiến về tình hình thực hiện chủ trương, luật pháp, chính sách và phát hiện những hành vi vi phạm quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của phụ nữ, trẻ em để kịp thời giải quyết.

- Mời đại diện của hội phụ nữ cùng cấp tham gia các đoàn kiểm tra những vấn đề có liên quan đến quyền và lợi ích của phụ nữ, trẻ em. Các cơ quan, đơn vị được kiểm tra có trách nhiệm cung cấp số liệu, tài liệu cần thiết liên quan đến công tác kiểm tra.

Cơ quan hành chính nhà nước các cấp có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của các cấp hội phụ nữ như hỗ trợ kinh phí, điều kiện và phương tiện làm việc, các hoạt động gây quỹ hội, tổ chức sản xuất, dịch vụ, hỗ trợ phụ nữ giải quyết những vấn đề xã hội liên quan đến sự tiến bộ và bình đẳng của phụ nữ phù hợp với luật pháp, chính sách của Nhà nước.

Định kỳ thời gian làm việc hằng năm, giữa cơ quan hành chính nhà nước các cấp và các cấp hội phụ nữ như sau: 3 tháng một lần lãnh đạo uỷ ban nhân dân cấp xã làm việc với ban thường vụ hội phụ nữ cùng cấp về tình hình hoạt động của hội phụ nữ, việc thực hiện luật pháp, chính sách và đề xuất của hội phụ nữ về các vấn đề liên quan đến phụ nữ, trẻ em; kiểm điểm việc thực hiện nghị định này, đồng thời thảo luận và xây dựng kế hoạch phối hợp cho các hoạt động tiếp theo.

4. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh

Tổ chức thanh niên bao gồm Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp thanh niên Việt Nam, Hội Sinh viên Việt Nam và các tổ chức khác của thanh niên được tổ chức và hoạt động theo điều lệ của tổ chức và trong khuôn khổ của Hiến pháp và pháp luật.

Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh là tổ chức chính trị - xã hội của thanh niên Việt Nam, giữ vai trò nòng cốt trong phong trào thanh niên; tổ chức, hướng dẫn hoạt động của thiếu niên, nhi đồng, phụ trách Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh.

Nhiệm kỳ đại hội đoàn cơ sở xã, phường, thị trấn là 5 năm một lần. Ban Thường vụ Trung ương Đoàn được quyết định điều chỉnh thời gian giữa hai kỳ đại hội đoàn cơ sở phường khi cần.

Nhiệm vụ của tổ chức cơ sở đoàn:

- Đại diện, chăm lo và bảo vệ lợi ích hợp pháp, chính đáng của cán bộ, đoàn viên, thanh thiếu nhi.

- Tổ chức các hoạt động, tạo môi trường giáo dục, rèn luyện đoàn viên, thanh thiếu nhi nhằm góp phần thực hiện các nhiệm vụ chính trị - kinh tế - văn hoá - xã hội, quốc phòng - an ninh của địa phương, đơn vị.

- Phối hợp với chính quyền, các đoàn thể và các tổ chức kinh tế - xã hội làm tốt công tác thanh niên, chăm lo xây dựng đoàn, tích cực xây dựng cơ sở đoàn, hội, đội ở địa bàn dân cư, tham gia xây dựng, bảo vệ Đảng và chính quyền.

Quyền hạn của tổ chức cơ sở đoàn:

- Kết nạp đoàn viên mới, quản lý đoàn viên, tiếp nhận, chuyển sinh hoạt đoàn; giới thiệu đoàn viên ưu tú cho Đảng bồi dưỡng, kết nạp; giới thiệu cán bộ, đoàn viên vào quy hoạch đào tạo, sử dụng cán bộ của Đảng, Nhà nước, các đoàn thể và tổ chức kinh tế - xã hội.

- Tổ chức các hoạt động, các phong trào nhằm đoàn kết, tập hợp thanh niên, đáp ứng nhu cầu, lợi ích chính đáng, hợp pháp của tuổi trẻ; phối hợp với các ngành, các đoàn thể, các tổ chức kinh tế - xã hội tạo môi trường, điều kiện thuận lợi trong công tác thanh niên.

- Tổ chức các hoạt động tạo thêm việc làm và thu nhập cho cán bộ, đoàn viên, thanh niên, tạo nguồn kinh phí cho hoạt động của đoàn; được sử dụng con dấu hợp pháp.

5. Hội Nông dân

Hội Nông dân Việt Nam là tổ chức chính trị - xã hội của giai cấp nông dân do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo và là thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; cơ sở chính trị của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Tổ chức cơ sở Hội Nông dân theo đơn vị xã, phường, thị trấn là nền tảng của hội, là nơi trực tiếp với hội viên, nông dân. Những đơn vị kinh tế nông, lâm trường, hợp tác xã nếu có nhu cầu thành lập tổ chức hội nông dân và được hội cấp trên trực tiếp xem xét quyết định thì thành lập tổ chức hội nông dân phù hợp. Những cơ sở hội khi có nhu cầu sáp nhập, chia tách, giải thể thì ban chấp hành cơ sở đề nghị ban chấp hành cấp trên trực tiếp xem xét quyết định. Ban chấp hành, ban thường vụ cơ sở hội sinh hoạt mỗi tháng một kỳ, khi cần thiết thì họp bất thường.

Chi hội tổ chức theo thôn, ấp, bản, làng, khu phố, hợp tác xã và theo nghề nghiệp. Chi hội có thể chia thành nhiều tổ hội. Đại hội toàn thể hội viên hoặc đại biểu hội viên (nơi có đông hội viên) bầu ra ban chấp hành chi hội. Ban chấp hành chi hội bầu ra chi hội trưởng, chi hội phó. Bầu cử ban chấp hành chi hội, chi hội trưởng, chi hội phó bằng hình thức bỏ phiếu kín hoặc biểu quyết. Chi hội là đơn vị hành động, cầu nối của ban chấp hành cơ sở với hội viên, nông dân. Nhiệm kỳ của

ban chấp hành chi hội là hai năm rưỡi. Chi hội mỗi tháng họp một kỳ.

Nhiệm vụ của chi hội:

- Tổ chức học tập, phổ biến chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và điều lệ, nghị quyết, chỉ thị của hội cấp trên đến hội viên, nông dân. Chi hội phối hợp với các tổ chức trong hệ thống chính trị ở thôn, ấp, bản, làng, khu phố... vận động nông dân thực hiện chủ trương, chính sách, pháp luật và nghĩa vụ công dân với Nhà nước. Thực hiện tốt *Pháp lệnh dân chủ cơ sở*, vận động hoà giải tranh chấp trong nội bộ nông dân; nòng cốt trong các phong trào phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới.

- Hướng dẫn các tổ hội học tập nâng cao chất lượng và phát triển hội viên, sinh hoạt tổ hội, thu nộp hội phí, xây dựng quỹ hội; đoàn kết tương trợ giúp nhau trong sản xuất và đời sống.

- Hằng tháng chi hội phải báo cáo với ban chấp hành cơ sở và tổ chức đảng cùng cấp về tình hình tổ chức, hoạt động của hội, sản xuất, đời sống và tâm tư nguyện vọng của hội viên, nông dân.

Tổ hội là đơn vị dưới chi Hội, được thành lập theo địa bàn dân cư, theo nghề nghiệp, đơn vị kinh tế, tổ hợp tác,... cho phù hợp và thuận tiện sinh hoạt. Tổ hội có tổ trưởng và tổ phó do hội viên cử. Mỗi tháng tổ hội sinh hoạt một kỳ.

Nhiệm vụ của tổ hội là tuyên truyền, vận động hội viên, nông dân đoàn kết, tương trợ, hợp tác lao

động sản xuất, thực hiện nghĩa vụ công dân, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của hội viên, nông dân, vận động hội viên, nông dân xây dựng gia đình văn hoá, giữ gìn an ninh trật tự, hoà giải những vụ tranh chấp của hội viên, nông dân; thực hiện tốt nhiệm vụ phát triển hội viên, xây dựng quỹ hội, thu nộp hội phí theo quy định.

Ban chấp hành cơ sở hội nông dân có nhiệm vụ:

- Hướng dẫn các chi hội, tổ hội học tập, thực hiện điều lệ và nghị quyết, chỉ thị của hội; các nghị quyết của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước và của cấp ủy, chính quyền cơ sở.

- Thường xuyên đổi mới nội dung, phương thức hoạt động; phối hợp với chính quyền, các ngành, mặt trận, đoàn thể ở cơ sở tuyên truyền, vận động nông dân thực hiện các phong trào phát triển kinh tế - xã hội, tham gia kinh tế hợp tác và hợp tác xã, làng nghề, trang trại và các loại hình kinh tế tập thể khác. Tổ chức hoạt động hỗ trợ, tư vấn, dịch vụ giúp nông dân phát triển sản xuất, tạo việc làm, tăng thu nhập; chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của hội viên, nông dân.

- Nâng cao chất lượng hội viên; bồi dưỡng cán bộ hội; duy trì nền nếp sinh hoạt với nội dung thiết thực; xây dựng quỹ hội, thu nộp hội phí đúng quy định.

- Kiểm tra việc thực hiện điều lệ, chỉ thị, nghị quyết của hội; phối hợp với chính quyền, mặt trận, đoàn thể giám sát thực hiện chính sách, pháp luật

ở nông thôn; tham gia thực hiện *Pháp lệnh dân chủ cơ sở*, góp phần xây dựng Đảng, chính quyền trong sạch, vững mạnh; bồi dưỡng và giới thiệu với Đảng những cán bộ, hội viên ưu tú để Đảng xem xét, kết nạp.

- Thường xuyên phản ánh tình hình tổ chức, hoạt động của hội, tình hình sản xuất, đời sống, tâm tư nguyện vọng và những kiến nghị của hội viên, nông dân với cấp ủy đảng, chính quyền cùng cấp và hội cấp trên.

- Chuẩn bị nội dung, tổ chức đại hội khi hết nhiệm kỳ.

Hướng dẫn số 344-HD/HND ngày 7-5-2009 của Trung ương Hội Nông dân Việt Nam về thi hành *Điều lệ Hội Nông dân Việt Nam* quy định:

Hội nông dân xã, phường, thị trấn và đơn vị tương đương (nông, lâm trường...) gọi là cơ sở hội. Tổ chức cơ sở hội là nền tảng của hội, là nơi trực tiếp với hội viên, nông dân, vận động, hướng dẫn hội viên, nông dân đoàn kết, tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, cơ sở là nơi trực tiếp thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của hội.

Những cơ sở hội khi có nhu cầu giải thể thì ban chấp hành cơ sở đề nghị ban chấp hành cấp trên trực tiếp xem xét quyết định. Việc giải thể tổ chức hội phải có sự trao đổi thống nhất giữa tổ chức hội cấp trên trực tiếp, cấp ủy nơi có tổ chức hội đề nghị giải thể và cấp ủy cùng cấp.

Trường hợp tổ chức hội cấp dưới không còn tổ chức hội cấp trên trực tiếp thì hội cấp trên kế tiếp trực tiếp chỉ đạo tổ chức hội cấp dưới đó. Cụ thể như sau:

- Tại các huyện, quận, thị, thành phố trực thuộc tỉnh, không có tổ chức hội mà có cơ sở hội cấp dưới thì ban thường vụ cấp tỉnh, thành hội trực tiếp chỉ đạo và thống nhất với cấp uỷ cấp huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh cử người theo dõi cơ sở hội đó; việc công nhận uỷ viên ban chấp hành, ban thường vụ, chức danh chủ tịch, các phó chủ tịch do ban thường vụ tỉnh, thành hội quyết định.

- Trường hợp cấp cơ sở hội không còn, mà còn chi hội thì ban thường vụ cấp huyện trực tiếp chỉ đạo và thống nhất với cấp uỷ cấp xã, phường, thị trấn cử người theo dõi chi hội đó. Việc công nhận uỷ viên ban chấp hành, chi hội trưởng, chi hội phó do ban thường vụ huyện hội quyết định.

- Trường hợp cấp cơ sở hội và cả cấp huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh không còn tổ chức hội mà còn chi hội thì ban thường vụ cấp tỉnh trực tiếp chỉ đạo và thống nhất với cấp uỷ cấp xã, phường, thị trấn cử người theo dõi chi hội đó. Việc công nhận uỷ viên ban chấp hành, chi hội trưởng, chi hội phó do ban thường vụ tỉnh hội quyết định.

- Chi hội tổ chức theo thôn, ấp, bản, làng, khu

phổ phù hợp với địa bàn hoạt động của chi bộ đảng, theo hợp tác xã và theo nghề nghiệp. Những chi hội có quy mô lớn, có từ 50 hội viên trở lên thì chia thành các tổ hội, theo nghề nghiệp, tổ hợp tác hoặc cụm dân cư. Đối với những vùng sâu, vùng xa, miền núi, hải đảo do địa bàn rộng, phức tạp, dân cư phân tán, đi lại khó khăn thì dưới 50 hội viên vẫn có thể chia thành các tổ hội để thuận tiện cho việc sinh hoạt và hoạt động hội.

- Đại hội hội viên hoặc đại biểu hội viên (ở những chi hội có đông hội viên) bầu ra ban chấp hành chi hội. Ban chấp hành chi hội bầu ra chi hội trưởng và chi hội phó. Bầu cử ban chấp hành chi hội, chi hội trưởng, chi hội phó bằng hình thức bỏ phiếu kín hoặc biểu quyết giơ tay. Số lượng đại biểu ở đại hội đại biểu và số lượng uỷ viên ban chấp hành chi hội do cơ sở hội trực tiếp hướng dẫn.

- Ban chấp hành chi hội phải được ban chấp hành cơ sở hội công nhận bằng văn bản.

- Chi hội họp mỗi tháng một lần, khi cần thiết có thể họp bất thường. Mỗi uỷ viên ban chấp hành được phân công phụ trách một số công việc cụ thể hoặc trực tiếp làm tổ trưởng tổ hội.

- Nhiệm kỳ đại hội chi hội là hai năm rưỡi. Trường hợp đặc biệt có thể tổ chức sớm hơn hoặc muộn hơn nhưng không quá 6 tháng và phải được ban chấp hành cơ sở hội đồng ý.

Đ. CÁC CƠ QUAN CHUYÊN MÔN CẤP XÃ

1. Công an xã

Công an xã là lực lượng vũ trang bán chuyên trách, thuộc hệ thống tổ chức của Công an nhân dân, làm nòng cốt trong phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn xã.

Công an xã có chức năng tham mưu cho cấp ủy đảng, ủy ban nhân dân cùng cấp về công tác bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn xã; thực hiện chức năng quản lý về an ninh, trật tự, an toàn xã hội, các biện pháp phòng, chống tội phạm và các vi phạm pháp luật khác về an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn xã theo quy định của pháp luật.

Công an xã chịu sự lãnh đạo trực tiếp, toàn diện của cấp ủy đảng, sự quản lý, điều hành của ủy ban nhân dân cùng cấp và sự chỉ đạo, hướng dẫn nghiệp vụ của công an cấp trên.

Hoạt động của công an xã tuân thủ Hiến pháp và pháp luật; cấp dưới phục tùng cấp trên; dựa vào nhân dân, chịu sự giám sát của nhân dân.

Nhiệm vụ, quyền hạn của công an xã:

- Nắm tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn xã, đề xuất với cấp ủy đảng, ủy ban nhân dân cùng cấp và cơ quan công an cấp trên về chủ trương, kế hoạch, biện pháp bảo đảm

an ninh, trật tự, an toàn xã hội và tổ chức thực hiện chủ trương, kế hoạch, biện pháp đó.

- Làm nòng cốt xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về an ninh, trật tự, an toàn xã hội; hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện quy định của pháp luật về an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn xã theo thẩm quyền.

- Tham mưu cho uỷ ban nhân dân xã và tổ chức thực hiện quy định của pháp luật về quản lý, giáo dục các đối tượng phải chấp hành hình phạt quản chế, cải tạo không giam giữ, người bị kết án tù nhưng được hưởng án treo đang cư trú trên địa bàn xã; quản lý người được đặc xá, người sau cai nghiện ma túy và người chấp hành xong hình phạt tù thuộc diện phải tiếp tục quản lý theo quy định của pháp luật.

- Chủ trì, phối hợp với cơ quan, tổ chức và lực lượng khác phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh chống tội phạm và tệ nạn xã hội theo quy định của pháp luật; bảo vệ an ninh, trật tự, an toàn xã hội; bảo vệ tính mạng, tài sản của cá nhân, cơ quan, tổ chức trên địa bàn xã.

- Thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý cư trú, chứng minh nhân dân và các giấy tờ đi lại khác; quản lý vật liệu nổ, vũ khí, công cụ hỗ trợ, phòng cháy, chữa cháy, bảo vệ môi trường; quản lý về an ninh, trật tự đối với ngành, nghề

kinh doanh có điều kiện trên địa bàn xã theo phân cấp và hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Công an.

- Tiếp nhận, phân loại, xử lý theo thẩm quyền các vụ việc có dấu hiệu vi phạm pháp luật về an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn xã; kiểm tra người, đồ vật, giấy tờ tùy thân, thu giữ vũ khí, hung khí của người có hành vi vi phạm pháp luật quả tang; tổ chức cấp cứu nạn nhân, bảo vệ hiện trường và báo cáo ngay cho cơ quan có thẩm quyền; lập hồ sơ ban đầu, lấy lời khai người bị hại, người biết vụ việc, thu giữ, bảo quản vật chứng theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Công an; cung cấp hồ sơ, tài liệu, vật chứng, thông tin thu thập được và tạo điều kiện cho cơ quan có thẩm quyền xác minh, xử lý vụ việc.

- Tổ chức bắt người phạm tội quả tang, người có quyết định truy nã, truy tìm đang lẩn trốn trên địa bàn xã; dẫn giải người bị bắt lên cơ quan công an cấp trên trực tiếp.

- Xử phạt vi phạm hành chính; lập hồ sơ đề nghị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính khác đối với người vi phạm pháp luật trên địa bàn xã theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Công an.

- Được yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân trên địa bàn xã phối hợp hoạt động, cung cấp thông tin và thực hiện nhiệm vụ có liên quan đến bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

- Trong trường hợp cấp thiết, để cấp cứu người

bị nạn, cứu hộ, cứu nạn, đuổi bắt người phạm tội quả tang, người có quyết định truy nã, truy tìm, được quyền huy động người, phương tiện của tổ chức, cá nhân và phải trả lại ngay phương tiện được huy động khi tình huống cấp thiết chấm dứt và báo cáo ngay với chủ tịch uỷ ban nhân dân cùng cấp.

Trường hợp có thiệt hại về tài sản thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật; người được huy động làm nhiệm vụ mà bị thương hoặc bị chết thì được giải quyết theo chính sách của Nhà nước.

- Được sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ và thực hiện một số biện pháp công tác công an theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Công an để bảo vệ an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn xã.

- Tham gia thực hiện công tác tuyển sinh, tuyển dụng vào lực lượng vũ trang nhân dân; luyện tập, diễn tập thực hiện các phương án quốc phòng, an ninh, cứu hộ, cứu nạn, khắc phục hậu quả thiên tai và các sự cố nghiêm trọng khác.

- Xây dựng lực lượng công an xã trong sạch, vững mạnh về chính trị, tổ chức và nghiệp vụ.

- Thực hiện nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

Công an xã gồm các chức danh: trưởng công an xã, phó trưởng công an xã và công an viên. Công an viên được bố trí tại thôn, xóm, làng, ấp, bản, buôn, phum, sóc và bố trí làm nhiệm vụ thường trực tại trụ sở hoặc nơi làm việc của công

an xã. Chính phủ quy định khung số lượng phó trưởng công an xã và công an viên.

Căn cứ vào quy định khung số lượng của Chính phủ và tình hình thực tế của địa phương, uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là cấp tỉnh) trình hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định cụ thể số lượng phó trưởng công an xã và công an viên từng xã.

Trưởng công an huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là cấp huyện) sau khi trao đổi, thống nhất với chủ tịch uỷ ban nhân dân xã, đề nghị chủ tịch uỷ ban nhân dân cấp huyện bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, cách chức trưởng công an xã; bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức phó trưởng công an xã.

Chủ tịch uỷ ban nhân dân xã theo đề nghị của trưởng công an xã quyết định công nhận, miễn nhiệm công an viên.

Trong trường hợp cần thiết, do yêu cầu bảo vệ an ninh, trật tự, an toàn xã hội, giám đốc công an cấp tỉnh sau khi trao đổi, thống nhất với chủ tịch uỷ ban nhân dân cấp huyện, quyết định điều động sĩ quan, hạ sĩ quan công an nhân dân đảm nhiệm các chức danh công an xã.

Công an xã có con dấu riêng.

Trưởng công an xã có trách nhiệm tổ chức thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của công an xã; chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước uỷ ban

nhân dân cùng cấp và công an cấp trên về hoạt động của công an xã.

Phó trưởng công an xã giúp trưởng công an xã thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của trưởng công an xã; khi trưởng công an xã vắng mặt thì phó trưởng công an xã được trưởng công an xã ủy quyền thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của trưởng công an xã.

Công an viên thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của trưởng công an xã; chịu trách nhiệm triển khai thực hiện chủ trương, kế hoạch, biện pháp bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở địa bàn dân cư do mình phụ trách và thực hiện các nhiệm vụ khác về bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội do trưởng công an xã giao.

Nghị định số 73/2009/NĐ-CP ngày 07-9-2009 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của *Pháp lệnh công an xã* quy định:

- Xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự và khung số lượng phó trưởng công an xã và công an viên:

+ Xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự là xã có vị trí quan trọng về chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội, an ninh - quốc phòng hoặc nơi có tình hình an ninh chính trị thường xuyên có diễn biến phức tạp. Việc xác định xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự do chủ tịch uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là cấp tỉnh) đề nghị, Bộ trưởng Bộ Công

an xem xét, quyết định. Hằng năm, các địa phương rà soát, đề nghị điều chỉnh, bổ sung xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự.

+ Khung số lượng phó trưởng công an xã và công an viên được quy định như sau:

Mỗi xã được bố trí 1 phó trưởng công an xã; xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự, xã loại 1 và xã loại 2 được bố trí không quá 2 phó trưởng công an xã;

Mỗi thôn, xóm, làng, ấp, bản, buôn, phum, sóc và đơn vị dân cư tương đương được bố trí 1 công an viên. Đối với thôn, xóm, làng, ấp, bản, buôn, phum, sóc và đơn vị dân cư tương đương thuộc xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự, xã loại 1 và xã loại 2 được bố trí không quá 2 công an viên;

Trụ sở hoặc nơi làm việc của công an xã được bố trí không quá 3 công an viên làm nhiệm vụ thường trực 24/24 giờ hằng ngày.

Công dân Việt Nam từ đủ 18 tuổi trở lên, có đủ các tiêu chuẩn dưới đây thì được xem xét, tuyển chọn vào công an xã nơi đang cư trú:

- Lý lịch rõ ràng, phẩm chất đạo đức tốt, không có tiền án, tiền sự; bản thân và gia đình chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Trưởng công an xã phải là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam;

- Đủ sức khỏe để thực hiện nhiệm vụ công an xã (được cơ sở y tế cấp huyện trở lên chứng nhận);

- Trưởng công an xã, phó trưởng công an xã

phải là người đã học xong chương trình trung học phổ thông trở lên (có bằng tốt nghiệp hoặc có giấy chứng nhận đã học hết chương trình trung học phổ thông do cơ quan có thẩm quyền cấp); công an viên phải là người đã tốt nghiệp từ trung học cơ sở trở lên;

Đối với miền núi, vùng sâu, vùng xa không có đối tượng tuyển chọn có đủ tiêu chuẩn học vấn theo quy định tại điểm này thì trình độ học vấn của trưởng công an xã, phó trưởng công an xã và công an viên có thể thấp hơn nhưng cũng phải là người đã học xong chương trình tiểu học trở lên;

- Có khả năng thực hiện nhiệm vụ và có đơn tự nguyện tham gia công an xã.

Ủy ban nhân dân cấp huyện, ủy ban nhân dân cấp xã phải có quy hoạch, kế hoạch tuyển chọn, bố trí, sử dụng công an xã, bảo đảm ổn định, lâu dài, đáp ứng yêu cầu bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở địa bàn cơ sở; ưu tiên tuyển chọn chiến sĩ phục vụ có thời hạn trong công an nhân dân đã hoàn thành nghĩa vụ trở về địa phương tham gia lực lượng công an xã.

Việc tuyển chọn người tham gia công an xã phải bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch, theo đúng tiêu chuẩn quy định tại nghị định này và hướng dẫn của Bộ Công an.

Trưởng công an cấp huyện, trưởng công an xã có trách nhiệm tham mưu, giúp chủ tịch ủy ban nhân dân cùng cấp trong việc quy hoạch, tuyển

chọn, bố trí, sử dụng công an xã. Trưởng công an xã, phó trưởng công an xã được đào tạo, bồi dưỡng, huấn luyện tại trung tâm huấn luyện và bồi dưỡng nghiệp vụ của công an cấp tỉnh hoặc các trường trung học cảnh sát nhân dân, trung học an ninh nhân dân. Bộ trưởng Bộ Công an quy định cụ thể thời gian, chương trình, nội dung đào tạo trưởng công an xã, phó trưởng công an xã.

Trang phục và niên hạn sử dụng trang phục của công an xã được quy định như sau:

STT	Tên trang phục	Đơn vị tính	Số lượng	Niên hạn (năm)
1	Mũ mềm	cái	1	2
2	Mũ cứng	cái	1	3
3	Mũ bảo hiểm	cái	1	5
4	Quần, áo thu đông	bộ	1	2
5	Áo sơ mi	cái	2	2
6	Quần, áo xuân hè	bộ	1	1
7	Dây lưng nhỏ	cái	1	3
8	Giày da	đôi	1	2
9	Bít tất	đôi	2	1
10	Áo ấm	cái	1	3
11	Caravat	cái	1	2
12	Quần, áo đi mưa	bộ	1	3

Quần, áo thu đông và áo ấm được trang bị cho các địa phương từ Thừa Thiên Huế trở ra phía bắc

và năm tỉnh Tây Nguyên; các địa phương còn lại được trang bị quần, áo xuân hè.

Màu trang phục: quần, áo, mũ, bát tất màu cỏ úa; dây lưng nhỏ màu nâu, khóa màu vàng; giày da màu đen.

Kiểu trang phục:

- Áo thu đông: Áo mặc trong may kiểu sơ mi dài tay, cổ đứng (có thắt caravat); áo mặc ngoài may kiểu veston dài tay, thân áo trước có 4 túi may ộp ngoài, cúc áo bằng nhựa cùng màu vải. Trên tay trái của áo có gắn phù hiệu công an xã;

- Áo xuân hè may kiểu bludong dài tay, cổ đứng; thân áo trước có 2 túi ngực may ộp ngoài, cúc áo bằng nhựa cùng màu vải. Trên tay trái áo có gắn phù hiệu công an xã (hình lá chắn cao 90 mm, rộng 70 mm, nền màu xanh lục, đường viền xung quanh phù hiệu màu vàng, trên nền phù hiệu có hàng chữ công an xã);

- Quần may theo kiểu quần âu;

- Mũ mềm, phía trên có gắn phù hiệu công an xã (hình lá chắn, trên nền biểu tượng ở giữa có hình thanh kiếm và ngôi sao năm cánh màu vàng, dưới biểu tượng là hình nửa bánh xe và có hình cuốn thư màu vàng, trên nền cuốn thư có chữ “công an xã” màu đỏ).

Trang phục, phù hiệu và giấy chứng nhận của công an xã phải được quản lý chặt chẽ theo đúng chế độ quy định và chỉ được sử dụng khi thi hành công vụ. Nghiêm cấm việc cho mượn, cho

thuê, mua, bán trái phép trang phục, phù hiệu công an xã.

Bộ trưởng Bộ Công an quy định cụ thể và hướng dẫn chi tiết mẫu trang phục, phù hiệu, giấy chứng nhận công an xã; quy định việc cấp, đổi, thu hồi và xử lý vi phạm đối với trường hợp làm mất giấy chứng nhận công an xã.

Trưởng công an xã, phó trưởng công an xã và công an viên được hưởng chế độ lương, phụ cấp theo quy định của Chính phủ về chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn.

Trưởng công an xã, phó trưởng công an xã và công an viên thực hiện bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế theo quy định của *Luật bảo hiểm xã hội, Luật bảo hiểm y tế*.

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Bộ Công an hướng dẫn việc thực hiện bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế đối với trưởng công an xã, phó trưởng công an xã và công an viên theo quy định của *Luật bảo hiểm xã hội, Luật bảo hiểm y tế*.

Trưởng công an xã có thời gian phục vụ liên tục từ đủ 60 tháng trở lên được hưởng phụ cấp thâm niên mỗi năm bằng 1% lương và phụ cấp hiện hưởng; có thời gian công tác liên tục từ đủ 15 năm trở lên nếu nghỉ việc vì lý do chính đáng mà chưa đủ điều kiện nghỉ hưu thì được hưởng trợ cấp một lần, cứ mỗi năm công tác được tính bằng 1,5 tháng mức bình quân tiền lương và phụ cấp đóng bảo hiểm hiện hưởng.

Phụ cấp thâm niên được chi trả hàng tháng cùng kỳ lương và dùng để đóng, hưởng chế độ bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế.

Phó trưởng công an xã và công an viên có thời gian công tác liên tục từ đủ 15 năm trở lên nếu nghỉ việc vì lý do chính đáng thì được hưởng trợ cấp một lần, cứ mỗi năm công tác được tính bằng 1,5 tháng mức bình quân phụ cấp hiện hưởng; khi được cử đi tập trung đào tạo, huấn luyện, bồi dưỡng chính trị, pháp luật, nghiệp vụ được hưởng chế độ bồi dưỡng bằng mức tiền ăn cơ bản của chiến sĩ phục vụ có thời hạn cho Công an nhân dân; khi đi công tác được hưởng chế độ như đối với công chức cấp xã.

Trưởng công an xã, phó trưởng công an xã và công an viên khi làm nhiệm vụ thường trực sẵn sàng chiến đấu tại những nơi thuộc địa bàn trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự được hưởng trợ cấp mỗi ngày bằng 0,05 lần của lương tối thiểu chung. Trường hợp làm nhiệm vụ cách xa nơi cư trú, không có điều kiện đi, về hàng ngày thì được cơ quan đã ra quyết định huy động bố trí nơi nghỉ, hỗ trợ phương tiện, chi phí đi lại hoặc thanh toán tiền tàu xe một lần đi, về.

Trưởng công an xã, phó trưởng công an xã và công an viên bị ốm đau trong thời gian công tác được khám, chữa bệnh tại các cơ sở y tế và được hỗ trợ thanh toán tiền khám, chữa bệnh từ nguồn ngân sách địa phương, mức hỗ trợ cụ thể do chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định.

Trưởng công an xã, phó trưởng công an xã và công an viên bị tai nạn trong làm nhiệm vụ, trong khi tập trung đào tạo, huấn luyện, bồi dưỡng chính trị, pháp luật, nghiệp vụ hoặc trên đường đi làm nhiệm vụ, trên đường đi, về nơi tập trung huấn luyện, bồi dưỡng chính trị, pháp luật, nghiệp vụ theo quyết định triệu tập của cấp có thẩm quyền thì được hưởng các chế độ như sau:

- Được thanh toán chi phí y tế trong quá trình sơ cứu, cấp cứu đến khi điều trị ổn định thương tật, xuất viện;

- Sau khi điều trị, được uỷ ban nhân dân xã giới thiệu đi giám định khả năng lao động tại hội đồng giám định y khoa theo quy định của pháp luật.

Trường hợp người có tham gia bảo hiểm xã hội thì thực hiện trợ cấp một lần hoặc hàng tháng theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội. Trường hợp người chưa tham gia bảo hiểm xã hội bị suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên thì được hưởng chế độ trợ cấp một lần, mức trợ cấp do Bộ Công an và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn cụ thể;

- Người bị tai nạn làm khiếm khuyết một hay nhiều bộ phận cơ thể hoặc chức năng, biểu hiện dưới những dạng tật khác nhau, làm suy giảm khả năng hoạt động, khiến cho lao động, học tập gặp nhiều khó khăn thì được hưởng các chế độ ưu đãi theo quy định của pháp luật đối với người tàn tật;

- Trường hợp bị chết, kể cả chết trong thời

gian điều trị lần đầu, nếu người bị chết có tham gia bảo hiểm xã hội thì thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội; trường hợp người bị chết chưa tham gia bảo hiểm xã hội thì người chịu trách nhiệm mai táng được nhận tiền mai táng bằng 8 (tám) tháng lương tối thiểu và gia đình của người đó được trợ cấp một lần bằng 5 (năm) tháng lương tối thiểu.

- Trưởng công an xã, phó trưởng công an xã và công an viên bị thương, hy sinh trong khi làm nhiệm vụ hoặc vì lý do thi hành công vụ, được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật về ưu đãi người có công với cách mạng.

- Kinh phí chi trả các chế độ bị tai nạn do ngân sách địa phương chi trả. Đối với người có tham gia bảo hiểm xã hội do quỹ bảo hiểm xã hội chi trả.

Nguồn kinh phí bảo đảm cho hoạt động của công an xã gồm ngân sách trung ương và ngân sách địa phương. Nhà nước bảo đảm kinh phí và cơ sở vật chất phục vụ hoạt động, đào tạo, huấn luyện, bồi dưỡng, thực hiện chế độ, chính sách và các điều kiện cần thiết khác cho công an xã.

Chi ngân sách nhà nước bảo đảm cho hoạt động của công an xã được thực hiện như sau:

- Nhiệm vụ chi của Bộ Công an: Bảo đảm công tác đào tạo, huấn luyện, bồi dưỡng về chính trị, pháp luật, nghiệp vụ cho lực lượng công an xã do Bộ Công an tổ chức và bảo đảm chế độ bồi dưỡng

cho phó trưởng công an xã và công an viên khi được cử đi học tập tại các khóa đào tạo, huấn luyện, bồi dưỡng đó; sản xuất, mua sắm, sửa chữa vũ khí, công cụ hỗ trợ, trang thiết bị, mẫu trang phục, phù hiệu, giấy chứng nhận công an xã; chi tổng kết, khen thưởng trong công tác xây dựng lực lượng công an xã do Bộ Công an tổ chức; các khoản chi khác cho công an xã theo quy định của pháp luật thuộc trách nhiệm của Bộ Công an.

- Nhiệm vụ chi của địa phương: Chi trả tiền lương, phụ cấp và đóng, nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế; thực hiện các chế độ, chính sách: bồi dưỡng, trợ cấp, ốm đau, thai sản, tai nạn, bị thương, bị hy sinh hoặc tử trần; chi cho công tác đào tạo, huấn luyện, bồi dưỡng chính trị, pháp luật, nghiệp vụ do địa phương tổ chức và bảo đảm chế độ bồi dưỡng cho phó trưởng công an xã và công an viên khi được cử đi học tập tại các đợt đào tạo, huấn luyện, bồi dưỡng đó; mua sắm trang phục, phù hiệu và in, cấp giấy chứng nhận công an xã theo mẫu quy định của Bộ Công an; chi sơ kết, tổng kết và khen thưởng đơn vị, tổ chức, cá nhân có thành tích trong công tác xây dựng lực lượng công an xã do địa phương tổ chức; các khoản chi khác cho công an xã theo quy định của pháp luật thuộc trách nhiệm của địa phương.

Đối với một số nhiệm vụ chi nếu đã thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế thì do cơ quan bảo hiểm xã hội chi trả, ngân sách nhà nước

không thực hiện nhiệm vụ chi này. Việc lập dự toán, chấp hành và quyết toán ngân sách bảo đảm cho hoạt động của công an xã được thực hiện theo quy định của *Luật ngân sách nhà nước* và các văn bản hướng dẫn thi hành.

2. Xã đội

Xã đội có trách nhiệm tham mưu cho uỷ ban nhân dân cấp xã trong việc tổ chức, chỉ đạo về công tác quốc phòng, quân sự; trực tiếp chỉ đạo, chỉ huy lực lượng dân quân, tự vệ trong xây dựng và hoạt động. Xã đội gồm có xã đội trưởng là thành viên uỷ ban nhân dân xã, chính trị viên là cán bộ kiêm nhiệm, xã đội phó là cán bộ chuyên môn. Xã đội trưởng phải qua đào tạo theo chương trình, nội dung và thời gian do Chính phủ quy định. Xã đội có nơi làm việc và các trang thiết bị cần thiết phục vụ công tác phù hợp với từng địa phương.

Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức cán bộ chỉ huy dân quân, tự vệ, cán bộ làm công tác quốc phòng, quân sự ở xã, phường, thị trấn và cơ quan, tổ chức do Chính phủ quy định.

Hoạt động của lực lượng dân quân, tự vệ trong sẵn sàng chiến đấu, chiến đấu, phục vụ chiến đấu, bảo vệ an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội đặt dưới sự lãnh đạo của cấp uỷ đảng và sự điều hành của chủ tịch uỷ ban nhân dân các cấp, sự chỉ đạo, chỉ huy trực tiếp của xã đội và của cơ quan quân sự cấp trên.

Nghị định số 184/2004/NĐ-CP ngày 2-11-2004 của Chính phủ quy định chi tiết việc thi hành *Pháp lệnh dân quân tự vệ* quy định:

Chức năng, nhiệm vụ của xã đội:

- Tham mưu giúp cấp ủy, ủy ban nhân dân cấp xã lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành thực hiện toàn diện nhiệm vụ quốc phòng, quân sự ở cơ sở; làm nòng cốt tổ chức thực hiện các nhiệm vụ: xây dựng làng, xã chiến đấu gắn xây dựng cơ sở vững mạnh toàn diện, thực hiện những nhiệm vụ quản lý, tuyển quân, công tác dân quân, tự vệ, dự bị động viên, giáo dục quốc phòng và phối hợp các lực lượng giữ vững sự ổn định chính trị ở địa phương.

- Tổ chức xây dựng các kế hoạch về quốc phòng, quân sự ở cơ sở; xây dựng, huấn luyện và hoạt động chiến đấu trị an, phòng chống thiên tai, dịch họa và công tác vận động quần chúng của lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên.

- Chủ trì, phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể triển khai thực hiện công tác quốc phòng, quân sự theo sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng, ủy ban nhân dân cấp mình và chỉ thị, mệnh lệnh, kế hoạch, hướng dẫn của cơ quan quân sự cấp trên.

- Tổ chức đăng ký, quản lý chặt chẽ số lượng, chất lượng công dân trong độ tuổi dân quân tự vệ, nam công dân trong độ tuổi sẵn sàng nhập ngũ, thực hiện nghĩa vụ quân sự, tuyển chọn công dân nhập ngũ, quản lý huy động lực lượng

dự bị động viên và phương tiện kỹ thuật để sẵn sàng động viên thời chiến theo quy định của pháp luật; tổ chức xây dựng và giáo dục chính trị, huấn luyện quân sự cho lực lượng dân quân; lập kế hoạch huy động lực lượng dân quân làm nhiệm vụ theo thẩm quyền.

- Tổ chức phối hợp hiệp đồng với công an và các lực lượng khác giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ đảng, chế độ xã hội chủ nghĩa, chính quyền, tính mạng và tài sản của nhân dân, tài sản của Nhà nước, của tổ chức ở cơ sở, tính mạng và tài sản của cá nhân người nước ngoài, mục tiêu và công trình quốc phòng - an ninh trên địa bàn.

- Phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể tuyên truyền, giáo dục quốc phòng cho lực lượng vũ trang và nhân dân ở cơ sở, tổ chức lực lượng dân quân, dự bị động viên tham gia xây dựng cơ sở vững mạnh toàn diện, tham gia thực hiện công tác hậu phương quân đội.

- Đăng ký, quản lý chặt chẽ, bảo quản và sử dụng vũ khí trang bị của dân quân tự vệ.

- Xây dựng kế hoạch bảo đảm tài chính, hậu cần, kỹ thuật tại chỗ để sẵn sàng đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong mọi tình huống.

- Tổ chức kiểm tra, đôn đốc, sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm về công tác quốc phòng, quân sự.

Xã đội được sử dụng con dấu riêng.

Chức trách, nhiệm vụ của thôn đội, ấp đội,

khóm đội, bản đội, buôn đội, sóc đội, phum đội, tổ đội, cụm đội, khu đội (sau đây gọi chung là thôn đội):

- Giúp trưởng thôn, xã đội triển khai thực hiện công tác quốc phòng, quân sự ở thôn.

- Theo kế hoạch của xã đội, trực tiếp quản lý, chỉ huy dân quân nòng cốt, dân quân rộng rãi và quản lý lực lượng dự bị động viên, nam công dân trong độ tuổi sẵn sàng nhập ngũ ở thôn.

- Chỉ huy lực lượng dân quân thôn phối hợp với công an thôn và các lực lượng khác giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trong thôn, bảo vệ tính mạng và tài sản của nhân dân, tài sản của tập thể, của Nhà nước trên địa bàn; tham gia phòng chống thiên tai, dịch hoặ; làm tốt công tác tuyên truyền vận động nhân dân; tham gia xây dựng cơ sở vững mạnh toàn diện theo sự chỉ đạo của xã đội.

Tỉnh đội trưởng quyết định thành lập xã đội. Huyện đội trưởng quyết định thành lập thôn đội theo đề nghị của xã đội. Cấp có thẩm quyền quyết định thành lập đến cấp nào thì có quyền quyết định giải thể đến cấp đó.

Chủ tịch uỷ ban nhân dân cấp huyện quyết định bổ nhiệm xã đội trưởng, chính trị viên xã đội, xã đội phó theo đề nghị của chủ tịch uỷ ban nhân dân cấp xã sau khi đã thống nhất với huyện đội trưởng. Huyện đội trưởng quyết định bổ nhiệm cán bộ thôn đội trưởng theo đề nghị của xã đội trưởng.

Việc miễn nhiệm chức vụ đối với cán bộ xã đội trong các trường hợp sau đây:

- Khi thay đổi tổ chức mà không còn biên chế chức vụ đang đảm nhiệm.

- Cán bộ không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện thực hiện chức vụ hiện tại.

- Cán bộ đến tuổi nghỉ hưu.

- Cán bộ chuyển công tác khác.

Cán bộ xã đội bị xử lý kỷ luật cách chức trong các trường hợp sau:

- Vi phạm pháp luật.

- Vi phạm phẩm chất đạo đức của người cán bộ.

- Năng lực quản lý yếu kém, để đơn vị xảy ra các vụ việc gây hậu quả nghiêm trọng, không hoàn thành nhiệm vụ.

Cấp có thẩm quyền quyết định bổ nhiệm cấp nào thì có quyền quyết định miễn nhiệm, cách chức đến cấp đó*.

3. Tổ chức bộ máy làm công tác tư pháp

Điều 7 Thông tư liên tịch số 01/2009/TTLT-BTP-BNV ngày 28-4-2009 của liên Bộ Tư pháp - Nội vụ hướng dẫn về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức các cơ quan chuyên môn giúp ủy ban nhân dân quản lý nhà nước về công tác tư

* Ghi chú: Luật dân quân tự vệ ngày 23-11-2009 sẽ có hiệu lực thi hành từ ngày 1-7-2010, thay thế Pháp lệnh dân quân tự vệ.

pháp ở địa phương quy định: uỷ ban nhân dân cấp xã thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác tư pháp trên địa bàn, có các nhiệm vụ, quyền hạn sau:

- Ban hành và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch, quyết định, chỉ thị về công tác tư pháp ở cấp xã; theo dõi, kiểm tra tình hình thực hiện sau khi được cấp có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt.

- Tổ chức lấy ý kiến nhân dân về các dự án luật, pháp lệnh theo hướng dẫn của uỷ ban nhân dân cấp huyện và cơ quan tư pháp cấp trên.

- Tổ chức thực hiện việc tự kiểm tra các quyết định, chỉ thị do uỷ ban nhân dân cấp xã ban hành; rà soát văn bản quy phạm pháp luật do hội đồng nhân dân, uỷ ban nhân dân cấp xã ban hành; chỉ đạo, hướng dẫn việc xây dựng quy ước, hương ước thôn, tổ dân phố phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.

- Theo dõi, báo cáo tình hình thi hành văn bản quy phạm pháp luật, phát hiện, đề xuất biện pháp giải quyết những khó khăn vướng mắc trong thi hành văn bản quy phạm pháp luật ở cấp xã với phòng tư pháp cấp huyện.

- Tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật; quản lý, khai thác, sử dụng tủ sách pháp luật ở cấp xã.

- Tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về tổ chức và hoạt động hòa giải ở cơ sở, bồi

duỡng, cung cấp tài liệu nghiệp vụ cho tổ viên tổ hoà giải trên địa bàn theo sự hướng dẫn của cơ quan tư pháp cấp trên.

- Thực hiện việc đăng ký, đăng ký lại việc sinh, tử, kết hôn, nhận nuôi con nuôi; thay đổi, cải chính hộ tịch cho người dưới 14 tuổi và bổ sung hộ tịch cho mọi trường hợp không phân biệt độ tuổi; đăng ký khai sinh, khai tử quá hạn theo quy định của pháp luật; quản lý, sử dụng các loại sổ hộ tịch, biểu mẫu hộ tịch theo quy định của Bộ Tư pháp; lưu trữ sổ hộ tịch, giấy tờ hộ tịch; cấp bản sao giấy tờ hộ tịch từ sổ hộ tịch.

- Thực hiện một số việc về quốc tịch thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính các giấy tờ, văn bản bằng tiếng Việt; chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản bằng tiếng Việt; chứng thực các việc khác theo quy định của pháp luật.

- Phối hợp với cơ quan thi hành án dân sự trong thi hành án dân sự trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

- Báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ quản lý công tác tư pháp được giao với uỷ ban nhân dân cấp huyện và phòng tư pháp.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác do uỷ ban nhân dân cấp huyện giao.

Điều 8 Thông tư liên tịch số 01/2009/TTLT-BTP-BNV quy định:

- Ở cấp xã có công chức tư pháp - hộ tịch tham mưu giúp uỷ ban nhân dân cấp xã tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn tại Điều 7 của thông tư liên tịch này.

- Đối với những xã, phường, thị trấn có khối lượng công việc lớn, căn cứ vào điều kiện cụ thể của địa phương, uỷ ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm bố trí đủ cán bộ tư pháp - hộ tịch để đảm bảo thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao.

4. Tổ chức bộ máy làm công tác dân số

Thông tư số 05/2008/TT-BYT ngày 14-5-2008 của Bộ Y tế hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức bộ máy dân số - kế hoạch hóa gia đình ở địa phương, phần cán bộ, công tác viên làm công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình ở xã, thôn, bản quy định:

Cán bộ chuyên trách dân số - kế hoạch hóa gia đình xã có trách nhiệm giúp việc cho trạm trưởng trạm y tế cấp xã xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện chương trình mục tiêu dân số - kế hoạch hóa gia đình trên địa bàn xã. Cán bộ chuyên trách dân số - kế hoạch hóa gia đình xã là viên chức của trạm y tế xã, chịu sự chỉ đạo trực tiếp của trạm trưởng trạm y tế xã, chịu sự quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn về chuyên môn nghiệp vụ của trung tâm dân số - kế hoạch hóa gia đình huyện.

1- Nhiệm vụ:

- Xây dựng kế hoạch công tác năm, chương

trình công tác quý, tháng, tuần về dân số - kế hoạch hóa gia đình. Sau khi kế hoạch được trạm trưởng trạm y tế cấp xã trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, cán bộ dân số - kế hoạch hóa gia đình có trách nhiệm tham mưu, phối hợp với các ngành, đoàn thể tổ chức thực hiện nhiệm vụ, giám sát hoạt động của cộng tác viên thôn bản, các ngành, đoàn thể theo đúng nhiệm vụ được phân công.

- Hướng dẫn cộng tác viên dân số - kế hoạch hóa gia đình thôn bản: Lập chương trình công tác tuần, tháng; thực hiện chế độ ghi chép ban đầu về dân số - kế hoạch hóa gia đình, thu thập số liệu, lập báo cáo tháng, lập các sơ đồ và biểu đồ quản lý các chỉ tiêu dân số - kế hoạch hóa gia đình của xã; phương pháp tuyên truyền, vận động, tư vấn; cung cấp bao cao su, thuốc tránh thai.

- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ của cộng tác viên dân số - kế hoạch hóa gia đình thôn bản; giúp trưởng trạm y tế xã tham mưu cho ủy ban nhân dân cấp xã kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình trên địa bàn xã.

- Tổ chức giao ban cộng tác viên dân số - kế hoạch hóa gia đình thôn bản hàng tháng để đánh giá kết quả hoạt động về dân số - kế hoạch hóa gia đình của từng thôn ấp. Kịp thời giải quyết hoặc xin ý kiến cấp có thẩm quyền để giải quyết những vấn đề phát sinh. Dự giao ban cán bộ chuyên trách tại cấp huyện hàng tháng.

- Tham dự đầy đủ các khoá đào tạo, tập huấn về dân số - kế hoạch hóa gia đình do cơ quan cấp trên tổ chức.

- Đề xuất với cấp trên các vấn đề cần thực hiện về dân số - kế hoạch hóa gia đình.

2- Tiêu chuẩn:

Cán bộ chuyên trách dân số - kế hoạch hóa gia đình xã do trạm trưởng trạm y tế xã đề xuất và giám đốc trung tâm dân số - kế hoạch hóa gia đình huyện quyết định và ký hợp đồng làm việc. Tiêu chuẩn cán bộ chuyên trách xã như sau:

- Có trách nhiệm, nhiệt tình với công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình.

- Trình độ: Cán bộ chuyên trách dân số - kế hoạch hóa gia đình được đào tạo chuyên môn ít nhất là trung cấp nhưng không nhất thiết là chuyên môn y tế; đối với vùng sâu, vùng xa, miền núi, hải đảo, vùng khó khăn, nếu chưa có trình độ trung cấp về nghiệp vụ thì ít nhất phải tốt nghiệp phổ thông trung học.

- Cư trú tại địa bàn xã.

- Có sức khỏe tốt; gương mẫu thực hiện kế hoạch hóa gia đình.

- Đã tham gia các lớp đào tạo, tập huấn về dân số - kế hoạch hóa gia đình.

3- Chức năng, nhiệm vụ của cộng tác viên dân số - kế hoạch hóa gia đình thôn, bản:

- Chức năng: Cộng tác viên dân số - kế hoạch hóa gia đình thôn bản có trách nhiệm cùng cán bộ

y tế thôn bản tuyên truyền, vận động về dân số - kế hoạch hóa gia đình, vệ sinh phòng bệnh, chăm sóc sức khỏe ban đầu. Cộng tác viên dân số - kế hoạch hóa gia đình thôn bản hoạt động theo chế độ tự nguyện, có thù lao hằng tháng, chịu sự hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của trạm y tế xã.

- Nhiệm vụ:

+ Xây dựng chương trình công tác tháng, tuần về dân số - kế hoạch hóa gia đình; phối hợp với các tổ chức trên địa bàn triển khai các hoạt động quản lý và vận động tới từng hộ gia đình.

+ Trực tiếp tuyên truyền, vận động, tư vấn về dân số - kế hoạch hóa gia đình và cung cấp bao cao su, thuốc tránh thai đến từng hộ gia đình.

+ Kiểm tra việc duy trì thực hiện các nội dung dân số - kế hoạch hóa gia đình của các hộ gia đình tại địa bàn quản lý.

+ Thực hiện chế độ ghi chép ban đầu, thu thập số liệu, lập báo cáo tháng về dân số - kế hoạch hoá gia đình theo quy định hiện hành; lập các sơ đồ và biểu đồ, quản lý sổ hộ gia đình về dân số - kế hoạch hoá gia đình tại địa bàn quản lý.

+ Bảo quản và sử dụng các tài liệu (sổ sách, biểu mẫu báo cáo...) liên quan đến nhiệm vụ được giao.

+ Dự giao ban cộng tác viên dân số - kế hoạch hóa gia đình thôn bản hằng tháng để phản ánh tình hình và báo cáo kết quả hoạt động dân số - kế hoạch hóa gia đình của địa bàn được giao quản lý.

Giải quyết hoặc xin ý kiến cán bộ chuyên trách dân số - kế hoạch hóa gia đình xã để giải quyết những vấn đề phát sinh.

- + Tham dự đầy đủ các khóa tập huấn do cơ quan cấp trên tổ chức.

- + Phát hiện và đề xuất với cán bộ chuyên trách dân số - kế hoạch hóa gia đình xã các vấn đề cần thực hiện về dân số - kế hoạch hoá gia đình tại địa bàn quản lý.

- Tiêu chuẩn:

Cộng tác viên dân số - kế hoạch hóa gia đình thôn bản do cán bộ chuyên trách dân số - kế hoạch hoá gia đình xã phối hợp với trưởng thôn bản vận động và tuyển chọn. Cộng tác viên dân số - kế hoạch hóa gia đình thôn bản có tiêu chuẩn sau:

- + Là người có tinh thần trách nhiệm, nhiệt tình tham gia công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình, có uy tín trong cộng đồng.

- + Là cán bộ thôn, xã, công chức về hưu hoặc là người dân có trình độ văn hoá tốt nghiệp phổ thông trung học; đối với vùng sâu, vùng xa, miền núi, hải đảo, vùng khó khăn nếu chưa tốt nghiệp phổ thông trung học thì ít nhất phải tốt nghiệp phổ thông trung học cơ sở.

- + Đã tham gia các lớp tập huấn về dân số - kế hoạch hóa gia đình.

- + Cư trú tại thôn, bản.

- + Có sức khoẻ tốt; gương mẫu thực hiện kế hoạch hóa gia đình.

5. Tổ chức bộ máy làm công tác tôn giáo

Cấp xã không có tổ chức bộ máy độc lập làm công tác tôn giáo mà phân công một ủy viên ủy ban nhân dân kiêm nhiệm theo dõi, tổ chức thực hiện công tác tôn giáo trên địa bàn; đối với xã là địa bàn khó khăn, phức tạp có thể bố trí một cán bộ tăng cường làm công tác tôn giáo.

6. Tổ chức bộ máy làm công tác tài nguyên và môi trường

Nghị định số 81/2007/NĐ-CP ngày 23-5-2007 của Chính phủ quy định tổ chức, bộ phận chuyên môn về bảo vệ môi trường tại cơ quan nhà nước và doanh nghiệp nhà nước quy định: công chức địa chính - xây dựng cấp xã có nhiệm vụ giúp ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trên địa bàn cấp xã quy định tại khoản 3 Điều 122 *Luật bảo vệ môi trường*.

Căn cứ nhu cầu công việc, đặc điểm bảo vệ môi trường trên địa bàn, chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã có thể ký hợp đồng lao động để thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ công tác bảo vệ môi trường của công chức địa chính - xây dựng. Kinh phí cho việc thực hiện hợp đồng lao động được trích từ kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường cấp cho cấp xã.

Thông tư liên tịch số 03/2008/TTLT-BTNMT-BNV ngày 15-7-2008, Bộ Tài nguyên và Môi

trường - Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về tài nguyên và môi trường thuộc uỷ ban nhân dân các cấp quy định: công chức địa chính - xây dựng là công chức chuyên môn về tài nguyên và môi trường cấp xã, tham mưu giúp uỷ ban nhân dân cấp xã thực hiện quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường trên địa bàn; chịu sự hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của phòng tài nguyên và môi trường cấp huyện. Có nhiệm vụ, quyền hạn:

- Tham mưu, giúp uỷ ban nhân dân cấp xã về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp xã, về giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển quyền sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật; triển khai, theo dõi, kiểm tra tình hình thực hiện sau khi cấp có thẩm quyền quyết định.

- Thẩm định hồ sơ, trình uỷ ban nhân dân cấp xã việc cho thuê đất, chuyển đổi quyền sử dụng đất, đăng ký giao dịch bảo đảm đối với quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất cho hộ gia đình, cá nhân theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện việc đăng ký, lập và quản lý hồ sơ địa chính; theo dõi biến động đất đai và chỉnh lý hồ sơ địa chính; thống kê, kiểm kê đất đai; bảo quản tư liệu về đất đai, đo đạc và bản đồ; thực hiện quản lý dấu mốc đo đạc và mốc địa giới hành chính trên địa bàn xã theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện thống kê, theo dõi, giám sát tình hình khai thác, sử dụng và bảo vệ tài nguyên nước; tham gia công tác phòng, chống, khắc phục hậu quả do nước gây ra trên địa bàn xã.

- Thực hiện việc đăng ký và kiểm tra các tổ chức, cá nhân trên địa bàn thực hiện cam kết bảo vệ môi trường theo ủy quyền của ủy ban nhân dân cấp huyện.

- Triển khai thực hiện kế hoạch và các nhiệm vụ cụ thể về giữ gìn vệ sinh môi trường đối với các khu dân cư, hộ gia đình và các hoạt động bảo vệ môi trường nơi công cộng trên địa bàn theo phân công của chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã.

- Tham gia hòa giải, giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về lĩnh vực tài nguyên và môi trường theo quy định của pháp luật; phát hiện các trường hợp vi phạm pháp luật về quản lý, bảo vệ tài nguyên và môi trường, xử lý theo thẩm quyền và kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

- Báo cáo công tác về lĩnh vực tài nguyên và môi trường và thực hiện các nhiệm vụ khác do ủy ban nhân dân cấp xã giao.

7. Tổ chức bộ máy làm công tác thi đua - khen thưởng

Điều 2, Điều 4 Nghị định số 122/2005/NĐ-CP ngày 4-10-2005 của Chính phủ quy định tổ chức làm công tác thi đua, khen thưởng quy định

ủy ban nhân dân cấp xã bố trí công chức kiêm nhiệm làm công tác thi đua, khen thưởng. Bố trí 1/2 biên chế công chức làm công tác thi đua, khen thưởng ở ủy ban nhân dân cấp xã.

8. Tổ chức bộ máy làm công tác lao động - thương binh và xã hội

Trong lĩnh vực lao động, người có công và xã hội, ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là ủy ban nhân dân cấp xã) thực hiện những nhiệm vụ, quyền hạn sau:

- Tổ chức và hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ công tác về lao động, người có công và xã hội trên địa bàn theo quy định của pháp luật và phân cấp của ủy ban nhân dân cấp huyện.

- Thống kê nguồn lao động của xã trình ủy ban nhân dân cấp huyện để cân đối nguồn lao động, tạo việc làm, dạy nghề, xuất khẩu lao động.

- Tổng hợp và quản lý đối tượng người có công, người hưởng chính sách xã hội và các đối tượng khác trên địa bàn theo hướng dẫn của phòng lao động - thương binh và xã hội; kiến nghị với cấp có thẩm quyền về chính sách đối với đối tượng thuộc lĩnh vực lao động, người có công và xã hội.

- Tổ chức thực hiện công tác chi trả trợ cấp, phụ cấp cho các đối tượng hưởng chính sách lao động, người có công và xã hội theo phân cấp hoặc ủy nhiệm của cơ quan chức năng.

- Quản lý nghĩa trang liệt sĩ, các công trình

ghi công liệt sĩ của xã (nếu có); quản lý cơ sở nuôi dưỡng đối tượng bảo trợ xã hội (nếu có); chăm sóc, nuôi dưỡng các đối tượng chính sách xã hội theo quy định của pháp luật và uỷ ban nhân dân cấp huyện.

- Phòng, chống tệ nạn mại dâm, cai nghiện ma tuý tại cộng đồng; tiếp nhận, hỗ trợ phụ nữ, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em bị xâm hại, là nạn nhân bị buôn bán từ nước ngoài trở về.

- Tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện chính sách, pháp luật về lĩnh vực lao động, người có công và xã hội.

- Quản lý hoạt động của cán bộ, nhân viên thuộc uỷ ban nhân dân cấp xã làm công tác lao động, người có công và xã hội.

- Kiểm tra và xử lý theo thẩm quyền các vi phạm pháp luật về lao động, người có công và xã hội; thực hiện báo cáo định kỳ và đột xuất tình hình thực hiện nhiệm vụ về lĩnh vực lao động, người có công và xã hội trên địa bàn cấp xã theo quy định.

- Bố trí cán bộ làm công tác lao động, người có công và xã hội cấp xã trên cơ sở quy định của pháp luật và đặc điểm của từng địa phương.

9. Tổ chức bộ máy làm công tác xây dựng

Uỷ ban nhân dân cấp xã có các nhiệm vụ, quyền hạn về các lĩnh vực quản lý nhà nước thuộc ngành xây dựng trong phạm vi địa bàn xã như sau:

- Tuyên truyền, phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật thuộc ngành xây dựng cho các tổ chức và nhân dân trên địa bàn xã.

- Hướng dẫn và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật thuộc ngành xây dựng theo thẩm quyền.

- Tổ chức lập, trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng các điểm dân cư nông thôn trên địa bàn xã.

- Cấp, thu hồi giấy phép xây dựng nhà ở riêng lẻ thuộc các điểm dân cư nông thôn; kiểm tra việc xây dựng công trình theo giấy phép được cấp trên địa bàn xã; tiếp nhận, xác nhận hồ sơ để cấp có thẩm quyền thực hiện việc xác lập quyền sở hữu nhà ở, quyền sở hữu công trình xây dựng trên địa bàn xã theo quy định của pháp luật.

- Quản lý các mốc giới, chỉ giới xây dựng và quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn xã theo quy chế quản lý kiến trúc đô thị và quy hoạch xây dựng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; cung cấp thông tin về lĩnh vực kiến trúc, quy hoạch xây dựng theo phân công, phân cấp của uỷ ban nhân dân cấp huyện.

- Tổ chức thực hiện việc xây dựng mới, cải tạo, sửa chữa, duy tu, bảo trì, quản lý, khai thác, sử dụng các công trình xây dựng, công trình hạ tầng kỹ thuật thuộc thẩm quyền quản lý của uỷ ban nhân dân cấp xã theo quy định của pháp luật và

phân công, phân cấp của uỷ ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện.

- Tổ chức thực hiện việc giao nộp và lưu trữ hồ sơ, tài liệu khảo sát xây dựng, thiết kế xây dựng, hồ sơ, tài liệu hoàn công công trình xây dựng thuộc thẩm quyền quản lý của uỷ ban nhân dân cấp xã theo quy định của pháp luật.

- Thanh tra, kiểm tra việc thi hành các văn bản quy phạm pháp luật thuộc ngành xây dựng, xử lý theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền xử lý các trường hợp vi phạm; giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo, thực hiện phòng chống tham nhũng, lãng phí trong ngành xây dựng theo quy định của pháp luật.

Tổng hợp, báo cáo định kỳ 6 tháng, 1 năm và đột xuất với uỷ ban nhân dân cấp huyện, phòng quản lý đô thị (đối với các quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh), phòng công thương (đối với các huyện) về tình hình phát triển và quản lý các lĩnh vực thuộc ngành xây dựng trên địa bàn xã.

- Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác về các lĩnh vực quản lý nhà nước thuộc ngành xây dựng theo sự phân công, phân cấp hoặc uỷ quyền của uỷ ban nhân dân cấp huyện và theo quy định của pháp luật.

10. Tổ chức bộ máy làm công tác nông nghiệp và phát triển nông thôn

Nghị định số 56/2005/NĐ-CP ngày 26-4-2005

của Chính phủ về khuyến nông, khuyến ngư quy định: Mỗi xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã) có ít nhất 1 nhân viên làm công tác khuyến nông, khuyến ngư. Ở thôn, bản, phum, sóc (sau đây gọi chung là cấp thôn) có cộng tác viên khuyến nông, khuyến ngư. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định số lượng và chế độ thù lao cho nhân viên khuyến nông, khuyến ngư cấp xã, cộng tác viên khuyến nông, khuyến ngư cấp thôn.

Thông tư số 60/2005/TT-BNN ngày 10-10-2005 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 56/2005/ ND-CP quy định: mỗi xã, phường, thị trấn có ít nhất 1 nhân viên khuyến nông. Đối với các xã vùng sâu, vùng xa, các xã đa ngành nghề có thể bố trí từ 2 nhân viên khuyến nông trở lên; ở thôn, bản, phum, sóc có cộng tác viên khuyến nông. Cộng tác viên khuyến nông có thể là cán bộ kiêm nhiệm như trưởng thôn, trưởng bản, đội trưởng sản xuất, thành viên của tổ chức quần chúng hoặc là người được nông dân tín nhiệm đề cử. Nhân viên khuyến nông ở các xã đồng bằng phải có trình độ từ trung cấp trở lên; ở các xã vùng sâu, vùng xa ít nhất có trình độ phổ thông trung học trở lên hoặc là nông dân có kinh nghiệm sản xuất, có uy tín và khả năng khuyến nông. Nhân viên khuyến nông, cộng tác viên khuyến nông do ủy ban nhân dân cấp xã tuyển chọn và quản lý, đồng thời có sự hướng dẫn chuyên môn của trạm khuyến nông cấp huyện.

Thông tư số 61/2008/TTLT-BNN-BNV ngày 15-5-2008 của liên Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn thuộc uỷ ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện và nhiệm vụ quản lý nhà nước của uỷ ban nhân dân cấp xã về nông nghiệp và phát triển nông thôn quy định trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thuỷ sản, thuỷ lợi và phát triển nông thôn, uỷ ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là uỷ ban nhân dân cấp xã) thực hiện những nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

- Tổ chức và hướng dẫn thực hiện quy hoạch, chương trình, kế hoạch, đề án khuyến khích phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thuỷ sản.

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chính sách về nông nghiệp và phát triển nông thôn.

- Chỉ đạo kế hoạch sản xuất nông nghiệp, diêm nghiệp, thuỷ sản, phát triển rừng hàng năm; tổ chức hướng dẫn nông dân thực hiện các biện pháp kỹ thuật chuyển đổi cơ cấu kinh tế, cây trồng, vật nuôi trong sản xuất nông lâm nghiệp, thuỷ sản theo quy hoạch, kế hoạch được phê duyệt.

- Chỉ đạo xây dựng kế hoạch, tổ chức huy động lực lượng và thực hiện phòng trừ dịch bệnh cây trồng, vật nuôi, thuỷ sản; tổ chức thực hiện việc tu bổ, bảo vệ đê điều, bờ vùng, công trình và cơ sở

hậu cần chuyên ngành, bảo vệ rừng; phòng cháy, chữa cháy rừng, chống chặt phá rừng và khắc phục hậu quả thiên tai hạn hán, bão, lũ, úng, lụt, sạt, lở, cháy rừng; ngăn chặn kịp thời những hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ đề điều, bảo vệ rừng, công trình và cơ sở hậu cần chuyên ngành tại địa phương.

- Chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc xây dựng các công trình thủy lợi nhỏ và mạng lưới thủy nông; giám sát, kiểm tra, bảo vệ việc sử dụng nước trong công trình thủy lợi và nước sạch nông thôn trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

- Tổ chức thực hiện và kiểm tra việc thống kê diễn biến đất nông nghiệp, đất lâm nghiệp, đất diêm nghiệp; thống kê rừng, kiểm kê rừng, diễn biến tài nguyên rừng, diễn biến số lượng gia súc, gia cầm trên địa bàn cấp xã theo quy định; tổng hợp tình hình thực hiện tiến độ sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp.

- Tổ chức việc khai thác và phát triển các ngành, nghề, làng nghề truyền thống nông thôn; ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ để phát triển sản xuất và phát triển các ngành, nghề mới trên địa bàn cấp xã.

- Tổ chức thực hiện công tác quản lý chất lượng sản phẩm, giống cây trồng, vật nuôi, phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y và vệ sinh, an toàn thực phẩm trên địa bàn cấp xã theo quy định.

- Tổ chức thực hiện các hoạt động cung cấp dịch vụ công về nông nghiệp và phát triển nông thôn trên địa bàn cấp xã.

- Thực hiện việc báo cáo định kỳ và đột xuất tình hình sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy sản, công tác thủy lợi và phát triển nông thôn trên địa bàn cấp xã theo quy định.

Về tổ chức hoạt động:

- Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức địa điểm làm việc và chỉ đạo, kiểm tra hoạt động của đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên môn, kỹ thuật công tác trên địa bàn cấp xã theo quy chế quản lý, phối hợp công tác và chế độ thông tin báo cáo.

- Phân công một phó chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm điều phối hoạt động của đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên môn, kỹ thuật công tác trên địa bàn cấp xã.

- Căn cứ vào điều kiện thực tế của địa phương và Quy chế quản lý, phối hợp công tác của cán bộ, nhân viên kỹ thuật trên địa bàn cấp xã đã được chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành, ủy ban nhân dân cấp xã có thể lập Ban nông nghiệp xã gồm các cán bộ, nhân viên kỹ thuật trên địa bàn xã để quản lý, điều phối hoạt động về nông nghiệp trên địa bàn.

11. Tổ chức bộ máy làm công tác tài chính

Thông tư liên tịch số 90/2009/TTLT-BTC-BNV ngày 6-5-2009 của liên Bộ Tài chính - Nội vụ

hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về lĩnh vực tài chính thuộc uỷ ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện quy định nhiệm vụ và quyền hạn cụ thể về quản lý tài chính, ngân sách của uỷ ban nhân dân xã, phường, thị trấn do chủ tịch uỷ ban nhân dân cấp tỉnh quy định theo đề nghị của giám đốc sở tài chính và giám đốc sở nội vụ.

12. Tổ chức bộ máy làm công tác dân tộc

Nghị định số 53/2004/NĐ-CP ngày 18-2-2004 của Chính phủ về kiện toàn tổ chức bộ máy làm công tác dân tộc thuộc uỷ ban nhân dân các cấp quy định: đối với xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã) có đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn không thành lập tổ chức riêng, nhưng phân công một uỷ viên uỷ ban nhân dân cấp xã kiêm nhiệm theo dõi, tổ chức thực hiện công tác dân tộc. Thông tư liên tịch số 246/2004/TTLT-UBDT-BNV, ngày 6-5-2004 của Uỷ ban Dân tộc và Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức cơ quan chuyên môn giúp uỷ ban nhân dân quản lý nhà nước về công tác dân tộc ở địa phương giao uỷ ban nhân dân tỉnh quy định nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của uỷ ban nhân dân xã về công tác dân tộc theo quy định của pháp luật.

13. Ban Thanh tra nhân dân

Luật thanh tra ban hành ngày 15-6-2004 quy

định: Thanh tra nhân dân được tổ chức dưới hình thức ban thanh tra nhân dân. Ban thanh tra nhân dân được thành lập ở xã, phường, thị trấn, cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp nhà nước. Ban thanh tra nhân dân có nhiệm vụ, quyền hạn:

- Giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật, việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm ở xã, phường, thị trấn, cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp nhà nước.

- Khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật thì kiến nghị người có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật và giám sát việc thực hiện kiến nghị đó.

- Khi cần thiết, được chủ tịch uỷ ban nhân dân xã, phường, thị trấn, người đứng đầu cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp nhà nước giao xác minh những vụ việc nhất định.

- Kiến nghị với chủ tịch uỷ ban nhân dân xã, phường, thị trấn, người đứng đầu cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp nhà nước khắc phục sơ hở, thiếu sót được phát hiện qua việc giám sát; bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của công dân và người lao động, biểu dương những đơn vị, cá nhân có thành tích. Trường hợp phát hiện người có hành vi vi phạm pháp luật thì kiến nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền xem xét, xử lý.

Ban thanh tra nhân dân ở xã, phường, thị trấn do hội nghị nhân dân hoặc Hội nghị đại biểu nhân dân tại thôn, làng, ấp, bản, tổ dân phố bầu. Căn cứ vào địa bàn và số lượng dân cư, mỗi ban thanh tra nhân dân ở xã, phường, thị trấn có từ năm đến mười một thành viên. Thành viên ban thanh tra nhân dân không phải là người đương nhiệm trong uỷ ban nhân dân xã, phường, thị trấn. Nhiệm kỳ của ban thanh tra nhân dân xã, phường, thị trấn là hai năm.

Trong nhiệm kỳ, thành viên ban thanh tra nhân dân không hoàn thành nhiệm vụ hoặc không còn được nhân dân tín nhiệm thì Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, phường, thị trấn đề nghị hội nghị nhân dân hoặc hội nghị đại biểu nhân dân đã bầu ra thành viên đó bãi nhiệm và bầu người khác thay thế.

Hoạt động của ban thanh tra nhân dân ở xã, phường, thị trấn:

- Ban thanh tra nhân dân ở xã, phường, thị trấn do Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp trực tiếp chỉ đạo hoạt động.

- Ban thanh tra nhân dân căn cứ vào nghị quyết của hội đồng nhân dân xã, phường, thị trấn, chương trình hành động và sự chỉ đạo của Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, phường, thị trấn đề ra phương hướng, nội dung kế hoạch hoạt động của mình.

- Ban thanh tra nhân dân có trách nhiệm báo

cáo hoạt động của mình với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, phường, thị trấn. Khi cần thiết, trưởng ban thanh tra nhân dân được mời tham dự cuộc họp của hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, phường, thị trấn.

Trách nhiệm của ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn:

- Thông báo cho ban thanh tra nhân dân những chính sách, pháp luật chủ yếu liên quan đến tổ chức, hoạt động, nhiệm vụ của hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn; các mục tiêu và nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội hằng năm của địa phương.

- Yêu cầu tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp đầy đủ và kịp thời các thông tin, tài liệu cần thiết cho ban thanh tra nhân dân.

- Xem xét, giải quyết kịp thời các kiến nghị của ban thanh tra nhân dân, thông báo kết quả giải quyết trong thời hạn chậm nhất không quá mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được kiến nghị đó; xử lý người có hành vi cản trở hoạt động của ban thanh tra nhân dân hoặc người có hành vi trả thù, trù dập thành viên ban thanh tra nhân dân.

- Thông báo cho ban thanh tra nhân dân kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo, việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở.

- Hỗ trợ kinh phí, phương tiện để ban thanh tra nhân dân hoạt động theo quy định của pháp luật.

Trách nhiệm của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, phường, thị trấn:

- Hướng dẫn việc tổ chức hội nghị nhân dân hoặc hội nghị đại biểu nhân dân ở thôn, làng, ấp, bản, tổ dân phố bầu ban thanh tra nhân dân.

- Ra văn bản công nhận ban thanh tra nhân dân và thông báo cho hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân cùng cấp và nhân dân ở địa phương; tổ chức cuộc họp của ban thanh tra nhân dân để ban thanh tra nhân dân bầu trưởng ban, phó trưởng ban, phân công nhiệm vụ cho từng thành viên.

- Hướng dẫn ban thanh tra nhân dân xây dựng chương trình, nội dung công tác; định kỳ nghe báo cáo về hoạt động của ban thanh tra nhân dân; đôn đốc việc giải quyết những kiến nghị của ban thanh tra nhân dân.

- Động viên nhân dân ở địa phương ủng hộ, phối hợp, tham gia các hoạt động của ban thanh tra nhân dân.

- Xác nhận biên bản, kiến nghị của ban thanh tra nhân dân.

Nghị định số 99/2005/NĐ-CP ngày 28-7-2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của *Luật thanh tra* về tổ chức và hoạt động của ban thanh tra nhân dân quy định: ban thanh tra nhân dân được thành lập ở xã, phường, thị trấn để giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật, việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, góp phần

phát huy dân chủ, đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, cơ quan, tổ chức.

Tổ chức của ban thanh tra nhân dân ở xã, phường, thị trấn được thực hiện theo quy định tại Điều 60 *Luật thanh tra*. Ban thanh tra nhân dân có trưởng ban, phó trưởng ban và các thành viên. Trưởng ban chịu trách nhiệm chung về các hoạt động của ban thanh tra nhân dân. Phó trưởng ban có trách nhiệm giúp trưởng ban thực hiện nhiệm vụ. Các thành viên khác thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của trưởng ban. Nhiệm kỳ của ban thanh tra nhân dân ở xã, phường, thị trấn là hai năm.

Thành viên ban thanh tra nhân dân ở xã, phường, thị trấn do hội nghị nhân dân hoặc hội nghị đại biểu nhân dân tại thôn, làng, ấp, bản, tổ dân phố bầu ra. Hội nghị nhân dân là hội nghị cử tri; hội nghị đại biểu nhân dân là hội nghị cử tri đại diện cho hộ gia đình.

Ban thanh tra nhân dân ở xã, phường, thị trấn có từ 5 đến 11 thành viên. Đối với những xã, phường, thị trấn ở đồng bằng có số dân dưới 5 nghìn người thì được bầu 5 hoặc 7 thành viên; từ 5 nghìn người đến dưới 9 nghìn người thì được bầu 7 hoặc 9 thành viên; từ 9 nghìn người trở lên thì được bầu 9 hoặc 11 thành viên.

Đối với những xã, phường, thị trấn ở miền núi, trung du và hải đảo, mỗi thôn, làng, ấp, bản, tổ

dân phố được bầu 1 thành viên, nhưng số lượng thành viên ban thanh tra nhân dân không quá 11 người. Căn cứ vào địa bàn, số lượng dân cư, ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, phường, thị trấn quyết định số lượng thành viên ban thanh tra nhân dân ở xã, phường, thị trấn.

Căn cứ vào số lượng thành viên ban thanh tra nhân dân ở xã, phường, thị trấn, ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã, phường, thị trấn xác định số lượng thành viên ban thanh tra nhân dân mà thôn, làng, ấp, bản, tổ dân phố được bầu.

Trưởng ban công tác mặt trận chủ trì, phối hợp với trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố tổ chức hội nghị cử tri hoặc hội nghị cử tri đại diện hộ gia đình ở thôn, làng, ấp, bản, tổ dân phố để bầu thành viên ban thanh tra nhân dân.

Thành viên ban thanh tra nhân dân được bầu theo sự giới thiệu của ban công tác mặt trận và theo đề cử của đại biểu tham dự hội nghị. Thành viên ban thanh tra nhân dân được bầu bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín do hội nghị quyết định.

Hội nghị cử tri hoặc hội nghị cử tri đại diện hộ gia đình được tiến hành khi có trên 50% số đại biểu được triệu tập có mặt. Người được bầu phải có trên 50% số đại biểu tham dự hội nghị tín nhiệm.

Trưởng ban công tác mặt trận có trách nhiệm

báo cáo kết quả bầu cử với ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã, phường, thị trấn.

Chậm nhất là 5 ngày kể từ ngày bầu xong thành viên ban thanh tra nhân dân, ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, phường, thị trấn tổ chức cuộc họp với các thành viên ban thanh tra nhân dân để bầu trưởng ban, phó trưởng ban, trình hội nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp ra nghị quyết công nhận ban thanh tra nhân dân và thông báo cho hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân cùng cấp trong phiên họp gần nhất và thông báo cho nhân dân địa phương biết.

Trong nhiệm kỳ, thành viên ban thanh tra nhân dân không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm pháp luật hoặc không còn được nhân dân tín nhiệm thì Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, phường, thị trấn đề nghị hội nghị cử tri hoặc hội nghị cử tri đại diện hộ gia đình đã bầu ra thành viên đó bãi nhiệm và bầu người khác thay thế.

Trong trường hợp vì lý do sức khỏe, hoàn cảnh gia đình hoặc lý do khác, thành viên ban thanh tra nhân dân có đơn xin thôi tham gia ban thanh tra nhân dân thì ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, phường, thị trấn trình hội nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp xem xét, quyết định việc miễn nhiệm.

Việc bầu thành viên ban thanh tra nhân dân thay thế những người bị bãi nhiệm hoặc được

miễn nhiệm quy định tại khoản 1, khoản 2 của điều này được thực hiện theo quy định tại Điều 8 của nghị định này.

Giám sát cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm ở xã, phường, thị trấn trong việc thực hiện chính sách, pháp luật; việc giải quyết khiếu nại, tố cáo; việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở. Khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật thì kiến nghị người có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật và giám sát việc thực hiện kiến nghị đó.

Khi cần thiết được chủ tịch uỷ ban nhân dân xã, phường, thị trấn giao xác minh những vụ việc nhất định.

Khi cần thiết, các cơ quan nhà nước có thẩm quyền mời đại diện ban thanh tra nhân dân tham gia việc thanh tra, kiểm tra tại xã, phường, thị trấn; ban thanh tra nhân dân có trách nhiệm cung cấp thông tin, tài liệu, cử người tham gia khi được yêu cầu.

Kiến nghị chủ tịch uỷ ban nhân dân xã, phường, thị trấn khắc phục sơ hở, thiếu sót được phát hiện qua việc giám sát; bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của công dân; biểu dương, khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích trong công tác, xử lý vi phạm theo thẩm quyền.

Kiến nghị với Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, phường, thị trấn tổ chức các hình thức động viên nhân dân phát hiện các sai phạm; tiếp nhận các kiến nghị và phản ánh của nhân dân.

Được mời tham dự các cuộc họp của hội đồng nhân dân, uỷ ban nhân dân xã, phường, thị trấn mà nội dung liên quan đến nhiệm vụ giám sát, xác minh của ban thanh tra nhân dân.

Tham dự các cuộc họp của Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, phường, thị trấn mà nội dung có liên quan đến tổ chức và hoạt động của ban thanh tra nhân dân.

Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác do pháp luật quy định.

Hằng năm, ban thanh tra nhân dân căn cứ vào nghị quyết của hội đồng nhân dân xã, phường, thị trấn, chương trình hành động và sự chỉ đạo của Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xây dựng phương hướng, nội dung hoạt động. Phương hướng, nội dung, kế hoạch hoạt động của ban thanh tra nhân dân phải báo cáo Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, phường, thị trấn.

Phạm vi giám sát của ban thanh tra nhân dân:

- Hoạt động của hội đồng nhân dân và uỷ ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

- Việc thực hiện nghị quyết của hội đồng nhân dân, quyết định, chỉ thị của uỷ ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

- Hoạt động và phẩm chất đạo đức của chủ tịch, phó chủ tịch hội đồng nhân dân, chủ tịch, phó chủ tịch uỷ ban nhân dân và các uỷ viên uỷ ban nhân dân, cán bộ, công chức làm việc tại xã, phường, thị trấn và trưởng thôn, phó thôn, tổ

trưởng, tổ phó tổ dân phố và những người đảm nhận nhiệm vụ tương đương.

- Việc giải quyết khiếu nại, tố cáo tại xã, phường, thị trấn:

- + Việc tiếp dân của chủ tịch uỷ ban nhân dân xã, phường, thị trấn;

- + Việc tiếp nhận và xử lý đơn, thư khiếu nại, tố cáo của chủ tịch uỷ ban nhân dân xã, phường, thị trấn;

- + Việc giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền của chủ tịch uỷ ban nhân dân xã, phường, thị trấn;

- + Việc thi hành các quyết định giải quyết khiếu nại, quyết định xử lý tố cáo có hiệu lực pháp luật tại xã, phường, thị trấn.

- Việc thu chi ngân sách, quyết toán ngân sách, công khai tài chính tại xã, phường, thị trấn.

- Việc thực hiện các dự án đầu tư, công trình do nhân dân đóng góp xây dựng, do nhà nước, các tổ chức, cá nhân đầu tư, tài trợ cho xã, phường, thị trấn.

- Các công trình triển khai trên địa bàn xã, phường, thị trấn có ảnh hưởng trực tiếp đến sản xuất, an ninh, trật tự, văn hóa - xã hội, vệ sinh môi trường và đời sống của nhân dân.

- Việc quản lý trật tự xây dựng, quản lý các khu tập thể, khu dân cư, việc quản lý và sử dụng đất đai tại xã, phường, thị trấn.

- Thu, chi các loại quỹ và lệ phí theo quy định

của Nhà nước, các khoản đóng góp của nhân dân tại xã, phường, thị trấn.

- Việc thực hiện các kết luận, quyết định xử lý về thanh tra, kiểm tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, việc xử lý các vụ việc tham nhũng liên quan đến cán bộ xã, phường, thị trấn.

- Việc thực hiện chế độ, chính sách ưu đãi, chăm sóc, giúp đỡ thương binh, bệnh binh, gia đình liệt sĩ, những người và gia đình có công với nước, chính sách bảo hiểm xã hội, bảo trợ xã hội trên địa bàn xã, phường, thị trấn.

- Những việc khác theo quy định của pháp luật.

Phương thức thực hiện quyền giám sát của ban thanh tra nhân dân:

- Tiếp nhận các ý kiến phản ánh của nhân dân, trực tiếp thu thập các thông tin, tài liệu để xem xét, theo dõi cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm ở xã, phường, thị trấn thực hiện những việc thuộc phạm vi giám sát của ban thanh tra nhân dân.

- Phát hiện hành vi trái pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân ở xã, phường, thị trấn.

- Kiến nghị trực tiếp hoặc thông qua ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã, phường, thị trấn kiến nghị với chủ tịch hội đồng nhân dân, chủ tịch ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn hoặc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền xem xét, giải quyết các vấn đề liên quan đến nội dung giám sát của ban thanh tra nhân dân và giám sát việc giải quyết kiến nghị đó.

Hoạt động giám sát của ban thanh tra nhân dân:

- Trong quá trình thực hiện việc giám sát, ban thanh tra nhân dân có quyền đề nghị chủ tịch hội đồng nhân dân, chủ tịch uỷ ban nhân dân xã, phường, thị trấn cung cấp các thông tin, tài liệu liên quan đến việc giám sát.

- Trường hợp phát hiện cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm ở xã, phường, thị trấn xâm phạm quyền làm chủ của nhân dân và có dấu hiệu tham nhũng, lãng phí, sử dụng sai mục đích tài sản nhà nước, ngân sách và các khoản đóng góp của nhân dân; thực hiện chương trình, dự án, quản lý và sử dụng đất đai trái với các quy định của pháp luật và các hành vi vi phạm pháp luật khác mà nội dung thuộc phạm vi giám sát của ban thanh tra nhân dân thì ban thanh tra nhân dân kiến nghị chủ tịch hội đồng nhân dân hoặc chủ tịch uỷ ban nhân dân xã, phường, thị trấn hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền khác xem xét, giải quyết, đồng thời báo cáo với Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc xã, phường, thị trấn.

- Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được kiến nghị, cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm phải xem xét, giải quyết và thông báo kết quả giải quyết cho ban thanh tra nhân dân. Trường hợp kiến nghị không được xem xét, giải quyết hoặc thực hiện không đầy đủ thì ban thanh tra nhân dân có quyền kiến nghị chủ tịch

hội đồng nhân dân hoặc chủ tịch uỷ ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền khác xem xét, giải quyết.

Hoạt động xác minh của ban thanh tra nhân dân:

- Khi được chủ tịch uỷ ban nhân dân xã, phường, thị trấn giao xác minh những vụ việc nhất định, ban thanh tra nhân dân có trách nhiệm thực hiện đúng nội dung, thời gian, phạm vi, nhiệm vụ được giao.

- Trong quá trình thực hiện việc xác minh, ban thanh tra nhân dân có quyền yêu cầu tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp các thông tin, tài liệu cần thiết phục vụ cho việc xác minh; xem xét để làm rõ sự việc cần xác minh; việc xác minh được lập thành biên bản. Kết thúc việc xác minh, ban thanh tra nhân dân báo cáo với chủ tịch uỷ ban nhân dân xã, phường, thị trấn về kết quả xác minh; đồng thời kiến nghị biện pháp xử lý.

- Trường hợp phát hiện có vi phạm pháp luật gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân cần phải xử lý ngay thì lập biên bản và kiến nghị chủ tịch hội đồng nhân dân hoặc chủ tịch uỷ ban nhân dân xã, phường, thị trấn hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết, đồng thời giám sát việc thực hiện kiến nghị đó.

- Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được kiến nghị, người đứng đầu cơ quan, tổ chức

có thẩm quyền phải xem xét, giải quyết và thông báo kết quả cho ban thanh tra nhân dân biết. Trường hợp kiến nghị đó không được thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ thì ban thanh tra nhân dân có quyền kiến nghị chủ tịch hội đồng nhân dân hoặc chủ tịch uỷ ban nhân dân cấp huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh xem xét, giải quyết.

Chế độ làm việc của ban thanh tra nhân dân:

Ban thanh tra nhân dân họp định kỳ mỗi quý một lần để kiểm điểm công tác trong quý và triển khai công tác quý sau, trong trường hợp cần thiết có thể họp bất thường. Ban thanh tra nhân dân thực hiện chế độ báo cáo mỗi quý một lần trước hội nghị Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, phường, thị trấn; định kỳ 6 tháng một lần tiến hành sơ kết; hằng năm tổng kết hoạt động và báo cáo trước hội nghị Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, phường, thị trấn.

14. Bảo vệ dân phố

Bảo vệ dân phố là lực lượng quần chúng tự nguyện làm nòng cốt trong phong trào bảo vệ an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội, được thành lập ở các phường, thị trấn (sau đây gọi chung là phường) nơi bố trí lực lượng công an chính quy, do uỷ ban nhân dân phường quyết định thành lập.

Bảo vệ dân phố có trách nhiệm làm nòng cốt trong việc thực hiện phong trào quần chúng, bảo vệ an ninh Tổ quốc, thực hiện một số biện pháp công tác phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm, tệ nạn xã hội và các hành vi vi phạm pháp luật khác theo quy định của pháp luật, nhằm bảo vệ Đảng, chính quyền, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân trên địa bàn.

Bảo vệ dân phố chịu sự lãnh đạo toàn diện của đảng uỷ phường, sự giám sát của hội đồng nhân dân phường, sự quản lý, điều hành của uỷ ban nhân dân phường và sự chỉ đạo, hướng dẫn trực tiếp công tác của công an phường. Mọi hoạt động của bảo vệ dân phố được thực hiện theo quy định của pháp luật. Nghiêm cấm mọi hành vi lợi dụng danh nghĩa của bảo vệ dân phố để thực hiện hành vi trái pháp luật, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.

Nhiệm vụ của bảo vệ dân phố:

- Nắm tình hình an ninh, trật tự, phát hiện các vụ việc mâu thuẫn, tranh chấp trong nội bộ nhân dân, các vụ vi phạm hành chính, vi phạm trật tự an toàn xã hội trên địa bàn phường; phản ánh cho cơ quan công an và uỷ ban nhân dân phường, có biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn; tham gia hoà giải, giải quyết kịp thời không để những hậu quả xấu xảy ra.

- Phổ biến, tuyên truyền nâng cao cảnh giác,

ý thức phòng ngừa tội phạm, tệ nạn xã hội và các hành vi vi phạm pháp luật về an ninh, trật tự nhằm vận động nhân dân trong phường tự giác chấp hành các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các quy tắc, quy ước, nội quy về bảo vệ an ninh, trật tự; tham gia xây dựng phường, cụm dân cư, hộ gia đình an toàn về an ninh, trật tự, không có tội phạm, tệ nạn xã hội.

- Đôn đốc, nhắc nhở nhân dân trong phường chấp hành các quy định của pháp luật về đăng ký, quản lý nhân khẩu, hộ khẩu; sử dụng, quản lý chứng minh nhân dân và giấy tờ tùy thân khác; quy định về đăng ký hoạt động ngành, nghề kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự; quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ; tham gia giữ gìn trật tự công cộng, trật tự an toàn giao thông, an toàn phòng cháy, chữa cháy.

- Vận động nhân dân tham gia cảm hoá, giáo dục, giúp đỡ và quản lý những người đã chấp hành xong hình phạt tù, chấp hành xong quyết định đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục, cơ sở chữa bệnh, trung tâm cai nghiện, người chưa thành niên phạm tội, người đang chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Phối hợp với các cơ quan, tổ chức được giao trách nhiệm quản lý, giáo dục, giúp đỡ những đối tượng đang trong diện quản lý, giáo dục tại phường. Vận động thuyết phục người thân của các đối tượng đang bị truy

nã, trốn thi hành án, đối tượng phạm tội đang lần trốn để tác động họ ra đầu thú.

- Khi có vụ việc phức tạp về an ninh, trật tự xảy ra trong địa bàn, phải kịp thời có mặt và tìm mọi cách báo ngay cho công an phường; bảo vệ hiện trường, tham gia sơ cứu người bị nạn, giải cứu con tin, bắt, giữ người phạm tội quả tang, tham gia chữa cháy, cứu tài sản và thực hiện các công việc khác theo sự phân công, hướng dẫn của uỷ ban nhân dân và công an phường.

- Phối hợp với lực lượng dân phòng và bảo vệ chuyên trách các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đóng trên địa bàn để bảo vệ an ninh, trật tự theo chỉ đạo của uỷ ban nhân dân và công an phường. Tổ chức tuần tra, kiểm soát và tham gia các hoạt động phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh chống tội phạm, tệ nạn xã hội và các vi phạm khác về trật tự, an toàn xã hội theo quy định của pháp luật.

Quyền hạn của bảo vệ dân phố:

- Bắt, tước hung khí và áp giải người phạm tội quả tang, người đang bị truy nã, trốn thi hành án phạt tù đến trụ sở công an phường theo quy định của pháp luật.

- Yêu cầu chấm dứt ngay hành vi vi phạm và báo cáo với uỷ ban nhân dân, công an phường để có biện pháp xử lý theo quy định của pháp luật đối với những người đang có hành vi vi phạm trật tự công cộng, trật tự xây dựng, trật tự an toàn giao thông, các vi phạm quy định an toàn cháy nổ và

những người vi phạm các quy định khác về trật tự, an toàn xã hội.

- Tham gia với lực lượng công an hoặc lực lượng chức năng để truy bắt người phạm tội, người đang bị truy nã, trốn thi hành án; kiểm tra tạm trú, tạm vắng; kiểm tra giấy chứng minh nhân dân hoặc giấy tờ tùy thân khác của những người tạm trú, người có nghi vấn đến địa bàn khu phố được phân công phụ trách.

Tổ chức của bảo vệ dân phố:

- Mỗi cụm dân cư được thành lập một tổ bảo vệ dân phố. Tổ trưởng và các tổ viên tổ bảo vệ dân phố do đại diện các hộ gia đình trong cụm dân cư bầu ra. Tùy vào tình hình đặc điểm và số lượng dân cư trên địa bàn, mỗi tổ bảo vệ dân phố có từ 3 đến 7 tổ viên.

- Mỗi phường được thành lập một ban bảo vệ dân phố. Ban bảo vệ dân phố gồm trưởng ban, các phó trưởng ban và các ủy viên. Ủy viên ban bảo vệ dân phố là tổ trưởng các tổ bảo vệ dân phố ở các cụm dân cư. Trưởng ban, các phó trưởng ban bảo vệ dân phố do tập thể ủy viên ban bảo vệ dân phố bầu ra bằng hình thức bỏ phiếu kín.

- Trưởng công an phường có trách nhiệm tổ chức việc bầu trưởng ban, phó trưởng ban, tổ trưởng và các tổ viên bảo vệ dân phố và đề nghị ủy ban nhân dân phường quyết định công nhận các chức danh trên.

Căn cứ vào kết quả bầu cử của ban bảo vệ dân

phố và đề nghị của trưởng công an phường, chủ tịch uỷ ban nhân dân phường ra quyết định thành lập ban bảo vệ dân phố, công nhận trưởng ban, các phó trưởng ban, các uỷ viên, các tổ trưởng và các tổ viên bảo vệ dân phố.

- Nhiệm kỳ hoạt động của ban bảo vệ dân phố là 5 năm. Trong nhiệm kỳ hoạt động của ban bảo vệ dân phố, việc thay đổi, bãi miễn, bổ sung các chức danh của ban bảo vệ dân phố được thực hiện như sau:

+ Nếu trưởng ban, phó trưởng ban, tổ trưởng và các tổ viên bảo vệ dân phố mà khuyết (do chết, không còn đảm bảo sức khỏe hoặc xin nghỉ việc) thì tổ chức bầu bổ sung vào các chức danh đó theo thủ tục;

+ Nếu trưởng ban, phó trưởng ban bảo vệ dân phố không hoàn thành nhiệm vụ, không còn được tập thể ban và nhân dân tín nhiệm hoặc vi phạm kỷ luật, pháp luật thì trưởng công an phường báo cáo đề xuất chủ tịch uỷ ban nhân dân phường tổ chức họp tập thể ban bảo vệ dân phố để lấy ý kiến đề nghị bãi nhiệm và làm thủ tục bầu người khác thay thế;

+ Tổ trưởng và các tổ viên bảo vệ dân phố không hoàn thành nhiệm vụ, không còn được nhân dân tín nhiệm hoặc vi phạm kỷ luật, pháp luật thì trưởng ban bảo vệ dân phố báo cáo đề xuất với trưởng công an phường tổ chức họp đại

diện các hộ gia đình trong cụm dân cư đã bầu thành viên đó để lấy ý kiến đề nghị bãi nhiệm, và bầu người khác thay thế;

+ Việc công nhận và bãi nhiệm trưởng ban, phó trưởng ban, tổ trưởng và các tổ viên mới của ban bảo vệ dân phố phải được chủ tịch uỷ ban nhân dân phường ra quyết định bằng văn bản.

Phần II

CÁN BỘ, CÔNG CHỨC CẤP XÃ

I- TUYỂN DỤNG, SỬ DỤNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC CẤP XÃ

1. Các quy định chung

Luật cán bộ, công chức ban hành ngày 13-11-2008 quy định: cán bộ xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã) là công dân Việt Nam, được bầu cử giữ chức vụ theo nhiệm kỳ trong thường trực hội đồng nhân dân, uỷ ban nhân dân, bí thư, phó bí thư đảng uỷ, người đứng đầu tổ chức chính trị - xã hội; công chức cấp xã là công dân Việt Nam được tuyển dụng giữ một chức danh chuyên môn, nghiệp vụ thuộc uỷ ban nhân dân cấp xã, trong biên chế và hưởng lương từ ngân sách nhà nước.

Nghĩa vụ của cán bộ, công chức đối với Đảng, Nhà nước và nhân dân:

- Trung thành với Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; bảo vệ danh dự Tổ quốc và lợi ích quốc gia.
- Tôn trọng nhân dân, tận tụy phục vụ nhân dân.

- Liên hệ chặt chẽ với nhân dân, lắng nghe ý kiến và chịu sự giám sát của nhân dân.

- Chấp hành nghiêm chỉnh đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

Nghĩa vụ của cán bộ, công chức trong thi hành công vụ:

- Thực hiện đúng, đầy đủ và chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

- Có ý thức tổ chức kỷ luật; nghiêm chỉnh chấp hành nội quy, quy chế của cơ quan, tổ chức, đơn vị; báo cáo người có thẩm quyền khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật trong cơ quan, tổ chức, đơn vị; bảo vệ bí mật nhà nước.

- Chủ động và phối hợp chặt chẽ trong thi hành công vụ; giữ gìn đoàn kết trong cơ quan, tổ chức, đơn vị.

- Bảo vệ, quản lý và sử dụng hiệu quả, tiết kiệm tài sản nhà nước được giao.

- Chấp hành quyết định của cấp trên. Khi có căn cứ cho rằng quyết định đó là trái pháp luật thì phải kịp thời báo cáo bằng văn bản với người ra quyết định; trường hợp người ra quyết định vẫn quyết định việc thi hành thì phải có văn bản và người thi hành phải chấp hành nhưng không chịu trách nhiệm về hậu quả của việc thi hành, đồng thời báo cáo cấp trên trực tiếp của người ra quyết định. Người ra quyết định phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định của mình.

- Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Nghĩa vụ của cán bộ, công chức là người đứng đầu: ngoài việc thực hiện quy định tại Điều 8 và Điều 9 của luật này, cán bộ, công chức là người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị còn phải thực hiện các nghĩa vụ sau:

- Chỉ đạo tổ chức thực hiện nhiệm vụ được giao và chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị;

- Kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn việc thi hành công vụ của cán bộ, công chức;

- Tổ chức thực hiện các biện pháp phòng, chống quan liêu, tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và chịu trách nhiệm về việc để xảy ra quan liêu, tham nhũng, lãng phí trong cơ quan, tổ chức, đơn vị;

- Tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về dân chủ cơ sở, văn hóa công sở trong cơ quan, tổ chức, đơn vị; xử lý kịp thời, nghiêm minh cán bộ, công chức thuộc quyền quản lý có hành vi vi phạm kỷ luật, pháp luật, có thái độ quan liêu, hách dịch, cửa quyền, gây phiền hà cho công dân;

- Giải quyết kịp thời, đúng pháp luật, theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết khiếu nại, tố cáo và kiến nghị của cá nhân, tổ chức;

- Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Cán bộ, công chức được bảo đảm các điều kiện thi hành công vụ:

- Được giao quyền tương xứng với nhiệm vụ.
- Được bảo đảm trang thiết bị và các điều kiện làm việc khác theo quy định của pháp luật.
- Được cung cấp thông tin liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn được giao.
- Được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ.
- Được pháp luật bảo vệ khi thi hành công vụ.

Quyền của cán bộ, công chức về tiền lương và các chế độ liên quan đến tiền lương:

- Được Nhà nước bảo đảm tiền lương tương xứng với nhiệm vụ, quyền hạn được giao, phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của đất nước. Cán bộ, công chức làm việc ở miền núi, biên giới, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn hoặc trong các ngành, nghề có môi trường độc hại, nguy hiểm được hưởng phụ cấp và chính sách ưu đãi theo quy định của pháp luật.
- Được hưởng tiền làm thêm giờ, tiền làm đêm, công tác phí và các chế độ khác theo quy định của pháp luật.

Quyền của cán bộ, công chức về nghỉ ngơi: cán bộ, công chức được nghỉ hằng năm, nghỉ lễ, nghỉ để giải quyết việc riêng theo quy định của pháp luật về lao động. Trường hợp do yêu cầu nhiệm vụ, cán bộ, công chức không sử dụng hoặc

sử dụng không hết số ngày nghỉ hằng năm thì ngoài tiền lương còn được thanh toán thêm một khoản tiền bằng tiền lương cho những ngày không nghỉ.

Các quyền khác của cán bộ, công chức: cán bộ, công chức được bảo đảm quyền học tập, nghiên cứu khoa học, tham gia các hoạt động kinh tế, xã hội; được hưởng chính sách ưu đãi về nhà ở, phương tiện đi lại, chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo quy định của pháp luật; nếu bị thương hoặc hy sinh trong khi thi hành công vụ thì được xem xét hưởng chế độ, chính sách như thương binh hoặc được xem xét để công nhận là liệt sĩ và các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Đạo đức của cán bộ, công chức: cán bộ, công chức phải thực hiện cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư trong hoạt động công vụ.

Văn hóa giao tiếp ở công sở:

- Trong giao tiếp ở công sở, cán bộ, công chức phải có thái độ lịch sự, tôn trọng đồng nghiệp; ngôn ngữ giao tiếp phải chuẩn mực, rõ ràng, mạch lạc.

- Cán bộ, công chức phải lắng nghe ý kiến của đồng nghiệp; công bằng, vô tư, khách quan khi nhận xét, đánh giá; thực hiện dân chủ và đoàn kết nội bộ.

- Khi thi hành công vụ, cán bộ, công chức phải mang phù hiệu hoặc thẻ công chức; có tác phong

lịch sự; giữ gìn uy tín, danh dự cho cơ quan, tổ chức, đơn vị và đồng nghiệp.

Văn hóa giao tiếp với nhân dân:

- Cán bộ, công chức phải gần gũi với nhân dân; có tác phong, thái độ lịch sự, nghiêm túc, khiêm tốn; ngôn ngữ giao tiếp phải chuẩn mực, rõ ràng, mạch lạc.

- Cán bộ, công chức không được hách dịch, cửa quyền, gây khó khăn, phiền hà cho nhân dân khi thi hành công vụ.

Những việc cán bộ, công chức không được làm liên quan đến đạo đức công vụ:

- Trốn tránh trách nhiệm, thoái thác nhiệm vụ được giao; gây bè phái, mất đoàn kết; tự ý bỏ việc hoặc tham gia đình công.

- Sử dụng tài sản của Nhà nước và của nhân dân trái pháp luật.

- Lợi dụng, lạm dụng nhiệm vụ, quyền hạn; sử dụng thông tin liên quan đến công vụ để vụ lợi.

- Phân biệt đối xử dân tộc, nam nữ, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo dưới mọi hình thức.

Những việc cán bộ, công chức không được làm liên quan đến bí mật Nhà nước:

- Cán bộ, công chức không được tiết lộ thông tin liên quan đến bí mật Nhà nước dưới mọi hình thức.

- Cán bộ, công chức làm việc ở ngành, nghề có liên quan đến bí mật nhà nước thì trong thời hạn ít nhất là 5 năm, kể từ khi có quyết định nghỉ hưu, thôi việc, không được làm công việc có liên

quan đến ngành, nghề mà trước đây mình đã đảm nhiệm cho tổ chức, cá nhân trong nước, tổ chức, cá nhân nước ngoài hoặc liên doanh với nước ngoài.

- Chính phủ quy định cụ thể danh mục ngành, nghề, công việc, thời hạn mà cán bộ, công chức không được làm và chính sách đối với những người phải áp dụng quy định tại Điều này.

Những việc khác cán bộ, công chức không được làm: Ngoài những việc không được làm quy định tại Điều 18 và Điều 19 của luật này, cán bộ, công chức còn không được làm những việc liên quan đến sản xuất, kinh doanh, công tác nhân sự quy định tại *Luật phòng, chống tham nhũng, Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí* và những việc khác theo quy định của pháp luật và của cơ quan có thẩm quyền.

Chức vụ, chức danh cán bộ, công chức cấp xã: cán bộ, công chức cấp xã quy định tại khoản 3 Điều 4 của luật này bao gồm cán bộ cấp xã và công chức cấp xã.

- Cán bộ cấp xã có các chức vụ sau đây: bí thư, phó bí thư đảng uỷ; chủ tịch, phó chủ tịch hội đồng nhân dân; chủ tịch, phó chủ tịch uỷ ban nhân dân; Chủ tịch Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; bí thư đoàn thanh niên; Chủ tịch hội liên hiệp phụ nữ; chủ tịch hội nông dân (áp dụng đối với xã, phường, thị trấn có hoạt động nông, lâm, ngư, diêm nghiệp và có tổ

chức Hội Nông dân Việt Nam); chủ tịch hội Cựu chiến binh.

- Công chức cấp xã có các chức danh sau đây: trưởng công an; chỉ huy trưởng quân sự; văn phòng - thống kê; địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường (đối với phường, thị trấn) hoặc địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường (đối với xã); tài chính - kế toán; tư pháp - hộ tịch; văn hóa - xã hội.

Công chức cấp xã do cấp huyện quản lý. Cán bộ, công chức cấp xã quy định nêu trên bao gồm cả cán bộ, công chức được luân chuyển, điều động, biệt phái về cấp xã. Căn cứ vào điều kiện kinh tế - xã hội, quy mô, đặc điểm của địa phương, Chính phủ quy định cụ thể số lượng cán bộ, công chức cấp xã.

Nghĩa vụ, quyền của cán bộ, công chức cấp xã:

- Thực hiện các nghĩa vụ, quyền quy định tại luật này, quy định khác của pháp luật có liên quan, điều lệ của tổ chức mà mình là thành viên.

- Cán bộ, công chức cấp xã khi giữ chức vụ được hưởng lương và chế độ bảo hiểm; khi thôi giữ chức vụ, nếu đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật được xem xét chuyển thành công chức, trong trường hợp này, được miễn chế độ tập sự và hưởng chế độ, chính sách liên tục; nếu không được chuyển thành công chức mà chưa đủ điều kiện nghỉ hưu thì thôi hưởng lương và thực hiện đóng bảo hiểm tự nguyện theo quy định của

pháp luật; trường hợp là cán bộ, công chức được điều động, luân chuyển, biệt phái thì cơ quan có thẩm quyền bố trí công tác phù hợp hoặc giải quyết chế độ theo quy định của pháp luật. Chính phủ quy định cụ thể khoản này.

Bầu cử, tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã:

- Việc bầu cử cán bộ cấp xã được thực hiện theo quy định của *Luật tổ chức hội đồng nhân dân và uỷ ban nhân dân, Luật bầu cử đại biểu hội đồng nhân dân*, điều lệ của tổ chức có liên quan, các quy định khác của pháp luật và của cơ quan có thẩm quyền.

- Việc tuyển dụng công chức cấp xã phải thông qua thi tuyển; đối với các xã miền núi, biên giới, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì có thể được tuyển dụng thông qua xét tuyển. Chủ tịch uỷ ban nhân dân cấp huyện tổ chức tuyển dụng công chức cấp xã theo quy định của Chính phủ.

- Việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã phải căn cứ vào tiêu chuẩn của từng chức vụ, chức danh, yêu cầu nhiệm vụ và phù hợp với quy hoạch cán bộ, công chức. Chế độ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã do cơ quan có thẩm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam, Chính phủ quy định. Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã do ngân sách

nhà nước cấp và các nguồn thu khác theo quy định của pháp luật.

Đánh giá, phân loại, xin thôi làm nhiệm vụ, từ chức, miễn nhiệm, thôi việc, nghỉ hưu đối với cán bộ, công chức cấp xã:

Việc đánh giá, phân loại, xin thôi làm nhiệm vụ, từ chức, miễn nhiệm, thôi việc, nghỉ hưu đối với cán bộ, công chức cấp xã được thực hiện theo quy định tương ứng của luật này đối với cán bộ, công chức và các quy định khác của pháp luật, điều lệ có liên quan.

Cán bộ, công chức có thành tích trong công vụ thì được khen thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua khen thưởng. Cán bộ, công chức được khen thưởng do có thành tích xuất sắc hoặc công trạng thì được nâng lương trước thời hạn, được ưu tiên khi xem xét bổ nhiệm chức vụ cao hơn nếu cơ quan, tổ chức, đơn vị có nhu cầu.

Cán bộ, công chức được miễn trách nhiệm trong các trường hợp sau đây:

- Phải chấp hành quyết định trái pháp luật của cấp trên nhưng đã báo cáo người ra quyết định trước khi chấp hành;

- Do bất khả kháng theo quy định của pháp luật.

Các hình thức kỷ luật đối với cán bộ:

- Cán bộ vi phạm quy định của luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm phải chịu một trong những hình thức kỷ luật sau đây: khiển trách; cảnh cáo; cách chức; bãi nhiệm.

- Việc cách chức chỉ áp dụng đối với cán bộ được phê chuẩn giữ chức vụ theo nhiệm kỳ.

- Cán bộ phạm tội bị tòa án kết án và bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật thì đương nhiên thôi giữ chức vụ do bầu cử, phê chuẩn, bổ nhiệm; trường hợp bị tòa án phạt tù mà không được hưởng án treo thì đương nhiên bị thôi việc.

- Việc áp dụng các hình thức kỷ luật, thẩm quyền, trình tự, thủ tục xử lý kỷ luật cán bộ được thực hiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ của Đảng Cộng sản Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội và văn bản của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.

Các hình thức kỷ luật đối với công chức:

- Công chức vi phạm quy định của luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm phải chịu một trong những hình thức kỷ luật sau đây: khiển trách; cảnh cáo; hạ bậc lương; giáng chức; cách chức; buộc thôi việc.

- Việc giáng chức, cách chức chỉ áp dụng đối với công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý.

- Công chức bị tòa án kết án phạt tù mà không được hưởng án treo thì đương nhiên bị buộc thôi việc kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật; công chức lãnh đạo, quản lý phạm tội bị tòa án kết án và bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật thì đương nhiên thôi giữ chức vụ được bổ nhiệm.

- Chính phủ quy định việc áp dụng các hình

thức kỷ luật, trình tự, thủ tục và thẩm quyền xử lý kỷ luật đối với công chức.

Thời hiệu, thời hạn xử lý kỷ luật:

- Thời hiệu xử lý kỷ luật là thời hạn do luật này quy định mà khi hết thời hạn đó thì cán bộ, công chức có hành vi vi phạm không bị xem xét xử lý kỷ luật. Thời hiệu xử lý kỷ luật là 24 tháng, kể từ thời điểm có hành vi vi phạm.

- Thời hạn xử lý kỷ luật đối với cán bộ, công chức là khoảng thời gian từ khi phát hiện hành vi vi phạm kỷ luật của cán bộ, công chức đến khi có quyết định xử lý kỷ luật của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền. Thời hạn xử lý kỷ luật không quá 2 tháng; trường hợp vụ việc có những tình tiết phức tạp cần có thời gian thanh tra, kiểm tra để xác minh làm rõ thêm thì thời hạn xử lý kỷ luật có thể kéo dài nhưng tối đa không quá 4 tháng.

- Trường hợp cá nhân đã bị khởi tố, truy tố hoặc đã có quyết định đưa ra xét xử theo thủ tục tố tụng hình sự, nhưng sau đó có quyết định đình chỉ điều tra hoặc đình chỉ vụ án mà hành vi vi phạm có dấu hiệu vi phạm kỷ luật thì bị xử lý kỷ luật; trong thời hạn 3 ngày, kể từ ngày ra quyết định đình chỉ điều tra, đình chỉ vụ án, người ra quyết định phải gửi quyết định và hồ sơ vụ việc cho cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền xử lý kỷ luật.

Tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ, công chức:

- Cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý cán bộ, công

chức có thể ra quyết định tạm đình chỉ công tác trong thời gian xem xét, xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, nếu để cán bộ, công chức đó tiếp tục làm việc có thể gây khó khăn cho việc xem xét, xử lý. Thời hạn tạm đình chỉ công tác không quá 15 ngày, trường hợp cần thiết có thể kéo dài thêm nhưng tối đa không quá 15 ngày; nếu cán bộ, công chức bị tạm giữ, tạm giam để phục vụ công tác điều tra, truy tố, xét xử thì thời gian tạm giữ, tạm giam được tính là thời gian nghỉ việc có lý do; hết thời hạn tạm đình chỉ công tác nếu cán bộ, công chức không bị xử lý kỷ luật thì được tiếp tục bố trí làm việc ở vị trí cũ.

- Trong thời gian bị tạm đình chỉ công tác hoặc bị tạm giữ, tạm giam để phục vụ cho công tác điều tra, truy tố, xét xử, cán bộ, công chức được hưởng lương theo quy định của Chính phủ.

Các quy định khác liên quan đến cán bộ, công chức bị kỷ luật:

- Cán bộ, công chức bị khiển trách hoặc cảnh cáo thì thời gian nâng lương bị kéo dài 6 tháng, kể từ ngày quyết định kỷ luật có hiệu lực; nếu bị giáng chức, cách chức thì thời gian nâng lương bị kéo dài 12 tháng, kể từ ngày quyết định kỷ luật có hiệu lực.

- Cán bộ, công chức bị kỷ luật từ khiển trách đến cách chức thì không thực hiện việc nâng ngạch, quy hoạch, đào tạo, bổ nhiệm trong thời hạn 12 tháng, kể từ ngày quyết định kỷ luật có

hiệu lực; hết thời hạn này, nếu cán bộ, công chức không vi phạm đến mức phải xử lý kỷ luật thì tiếp tục thực hiện nâng ngạch, quy hoạch, đào tạo, bổ nhiệm theo quy định của pháp luật.

- Cán bộ, công chức đang trong thời gian bị xem xét kỷ luật, đang bị điều tra, truy tố, xét xử thì không được ứng cử, đề cử, bổ nhiệm, điều động, luân chuyển, biệt phái, đào tạo, bồi dưỡng, thi nâng ngạch, giải quyết nghỉ hưu hoặc thôi việc.

- Cán bộ, công chức bị kỷ luật cách chức do tham nhũng thì không được bổ nhiệm vào vị trí lãnh đạo, quản lý.

Việc khen thưởng, kỷ luật cán bộ, công chức được lưu vào hồ sơ cán bộ, công chức.

2. Các quy định cụ thể về cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn

1- Yêu cầu đối với cán bộ, công chức cấp xã

Cán bộ, công chức cấp xã là công bộc của nhân dân, chịu sự giám sát của nhân dân, phải không ngừng rèn luyện phẩm chất đạo đức, học tập nâng cao trình độ và năng lực công tác để thực hiện tốt nhiệm vụ, công vụ được giao.

2- Nguyên tắc quản lý cán bộ, công chức cấp xã

Công tác cán bộ, công chức cấp xã đặt dưới sự lãnh đạo thống nhất của cấp ủy đảng, bảo đảm nguyên tắc tập thể, dân chủ đi đôi với phát huy trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị.

3- Trách nhiệm của cán bộ, công chức cấp xã

Cán bộ, công chức cấp xã có trách nhiệm thực hiện các quy định tại nghị định này; các quy định cụ thể về chế độ, chính sách, tiêu chuẩn cán bộ, công chức cấp xã; các quy định của *Pháp lệnh chống tham nhũng, Pháp lệnh thực hành tiết kiệm, chống lãng phí* và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan đến cán bộ, công chức cấp xã.

4- Tiêu chuẩn cán bộ, công chức cấp xã

Nghị định số 114/2003/NĐ-CP quy định, cán bộ, công chức cấp xã phải đáp ứng những tiêu chuẩn sau đây:

- Có tinh thần yêu nước sâu sắc, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; có năng lực và tổ chức vận động nhân dân thực hiện có kết quả đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước;

- Cần kiệm liêm chính, chí công vô tư, công tâm, thạo việc, tận tụy với dân. Không tham nhũng và kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng. Có ý thức tổ chức kỷ luật trong công tác. Trung thực, không cơ hội, gán bó mặt thiết với nhân dân, được nhân dân tín nhiệm;

- Có trình độ hiểu biết về lý luận chính trị, quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước; có trình độ văn hoá, chuyên môn, đủ năng lực và sức khoẻ để làm việc có hiệu quả đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.

5- Cán bộ, công chức cấp xã phải bảo đảm tiêu chuẩn cụ thể do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền quy định

- Tiêu chuẩn cụ thể của cán bộ chuyên trách cấp xã làm việc trong các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội do các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội ở cấp trung ương quy định.

- Tiêu chuẩn cụ thể của cán bộ chuyên trách cấp xã làm việc trong hội đồng nhân dân, uỷ ban nhân dân và tiêu chuẩn của công chức cấp xã do Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định.

6- Nghĩa vụ, quyền lợi và những việc không được làm của cán bộ, công chức cấp xã

Các Điều 8, 9, 10, 11 Nghị định số 114/2003/NĐ-CP quy định:

Cán bộ, công chức cấp xã có những nghĩa vụ sau đây:

- Trung thành với Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, phấn đấu thực hiện công cuộc đổi mới xây dựng địa phương phát triển về mọi mặt;

- Chấp hành nghiêm chỉnh đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước; thi hành nhiệm vụ công vụ theo đúng quy định của pháp luật;

- Có nếp sống lành mạnh, tôn trọng nhân dân, không được quan liêu, hách dịch, cửa quyền;

- Thực hiện nghiêm chỉnh nội quy, quy chế, điều lệ của cơ quan, tổ chức; giữ gìn và bảo vệ của công; bảo vệ bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật;

- Thường xuyên học tập nâng cao trình độ; chủ động sáng tạo, phối hợp trong công tác để hoàn thành tốt nhiệm vụ, công vụ được giao; đạt tiêu chuẩn theo thời hạn quy định của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền quản lý, sử dụng cán bộ, công chức;

- Gương mẫu thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở xã, phường, thị trấn; liên hệ chặt chẽ với nhân dân, tham gia sinh hoạt với cộng đồng dân cư nơi cư trú, lắng nghe ý kiến của nhân dân và chịu sự giám sát của nhân dân;

- Chấp hành sự điều động, quyết định phân công công tác của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền; khi có căn cứ để cho là quyết định đó trái pháp luật thì phải báo cáo ngay với người ra quyết định; trong trường hợp vẫn phải chấp hành quyết định thì phải báo cáo lên cấp trên trực tiếp của người ra quyết định và không phải chịu trách nhiệm về hậu quả việc thi hành quyết định đó;

- Cán bộ, công chức cấp xã chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc thi hành nhiệm vụ, công vụ của mình; cán bộ, công chức cấp xã giữ chức vụ lãnh đạo còn phải chịu trách nhiệm về việc thi hành nhiệm vụ, công vụ của cán bộ, công chức thuộc quyền theo quy định của pháp luật.

Cán bộ, công chức cấp xã có trách nhiệm thực hiện quy chế làm việc giữa đảng ủy, hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc trong việc giải quyết những vấn đề quan trọng và bức xúc của địa phương.

Cán bộ, công chức cấp xã có các quyền lợi sau đây:

- Được nghỉ lễ, nghỉ hàng năm và nghỉ việc riêng theo quy định của *Bộ luật lao động*. Trong trường hợp có lý do chính đáng được nghỉ không hưởng lương, sau khi có sự đồng ý của người đứng đầu cơ quan, tổ chức quản lý và sử dụng cán bộ, công chức cấp xã;

- Được hưởng lương và các chế độ về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, công tác phí, chế độ đào tạo, bồi dưỡng, thôi việc và các quy định khác;

- Được ưu tiên trong việc xét tuyển, thi tuyển vào làm việc ở các tổ chức, cơ quan nhà nước từ cấp huyện trở lên khi có đủ điều kiện và tiêu chuẩn;

- Cán bộ, công chức là nữ còn được hưởng các quyền lợi quy định tại khoản 2 Điều 109, các điều 111, 113, 114, 115, 116, và 117 của *Bộ luật lao động*;

- Có quyền tham gia hoạt động chính trị, xã hội theo quy định của pháp luật; được tạo điều kiện để học tập nâng cao trình độ, được quyền nghiên cứu khoa học, sáng tác; được khen thưởng khi hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, công vụ được giao;

- Có quyền khiếu nại, tố cáo, khởi kiện về việc làm của cơ quan, tổ chức, cá nhân mà mình cho là trái pháp luật đến cơ quan, tổ chức có thẩm quyền theo quy định của pháp luật và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về những khiếu nại, tố cáo và khởi kiện đó;

- Khi thi hành nhiệm vụ, công vụ được pháp luật và nhân dân bảo vệ;

- Cán bộ, công chức hy sinh trong khi thi hành nhiệm vụ, công vụ được xem xét để công nhận là liệt sĩ theo quy định của pháp luật; bị thương trong khi thi hành nhiệm vụ, công vụ được xem xét để áp dụng chính sách chế độ tương tự như đối với thương binh.

Cán bộ, công chức cấp xã không được làm những việc sau đây:

- Chây lười trong công tác, trốn tránh trách nhiệm hoặc thoái thác nhiệm vụ, công vụ; gây bè phái, mất đoàn kết, cục bộ hoặc tự ý bỏ việc;

- Cưỡng quyền, hách dịch, sách nhiễu, gây khó khăn, phiền hà đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân trong khi giải quyết công việc;

- Thành lập, tham gia thành lập hoặc tham gia quản lý điều hành các doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh, bệnh viện tư, trường học tư;

- Bí thư đảng ủy, chủ tịch, phó chủ tịch hội đồng nhân dân, chủ tịch, phó chủ tịch ủy ban nhân dân không được bố trí vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, anh, chị, em ruột của mình vào làm công việc: tài chính - kế toán, địa chính - xây dựng.

Bầu cử, tuyển dụng, sử dụng cán bộ, công chức cấp xã, Nghị định số 114/2003/NĐ-CP quy định:

- Việc bầu cử cán bộ chuyên trách cấp xã của hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân thực hiện theo

Luật bầu cử đại biểu hội đồng nhân dân, Luật tổ chức hội đồng nhân dân và uỷ ban nhân dân.

- Việc bầu cử cán bộ chuyên trách cấp xã trong tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội thực hiện theo điều lệ của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội.

- Việc tuyển dụng công chức cấp xã phải căn cứ vào nhu cầu công việc, vị trí công tác, tiêu chuẩn và số lượng của chức danh cần tuyển dụng.

- Người được tuyển dụng làm công chức phải có phẩm chất đạo đức, đủ tiêu chuẩn và thông qua thi tuyển. Việc tuyển dụng công chức ở vùng cao, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo hoặc để đáp ứng yêu cầu xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức vùng dân tộc thiểu số thì có thể thực hiện thông qua xét tuyển.

Chủ tịch uỷ ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo, tổ chức việc tuyển dụng công chức cấp xã theo quy chế tuyển dụng công chức của uỷ ban nhân dân cấp tỉnh.

Người được tuyển dụng phải thực hiện chế độ tập sự đủ thời gian 6 tháng. Khi hết thời gian tập sự, chủ tịch uỷ ban nhân dân cấp xã căn cứ vào tiêu chuẩn và kết quả công việc của người tập sự, nếu đủ tiêu chuẩn thì đề nghị chủ tịch uỷ ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định tuyển dụng; nếu không đủ tiêu chuẩn tuyển dụng thì cho thôi việc.

Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền quản lý, sử

dụng cán bộ, công chức cấp xã có trách nhiệm xây dựng quy hoạch, kế hoạch để đào tạo, bồi dưỡng, tạo nguồn và nâng cao trình độ, năng lực cho cán bộ, công chức cấp xã.

Việc đào tạo cán bộ, công chức cấp xã căn cứ vào quy hoạch, kế hoạch, tiêu chuẩn đối với từng chức vụ và tiêu chuẩn nghiệp vụ của từng chức danh.

Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã do ngân sách nhà nước cấp. Chế độ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã do các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền quy định.

Cán bộ, công chức cấp xã được thôi việc và hưởng chế độ thôi việc trong các trường hợp : do thực hiện việc tiêu chuẩn hoá cán bộ, công chức; do nghỉ công tác chưa đủ điều kiện hưởng chế độ hưu trí; có nguyện vọng xin thôi việc và được cơ quan, tổ chức cấp huyện đồng ý.

Cán bộ, công chức cấp xã tự ý bỏ việc thì bị xử lý kỷ luật, không được hưởng chế độ thôi việc và quyền lợi khác, phải bồi thường chi phí đào tạo theo quy định của pháp luật.

Trong thời gian đang bị xem xét kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, cán bộ, công chức cấp xã không được thôi việc trước khi có quyết định xử lý.

8- Khen thưởng và xử lý vi phạm

Cán bộ, công chức cấp xã có thành tích trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ thì được xét

khen thưởng theo các hình thức sau đây: giấy khen; bằng khen; danh hiệu vinh dự nhà nước; huy chương; huân chương.

Việc khen thưởng cán bộ, công chức cấp xã được thực hiện theo quy định của pháp luật và điều lệ của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội.

Việc kỷ luật, bãi nhiệm đối với cán bộ chuyên trách cấp xã thực hiện theo quy định của pháp luật và điều lệ của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội.

Cán bộ, công chức cấp xã vi phạm các quy định của pháp luật, nếu chưa đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm để xem xét kỷ luật theo một trong những hình thức sau đây: khiển trách; cảnh cáo; hạ bậc lương; cách chức; buộc thôi việc.

Công chức cấp xã bị kỷ luật bằng hình thức khiển trách, cảnh cáo, cách chức thì bị kéo dài thời gian nâng bậc lương thêm một năm. Cán bộ, công chức cấp xã bị kỷ luật từ khiển trách trở lên thì không được bổ nhiệm vào chức vụ cao hơn trong thời hạn ít nhất một năm, kể từ khi có quyết định kỷ luật.

Cán bộ, công chức cấp xã làm mất mát, hư hỏng trang bị, thiết bị hoặc có hành vi khác gây thiệt hại tài sản nhà nước thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Cán bộ, công chức cấp xã có hành vi vi phạm pháp luật trong khi thi hành nhiệm vụ, công vụ

gây thiệt hại cho người khác thì phải hoàn trả cho cơ quan, tổ chức khoản tiền mà cơ quan, tổ chức đã bồi thường cho người bị thiệt hại theo quy định của pháp luật.

Cán bộ, công chức cấp xã vi phạm pháp luật mà có dấu hiệu của tội phạm thì bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Cán bộ, công chức cấp xã phạm tội bị toà án nhân dân phạt tù mà không được hưởng án treo thì phải buộc thôi việc kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật.

9- Tạm đình chỉ công tác

Trong thời gian đang bị xem xét kỷ luật, cán bộ, công chức cấp xã có thể bị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền quản lý ra quyết định tạm đình chỉ công tác nếu xét thấy cán bộ, công chức đó tiếp tục làm việc có thể gây khó khăn cho việc xác minh hoặc tiếp tục có hành vi vi phạm. Thời hạn tạm đình chỉ không quá 15 ngày, trường hợp đặc biệt có thể kéo dài nhưng không quá 3 tháng; hết thời hạn tạm đình chỉ công tác, nếu không bị xử lý thì cán bộ, công chức cấp xã được tiếp tục làm việc. Cán bộ, công chức cấp xã trong thời gian bị đình chỉ công tác được hưởng lương theo quy định của Chính phủ.

Cán bộ, công chức cấp xã không có lỗi thì sau khi tạm đình chỉ công tác, được bố trí trở lại vị trí công tác cũ; trường hợp cán bộ, công chức cấp xã bị xử lý kỷ luật bằng các hình thức : khiển trách,

cảnh cáo, hạ bậc lương thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm có thể được bố trí về vị trí công tác cũ.

10- Thẩm quyền xử lý kỷ luật

Việc xử lý kỷ luật cán bộ, công chức cấp xã do cơ quan, tổ chức quản lý cán bộ, công chức quyết định theo quy trình: Hội đồng kỷ luật của cơ quan, tổ chức cấp xã xem xét và đề nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp huyện quyết định. Thành phần và quy chế hoạt động cụ thể của hội đồng kỷ luật do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp tỉnh quy định.

Cán bộ, công chức cấp xã khi bị kỷ luật có quyền khiếu nại về quyết định kỷ luật đối với mình đến cơ quan, tổ chức có thẩm quyền; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền có trách nhiệm giải quyết khiếu nại theo quy định của pháp luật.

Cán bộ, công chức cấp xã bị xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự mà được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền kết luận là oan, sai thì được phục hồi danh dự, quyền lợi và được bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

Cơ quan, tổ chức quản lý cán bộ, công chức cấp xã có trách nhiệm quản lý hồ sơ khen thưởng, kỷ luật của cán bộ, công chức. Các quyết định về khen thưởng và kỷ luật được lưu vào hồ sơ cán bộ, công chức cấp xã.

Thông tư số 03/2004/TT-BNV, ngày 16-1-2004 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện Nghị định số 114/2003/NĐ-CP quy định:

1- Thực hiện quy chế, chế độ làm việc

- Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng quy chế làm việc giữa đảng ủy, hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc trong hệ thống chính trị ở cơ sở để phối hợp trong lãnh đạo, quản lý điều hành và vận động nhân dân theo trách nhiệm vụ chính trị của địa phương.

- Cán bộ, công chức cấp xã có trách nhiệm thực hiện quy chế làm việc trong khi giải quyết các vấn đề kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng ở địa phương, những công việc liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của nhân dân và vận động nhân dân thực hiện nhiệm vụ chính trị ở địa phương.

- Chế độ làm việc của cán bộ, công chức cấp xã: cán bộ, công chức cấp xã thực hiện chế độ làm việc 8 giờ một ngày, 40 giờ một tuần. Thực hiện chế độ thường trực tại trụ sở ủy ban nhân dân cấp xã trong các ngày lễ, tết, và ngày nghỉ theo quy định của ủy ban nhân dân các cấp.

2- Những việc cán bộ, công chức cấp xã không được làm

- Trường hợp cán bộ, công chức cấp xã đã thành lập, tham gia thành lập hoặc tham gia quản lý điều hành các doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh, bệnh viện tư, trường học tư thì không được tham gia các hoạt động nêu trên trong thời hạn chậm nhất là 6 tháng kể từ ngày được bầu giữ chức vụ hoặc được tuyển dụng vào công chức.

- Những người được bầu giữ chức vụ bí thư đảng uỷ, chủ tịch, phó chủ tịch, hội đồng nhân dân, chủ tịch, phó chủ tịch uỷ ban nhân dân tại đơn vị mà vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, anh, chị, em ruột của mình đang làm công việc tài chính, kế toán, địa chính - xây dựng thì uỷ ban nhân dân cấp xã báo cáo uỷ ban nhân dân cấp huyện có kế hoạch bố trí lại công chức nói trên tại xã hoặc điều động tới làm việc ở đơn vị khác trong thời gian chậm nhất là 6 tháng kể từ khi giữ chức vụ bầu cử.

3- Tuyển dụng công chức cấp xã

- Việc tuyển dụng công chức cấp xã do uỷ ban nhân dân cấp huyện thực hiện theo đúng quy chế tuyển dụng của uỷ ban nhân dân cấp tỉnh.

- Quy chế tuyển dụng của uỷ ban nhân dân cấp tỉnh cần quy định cụ thể thành phần hội đồng tuyển dụng công chức cấp xã, quy trình thủ tục, cách thức tiến hành thi tuyển (hoặc xét tuyển) yêu cầu đảm bảo công khai về tiêu chuẩn, đối tượng, số lượng người cần tuyển, thủ tục, hồ sơ, thời gian nộp hồ sơ, lệ phí thi tuyển, công tác thẩm định và công bố kết quả trúng tuyển.

- Việc xét tuyển công chức cấp xã chỉ được áp dụng trong trường hợp đối với các xã ở vùng cao, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo hoặc để đáp ứng yêu cầu xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức vùng dân tộc thiểu số.

- Chủ tịch uỷ ban nhân dân cấp xã, căn cứ vào quyết định tuyển dụng của uỷ ban nhân dân cấp huyện, bố trí sử dụng công chức cấp xã, cử cán bộ, công chức hướng dẫn trong thời gian tập sự là 6 tháng để người tập sự làm đúng chức trách nhiệm vụ của ngạch công chức sẽ được bổ nhiệm; rèn luyện ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần trách nhiệm trong khi thi hành nhiệm vụ, công vụ và phẩm chất đạo đức lối sống.

Hết thời gian tập sự, người tập sự viết báo cáo kết quả, người hướng dẫn có bản nhận xét đối với người tập sự. Uỷ ban nhân dân cấp xã lấy ý kiến bằng văn bản của phòng chuyên môn thuộc uỷ ban nhân dân cấp huyện, hoàn chỉnh hồ sơ trình uỷ ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định bổ nhiệm vào ngạch công chức, nếu không đủ điều kiện thì quyết định cho thôi việc.

3- Thẩm quyền xử lý kỷ luật

- Việc xử lý kỷ luật cán bộ, công chức cấp xã do cơ quan, tổ chức quản lý cán bộ, công chức quyết định theo quy trình; hội đồng kỷ luật của cơ quan, tổ chức cấp xã xem xét và đề nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp huyện quyết định. Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp huyện quyết định kỷ luật cán bộ, công chức cấp xã theo phân cấp quản lý cán bộ, công chức của địa phương.

- Thành phần và quy chế hoạt động cụ thể của hội đồng kỷ luật cấp xã do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp tỉnh quy định.

4- Trách nhiệm quản lý cán bộ, công chức cấp xã

- Căn cứ các nội dung quản lý cán bộ, công chức cấp xã đã được quy định tại chương VI Nghị định số 114/2003/NĐ-CP ngày 10-10-2003 của Chính phủ về cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn, uỷ ban nhân dân các cấp thực hiện báo cáo thống kê hàng năm về số lượng, chất lượng, kết quả bố trí, sử dụng hồ sơ, phiếu quản lý nhân sự cán bộ, công chức cấp xã theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ để thống nhất trong cả nước.

- Hàng năm uỷ ban nhân dân các cấp căn cứ kế hoạch thanh tra, kiểm tra của cấp trên trực tiếp để xây dựng và thực hiện chương trình thanh tra, kiểm tra công tác quản lý, sử dụng, việc thực hiện chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức cấp xã.

- Việc giải quyết khiếu nại, tố cáo có liên quan đến công tác tổ chức, cán bộ, công chức cấp xã của uỷ ban nhân dân các cấp thực hiện theo quy định của *Luật khiếu nại, tố cáo*.

- Cuối năm, cán bộ, công chức cấp xã kiểm điểm theo ba nội dung phẩm chất chính trị: hoàn thành nhiệm vụ được giao; ý thức tổ chức kỷ luật và đạo đức lối sống đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức cấp xã theo ba loại: hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; hoàn thành nhiệm vụ và không hoàn thành nhiệm vụ được giao.

5- Chức vụ chức danh và số lượng

Điều 3, Điều 4 Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22-10-2009 của Chính phủ về chức danh, số

lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã quy định:

- Cán bộ cấp xã có các chức vụ sau đây: bí thư, phó bí thư đảng ủy; chủ tịch, phó chủ tịch hội đồng nhân dân; chủ tịch, phó chủ tịch uỷ ban nhân dân; chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam; chủ tịch Hội Nông dân Việt Nam (áp dụng đối với xã, phường, thị trấn có hoạt động nông, lâm, ngư, diêm nghiệp và có tổ chức Hội Nông dân Việt Nam); chủ tịch Hội Cựu chiến binh Việt Nam.

- Công chức cấp xã có các chức danh sau đây: trưởng công an; chỉ huy trưởng quân sự; văn phòng - thống kê; địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường (đối với phường, thị trấn) hoặc địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường (đối với xã); tài chính - kế toán; tư pháp - hộ tịch; văn hoá - xã hội.

Số lượng cán bộ, công chức cấp xã được bố trí theo loại đơn vị hành chính cấp xã; cụ thể như sau: cấp xã loại 1: không quá 25 người; cấp xã loại 2: không quá 23 người; cấp xã loại 3: không quá 21 người.

Việc xếp loại đơn vị hành chính cấp xã thực hiện theo quy định tại Nghị định số 159/2005/NĐ-CP ngày 27-12-2005 của Chính phủ về việc phân loại đơn vị hành chính xã, phường, thị trấn.

Số lượng cán bộ, công chức cấp xã nêu trên bao gồm cả cán bộ, công chức được luân chuyển, điều động, biệt phái về cấp xã.

6- Chế độ tiền lương, phụ cấp đối với cán bộ cấp xã Nghị định số 92/2009/NĐ-CP quy định

- Cán bộ cấp xã có trình độ sơ cấp hoặc chưa đào tạo trình độ chuyên môn, nghiệp vụ thực hiện xếp lương chức vụ theo bảng lương sau đây:

STT	Chức vụ	Hệ số lương	
		Bậc 1	Bậc 2
1	Bí thư đảng uỷ	2,35	2,85
2	- Phó bí thư đảng uỷ - Chủ tịch hội đồng nhân dân - Chủ tịch uỷ ban nhân dân	2,15	2,65
3	- Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc - Phó chủ tịch hội đồng nhân dân - Phó chủ tịch uỷ ban nhân dân	1,95	2,45
4	- Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh - Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ - Chủ tịch Hội Nông dân - Chủ tịch Hội Cựu chiến binh	1,75	2,25

Cán bộ cấp xã đã tốt nghiệp trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ từ trung cấp trở lên thực hiện xếp lương như công chức hành chính quy định tại bảng lương số 2 (Bảng lương chuyên môn,

nghịệp vụ đối với cán bộ, công chức trong các cơ quan nhà nước) ban hành kèm theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14-12-2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang (sau đây viết tắt là Nghị định số 204/2004/NĐ-CP);

Cán bộ cấp xã là người đang hưởng chế độ hưu trí hoặc trợ cấp mất sức lao động, ngoài lương hưu hoặc trợ cấp mất sức lao động hiện hưởng, hàng tháng được hưởng 90% mức lương bậc 1 của chức danh hiện đảm nhiệm theo quy định tại điểm a khoản 1 điều này và không phải đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.

- Công chức cấp xã tốt nghiệp trình độ đào tạo từ sơ cấp trở lên phù hợp với chuyên môn của chức danh đảm nhiệm, thực hiện xếp lương như công chức hành chính quy định tại bảng lương số 2 (Bảng lương chuyên môn, nghiệp vụ đối với cán bộ, công chức trong các cơ quan nhà nước), bảng lương số 4 (Bảng lương nhân viên thừa hành, phục vụ trong các cơ quan nhà nước và các đơn vị sự nghiệp của Nhà nước) ban hành kèm theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP;

- Những người hiện đang đảm nhiệm chức danh công chức cấp xã quy định tại khoản 2 Điều 3 nghị định này chưa tốt nghiệp đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định thì được hưởng lương bằng 1,18 so với mức lương tối thiểu chung;

- Thời gian tập sự của công chức cấp xã được quy định như sau: 12 tháng đối với công chức được xếp lương ngạch chuyên viên và tương đương; 6 tháng đối với công chức được xếp lương ngạch cán sự và tương đương; 3 tháng đối với công chức được xếp lương ngạch nhân viên và tương đương. Trong thời gian tập sự được hưởng 85% bậc lương khởi điểm theo trình độ đào tạo chuyên môn được tuyển dụng. Trường hợp có học vị thạc sĩ phù hợp với yêu cầu tuyển dụng thì được hưởng 85% lương bậc 2 của ngạch chuyên viên và tương đương; công chức cấp xã ở vùng cao, biên giới, hải đảo thời gian tập sự được hưởng 100% bậc lương khởi điểm theo trình độ đào tạo. Thời gian tập sự không được tính vào thời gian để xét nâng bậc lương theo niên hạn.

- Cán bộ, công chức cấp xã là người đang hưởng chế độ thương binh, bệnh binh các hạng mà không thuộc đối tượng đang hưởng chế độ hưu trí hoặc trợ cấp mất sức lao động, ngoài chế độ thương binh, bệnh binh đang hưởng, được xếp lương theo quy định tại nghị định này.

- *Nâng bậc lương:*

- Cán bộ cấp xã quy định tại điểm a khoản 1 Điều 5 Nghị định số 92/2009/NĐ-CP có thời gian hưởng lương bậc 1 là 5 năm (đủ 60 tháng), hoàn thành nhiệm vụ, không bị kỷ luật thì được xếp lương lên bậc 2.

- Cán bộ cấp xã quy định tại điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị định số 92/2009/NĐ-CP và công chức

cấp xã quy định tại điểm a khoản 2 Điều 5 Nghị định số 92/2009/NĐ-CP thực hiện chế độ nâng bậc lương theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 204/2004/NĐ-CP.

- Cán bộ, công chức cấp xã không hoàn thành nhiệm vụ hoặc bị kỷ luật từ khiển trách, cảnh cáo thì thời gian nâng lương bị kéo dài 6 tháng; nếu bị cách chức thì thời gian nâng lương bị kéo dài 12 tháng, kể từ ngày quyết định kỷ luật có hiệu lực.

Phụ cấp chức vụ lãnh đạo:

Cán bộ cấp xã quy định tại điểm b khoản 1 Điều 5 nghị định này được hưởng phụ cấp chức vụ lãnh đạo so với mức lương tối thiểu chung như sau:

- Bí thư đảng ủy: 0,3;
- Phó bí thư đảng ủy, chủ tịch hội đồng nhân dân, chủ tịch ủy ban nhân dân: 0,25;
- Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, phó chủ tịch hội đồng nhân dân, phó chủ tịch ủy ban nhân dân: 0,2;
- Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ, Chủ tịch Hội Nông dân, Chủ tịch Hội Cựu chiến binh: 0,15.

Phụ cấp thâm niên vượt khung:

Cán bộ cấp xã và công chức cấp xã được thực hiện chế độ phụ cấp thâm niên vượt khung theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định số 204/2004/NĐ-CP.

Phụ cấp theo loại xã:

Cán bộ cấp xã quy định tại khoản 1 Điều 5

nghị định này được hưởng phụ cấp theo loại đơn vị hành chính cấp xã tính theo % trên mức lương hiện hưởng, cộng phụ cấp chức vụ lãnh đạo, phụ cấp thâm niên vượt khung và hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có); cụ thể như sau:

- Cán bộ cấp xã loại 1 hưởng mức phụ cấp 10%;
- Cán bộ cấp xã loại 2 hưởng mức phụ cấp 5%.

Phụ cấp theo loại đơn vị hành chính cấp xã nêu tại khoản 1 điều này không dùng để tính đóng, hưởng chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.

Phụ cấp kiêm nhiệm chức danh:

Cán bộ, công chức cấp xã kiêm nhiệm chức danh mà giảm được 1 người trong số lượng quy định tối đa tại khoản 1 Điều 4 nghị định này, kể từ ngày được cấp có thẩm quyền quyết định việc kiêm nhiệm thì được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm bằng 20% mức lương hiện hưởng cộng phụ cấp chức vụ lãnh đạo, phụ cấp thâm niên vượt khung và hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có). Trường hợp kiêm nhiệm nhiều chức danh (kể cả trường hợp bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch ủy ban nhân dân), cũng chỉ được hưởng một mức phụ cấp kiêm nhiệm bằng 20%. Phụ cấp kiêm nhiệm chức danh không dùng để tính đóng, hưởng chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.

7- Chế độ bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế

- Cán bộ cấp xã quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 5 nghị định này; công chức cấp xã quy định tại điểm a, điểm b và điểm c khoản 2

Điều 5 nghị định này và cán bộ, công chức cấp xã quy định tại khoản 3 Điều 5 nghị định này trong thời gian đảm nhiệm chức vụ, chức danh thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế bắt buộc theo quy định của pháp luật.

- Trường hợp cán bộ, công chức cấp xã khi nghỉ việc đã hết tuổi lao động, có từ đủ 15 năm đến dưới 20 năm đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần, có nhu cầu tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện thì được đóng tiếp theo quy định tại Nghị định số 190/2007/NĐ-CP ngày 28-12-2007 của Chính phủ đến khi đủ 20 năm đóng bảo hiểm xã hội thì được hưởng lương hưu hàng tháng.

8- Chế độ đào tạo, bồi dưỡng

Cán bộ, công chức cấp xã được đào tạo, bồi dưỡng kiến thức phù hợp tiêu chuẩn chức danh hiện đang đảm nhiệm và theo quy hoạch cán bộ, công chức. Cán bộ, công chức cấp xã khi được cử đi đào tạo, bồi dưỡng, được hưởng các chế độ sau:

- Được cấp tài liệu học tập;
- Được hỗ trợ một phần tiền ăn trong thời gian đi học tập trung;
- Được hỗ trợ chi phí đi lại từ cơ quan đến nơi học tập.

9- Những người hoạt động không chuyên trách và việc giải quyết tồn tại

Nghị định số 92/2009/NĐ-CP quy định:

- Số lượng những người hoạt động không

chuyên trách ở cấp xã: cấp xã loại 1 được bố trí tối đa không quá 22 người. Cấp xã loại 2 được bố trí tối đa không quá 20 người. Cấp xã loại 3 được bố trí tối đa không quá 19 người.

Những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã được hưởng chế độ phụ cấp. Mức phụ cấp cụ thể của từng chức danh do hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định với mức không vượt quá hệ số 1,0 mức lương tối thiểu chung. Ngân sách trung ương hỗ trợ các địa phương theo mức bình quân bằng $\frac{2}{3}$ so với mức lương tối thiểu chung cho mỗi người hoạt động không chuyên trách. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình hội đồng nhân dân cùng cấp quy định chức danh những người hoạt động không chuyên trách; mức phụ cấp cụ thể của từng chức danh; mức phụ cấp kiêm nhiệm chức danh; mức khoán kinh phí chi trả phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách theo loại đơn vị hành chính cấp xã, loại thôn, tổ dân phố phù hợp quy định tại khoản 1, khoản 2 điều này; quy định mức khoán kinh phí hoạt động của các đoàn thể ở cấp xã theo số lượng những người hoạt động không chuyên trách quy định tại Điều 13 nghị định này bảo đảm phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

Những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã được đào tạo, bồi dưỡng kiến thức phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ hiện đang đảm nhiệm; khi được cử đi đào tạo, bồi dưỡng, được hưởng chế độ

như quy định tại khoản 2 Điều 12 nghị định này. Những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã không thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc.

Cán bộ xã già yếu, nghỉ việc theo Quyết định số 130/CP ngày 30-6-1975 của Hội đồng Chính phủ và Quyết định số 111/HĐBT ngày 13-10-1981 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) được điều chỉnh mức trợ cấp hàng tháng khi Nhà nước điều chỉnh mức lương tối thiểu chung; được chuyển trợ cấp đến nơi ở mới hợp pháp; khi từ trần thì người lo mai táng được nhận tiền mai táng phí bằng 10 tháng mức lương tối thiểu chung.

Trường hợp cán bộ xã già yếu, nghỉ việc bị tạm dừng hưởng chế độ trợ cấp hàng tháng trong thời gian chấp hành hình phạt tù, nay có đơn đề nghị kèm theo bản sao giấy chứng nhận đã chấp hành xong hình phạt tù gửi ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, giải quyết để tiếp tục hưởng chế độ trợ cấp hàng tháng.

Cán bộ xã, phường, thị trấn có thời gian đảm nhiệm chức danh khác thuộc ủy ban nhân dân theo quy định tại khoản 5 Điều 3 Nghị định số 09/1998/NĐ-CP ngày 23-1-1998 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 50/CP ngày 26-7-1995 của Chính phủ về chế độ sinh hoạt phí đối với cán bộ xã, phường, thị trấn đã đóng bảo hiểm xã hội theo chức danh này mà chưa được hưởng trợ cấp một lần thì được tính là thời gian có đóng bảo hiểm xã hội để tính hưởng bảo hiểm xã hội.

Đối với những trường hợp giữ chức danh khác thuộc uỷ ban nhân dân nhưng chưa đóng bảo hiểm xã hội thì được truy nộp tiền đóng bảo hiểm xã hội để làm cơ sở tính hưởng bảo hiểm xã hội.

Cán bộ xã có thời gian đóng bảo hiểm xã hội theo quy định tại Nghị định số 09/1998/NĐ-CP ngày 23-1-1998 của Chính phủ mà chưa hưởng trợ cấp một lần, thì thời gian làm việc có đóng bảo hiểm xã hội được tính là thời gian để hưởng bảo hiểm xã hội hoặc được cộng nối với thời gian tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm xã hội bắt buộc để tính hưởng bảo hiểm xã hội theo quy định của *Luật bảo hiểm xã hội*.

Đối với trường hợp cán bộ xã, phường, thị trấn đã được giải quyết hưởng trợ cấp hằng tháng hoặc hưởng trợ cấp một lần trước ngày nghị định này có hiệu lực thì không áp dụng quy định tại nghị định này để giải quyết lại.

10- Tổ chức thực hiện

- Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định giao số lượng cán bộ, công chức cấp xã theo quy định tại Điều 4 nghị định này; hướng dẫn việc kiêm nhiệm một số chức danh để bảo đảm các lĩnh vực công tác ở địa phương đều có cán bộ, công chức đảm nhiệm; riêng chức danh công chức địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường (đối với xã), được bố trí 2 người để bảo đảm có công chức chuyên trách theo dõi về nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới; chức danh văn hoá - xã hội được bố

trí 2 người để bảo đảm có công chức chuyên trách theo dõi về lao động - thương binh và xã hội; bố trí, hướng dẫn, kiểm tra việc sử dụng nguồn kinh phí để thực hiện chế độ, chính sách theo quy định tại nghị định này và theo nghị quyết của hội đồng nhân dân cùng cấp.

- Ủy ban nhân dân cấp huyện hướng dẫn, kiểm tra ủy ban nhân dân cấp xã việc thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức; những người hoạt động không chuyên trách theo quy định của ủy ban nhân dân cấp tỉnh và theo quy định tại nghị định này.

- Áp dụng việc thực hiện chế độ, chính sách quy định tại nghị định này đối với bí thư, phó bí thư chi bộ (nơi chưa thành lập đảng ủy cấp xã); thường trực đảng ủy (nơi không có phó bí thư chuyên trách công tác đảng).

- Áp dụng việc thực hiện chế độ, chính sách quy định tại nghị định này đối với những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, làng, ấp, bản, buôn, sóc, tổ dân phố (thôn, làng, ấp, bản, buôn, sóc, tổ dân phố sau đây gọi chung là thôn, tổ dân phố). Mỗi thôn, tổ dân phố được bố trí không quá 3 người. Mức phụ cấp mỗi người không quá 1,0 hệ số mức lương tối thiểu chung.

3. Tiêu chuẩn đối với cán bộ xã, phường, thị trấn

Quyết định số 04/2004/QĐ-BNV ngày 16-1-2004 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định:

1- Tiêu chuẩn chung: cán bộ, công chức cấp xã phải đáp ứng những tiêu chuẩn sau đây

- Có tinh thần yêu nước sâu sắc, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; có năng lực tổ chức vận động nhân dân thực hiện có kết quả đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước ở địa phương.

- Cần kiệm liêm chính, chí công vô tư, công tâm thảo việc, tận tụy với dân. Không tham nhũng và kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng. Có ý thức kỷ luật trong công tác. Trung thực, không cơ hội, gấn bó mật thiết với nhân dân, được nhân dân tín nhiệm.

- Có trình độ hiểu biết về lý luận chính trị, quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước; có trình độ học vấn, chuyên môn, đủ năng lực và sức khỏe để làm việc có hiệu quả đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.

- Tiêu chuẩn cụ thể của cán bộ, công chức cấp xã là căn cứ để các địa phương thực hiện các quy hoạch, kế hoạch bầu cử, tuyển dụng, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng xếp lương, nâng bậc lương và các chế độ, chính sách khác.

2- Tiêu chuẩn cụ thể đối với cán bộ chuyên trách cấp xã

a) Bí thư, phó bí thư đảng ủy, chi ủy, thường trực đảng ủy xã, phường, thị trấn

- *Chức trách:* là cán bộ chuyên trách công tác đảng ở đảng bộ, chi bộ (nơi chưa thành lập đảng

bộ) xã, phường, thị trấn, có trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động thực hiện chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ, cùng tập thể đảng uỷ, chi uỷ lãnh đạo toàn diện đối với hệ thống chính trị ở cơ sở trong việc thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước trên địa bàn xã, phường, thị trấn.

Nhiệm vụ của bí thư:

- Nắm vững Cương lĩnh, Điều lệ Đảng và đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nghị quyết và chỉ thị của cấp trên và chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ cấp mình; nắm vững nhiệm vụ trọng tâm, giải quyết có hiệu quả công việc đột xuất; nắm chắc và sát tình hình đảng bộ, tổ chức đảng trực thuộc và của nhân dân trên địa bàn; chịu trách nhiệm chủ yếu về các mặt công tác của đảng bộ.

- Chủ trì cuộc họp của ban chấp hành, ban thường vụ và chỉ đạo việc chuẩn bị xây dựng nghị quyết của đảng bộ, của ban chấp hành, ban thường vụ và tổ chức chỉ đạo thực hiện thắng lợi các nghị quyết đó.

- Thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ trong lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động và giữ vai trò trung tâm đoàn kết giữ vững vai trò lãnh đạo toàn diện đối với các tổ chức trong hệ thống chính trị ở xã, phường, thị trấn.

- Lãnh đạo, kiểm tra việc tổ chức thực hiện các

chỉ thị, nghị quyết của cấp trên, của đảng bộ, của ban chấp hành và ban thường vụ đảng uỷ.

- Nhiệm vụ của phó bí thư, thường trực đảng uỷ:

- Giúp bí thư đảng bộ chuẩn bị nội dung các cuộc họp và dự thảo nghị quyết của ban chấp hành, ban thường vụ về các mặt công tác của Đảng bộ.

- Tổ chức việc thông tin tình hình và chủ trương của ban chấp hành, ban thường vụ cho các uỷ viên ban chấp hành và tổ chức đảng trực thuộc.

- Tổ chức kiểm tra việc thực hiện nghị quyết, chỉ thị của cấp uỷ cấp trên, của ban chấp hành và ban thường vụ.

Tiêu chuẩn cụ thể:

- Tuổi đời: Không quá 45 tuổi khi tham gia giữ chức vụ lần đầu.

- Học vấn: Có trình độ tốt nghiệp trung học phổ thông.

- Lý luận chính trị: Có trình độ trung cấp chính trị trở lên.

- Chuyên môn, nghiệp vụ: ở khu vực đồng bằng và đô thị có trình độ trung cấp chuyên môn trở lên. Ở khu vực miền núi phải được bồi dưỡng kiến thức chuyên môn (tương đương trình độ sơ cấp trở lên), nếu tham gia giữ chức vụ lần đầu phải có trình độ trung cấp chuyên môn trở lên. Đã qua bồi dưỡng nghiệp vụ công tác xây dựng Đảng, nghiệp vụ quản lý hành chính nhà nước, nghiệp vụ quản lý kinh tế.

b) Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ, Chủ tịch Hội Nông dân, Chủ tịch Hội Cựu chiến binh

- *Chức trách:* Là cán bộ chuyên trách đứng đầu Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội ở xã, phường, thị trấn; chịu trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định của điều lệ của tổ chức đoàn thể, đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

- *Nhiệm vụ:*

+ Chuẩn bị nội dung, triệu tập và chủ trì các kỳ họp của tổ chức mình.

+ Cùng tập thể ban thường trực xây dựng chương trình kế hoạch công tác, hướng dẫn hoạt động đối với ban công tác mặt trận, các chi hội đoàn thể ở thôn, làng, ấp, bản, tổ dân phố.

+ Phối hợp với chính quyền, các đoàn thể cùng cấp vận động, hướng dẫn cán bộ, đoàn viên, hội viên tổ chức mình, các tầng lớp nhân dân tham gia thực hiện các chương trình kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng, hiệp thương bầu cử xây dựng chính quyền, thực hiện quy chế dân chủ tại xã, phường, thị trấn và các phong trào thi đua của tổ chức mình theo chương trình, nghị quyết của tổ chức chính trị - xã hội cấp trên tương ứng đề ra.

+ Tổ chức, chỉ đạo việc học tập chủ trương,

đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật Nhà nước; các chủ trương, nghị quyết đối với đoàn viên, hội viên của tổ chức mình.

+ Chỉ đạo việc lập kế hoạch kinh phí, chấp hành, quyết toán kinh phí hoạt động và quyết định việc phân bổ kinh phí hoạt động do Nhà nước cấp đối với tổ chức mình.

+ Tham mưu đối với cấp uỷ đảng ở xã, phường, thị trấn trong việc xây dựng đội ngũ cán bộ của tổ chức mình.

+ Bám sát hoạt động các phong trào, định kỳ tổ chức kiểm tra, đánh giá và báo cáo với cấp uỷ cùng cấp và các tổ chức đoàn thể cấp trên về hoạt động của tổ chức mình.

+ Chỉ đạo việc xây dựng quy chế hoạt động của ban thường vụ, ban chấp hành cấp cơ sở tổ chức mình; chỉ đạo hoạt động của ban thường vụ, ban chấp hành đảm bảo theo đúng quy chế đã xây dựng.

- *Tiêu chuẩn cụ thể:*

+ Các tiêu chuẩn (do các đoàn thể chính trị - xã hội quy định) của cán bộ chuyên trách thuộc Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội được giữ nguyên trong nhiệm kỳ hiện tại. Các tiêu chuẩn quy định này được áp dụng kể từ đầu nhiệm kỳ tới của từng tổ chức đoàn thể.

+ Tuổi đời:

Chủ tịch Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam:

Không quá 60 tuổi đối với nam, không quá 55 tuổi đối với nữ khi tham gia giữ chức vụ lần đầu.

Bí thư Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh: Không quá 30 tuổi khi tham gia giữ chức vụ công tác.

Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ, Chủ tịch Hội Nông dân: Không quá 55 tuổi đối với nam, không quá 50 tuổi đối với nữ khi tham gia giữ chức vụ lần đầu.

Chủ tịch Hội Cựu chiến binh: Không quá 65 tuổi khi tham gia giữ chức vụ.

+ Học vấn: Có trình độ tốt nghiệp trung học cơ sở trở lên ở khu vực đồng bằng; tốt nghiệp tiểu học trở lên ở khu vực miền núi...

+ Lý luận chính trị: Có trình độ sơ cấp và tương đương trở lên.

+ Chuyên môn, nghiệp vụ: Đã được đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ lĩnh vực công tác mà cán bộ đang đảm nhiệm tương đương trình độ sơ cấp trở lên.

c) Chủ tịch, phó chủ tịch hội đồng nhân dân

- *Chức trách:* Là cán bộ chuyên trách của hội đồng nhân dân xã, phường, thị trấn, chịu trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện chức năng, nhiệm vụ của hội đồng nhân dân cấp xã, bảo đảm phát triển kinh tế - xã hội, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn xã, phường, thị trấn.

- *Nhiệm vụ của chủ tịch hội đồng nhân dân:*

+ Triệu tập, chủ tọa các kỳ họp của hội đồng nhân dân, phối hợp với uỷ ban nhân dân trong việc chuẩn bị kỳ họp hội đồng nhân dân; chủ trì trong việc tham gia xây dựng nghị quyết của hội đồng nhân dân.

+ Giám sát, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết của hội đồng nhân dân.

+ Tổ chức tiếp dân, đôn đốc, kiểm tra việc giải quyết các kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của nhân dân.

+ Giữ mối quan hệ với đại biểu hội đồng nhân dân, phối hợp công tác với Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp, thông báo hoạt động của hội đồng nhân dân với Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

+ Báo cáo hoạt động của hội đồng nhân dân lên hội đồng nhân dân và uỷ ban nhân dân cấp huyện.

+ Chủ trì và phối hợp với uỷ ban nhân dân trong việc quyết định đưa ra bãi nhiệm đại biểu hội đồng nhân dân theo đề nghị của Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp.

- *Nhiệm vụ của phó chủ tịch hội đồng nhân dân:* căn cứ vào nhiệm vụ của chủ tịch hội đồng nhân dân, phó chủ tịch hội đồng nhân dân tổ chức thực hiện các nhiệm vụ do chủ tịch hội đồng nhân dân phân công cụ thể và thay mặt chủ tịch hội đồng nhân dân giải quyết công việc khi chủ tịch hội đồng nhân dân vắng mặt.

- *Tiêu chuẩn đối với chủ tịch, phó chủ tịch hội đồng nhân dân:*

+ Tuổi đời: Tuổi của chủ tịch hội đồng nhân dân và phó chủ tịch hội đồng nhân dân do chủ tịch uỷ ban nhân dân cấp tỉnh quy định phù hợp với tình hình đặc điểm của địa phương nhưng tuổi tham gia lần đầu phải đảm bảo làm việc ít nhất hai nhiệm kỳ.

+ Học vấn: Có trình độ tốt nghiệp trung học phổ thông.

+ Lý luận chính trị: Có trình độ trung cấp lý luận chính trị đối với khu vực đồng bằng; khu vực miền núi phải được bồi dưỡng lý luận chính trị tương đương trình độ sơ cấp trở lên.

+ Chuyên môn, nghiệp vụ: Có trình độ trung cấp chuyên môn trở lên đối với khu vực đồng bằng. Với khu vực miền núi phải được bồi dưỡng kiến thức chuyên môn tương đương trình độ sơ cấp trở lên. Ngành chuyên môn phù hợp với đặc điểm kinh tế - xã hội của từng loại hình đơn vị hành chính xã, phường, thị trấn. Đã qua lớp bồi dưỡng quản lý hành chính nhà nước, nghiệp vụ quản lý kinh tế, kiến thức và kỹ năng hoạt động đại biểu hội đồng nhân dân cấp xã.

d) Chủ tịch, phó chủ tịch uỷ ban nhân dân:

- *Chức trách:* Là cán bộ chuyên trách lãnh đạo uỷ ban nhân dân cấp xã, chịu trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành hoạt động của uỷ ban nhân dân và hoạt động quản lý nhà nước đối với các lĩnh

vực kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng đã được phân công trên địa bàn xã, phường, thị trấn.

- *Nhiệm vụ của chủ tịch uỷ ban nhân dân:*
Lãnh đạo phân công công tác của uỷ ban nhân dân, các thành viên uỷ ban nhân dân, công tác chuyên môn thuộc uỷ ban nhân dân cấp xã, gồm:

+ Tổ chức chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra đối với công tác chuyên môn thuộc uỷ ban nhân dân trong việc thực hiện chính sách, pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của hội đồng nhân dân và các quyết định của uỷ ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

+ Quyết định các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của chủ tịch uỷ ban nhân dân cấp xã, tham gia quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền tập thể uỷ ban nhân dân.

+ Áp dụng các biện pháp cải tiến lề lối làm việc, quản lý và điều hành bộ máy hành chính ở xã, phường, thị trấn hoạt động có hiệu quả.

+ Ngăn ngừa, đấu tranh chống biểu hiện tiêu cực trong cán bộ, công chức nhà nước và trong bộ máy chính quyền địa phương cấp xã; tiếp dân, xét và giải quyết kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của công dân theo quy định của pháp luật; giải quyết và trả lời các kiến nghị của Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân ở xã, phường, thị trấn.

+ Trực tiếp quản lý, chỉ đạo thực hiện một số nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.

+ Tổ chức quản lý, điều hành hoạt động của trường, phó thôn, tổ dân phố theo quy định của pháp luật.

+ Báo cáo công tác trước hội đồng nhân dân cùng cấp và uỷ ban nhân dân cấp trên.

+ Triệu tập và chủ tọa phiên họp của uỷ ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

+ Thực hiện việc bố trí sử dụng, khen thưởng, kỷ luật cán bộ, công chức cơ sở theo sự phân cấp quản lý.

+ Đình chỉ hoặc bãi bỏ quy định trái pháp luật của trường thôn và tổ dân phố.

- *Nhiệm vụ của phó chủ tịch uỷ ban nhân dân:*

Tổ chức quản lý, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ theo khối công việc (khối kinh tế - tài chính, khối văn hoá - xã hội...) của uỷ ban nhân dân do chủ tịch uỷ ban nhân dân phân công và những công việc do chủ tịch uỷ ban nhân dân uỷ nhiệm khi chủ tịch uỷ ban nhân dân đi vắng.

- *Tiêu chuẩn đối với chủ tịch và phó chủ tịch uỷ ban nhân dân:*

+ Tuổi đời: Tuổi đời của chủ tịch uỷ ban nhân dân và phó chủ tịch uỷ ban nhân dân do chủ tịch uỷ ban nhân dân cấp tỉnh quy định phù hợp với tình hình, đặc điểm của địa phương nhưng tuổi tham gia lần đầu phải đảm bảo làm việc ít nhất hai nhiệm kỳ.

+ Học vấn: Có trình độ tốt nghiệp trung học phổ thông.

+ Chính trị: Có trình độ trung cấp lý luận chính trị trở lên đối với khu vực đồng bằng; khu vực miền núi phải được bồi dưỡng lý luận chính trị tương đương trình độ sơ cấp trở lên.

+ Chuyên môn, nghiệp vụ: Ở khu vực đồng bằng, có trình độ trung cấp chuyên môn trở lên. Với miền núi phải được bồi dưỡng kiến thức chuyên môn (tương đương trình độ sơ cấp trở lên), nếu giữ chức vụ lần đầu phải có trình độ trung cấp chuyên môn trở lên. Ngành chuyên môn phải phù hợp với đặc điểm kinh tế - xã hội của từng loại hình đơn vị hành chính xã, phường, thị trấn. Đã được bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý hành chính nhà nước, quản lý kinh tế.

đ) Tiêu chuẩn cụ thể đối với công chức cấp xã:

- *Chức trách:* là công chức làm công tác chuyên môn thuộc uỷ ban nhân dân cấp xã; có trách nhiệm giúp uỷ ban nhân dân cấp xã quản lý nhà nước về lĩnh vực công tác (tài chính, tư pháp, địa chính, văn phòng, văn hoá - xã hội, công an, quân sự) và thực hiện các nhiệm vụ khác do chủ tịch uỷ ban nhân dân cấp xã giao.

Nhiệm vụ và tiêu chuẩn của công chức tài chính - kế toán:

- *Nhiệm vụ:*

+ Xây dựng dự toán thu chi ngân sách trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, giúp uỷ ban nhân dân trong việc tổ chức thực hiện dự toán thu, chi ngân sách, quyết toán ngân sách, kiểm tra hoạt động tài chính khác của xã.

+ Thực hiện quản lý các dự án đầu tư xây dựng cơ bản, tài sản công tại xã, phường, thị trấn theo quy định.

+ Tham mưu cho uỷ ban nhân dân trong khai thác nguồn thu, thực hiện các hoạt động tài chính ngân sách đúng quy định của pháp luật.

+ Kiểm tra các hoạt động tài chính, ngân sách theo đúng quy định, tổ chức thực hiện theo hướng dẫn của cơ quan tài chính cấp trên.

+ Thực hiện chi tiền theo lệnh chuẩn chi; thực hiện theo quy định về quản lý quỹ tiền mặt và giao dịch đối với kho bạc nhà nước về xuất nhập quỹ.

+ Báo cáo tài chính, ngân sách đúng quy định.

- *Tiêu chuẩn:*

+ Độ tuổi: Không quá 35 tuổi khi tuyển dụng lần đầu.

+ Học vấn: Tốt nghiệp trung học phổ thông đối với khu vực đồng bằng và đô thị, tốt nghiệp trung học cơ sở trở lên đối với khu vực miền núi.

+ Lý luận chính trị: Sau khi được tuyển dụng phải được bồi dưỡng lý luận chính trị với trình độ tương đương sơ cấp trở lên.

+ Chuyên môn nghiệp vụ: Ở khu vực đồng bằng có trình độ trung cấp tài chính - kế toán trở lên. Với công chức đang công tác ở khu vực miền núi hiện nay, tối thiểu được bồi dưỡng kiến thức chuyên môn tài chính - kế toán; nếu mới được tuyển dụng lần đầu phải có trình độ trung cấp tài chính - kế toán trở lên. Phải qua bồi dưỡng quản

lý hành chính nhà nước sau khi tuyển dụng. Ở khu vực đồng bằng và đô thị phải sử dụng được kỹ thuật tin học trong công tác chuyên môn.

Nhiệm vụ và tiêu chuẩn của công chức tư pháp - hộ tịch:

- Nhiệm vụ:

+ Giúp uỷ ban nhân dân cấp xã soạn thảo, ban hành các văn bản quản lý theo quy định của pháp luật; giúp uỷ ban nhân dân cấp xã tổ chức lấy ý kiến nhân dân đối với dự án luật, pháp lệnh theo kế hoạch của uỷ ban nhân dân cấp xã và hướng dẫn của cơ quan chuyên môn cấp trên; giúp uỷ ban nhân dân cấp xã phổ biến, giáo dục pháp luật trong nhân dân xã, phường, thị trấn.

+ Giúp uỷ ban nhân dân cấp xã chỉ đạo cộng đồng dân cư tự quản xây dựng hương ước, quy ước, kiểm tra việc thực hiện hương ước, quy ước; thực hiện trợ giúp pháp lý cho người nghèo và đối tượng chính sách theo quy định của pháp luật; quản lý tử sách pháp luật; tổ chức phục vụ nhân dân nghiên cứu pháp luật; phối hợp hướng dẫn hoạt động đối với tổ hoà giải. Phối hợp với trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố sơ kết, tổng kết công tác hoà giải, báo cáo với uỷ ban nhân dân cấp xã và cơ quan tư pháp cấp trên.

+ Thực hiện việc đăng ký và quản lý hộ tịch theo các nhiệm vụ cụ thể được phân cấp quản lý và đúng thẩm quyền được giao.

+ Thực hiện việc chứng thực theo thẩm quyền

đối với các công việc thuộc nhiệm vụ được pháp luật quy định.

- + Giúp uỷ ban nhân dân cấp xã thực hiện một số công việc về quốc tịch theo quy định của pháp luật.

- + Quản lý lý lịch tư pháp, thống kê tư pháp ở xã, phường, thị trấn.

- + Giúp uỷ ban nhân dân xã về công tác thi hành án theo nhiệm vụ cụ thể được phân cấp.

- + Giúp uỷ ban nhân dân cấp xã trong việc phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan quyết định việc giáo dục tại xã, phường, thị trấn.

- + Giúp uỷ ban nhân dân cấp xã thực hiện đăng ký giao dịch bảo đảm về quyền sử dụng đất, bất động sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật.

- + Chấp hành quy chế làm việc của cơ quan, các chế độ quản lý hồ sơ tài liệu, chế độ báo cáo công tác theo quy định.

- + Thực hiện các nhiệm vụ tư pháp khác theo quy định của pháp luật.

- Tiêu chuẩn:

- + Tuổi đời: Không quá 35 tuổi khi tuyển dụng lần đầu.

- + Học vấn: Tốt nghiệp trung học phổ thông đối với khu vực đồng bằng và đô thị; tốt nghiệp trung học cơ sở trở lên đối với khu vực miền núi.

- + Lý luận chính trị: Sau khi được tuyển dụng phải được bồi dưỡng lý luận chính trị tương đương trình độ sơ cấp trở lên.

+ Chuyên môn nghiệp vụ: Ở khu vực đồng bằng có trình độ trung cấp luật trở lên và phải qua lớp bồi dưỡng nghiệp vụ tư pháp cấp xã sau khi được tuyển dụng. Với công chức đang công tác ở khu vực miền núi hiện nay, tối thiểu được bồi dưỡng kiến thức nghiệp vụ tư pháp cấp xã; nếu mới được tuyển dụng lần đầu phải có trình độ trung cấp luật trở lên. Phải qua bồi dưỡng quản lý hành chính nhà nước sau khi được tuyển dụng. Ở khu vực đồng bằng và đô thị phải sử dụng được kỹ thuật tin học trong công tác chuyên môn.

Nhiệm vụ và tiêu chuẩn của công chức địa chính - xây dựng:

- Nhiệm vụ:

+ Lập sổ địa chính đối với chủ sử dụng đất hợp pháp, lập sổ mục kê toàn bộ đất của xã, phường, thị trấn.

+ Giúp uỷ ban nhân dân cấp xã hướng dẫn thủ tục, thẩm tra để xác nhận việc tổ chức, hộ gia đình đăng ký đất ban đầu, thực hiện các quyền công dân liên quan tới đất trên địa bàn xã, phường, thị trấn theo quy định của pháp luật. Sau khi hoàn tất các thủ tục thì có trách nhiệm chỉnh lý sự biến động đất đai trên sổ và bản đồ địa chính đã được phê duyệt.

+ Thẩm tra, lập văn bản để uỷ ban nhân dân cấp xã uỷ ban nhân dân cấp trên quyết định về giao đất, thu hồi đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất đối với hộ gia đình và cá nhân và tổ chức thực hiện quyết định đó.

+ Thu thập tài liệu, số liệu về số lượng đất đai; tham gia xây dựng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đai; kiểm tra việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đai đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

+ Thực hiện chế độ báo cáo, thống kê đất đai theo thời gian và mẫu quy định.

+ Bảo quản hồ sơ địa giới hành chính, bản đồ địa giới địa chính, bản đồ chuyên ngành, sổ địa chính, sổ mục kê, sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sổ theo dõi biến động đất đai, số liệu thống kê, kiểm kê, quy hoạch - kế hoạch sử dụng đất tại trụ sở uỷ ban nhân dân cấp xã, các mốc địa giới...

+ Tham mưu cho uỷ ban nhân dân cấp xã quản lý công tác xây dựng, giám sát về kỹ thuật trong việc xây dựng các công trình phúc lợi ở địa phương.

+ Tuyên truyền, giải thích, hoà giải tranh chấp về đất đai, tiếp nhận đơn thư khiếu nại, tố cáo của dân về đất đai, để giúp uỷ ban nhân dân cấp có thẩm quyền giải quyết, thường xuyên kiểm tra nhằm phát hiện các trường hợp vi phạm đất đai để kiến nghị uỷ ban nhân dân cấp xã xử lý.

+ Phối hợp với cơ quan chuyên môn cấp trên trong việc đo đạc, lập bản đồ địa chính, bản đồ địa giới hành chính, giải phóng mặt bằng.

+ Tham gia tuyên truyền, phổ biến về chính sách pháp luật đất đai.

- Tiêu chuẩn:

+ Tuổi đời: Không quá 35 tuổi khi tuyển dụng lần đầu.

+ Học vấn: Tốt nghiệp trung học phổ thông đối với khu vực đồng bằng và đô thị, tốt nghiệp trung học cơ sở trở lên đối với khu vực miền núi.

+ Lý luận chính trị: Sau khi được tuyển dụng phải được bồi dưỡng lý luận chính trị tương đương trình độ sơ cấp trở lên.

+ Chuyên môn nghiệp vụ: Ở khu vực đồng bằng có trình độ trung cấp địa chính hoặc trung cấp xây dựng trở lên. Với công chức đang công tác ở khu vực miền núi hiện nay, tối thiểu được bồi dưỡng kiến thức chuyên môn địa chính hoặc xây dựng; nếu mới được tuyển dụng lần đầu phải có trình độ trung cấp địa chính hoặc xây dựng trở lên. Sau khi được tuyển dụng phải qua bồi dưỡng về quản lý đất đai, đo đạc bản đồ, quản lý hành chính nhà nước. Ở khu vực đồng bằng và đô thị phải sử dụng được kỹ thuật tin học trong công tác chuyên môn.

Nhiệm vụ và tiêu chuẩn của công chức văn phòng - thống kê:

- Nhiệm vụ:

+ Giúp uỷ ban nhân dân cấp xã xây dựng chương trình công tác, lịch làm việc và theo dõi thực hiện chương trình, lịch làm việc đó; tổng hợp

báo cáo tình hình kinh tế - xã hội, tham mưu giúp uỷ ban nhân dân trong việc chỉ đạo thực hiện.

+ Giúp uỷ ban nhân dân dự thảo văn bản trình cấp có thẩm quyền; làm báo cáo gửi lên cấp trên.

+ Quản lý công văn, sổ sách, giấy tờ, quản lý việc lập hồ sơ lưu trữ, biểu báo cáo thống kê; theo dõi biến động số lượng, chất lượng cán bộ, công chức cấp xã.

+ Giúp hội đồng nhân dân tổ chức kỳ họp, giúp uỷ ban nhân dân tổ chức tiếp dân, tiếp khách, nhận đơn khiếu nại của nhân dân chuyển đến hội đồng nhân dân và uỷ ban nhân dân hoặc lên cấp trên có thẩm quyền giải quyết.

+ Đảm bảo điều kiện vật chất phục vụ cho các kỳ họp của hội đồng nhân dân cho công việc của uỷ ban nhân dân...

+ Giúp uỷ ban nhân dân về công tác thi đua khen thưởng ở xã, phường, thị trấn.

+ Giúp hội đồng nhân dân và uỷ ban nhân dân thực hiện nghiệp vụ công tác bầu cử đại biểu hội đồng nhân dân và uỷ ban nhân dân theo quy định của pháp luật và công tác được giao.

+ Nhận và trả kết quả trong giao dịch công việc giữa uỷ ban nhân dân với cơ quan, tổ chức và công dân theo cơ chế "một cửa".

- Tiêu chuẩn:

+ Độ tuổi: Không quá 35 tuổi khi tuyển dụng lần đầu.

+ Học vấn: Tốt nghiệp trung học phổ thông đối

với khu vực đồng bằng và đô thị, tốt nghiệp trung học cơ sở trở lên đối với khu vực miền núi.

+ Lý luận chính trị: Sau khi được tuyển dụng phải được bồi dưỡng lý luận chính trị tương đương trình độ sơ cấp trở lên.

+ Chuyên môn, nghiệp vụ: Ở khu vực đồng bằng có trình độ trung cấp văn thư, lưu trữ hoặc trung cấp hành chính, trung cấp luật trở lên. Với công chức đang công tác ở khu vực miền núi hiện nay, tối thiểu được bồi dưỡng kiến thức chuyên môn về một trong các ngành chuyên môn trên; nếu mới được tuyển dụng lần đầu phải có trình độ trung cấp của một trong ba ngành chuyên môn trên. Sau khi được tuyển dụng phải qua bồi dưỡng quản lý hành chính nhà nước (nếu chưa qua trung cấp hành chính). Ở khu vực đồng bằng và đô thị phải sử dụng được kỹ thuật tin học phục vụ công tác chuyên môn.

Nhiệm vụ và tiêu chuẩn của công chức văn hoá - xã hội:

- Nhiệm vụ:

+ Giúp uỷ ban nhân dân cấp xã trong việc thông tin, tuyên truyền, giáo dục về đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, tình hình kinh tế - chính trị ở địa phương và đấu tranh chống âm mưu tuyên truyền phá hoại của địch; báo cáo thông tin về dư luận quần chúng về tình hình môi trường văn hoá ở địa phương lên chủ tịch uỷ ban nhân dân cấp xã.

+ Giúp uỷ ban nhân dân trong việc tổ chức các hoạt động thể dục, thể thao, văn hoá, văn nghệ quần chúng, các câu lạc bộ, lễ hội truyền thống, bảo vệ các di tích lịch sử văn hoá, danh lam thắng cảnh ở địa phương, điểm vui chơi giải trí và xây dựng nếp sống văn minh, gia đình văn hoá, ngăn chặn việc truyền bá tư tưởng phản động, đồi trụy dưới hình thức văn hoá, nghệ thuật và các tệ nạn xã hội khác ở địa phương.

+ Giúp uỷ ban nhân dân trong việc tổ chức vận động để xã hội hoá các nguồn lực nhằm xây dựng, phát triển sự nghiệp văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao, bảo vệ các di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh, các điểm vui chơi giải trí ở địa phương.

+ Hướng dẫn, kiểm tra đối với tổ chức và công dân chấp hành pháp luật trong hoạt động văn hoá thông tin, thể dục thể thao.

+ Lập chương trình, kế hoạch công tác văn hoá, văn nghệ, thông tin tuyên truyền, thể dục, thể thao, công tác lao động, thương binh và xã hội trình uỷ ban nhân dân cấp xã và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch được phê duyệt.

+ Thống kê dân số, lao động, tình hình việc làm, ngành nghề trên địa bàn; nắm số lượng và tình hình các đối tượng chính sách lao động - thương binh và xã hội.

+ Hướng dẫn và nhận hồ sơ của người xin học nghề, tìm việc làm, người được hưởng chính sách

ưu đãi, chính sách xã hội trình uỷ ban nhân dân xã giải quyết theo thẩm quyền.

+ Theo dõi và đôn đốc việc thực hiện chi trả trợ cấp cho người hưởng chính sách lao động, thương binh và xã hội...

+ Phối hợp với các đoàn thể trong việc chăm sóc, giúp đỡ các đối tượng chính sách; quản lý các nghĩa trang liệt sĩ, công trình ghi công liệt sĩ và bảo trợ xã hội, việc nuôi dưỡng, chăm sóc các đối tượng xã hội ở cộng đồng.

+ Theo dõi thực hiện chương trình xoá đói, giảm nghèo.

+ Giúp uỷ ban nhân dân cấp xã thực hiện sơ kết, tổng kết báo cáo công tác văn hoá, văn nghệ, thông tin tuyên truyền, thể dục, thể thao, công tác lao động - thương binh và xã hội ở xã, phường, thị trấn.

- Tiêu chuẩn:

+ Độ tuổi: Không quá 35 tuổi khi tuyển dụng lần đầu.

+ Học vấn: Tốt nghiệp trung học phổ thông đối với khu vực đồng bằng và đô thị, tốt nghiệp trung học cơ sở trở lên đối với khu vực miền núi.

+ Lý luận chính trị: Sau khi được tuyển dụng phải được bồi dưỡng lý luận chính trị tương đương trình độ sơ cấp trở lên.

+ Chuyên môn nghiệp vụ: Ở khu vực đồng bằng phải đạt trung cấp về văn hoá nghệ thuật (chuyên ngành) hoặc trung cấp quản lý văn hoá -

thông tin hoặc trung cấp nghiệp vụ lao động - thương binh và xã hội trở lên. Với công chức đang công tác ở khu vực miền núi hiện nay, tối thiểu được bồi dưỡng kiến thức chuyên môn về một trong các ngành chuyên môn trên; nếu mới được tuyển dụng lần đầu phải có trình độ trung cấp trở lên về một trong các ngành chuyên môn nêu trên. Sau khi được tuyển dụng phải qua bồi dưỡng quản lý hành chính nhà nước và ngành chuyên môn còn thiếu liên quan tới nhiệm vụ được giao. Sử dụng thành thạo các trang thiết bị phù hợp với ngành chuyên môn. Ở khu vực đồng bằng và đô thị phải sử dụng được kỹ thuật tin học trong công tác.

Nhiệm vụ và tiêu chuẩn của công chức trưởng công an xã:

- Nhiệm vụ:

+ Tổ chức lực lượng công an xã, nắm chắc tình hình an ninh trật tự trên địa bàn; tham mưu đề xuất với cấp uỷ đảng, uỷ ban nhân dân xã, thị trấn và cơ quan công an cấp trên về chủ trương, kế hoạch, biện pháp bảo đảm an ninh trật tự trên địa bàn và tổ chức thực hiện sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

+ Phối hợp với các cơ quan, đoàn thể tuyên truyền, phổ biến pháp luật liên quan tới an ninh trật tự cho nhân dân, hướng dẫn tổ chức quần chúng làm công tác an ninh, trật tự trên địa bàn quản lý.

+ Tổ chức phòng ngừa, đấu tranh phòng chống

tội phạm, các tệ nạn xã hội và các vi phạm pháp luật khác trên địa bàn theo quy định của pháp luật và theo hướng dẫn của công an cấp trên.

+ Tổ chức thực hiện nhiệm vụ phòng cháy, chữa cháy, giữ trật tự công cộng và an toàn giao thông, quản lý vũ khí, chất nổ dễ cháy; quản lý hộ khẩu, kiểm tra các quy định về an ninh trật tự trên địa bàn theo thẩm quyền.

+ Xử lý người có hành vi vi phạm pháp luật theo quy định; tổ chức việc quản lý, giáo dục đối tượng trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

+ Chỉ đạo việc bảo vệ môi trường, bắt người phạm tội quả tang, tổ chức bắt người có lệnh truy nã, người có lệnh truy tìm hành chính theo quy định của pháp luật; tiếp nhận và dẫn giải người bị bắt lên công an cấp trên; cấp cứu người bị nạn.

+ Tuân tra, bảo vệ mục tiêu quan trọng về chính trị, kinh tế, an ninh, quốc phòng ở địa bàn theo hướng dẫn của công an cấp trên...

+ Xây dựng nội bộ lực lượng công an xã, trong sạch, vững mạnh và thực hiện một số nội dung nhiệm vụ khác do cấp uỷ đảng, uỷ ban nhân dân xã, công an cấp trên giao.

- Tiêu chuẩn:

+ Độ tuổi: Không quá 35 tuổi khi tuyển dụng lần đầu.

+ Học vấn: Tốt nghiệp trung học phổ thông đối với khu vực đồng bằng, tốt nghiệp trung học cơ sở trở lên đối với khu vực miền núi.

+ Lý luận chính trị: Sau khi được tuyển dụng phải có trình độ trung cấp lý luận chính trị trở lên ở khu vực đồng bằng, có trình độ tương đương sơ cấp lý luận chính trị trở lên ở khu vực miền núi.

+ Chuyên môn, nghiệp vụ: Ở khu vực đồng bằng phải đạt trình độ tương đương trung cấp chuyên môn ngành công an trở lên. Với công chức đang công tác ở khu vực miền núi hiện nay, tối thiểu được bồi dưỡng kiến thức chuyên môn ngành công an, nếu mới được tuyển dụng lần đầu phải được bồi dưỡng chương trình huấn luyện trưởng công an xã theo quy định của công an cấp trên. Sau khi được tuyển dụng phải qua bồi dưỡng quản lý hành chính nhà nước. Sử dụng thành thạo các trang thiết bị phù hợp với ngành chuyên môn.

Nhiệm vụ và tiêu chuẩn của công chức chỉ huy trưởng quân sự:

- Nhiệm vụ:

+ Tham mưu đề xuất với cấp ủy đảng, chính quyền cấp xã về chủ trương, biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo và trực tiếp tổ chức thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, quân sự, xây dựng lực lượng dân quân, lực lượng dự bị động viên.

+ Xây dựng kế hoạch xây dựng lực lượng, giáo dục chính trị và pháp luật, huấn luyện quân sự, hoạt động chiến đấu, trị an của lực lượng dân quân; xây dựng kế hoạch tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ; huy động lực lượng dự bị động viên và các kế hoạch khác liên quan tới nhiệm vụ quốc

phòng, quân sự; phối hợp với các đoàn thể triển khai thực hiện các nhiệm vụ liên quan tới công tác quốc phòng, quân sự trên địa bàn.

- + Phối hợp với lực lượng quân đội trên địa bàn huấn luyện quân dự bị theo quy định.

- + Tổ chức thực hiện đăng ký, quản lý công dân trong độ tuổi làm nghĩa vụ quân sự, quân nhân dự bị và dân quân theo quy định của pháp luật; thực hiện công tác động viên, gọi thanh niên nhập ngũ.

- + Chỉ đạo dân quân phối hợp với công an và lực lượng khác thường xuyên hoạt động bảo vệ an ninh trật tự, sẵn sàng chiến đấu, phục vụ chiến đấu và tổ chức khắc phục thiên tai, sơ tán, cứu hộ, cứu nạn.

- + Phối hợp với các đoàn thể trên địa bàn được giáo dục toàn dân ý thức quốc phòng quân sự và các văn bản pháp luật liên quan tới quốc phòng, quân sự.

- + Có kế hoạch phối hợp với các tổ chức kinh tế, văn hoá, xã hội thực hiện nền quốc phòng gắn với nền an ninh nhân dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân.

- + Thực hiện chính sách hậu phương quân đội; các tiêu chuẩn, chế độ, chính sách cho dân quân, tự vệ, quân nhân dự bị theo quy định.

- + Tổ chức thực hiện nghiêm chế độ quản lý sử dụng, bảo quản vũ khí trang bị, sẵn sàng chiến đấu; quản lý công trình quốc phòng theo phân cấp; thực hiện chế độ kiểm tra, báo cáo, sơ kết,

tổng kết công tác quốc phòng, quân sự ở xã, phường, thị trấn.

- Tiêu chuẩn:

+ Độ tuổi: Không quá 35 tuổi khi tuyển dụng lần đầu.

+ Học vấn: Tốt nghiệp trung học phổ thông đối với khu vực đồng bằng và đô thị, tốt nghiệp trung học cơ sở trở lên đối với khu vực miền núi.

+ Lý luận chính trị: Sau khi được tuyển dụng phải có trình độ trung cấp lý luận chính trị trở lên ở khu vực đồng bằng, có trình độ tương đương sơ cấp lý luận chính trị trở lên ở khu vực miền núi.

+ Chuyên môn, nghiệp vụ: Ở khu vực đồng bằng phải đạt trình độ tương đương trung cấp về quân sự của sĩ quan dự bị cấp phân đội trở lên. Đối với công chức đang công tác ở khu vực miền núi hiện nay, tối thiểu được bồi dưỡng kiến thức chuyên môn ngành quân sự; nếu mới được tuyển dụng lần đầu phải tương đương trung cấp quân sự của sĩ quan dự bị cấp phân đội trở lên. Sau khi được tuyển dụng phải qua bồi dưỡng quản lý nhà nước về quốc phòng cấp xã. Sử dụng thành thạo trang, thiết bị phục vụ công tác chuyên môn.

Tiêu chuẩn về tiếng dân tộc đối với cán bộ, công chức cấp xã ở địa phương có đồng bào dân tộc thiểu số: Những cán bộ, công chức cấp xã công tác tại các nơi có đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống phải biết ít nhất tiếng của một dân tộc thiểu số.

Căn cứ các quy định này và tình hình thực tế

ở địa phương, chủ tịch uỷ ban nhân dân cấp tỉnh hướng dẫn chủ tịch uỷ ban nhân dân cấp huyện xây dựng kế hoạch thực hiện bản quy định tiêu chuẩn đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn và phê duyệt bản kế hoạch nói trên.

Bản tiêu chuẩn này là căn cứ để chuẩn bị nhân sự cho cuộc bầu cử đại biểu hội đồng nhân dân và thực hiện *Luật tổ chức hội đồng nhân dân và uỷ ban nhân dân cấp xã*.

4. Tăng cường cán bộ cho các xã trọng điểm vùng đồng bào dân tộc thiểu số

Về việc tăng cường có thời hạn cán bộ, công chức về các huyện, xã trọng điểm vùng đồng bào dân tộc thiểu số, Quyết định số 56/2006/QĐ-TTg ngày 13-3-2006 của Thủ tướng Chính phủ quy định:

Thực hiện việc tăng cường có thời hạn (từ 3 đến 5 năm) đối với cán bộ, công chức ở cơ quan cấp tỉnh, cấp huyện (trừ các tỉnh Tây Nguyên đã có quyết định riêng) về các huyện, xã trọng điểm vùng đồng bào dân tộc thiểu số giúp cơ sở thực hiện tốt hơn nhiệm vụ phát triển kinh tế - văn hoá - xã hội, bảo đảm an ninh - quốc phòng ở địa phương. Cán bộ, công chức tăng cường được tập trung cho các huyện, các xã trọng điểm, có đông đồng bào dân tộc thiểu số, còn nhiều yếu kém.

1- Tiêu chuẩn, cán bộ, công chức tăng cường:

- Nắm vững chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác

dân tộc, tôn giáo; am hiểu hệ thống chính trị cấp xã với những nét đặc thù ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Có trình độ, kinh nghiệm chuyên môn, nghiệp vụ; nói, hiểu được tiếng dân tộc và phong tục tập quán của đồng bào tại địa phương; có khả năng tuyên truyền, vận động quần chúng.

- Có phẩm chất đạo đức tốt, có tinh thần trách nhiệm, nhiệt tình công tác.

- Tuổi tối đa không quá 45; đủ sức khoẻ để thực hiện nhiệm vụ được giao.

2- Nhiệm vụ của cán bộ, công chức tăng cường là tham mưu để uỷ ban nhân dân các huyện, xã trọng điểm tổ chức thực hiện tốt chủ trương đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nghị quyết của hội đồng nhân dân cùng cấp trên các lĩnh vực cụ thể sau:

- Tổ chức thực hiện tốt công tác cải cách hành chính ở địa phương và việc thi hành công vụ của cán bộ, công chức cấp xã bảo đảm chuyên môn, chuyên nghiệp hoá;

- Tổ chức thực hiện phát triển sản xuất, đẩy mạnh xoá đói, giảm nghèo, nâng cao mức sống của đồng bào các dân tộc thiểu số, làm chuyển biến tích cực kinh tế - xã hội của địa phương;

- Tổ chức thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ phát triển văn hoá, bảo tồn, phát huy các giá trị văn hoá truyền thống các dân tộc thiểu số và bảo vệ tài nguyên môi trường;

- Củng cố và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị, thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở phù hợp với tập quán, văn hoá của mỗi vùng dân tộc;

- Tổ chức thực hiện nhiệm vụ đảm bảo an ninh - quốc phòng, ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội, chính sách dân tộc, tôn giáo;

- Tổ chức công tác tuyên truyền, vận động quần chúng thực hiện tốt các nhiệm vụ chính trị của Đảng, cơ quan Nhà nước và các đoàn thể quần chúng;

- Tổ chức sơ kết, tổng kết những cơ chế, mô hình tốt để nhân ra diện rộng.

3- Quyền lợi của cán bộ, công chức tăng cường

- Được giữ nguyên lương, phụ cấp trách nhiệm, các quyền lợi khác (nếu có) và biên chế ở cơ quan, đơn vị cử đi. Trường hợp địa bàn đến công tác có phụ cấp khu vực cao hơn thì được hưởng mức phụ cấp này; hết thời hạn tăng cường, trong vòng 3 tháng đơn vị cũ có trách nhiệm bố trí công việc phù hợp.

- Trong thời gian tăng cường nếu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ thì được ưu tiên xét dự thi nâng ngạch, nâng bậc lương trước thời hạn (tối đa là 12 tháng so với thời gian quy định) và xem xét, bổ nhiệm vào chức danh thích hợp.

4- Chính sách hỗ trợ, trợ cấp đối với cán bộ, công chức tăng cường

- Ngoài các quyền lợi quy định tại Điều 4, cán bộ, công chức tăng cường còn được:

+ Hỗ trợ ban đầu tối thiểu một triệu đồng/người;

+ Trợ cấp thêm hàng tháng bằng 50% mức lương và phụ cấp (nếu có) hiện hưởng, trợ cấp này được nhận cùng kỳ lương hằng tháng và không trích để đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế;

+ Tuỳ theo điều kiện cụ thể ở các huyện, xã trọng điểm và khả năng ngân sách của địa phương, uỷ ban nhân dân tỉnh trình hội đồng nhân dân cùng cấp quy định cụ thể mức trợ cấp thêm hàng tháng cho cán bộ, công chức tăng cường có thể cao hơn mức trợ cấp quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 điều này.

- Các chế độ của cán bộ, công chức tăng cường về huyện, xã trọng điểm vùng đồng bào dân tộc thiểu số do ngân sách địa phương đảm bảo và cơ quan, đơn vị quản lý cán bộ, công chức trước khi tăng cường chi trả.

- Chủ tịch uỷ ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định các huyện, xã trọng điểm của địa phương sau khi có ý kiến thẩm định của Ủy ban Dân tộc.

- Chủ tịch uỷ ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định lĩnh vực cần tăng cường cán bộ, loại cán bộ, công chức tăng cường (kể cả chức danh chủ chốt), số lượng cán bộ và thời gian tăng cường cụ thể cho từng huyện, xã trọng điểm; chỉ đạo sở nội vụ xây dựng kế hoạch tăng cường, quy chế làm việc đối với cán bộ, công chức tăng cường cho các

huyện, xã trọng điểm; quy định rõ nhiệm vụ, trách nhiệm, quyền hạn, mối quan hệ công tác với cơ sở, hàng năm có nhận xét, đánh giá cụ thể đối với cán bộ, công chức được tăng cường, thông báo cho cơ quan về tình hình cán bộ, công chức của cơ quan được cử đi tăng cường.

- Ủy ban nhân dân huyện thực hiện việc tăng cường cán bộ, công chức theo kế hoạch của ủy ban nhân dân cấp tỉnh; số cán bộ, công chức tăng cường thuộc biên chế được giao của cơ quan, đơn vị.

- Cán bộ, công chức tăng cường phải được tập huấn những kiến thức cần thiết về phương pháp làm việc, phương pháp tuyên truyền, vận động quần chúng và phải được đào tạo tiếng dân tộc thiểu số nơi đến tăng cường. Đối tượng, nội dung, chương trình tập huấn, giáo trình giảng dạy tiếng dân tộc, thời gian đào tạo, bồi dưỡng, cơ sở đào tạo, bồi dưỡng do ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

- Ủy ban nhân dân xã chịu trách nhiệm quản lý, tạo điều kiện cho cán bộ, công chức tăng cường về xã thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại Điều 3 quyết định này; bố trí chỗ ở, nơi làm việc để cán bộ, công chức tăng cường hoàn thành tốt nhiệm vụ và thực hiện nghiêm quy chế của ủy ban nhân dân tỉnh quy định đối với cán bộ, công chức tăng cường.

5. Chính sách luân chuyển, tăng cường cán bộ chủ chốt cho các xã thuộc 61 huyện nghèo và chính sách ưu đãi, khuyến khích thu hút trí thức trẻ, cán bộ chuyên môn, kỹ thuật về tham gia tổ công tác tại các xã thuộc 61 huyện nghèo

Quyết định số 70/2009/QĐ-TTg ngày 27-4-2009 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách luân chuyển, tăng cường cán bộ chủ chốt cho các xã thuộc 61 huyện nghèo và chính sách ưu đãi, khuyến khích thu hút trí thức trẻ, cán bộ chuyên môn, kỹ thuật về tham gia tổ công tác tại các xã thuộc 61 huyện nghèo theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27-12-2008 của Chính phủ quy định:

Thực hiện việc luân chuyển, tăng cường có thời hạn đối với cán bộ, công chức ở cơ quan cấp tỉnh, cấp huyện về đảm nhận các chức danh lãnh đạo chủ chốt để tổ chức triển khai thực hiện cơ chế, chính sách ở các xã thuộc 61 huyện nghèo theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP. Thời hạn luân chuyển, tăng cường từ 3 đến 5 năm.

1- Tiêu chuẩn đối với cán bộ, công chức luân chuyển, tăng cường

- Nắm vững chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác dân tộc, tôn giáo; am hiểu hệ thống chính trị cấp xã với những nét đặc thù ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số;

- Có trình độ đào tạo từ cao đẳng trở lên và kinh nghiệm về chuyên môn, nghiệp vụ; ưu tiên cán bộ, công chức nói, hiểu được tiếng dân tộc và phong tục tập quán của đồng bào tại địa phương; có khả năng tuyên truyền, vận động quần chúng;

- Có phẩm chất đạo đức tốt, có tinh thần trách nhiệm, nhiệt tình công tác;

- Tuổi đời tối đa không quá 40; đủ sức khoẻ để thực hiện nhiệm vụ được giao;

- Trong thời gian 3 năm trước khi luân chuyển, tăng cường luôn hoàn thành nhiệm vụ được giao và không bị kỷ luật từ khiển trách trở lên.

2- Nhiệm vụ của cán bộ, công chức luân chuyển, tăng cường

Cán bộ, công chức luân chuyển, tăng cường được giao đảm nhận chức danh nào thì phải thực hiện đầy đủ chức trách, nhiệm vụ của chức danh đó; đồng thời cùng với cấp uỷ, chính quyền xã tổ chức thực hiện tốt chủ trương đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nghị quyết của hội đồng nhân dân cùng cấp trên các lĩnh vực cụ thể sau:

- Tổ chức thực hiện tốt công tác cải cách hành chính ở địa phương và việc thi hành công vụ của cán bộ, công chức cấp xã bảo đảm chuyên môn, chuyên nghiệp hoá;

- Tổ chức thực hiện phát triển sản xuất, khai thác thế mạnh của địa phương, đẩy mạnh xoá đói, giảm nghèo, nâng cao mức sống của nhân dân, làm

chuyển biến tích cực kinh tế - xã hội của địa phương;

- Tổ chức thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ phát triển văn hoá, bảo tồn phát huy các giá trị văn hoá truyền thống của các dân tộc thiểu số và bảo vệ tài nguyên môi trường;

- củng cố và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị, thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở phù hợp với tập quán, văn hoá của mỗi vùng dân tộc;

- Tổ chức thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an ninh - quốc phòng; ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội; chính sách dân tộc, chính sách tín ngưỡng tôn giáo;

- Tổ chức công tác tuyên truyền, vận động quần chúng thực hiện tốt các nhiệm vụ chính trị của Đảng, cơ quan nhà nước và các đoàn thể quần chúng;

- Tuyên truyền nâng cao nhận thức của các cấp uỷ, chính quyền và nhân dân địa phương về nâng cao quyền năng cho phụ nữ, nâng cao bình đẳng giới;

- Tổ chức thực hiện tốt công tác kế hoạch hoá gia đình, công tác bình đẳng giới và bảo vệ phụ nữ, chống bạo lực gia đình;

- Tổ chức sơ kết, tổng kết những cơ chế, mô hình tốt để nhân ra diện rộng.

3- Quyền lợi của cán bộ, công chức luân chuyển, tăng cường

- Được giữ nguyên lương, phụ cấp chức vụ, các quyền lợi khác (nếu có) và biên chế ở cơ quan, tổ

chức, đơn vị cử đi. Trường hợp địa bàn đến công tác có phụ cấp thu hút, phụ cấp khu vực, phụ cấp đặc biệt cao hơn thì được hưởng mức phụ cấp cao hơn; cơ quan, tổ chức, đơn vị cũ có trách nhiệm bố trí công việc phù hợp ngay sau khi hết thời hạn luân chuyển, tăng cường;

- Trong thời gian luân chuyển, tăng cường mà hoàn thành nhiệm vụ thì được xét dự thi nâng ngạch; nâng bậc lương trước thời hạn 12 tháng so với thời gian quy định; được ưu tiên xem xét, bổ nhiệm vào chức danh lãnh đạo thích hợp khi cơ quan, tổ chức, đơn vị có nhu cầu;

Chính sách hỗ trợ, trợ cấp đối với cán bộ, công chức luân chuyển, tăng cường: ngoài các quyền lợi quy định tại khoản 4 điều này, cán bộ, công chức luân chuyển, tăng cường còn được:

- Hỗ trợ ban đầu bằng 10 tháng lương tối thiểu chung;

- Trường hợp cán bộ, công chức luân chuyển, tăng cường có gia đình chuyển đi theo thì được trợ cấp tiền tàu xe, cước hành lý cho các thành viên đi cùng và được trợ cấp chuyển vùng bằng 12 tháng lương tối thiểu chung cho một hộ;

- Trợ cấp thêm hằng tháng bằng 70% mức lương hiện hưởng cộng phụ cấp chức vụ lãnh đạo và phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có). Trợ cấp này được chi trả cùng kỳ lương hằng tháng và không dùng để tính đóng hưởng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế;

- Được thanh toán tiền tàu xe đi và về thăm gia đình khi nghỉ hằng năm, nghỉ ngày lễ, tết, nghỉ việc riêng được hưởng lương theo quy định.

Kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức luân chuyển, tăng cường về xã do ngân sách nhà nước bảo đảm và được tính trong tổng kinh phí thực hiện đề án giảm nghèo trên địa bàn tỉnh, huyện; cơ quan, đơn vị quản lý cán bộ, công chức trước khi luân chuyển, tăng cường chi trả.

Trí thức trẻ, cán bộ chuyên môn, kỹ thuật tình nguyện (không quá 30 tuổi) tham gia tổ công tác tại các xã thuộc 61 huyện nghèo được hưởng các chính sách ưu đãi sau:

- Người đang hưởng lương trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội khác được hưởng các chính sách như cán bộ tỉnh, huyện luân chuyển, tăng cường về xã quy định tại các khoản 4 và 5 Điều 2 quyết định này.

- Người không hưởng lương trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội khác tình nguyện tham gia tổ công tác tại các xã thuộc 61 huyện nghèo được hưởng các chính sách ưu đãi, gồm:

+ Trong thời gian tham gia tổ công tác tại các xã thuộc 61 huyện nghèo:

Được cơ quan có thẩm quyền ký hợp đồng lao

động; mức tiền công hằng tháng tương đương mức lương của cán bộ, công chức xã có cùng trình độ và thâm niên công tác;

Được hưởng các chế độ phụ cấp như cán bộ, công chức xã trên cùng địa bàn và được hưởng thêm các chính sách thu hút của địa phương do uỷ ban nhân dân cấp tỉnh quy định;

Được tham gia và hưởng chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế;

Được trang bị phương tiện làm việc theo quy định như đối với cán bộ, công chức;

Được hỗ trợ ban đầu như đối với cán bộ tỉnh, huyện luân chuyển, tăng cường về xã;

Được bố trí chỗ ở và nơi làm việc;

Được hoãn nghĩa vụ quân sự trong thời gian tham gia tổ công tác;

Nếu có hành động dũng cảm bảo vệ an ninh quốc gia, tài sản nhà nước, tính mạng, tài sản của nhân dân mà bị thương thì được xem xét hưởng chính sách như thương binh, nếu hy sinh thì được xem xét xác nhận là liệt sĩ theo quy định của pháp luật về ưu đãi người có công với cách mạng;

Được hưởng chế độ nghỉ hằng năm và chế độ nghỉ ngơi theo quy định của pháp luật về lao động;

Được thanh toán tiền tàu xe đi và về thăm gia đình khi nghỉ hằng năm, nghỉ ngày lễ, tết, nghỉ việc riêng được hưởng lương theo quy định;

Được tham gia các hoạt động chính trị - kinh

tế - xã hội ở địa phương và dự các lớp bồi dưỡng chính trị khi có yêu cầu.

+ Sau khi hoàn thành nhiệm vụ ở tổ công tác tại các xã thuộc 61 huyện nghèo:

Được Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận “Đã hoàn thành nhiệm vụ tình nguyện tham gia phát triển nông thôn, miền núi”, xét tặng huy hiệu “Thanh niên tình nguyện”;

Được trợ cấp một lần bằng 3 tháng tiền công trong thời gian công tác tại tổ công tác ở các xã thuộc 61 huyện nghèo;

Nếu trở về địa phương nơi xuất phát, thì được uỷ ban nhân dân các cấp giúp đỡ tạo điều kiện ổn định cuộc sống;

Nếu có nguyện vọng ở lại phục vụ lâu dài nơi tình nguyện đến công tác, thì được ưu tiên sắp xếp việc làm, tạo điều kiện chỗ ở, phương tiện sản xuất và điều kiện sinh hoạt;

Nếu có nguyện vọng đưa gia đình đến định cư hoặc xây dựng gia đình và định cư tại các xã thuộc 61 huyện nghèo, thì được hưởng thêm mức hỗ trợ di dân theo quy định hiện hành;

Được cộng điểm ưu tiên khi thi tuyển vào công chức, viên chức theo quy định của pháp luật;

Khi được tuyển dụng vào công chức, viên chức nhà nước thì không phải thực hiện chế độ tập sự, thử việc và được bổ nhiệm ngay vào ngạch được tuyển dụng;

Sau khi bổ nhiệm vào ngạch được nâng lương lần đầu sớm hơn quy định hiện hành 12 tháng;

Nếu tham gia thi tuyển vào các hệ đào tạo cao đẳng, đại học và sau đại học thì được ưu tiên cộng thêm điểm vào kết quả thi theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Chủ tịch uỷ ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định những vị trí lãnh đạo của các xã cần luân chuyển, tăng cường cán bộ, loại cán bộ, thời gian luân chuyển, tăng cường cán bộ bảo đảm đúng đối tượng và tiêu chuẩn cán bộ quy định tại Điều 2 quyết định này; chỉ đạo sở nội vụ xây dựng kế hoạch luân chuyển, tăng cường, quy chế làm việc đối với cán bộ, công chức luân chuyển, tăng cường cho các xã; quy định rõ nhiệm vụ, trách nhiệm, quyền hạn, mối quan hệ công tác với cơ sở, hàng năm có nhận xét, đánh giá cụ thể đối với cán bộ, công chức luân chuyển, tăng cường, thông báo cho cơ quan về tình hình cán bộ, công chức của cơ quan, đơn vị cử đi luân chuyển, tăng cường; tổ chức thực hiện chính sách thu hút trí thức trẻ, cán bộ chuyên môn kỹ thuật về tham gia tổ công tác tại xã.

- Uỷ ban nhân dân cấp huyện thực hiện việc luân chuyển, tăng cường cán bộ, công chức, thu hút trí thức trẻ, cán bộ chuyên môn, kỹ thuật về tham gia tổ công tác xã theo kế hoạch của uỷ ban nhân dân cấp tỉnh; quyết định số cán bộ, công

chức luân chuyển, tăng cường thuộc biên chế được giao của cơ quan, đơn vị; tập huấn những kiến thức cần thiết đối với cán bộ, công chức, trí thức trẻ, cán bộ chuyên môn kỹ thuật về phương pháp làm việc, phương pháp tuyên truyền, vận động quần chúng và đào tạo tiếng dân tộc thiểu số nơi đến luân chuyển, tăng cường.

- Ủy ban nhân dân xã phối hợp, tạo điều kiện cho cán bộ, công chức luân chuyển, tăng cường về xã thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại khoản 3 Điều 2 quyết định này; bố trí chỗ ở, nơi làm việc để cán bộ, công chức luân chuyển, tăng cường hoàn thành nhiệm vụ, tạo điều kiện giúp tổ công tác xã thực hiện nhiệm vụ được giao.

II- KỶ LUẬT CÁN BỘ, CÔNG CHỨC CẤP XÃ

1. Các trường hợp bị xử lý kỷ luật

- Vi phạm việc thực hiện nghĩa vụ của cán bộ, công chức trong khi thi hành nhiệm vụ, công vụ.

- Vi phạm những việc cán bộ, công chức không được làm.

- Vi phạm pháp luật bị tòa án tuyên là có tội hoặc bị cơ quan có thẩm quyền kết luận bằng văn bản về hành vi vi phạm pháp luật.

2. Những trường hợp chưa xem xét kỷ luật đối với cán bộ, công chức

- Đang trong thời gian nghỉ phép, nghỉ theo

chế độ, nghỉ việc riêng được người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị cho phép.

- Đang điều trị tại các bệnh viện.
- Đang bị tạm giam, tạm giữ chờ kết luận của cơ quan có thẩm quyền điều tra, xác minh và kết luận đối với hành vi vi phạm pháp luật.
- Cán bộ, công chức nữ nghỉ chế độ thai sản.

3. Những trường hợp không áp dụng các hình thức kỷ luật

- Vi phạm pháp luật trong trường hợp mất năng lực hành vi dân sự theo kết luận của cơ quan y tế có thẩm quyền.
- Phải thi hành quyết định của cấp trên.
- Vi phạm kỷ luật trong tình thế bất khả kháng trong khi thi hành nhiệm vụ, công vụ và được cấp có thẩm quyền xác nhận.

4. Nguyên tắc xem xét xử lý kỷ luật cán bộ, công chức

- Khách quan, công bằng, nghiêm minh, đúng thời hiệu quy định.
- Khi xử lý kỷ luật cán bộ, công chức phải thành lập hội đồng kỷ luật, trừ trường hợp cán bộ, công chức phạm tội bị tòa án phạt tù mà không được hưởng án treo.
- Quyết định xử lý kỷ luật phải do người có thẩm quyền ký theo đúng quy định của nghị định này.

- Mỗi hành vi vi phạm chỉ bị xử lý một hình thức kỷ luật. Nếu cán bộ, công chức có nhiều hành vi vi phạm thì bị xử lý kỷ luật về từng hành vi và chịu hình thức kỷ luật cao hơn một mức.

- Cấm mọi hành vi xâm phạm thân thể, danh dự, nhân phẩm của cán bộ, công chức trong quá trình xem xét xử lý kỷ luật; cấm áp dụng biện pháp phạt tiền thay cho hình thức kỷ luật.

- Không áp dụng hình thức kỷ luật buộc thôi việc đối với cán bộ, công chức nữ khi đang có thai và cán bộ, công chức đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi.

5. Hướng dẫn thực hiện chế độ kỷ luật công chức cấp xã, Thông tư số 03/2007/TT-BNV ngày 12-6-2007 của Bộ Nội vụ quy định

Chế độ kỷ luật đối với công chức cấp xã quy định tại khoản 2 Điều 2 của Nghị định số 114/2003/NĐ-CP, bao gồm các chức danh sau: Trưởng công an (nơi chưa bố trí lực lượng công an chính quy), chỉ huy trưởng quân sự, văn phòng - thống kê, địa chính - xây dựng, tài chính - kế toán, tư pháp - hộ tịch, văn hóa - xã hội.

1- Về các trường hợp bị xử lý kỷ luật: công chức cấp xã bị xử lý kỷ luật trong các trường hợp sau:

- Vi phạm nghĩa vụ của cán bộ, công chức cấp xã quy định tại Điều 8 Nghị định số 114/2003/NĐ-CP;

- Vi phạm những việc cán bộ, công chức cấp xã không được làm quy định tại Điều 11 Nghị định số 114/2003/NĐ-CP;

- Vi phạm việc thực hiện quy chế làm việc quy định tại Điều 9 của Nghị định số 114/2003/NĐ-CP;

- Vi phạm pháp luật bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tòa án tuyên là có tội nhưng chưa bị phạt tù giam;

- Vi phạm pháp luật bị cơ quan có thẩm quyền kết luận bằng văn bản về hành vi vi phạm;

- Vi phạm việc quản lý và sử dụng văn bằng, chứng chỉ không hợp pháp. Gian dối trong kê khai hồ sơ lý lịch;

- Trong thời gian được cử đi học tập, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ vi phạm quy chế đào tạo;

- Vi phạm các quy định của Nhà nước về phòng, chống tệ nạn mại dâm, ma túy.

Công chức cấp xã thuộc các trường hợp quy định tại Điều 3 Nghị định số 35/2005/NĐ-CP nếu vi phạm kỷ luật thì chưa xem xét kỷ luật.

2- Không áp dụng các hình thức kỷ luật đối với công chức cấp xã trong các trường hợp sau:

- Có hành vi trái pháp luật trong trường hợp mất năng lực hành vi dân sự theo kết luận của cơ quan y tế có thẩm quyền.

- Vi phạm pháp luật trong tình thế bất khả kháng khi thi hành nhiệm vụ công vụ và được cấp có thẩm quyền xác nhận.

- Phải thi hành quyết định của cấp trên theo quy định tại khoản 7 Điều 8 Nghị định số 114/2003/NĐ-CP.

Khi xem xét xử lý kỷ luật công chức cấp xã phải thực hiện đúng các nguyên tắc quy định tại Điều 5 Nghị định số 35/2005/NĐ-CP.

Việc khiếu nại, khởi kiện và giải quyết các kết luận khiếu nại về kỷ luật đối với công chức cấp xã thực hiện theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 29 của Nghị định số 35/2005/NĐ-CP và Điều 20, Điều 21 Nghị định số 114/2003/NĐ-CP.

3- Văn bằng, chứng chỉ không hợp pháp là các văn bằng, chứng chỉ có kết luận của cơ quan có thẩm quyền là không hợp pháp, bao gồm các loại sau:

- Văn bằng, chứng chỉ do làm giả;
- Văn bằng, chứng chỉ đã bị sửa đổi nội dung mà không được cơ quan có thẩm quyền cho phép;
- Văn bằng, chứng chỉ được cấp phát cho những người không đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật hoặc cấp phát, sửa đổi không đúng quy định về thủ tục hoặc thẩm quyền.

4- Hình thức kỷ luật

Công chức cấp xã vi phạm các quy định của pháp luật thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm để xem xét kỷ luật theo một trong những hình thức quy định tại khoản 2 Điều 17 Nghị định số 114/2003/NĐ-CP, bao gồm: khiển trách, cảnh cáo, hạ bậc lương, cách chức (nếu là trưởng công an hoặc chỉ huy trưởng quân sự), buộc thôi việc.

Công chức cấp xã vi phạm pháp luật bị tòa án phạt tù giam thì đương nhiên bị buộc thôi việc.

5- *Về thời hiệu xử lý kỷ luật*: thời hiệu xử lý kỷ luật đối với công chức cấp xã thực hiện như quy định tại Điều 9 Nghị định số 35/2005/NĐ-CP.

6- *Về thực hiện trách nhiệm xử lý kỷ luật*: người được giao thẩm quyền xử lý kỷ luật đối với công chức cấp xã nếu chưa xử lý kỷ luật công chức cấp xã vi phạm kỷ luật trong thời hiệu quy định thì bị xử lý kỷ luật từ khiển trách cho đến cách chức.

7- *Về việc tạm giam và đình chỉ công tác*

- Việc tạm đình chỉ công tác đối với công chức cấp xã vi phạm kỷ luật thực hiện theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 114/2003/NĐ-CP và Điều 10 Nghị định số 35/2005/NĐ-CP;

- Công chức cấp xã bị tạm giam theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền để điều tra, xử lý theo quy định của pháp luật mà chưa có kết luận đầy đủ về vi phạm thì chưa tiến hành xem xét xử lý kỷ luật;

- Việc tạm đình chỉ công tác của công chức cấp xã chỉ thực hiện trong thời hiệu xử lý kỷ luật.

8- *Về hội đồng kỷ luật*

- Hội đồng kỷ luật có số lượng là 3 hoặc 5 thành viên do chủ tịch uỷ ban nhân dân cấp xã ra quyết định thành lập. Chủ tịch hội đồng kỷ luật là đại diện lãnh đạo uỷ ban nhân dân cấp xã;

- Thành phần và quy chế hoạt động cụ thể của hội đồng kỷ luật thực hiện như quy định tại khoản 2 Điều 19 Nghị định số 114/2003/NĐ-CP;

- Nguyên tắc làm việc của hội đồng kỷ luật và

các thành phần mời tham gia dự họp hội đồng kỷ luật thực hiện như quy định tại Điều 12 và Điều 13 Nghị định số 35/2005/NĐ-CP. Ngoài ra nếu công chức cấp xã vi phạm kỷ luật trong nhiệm kỳ trước, nay nhiệm kỳ mới thay đổi người lãnh đạo thì hội đồng kỷ luật công chức cấp xã có thể mời người lãnh đạo nhiệm kỳ trước tham dự cuộc họp hội đồng kỷ luật;

- Người có quan hệ gia đình với công chức cấp xã vi phạm kỷ luật nói tại khoản 4 Điều 11 của Nghị định số 35/2005/NĐ-CP không được tham gia thành viên hội đồng kỷ luật bao gồm: Cha, mẹ đẻ; cha, mẹ nuôi của vợ hoặc chồng được pháp luật công nhận; cha, mẹ vợ (hoặc chồng); vợ hoặc chồng của người vi phạm; anh, chị, em ruột; anh, chị, em dâu (rể) được pháp luật công nhận; con đẻ, con dâu, con rể, con nuôi được pháp luật công nhận.

9- Về trình tự và quy trình xem xét xử lý kỷ luật

- Công tác chuẩn bị và trình tự họp hội đồng kỷ luật thực hiện như quy định tại Điều 15 và Điều 16 Nghị định số 35/2005/NĐ-CP;

- Công chức cấp xã vi phạm kỷ luật được hội đồng kỷ luật gửi giấy báo triệu tập trước khi hội đồng kỷ luật họp 7 ngày làm việc;

- Trường hợp công chức cấp xã vi phạm kỷ luật không chịu làm bản kiểm điểm và tự nhận hình thức kỷ luật hoặc không đến dự kiểm điểm theo giấy triệu tập của cơ quan, tổ chức, đơn vị mà không có lý do chính đáng thì cơ quan vẫn họp để

tiến hành kiểm điểm người vi phạm kỷ luật và hội đồng kỷ luật vẫn tổ chức họp để xem xét xử lý kỷ luật;

- Đối với công chức cấp xã tự ý bỏ việc đã được cơ quan gửi giấy gọi ba lần mà không có mặt, hội đồng kỷ luật vẫn họp xem xét kiến nghị hình thức kỷ luật theo quy định;

- Trường hợp có nhiều công chức cấp xã trong cùng cơ quan vi phạm kỷ luật thì hội đồng kỷ luật có thể xem xét xử lý trong cùng một phiên họp. Biên bản cuộc họp được lập theo trình tự xem xét kỷ luật đối với từng công chức cấp xã vi phạm;

- Khi cơ quan họp kiểm điểm công chức cấp xã vi phạm kỷ luật, phải phân tích, chỉ rõ vi phạm nhằm giáo dục, giúp đỡ người vi phạm nhận rõ khuyết điểm của mình để khắc phục sửa chữa.

Việc quản lý hồ sơ kỷ luật công chức cấp xã thực hiện như quy định tại Điều 22 Nghị định số 114/2003/NĐ-CP và Điều 18 Nghị định số 35/2003/NĐ-CP.

Trường hợp công chức cấp xã đang nghỉ công tác chờ thủ tục hưu trí hoặc đã chuyển công tác về cơ quan, tổ chức khác mới phát hiện vi phạm kỷ luật thì cơ quan nơi công tác trước đó tiến hành xem xét kỷ luật theo quy định hiện hành. Sau đó gửi toàn bộ hồ sơ và quyết định kỷ luật về cơ quan, tổ chức đang quản lý công chức cấp xã đó để lưu vào hồ sơ công chức và theo dõi quản lý.

Trường hợp sau khi thành lập mới, sáp nhập, chia tách xã, phường, thị trấn mới phát hiện công chức cấp xã vi phạm kỷ luật trong thời gian ở đơn vị hành chính cũ thì cơ quan hiện đang có thẩm quyền quản lý công chức cấp xã tiến hành xem xét xử lý kỷ luật. Hội đồng kỷ luật khi họp có thể mời đại diện lãnh đạo cơ quan sử dụng trực tiếp công chức cấp xã trước đây đến cùng dự và phát biểu ý kiến.

10- Về việc xem xét áp dụng hình thức kỷ luật

- Việc xem xét áp dụng hình thức kỷ luật đối với công chức cấp xã vi phạm kỷ luật thực hiện theo quy định tại Điều 20, Điều 21, Điều 22, Điều 25 Nghị định số 35/2005/NĐ-CP và khoản 5 (từ điểm 5.1 đến 5.3 và từ điểm 5.5 đến 5.11) mục II Thông tư số 03/2006/TT-BNV ngày 08-02-2006 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện Nghị định số 35/2005/NĐ-CP;

- Công chức cấp xã đang hưởng hệ số lương ở bậc 1 của ngạch công chức nếu vi phạm kỷ luật thì chỉ áp dụng một trong các hình thức kỷ luật: khiển trách, cảnh cáo, cách chức, buộc thôi việc.

Công chức cấp xã vi phạm kỷ luật, hội đồng kỷ luật đã xem xét và kiến nghị hình thức kỷ luật nhưng cấp có thẩm quyền chưa ra quyết định kỷ luật mà cơ quan lại phát hiện thêm các tình tiết khác liên quan đến vi phạm kỷ luật hoặc phát hiện có hành vi vi phạm kỷ luật khác thì cơ quan có thẩm quyền trả hồ sơ để hội đồng kỷ luật xem

xét kiến nghị lại hình thức kỷ luật. Trong trường hợp này, thời hiệu xem xét xử lý kỷ luật được tính từ khi phát hiện thêm các tình tiết liên quan đến vi phạm kỷ luật hoặc phát hiện có hành vi vi phạm kỷ luật khác.

11- Về thực hiện các quy định liên quan đến công chức cấp xã bị kỷ luật

- Công chức cấp xã vi phạm pháp luật mà bị phạt tù cho hưởng án treo, sau khi bị xử lý kỷ luật (trừ trường hợp kỷ luật buộc thôi việc) được bố trí công việc phù hợp với yêu cầu giám sát, giáo dục;

- Trường hợp công chức cấp xã đang trong thời gian thi hành hình phạt tù cho hưởng án treo, nếu chuyển đi nơi khác thì cơ quan được giao giám sát, giáo dục có trách nhiệm thông báo ngay cho tòa án làm thủ tục cần thiết giao cho cơ quan nơi người được hưởng án treo chuyển đến để tiếp tục giám sát, giáo dục;

- Công chức cấp xã trong thời gian thi hành hình phạt tù cho hưởng án treo (kể cả thời gian thử thách) thì không thực hiện xem xét nâng bậc lương và thời gian này không được tính vào thời gian để xét nâng bậc lương. Riêng thời gian thử thách được tính vào thời gian công tác.

Công chức cấp xã đang nghỉ chế độ chờ làm thủ tục hưu trí mà bị phát hiện có vi phạm pháp luật trong thời gian thi hành nhiệm vụ, công vụ trước khi nghỉ công tác thì cơ quan tạm thời dừng việc giải quyết thủ tục hưu trí cho đến khi cơ

quan có thẩm quyền đã kết thúc việc xem xét xử lý kỷ luật.

Các quy định khác liên quan đến công chức cấp xã bị kỷ luật buộc thôi việc thực hiện như quy định tại Điều 28 Nghị định số 35/2005/NĐ-CP.

Đối với công chức cấp xã bị kỷ luật hạ bậc lương thì thực hiện như sau: Công chức cấp xã đang hưởng bậc lương theo ngạch công chức nào thì hạ xuống bậc thấp hơn liền kề của ngạch đó. Thời gian xét nâng lương lần sau tính từ thời điểm giữ mức lương hưởng trước khi vi phạm kỷ luật.

Công chức cấp xã bị kỷ luật hạ bậc lương không bị kéo dài thời hạn nâng bậc lương thêm 1 năm (12 tháng) nhưng trong thời gian chưa chấm dứt hiệu lực của quyết định kỷ luật thì chưa giải quyết nâng bậc lương theo thâm niên. Sau khi chấm dứt hiệu lực của quyết định kỷ luật mới xem xét nâng bậc lương theo thâm niên.

Việc chấm dứt hiệu lực của quyết định kỷ luật đối với công chức cấp xã thực hiện như quy định tại Điều 26 Nghị định số 35/2005/NĐ-CP, cấp có thẩm quyền ban hành quyết định kỷ luật không phải ra quyết định chấm dứt hiệu lực của quyết định kỷ luật.

Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương căn cứ vào thẩm quyền xử lý kỷ luật công chức cấp xã quy định tại Điều 19 Nghị định số 114/2003/NĐ-CP để quy định cụ thể việc phân cấp thẩm quyền xử lý kỷ luật công chức cấp xã;

quy định thành phần và quy chế hoạt động cụ thể của hội đồng kỷ luật đồng thời chỉ đạo tổ chức tập huấn và trang bị các văn bản có liên quan đến thực hiện xử lý kỷ luật công chức cấp xã cho người đứng đầu uỷ ban nhân dân cấp xã; tổ chức kiểm tra việc xử lý kỷ luật công chức cấp xã.

Cán bộ chuyên trách cấp xã giữ các chức danh bầu cử như chủ tịch, phó chủ tịch hội đồng nhân dân hoặc uỷ ban nhân dân nếu vi phạm kỷ luật, vi phạm pháp luật thuộc các trường hợp nêu tại mục 2 phần I của thông tư này thì cấp có thẩm quyền căn cứ vào *Luật tổ chức hội đồng nhân dân và uỷ ban nhân dân* để xem xét xử lý kỷ luật.

Cán bộ chuyên trách cấp xã là bí thư, phó bí thư đảng uỷ xã, người đứng đầu tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã nếu vi phạm kỷ luật, vi phạm pháp luật thuộc các trường hợp nêu tại mục 2 của thông tư này thì cấp có thẩm quyền xem xét, xử lý kỷ luật theo quy định của điều lệ tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội.

III- ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CÁN BỘ XÃ

1. Đào tạo, bồi dưỡng chủ tịch hội đồng nhân dân, chủ tịch uỷ ban nhân dân xã

1- Mục tiêu: Trang bị những kiến thức cần thiết về quản lý nhà nước, phương pháp và kỹ năng quản lý, điều hành nhằm nâng cao năng lực của chủ tịch hội đồng nhân dân, chủ tịch uỷ ban

nhân dân xã, phường, thị trấn trong việc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm được giao trong quá trình xây dựng nền hành chính chuyên nghiệp, hiện đại đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính, xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân.

2- Về chương trình đào tạo, bồi dưỡng: Xây dựng và hoàn thiện chương trình, nội dung đào tạo, bồi dưỡng chủ tịch hội đồng nhân dân, chủ tịch uỷ ban nhân dân xã, phường, thị trấn theo hướng nâng cao kiến thức, kỹ năng quản lý hành chính của chính quyền xã, phường, thị trấn; chú trọng các kỹ năng và phương pháp xử lý, giải quyết các tình huống trong quản lý, điều hành của chủ tịch hội đồng nhân dân, chủ tịch uỷ ban nhân dân xã, phường, thị trấn. Có chương trình riêng cho từng đối tượng, gồm:

- Chương trình đào tạo, bồi dưỡng chủ tịch hội đồng nhân dân, chủ tịch uỷ ban nhân dân phường, thị trấn;

- Chương trình đào tạo, bồi dưỡng chủ tịch hội đồng nhân dân, chủ tịch uỷ ban nhân dân xã vùng đồng bằng;

- Chương trình đào tạo, bồi dưỡng chủ tịch hội đồng nhân dân, chủ tịch uỷ ban nhân dân xã ở vùng trung du, miền núi, vùng có đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống.

3- *Về nội dung đào tạo, bồi dưỡng*: nội dung đào tạo, bồi dưỡng gồm ba phần:

- Những kiến thức cơ bản về nhà nước, pháp luật và đạo đức cán bộ, công chức;

- Quản lý nhà nước trên các lĩnh vực thuộc phạm vi, thẩm quyền của uỷ ban nhân dân và hội đồng nhân dân xã, phường, thị trấn. Nhiệm vụ, quyền hạn của chủ tịch uỷ ban nhân dân, chủ tịch hội đồng nhân dân trên các lĩnh vực;

- Các kỹ năng và phương pháp quản lý, điều hành của chủ tịch hội đồng nhân dân, chủ tịch uỷ ban nhân dân xã, phường, thị trấn. Kiến thức tin học. Tiếng dân tộc (đối với các xã có đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống).

4- *Về phương pháp đào tạo, bồi dưỡng*: Áp dụng phương pháp đào tạo, bồi dưỡng mới nhằm phát huy tính chủ động tích cực của người học, kết hợp giữa giảng trên lớp với việc tăng cường toạ đàm, trao đổi giữa các học viên, làm bài tập, xử lý, giải quyết tình huống và thực hành, khảo sát thực tiễn.

5- *Về hình thức đào tạo, bồi dưỡng*: Đào tạo tập trung (có cấp chứng chỉ sau khi kết thúc khoá học).

6- *Về thời gian đào tạo, bồi dưỡng*

- Đối với các đối tượng đã được đào tạo trình độ đại học và trung cấp hành chính, thời gian đào tạo, bồi dưỡng là 2 tháng;

- Đối với các đối tượng chưa qua đào tạo, bồi dưỡng quản lý hành chính nhà nước, thời gian đào tạo, bồi dưỡng là 3 tháng.

Kinh phí xây dựng chương trình, biên soạn tài liệu, tập huấn giáo viên và mở lớp đào tạo, bồi dưỡng chủ tịch hội đồng nhân dân, chủ tịch uỷ ban nhân dân xã, phường, thị trấn được sử dụng từ ngân sách trung ương và ngân sách địa phương theo quy định của *Luật ngân sách*.

Uỷ ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương xây dựng kế hoạch hằng năm và tổ chức thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng chủ tịch hội đồng nhân dân, chủ tịch uỷ ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

Ngày 08-8-2006, Bộ Nội vụ ban hành Thông tư số 06/2006/TT-BNV hướng dẫn uỷ ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng chủ tịch hội đồng nhân dân, chủ tịch uỷ ban nhân dân cấp xã của địa phương (gửi Bộ Nội vụ) và tổ chức triển khai thực hiện. Nội dung xây dựng kế hoạch như sau:

Đánh giá thực trạng và nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng chủ tịch hội đồng nhân dân, chủ tịch uỷ ban nhân dân cấp xã giai đoạn 2006-2010, để lên kế hoạch mở lớp cụ thể:

Đối với các tỉnh đồng bằng và các thành phố trực thuộc trung ương xây dựng kế hoạch mở lớp đào tạo bồi dưỡng chủ tịch hội đồng nhân dân, chủ tịch uỷ ban nhân dân cấp xã chưa đào tạo trung cấp, đại học hành chính (học 3 tháng) và đã qua đào tạo trung cấp, đại học hành chính (học 2 tháng) theo hai chương trình:

- Chương trình đào tạo, bồi dưỡng chủ tịch hội đồng nhân dân, chủ tịch uỷ ban nhân dân phường, thị trấn;

- Chương trình đào tạo, bồi dưỡng chủ tịch hội đồng nhân dân, chủ tịch uỷ ban nhân dân xã vùng đồng bằng.

Đối với những tỉnh trung du, miền núi vùng có đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống, xây dựng kế hoạch mở lớp đào tạo bồi dưỡng chủ tịch hội đồng nhân dân, chủ tịch uỷ ban nhân dân cấp xã chưa đào tạo trung cấp, đại học hành chính (học 3 tháng) và đã qua đào tạo trung cấp, đại học hành chính (học 2 tháng) theo hai chương trình:

- Chương trình đào tạo, bồi dưỡng chủ tịch hội đồng nhân dân, chủ tịch uỷ ban nhân dân phường, thị trấn;

- Chương trình đào tạo, bồi dưỡng chủ tịch hội đồng nhân dân, chủ tịch uỷ ban nhân dân xã ở vùng trung du, miền núi vùng có đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống.

- Nội dung đào tạo, bồi dưỡng: Các địa phương tổ chức đào tạo bồi dưỡng theo chương trình, tài liệu do Học viện Hành chính quốc gia biên soạn gồm ba loại chương trình, mỗi loại chương trình có chương trình riêng cho chủ tịch hội đồng nhân dân, chủ tịch uỷ ban nhân dân cấp xã chưa qua đào tạo trung cấp, đại học hành chính (học 3 tháng) và đã qua đào tạo trung cấp, đại học hành chính (học 2 tháng) được Bộ Nội vụ phê duyệt ban

hành; trong đó dành 20% quỹ thời gian để các địa phương bổ sung phần thực tiễn hoạt động quản lý của chính quyền cơ sở.

- *Địa điểm đào tạo bồi dưỡng*: Căn cứ vào đặc điểm địa hình, giao thông của địa phương mình, uỷ ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương lựa chọn địa điểm để tổ chức các lớp theo các khu vực sao cho thuận tiện việc đi lại, ăn ở, sinh hoạt của chủ tịch hội đồng nhân dân, chủ tịch uỷ ban nhân dân các xã, phường, thị trấn.

Đối với các tỉnh vùng đồng bằng có số lượng chủ tịch hội đồng nhân dân, chủ tịch uỷ ban nhân dân của các xã trung du miền núi và các tỉnh miền núi có số lượng chủ tịch hội đồng nhân dân, chủ tịch uỷ ban nhân dân các phường, thị trấn quá ít không đủ để mở lớp, thì có thể liên hệ với các tỉnh liền kề để phối hợp mở lớp theo cụm tỉnh, hoặc báo cáo về Bộ Nội vụ để có kế hoạch triển khai tổ chức mở lớp.

- *Đội ngũ giáo viên*: Để các khóa đào tạo bồi dưỡng chủ tịch hội đồng nhân dân, chủ tịch uỷ ban nhân dân xã, phường, thị trấn đạt kết quả tốt, trên cơ sở kế hoạch mở lớp, uỷ ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương lựa chọn cử đủ số lượng giảng viên tham dự các lớp tập huấn theo các chương trình do Học viện Hành chính quốc gia tổ chức.

- *Kinh phí thực hiện*: Từ năm 2007 trở đi các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tập trung

ưu tiên kinh phí đào tạo cho các lớp đào tạo, bồi dưỡng chủ tịch hội đồng nhân dân, chủ tịch uỷ ban nhân dân xã, phường, thị trấn; ngoài kinh phí theo chỉ tiêu đào tạo, bồi dưỡng được trung ương phân bổ, cân đối thêm nguồn ngân sách của địa phương theo quy định của *Luật ngân sách*.

Về tổ chức thực hiện: uỷ ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương căn cứ Quyết định số 31/2006/QĐ-TTg ngày 06-02-2006 của Thủ tướng Chính phủ và thông tư này, chỉ đạo sở nội vụ làm đầu mối phối hợp với các cơ quan hữu quan xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng Chủ tịch hội đồng nhân dân, chủ tịch uỷ ban nhân dân cấp xã của địa phương mình; kiểm tra, đánh giá việc thực hiện kế hoạch, kịp thời bổ sung, điều chỉnh kế hoạch cho sát với tình hình thực tế, yêu cầu, nhiệm vụ của địa phương.

Việc xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng chủ tịch hội đồng nhân dân, chủ tịch uỷ ban nhân dân cấp xã, các địa phương căn cứ vào đặc điểm của từng loại hình đơn vị hành chính cơ sở (đô thị, đồng bằng, trung du miền núi) để phân loại đối tượng được đào tạo bồi dưỡng theo từng loại chương trình 2 tháng hoặc 3 tháng.

Hàng năm, uỷ ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương gửi báo cáo về Bộ Nội vụ trước ngày 15-12 để tổng hợp, báo cáo Thủ

tướng Chính phủ tiến độ, kết quả thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng chủ tịch hội đồng nhân dân, chủ tịch uỷ ban nhân dân cấp xã.

2. Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn đến năm 2010

Ngày 07-01-2004, Thủ tướng Chính phủ có Quyết định số 03/2004/QĐ-TTg phê duyệt định hướng quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn đến năm 2010 với những nội dung chủ yếu sau:

1- Mục tiêu chung đến năm 2010: Xây dựng, chuẩn hóa và từng bước trẻ hóa đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã, đặc biệt là cán bộ chủ chốt, có bản lĩnh chính trị vững vàng, có phẩm chất và năng lực, bảo đảm đủ về số lượng, tiêu chuẩn, đồng bộ về cơ cấu, trình độ, tính kế thừa giữa các thế hệ nhằm đổi mới và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị ở cơ sở xã, phường, thị trấn.

2- Mục tiêu cụ thể: Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã theo tiêu chuẩn chức danh, trang bị, bổ sung những kiến thức về chuyên môn, nghiệp vụ và kỹ năng quản lý, điều hành, tạo điều kiện cho cán bộ, công chức cấp xã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Đến hết năm 2005, phấn đấu đạt:

- 70 - 80% cán bộ chuyên trách giữ chức vụ qua bầu cử được đào tạo, bồi dưỡng đạt tiêu chuẩn quy định về trình độ lý luận chính trị, quản lý

hành chính nhà nước, chuyên môn nghiệp vụ và kỹ năng quản lý điều hành;

- 80% công chức cấp xã ở vùng đồng bằng và đô thị đạt trình độ chuyên môn từ trung cấp trở lên;

- 100% cán bộ chủ chốt và các chức danh chuyên môn ở các xã miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số, hải đảo được đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về quản lý hành chính nhà nước và chuyên môn, nghiệp vụ đạt trình độ sơ cấp; lựa chọn để quy hoạch đào tạo trình độ trung cấp cho 25% đội ngũ cán bộ, công chức này.

Từ năm 2006 đến năm 2010, trên cơ sở kết quả đạt được và kinh nghiệm của giai đoạn này, phấn đấu nâng trình độ cán bộ, công chức cấp xã giữ các chức danh được đào tạo đạt trình độ trung cấp trở lên; đạt mục tiêu trẻ hoá đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã, đặc biệt là cán bộ chủ chốt; bảo đảm đủ về số lượng, tiêu chuẩn, đồng bộ về cơ cấu.

3- Yêu cầu: Từng bước đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng và an ninh, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ quản lý, điều hành của chính quyền cấp xã. Bảo đảm tính khả thi. Bảo đảm tính đồng bộ và tính kế thừa trong đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã. Bảo đảm từng bước chuẩn hóa và trẻ hóa đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức trong hệ thống chính trị ở cơ sở.

4- *Đối tượng quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng*

+ Những người do bầu cử để đảm nhiệm chức vụ theo nhiệm kỳ (sau đây gọi chung là cán bộ chuyên trách cấp xã) trong hệ thống chính trị ở cơ sở bao gồm: bí thư, phó bí thư đảng ủy, thường trực đảng ủy (nơi không có phó bí thư chuyên trách công tác đảng), bí thư, phó bí thư chi bộ (đối với những xã chưa thành lập đảng bộ); chủ tịch, phó chủ tịch hội đồng nhân dân;

- Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân; Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ, Chủ tịch Hội Nông dân, Chủ tịch Hội Cựu chiến binh.

- Những người được tuyển dụng, giao giữ một chức danh chuyên môn, nghiệp vụ thuộc ủy ban nhân dân cấp xã (gọi chung là công chức cấp xã) gồm các chức danh: Trưởng công an (nơi chưa có lực lượng công an chính quy); chỉ huy trưởng quân sự; văn phòng - thống kê; tài chính - kế toán; địa chính - xây dựng; tư pháp - hộ tịch; văn hóa - xã hội.

- Những người đưa vào quy hoạch dự kiến nguồn cho các chức danh trên, bao gồm: Học sinh, sinh viên đã tốt nghiệp các trường trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học đáp ứng đúng yêu cầu chuyên ngành các chức danh chuyên môn của cấp xã, hiện chưa có việc làm, đang cư trú tại địa phương; những người đã hoàn thành nghĩa vụ

trong các lực lượng vũ trang (quân đội, công an), thanh niên xung phong và các đối tượng khác ở địa phương có trình độ văn hóa tốt nghiệp trung học phổ thông đủ tiêu chuẩn theo yêu cầu chức danh cán bộ, công chức cấp xã.

5- Định hướng quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã

Quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã theo chức danh tập trung vào các nội dung sau:

- Đào tạo, đào tạo bổ sung trình độ lý luận chính trị, quản lý hành chính nhà nước, chuyên môn, nghiệp vụ cho những người đang giữ các chức vụ qua bầu cử hay các chức danh chuyên môn còn trong độ tuổi quy hoạch (dưới 45 tuổi) đủ tiêu chuẩn về văn hóa, nhưng thiếu những kiến thức nêu trên;

- Bồi dưỡng cập nhật kiến thức chuyên môn cho những người giữ các chức vụ qua bầu cử, các chức danh chuyên môn gần đến tuổi nghỉ hưu theo quy định, nhưng thiếu tiêu chuẩn kiến thức chuyên môn;

- Đào tạo, bồi dưỡng bổ sung kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ cho những người được dự kiến phương án kiêm nhiệm theo hình thức đi học tập trung hoặc vừa học vừa làm.

Việc đào tạo, bồi dưỡng các chức danh chuyên môn ở cấp xã cần tập trung trước hết vào những người chưa được đào tạo, bồi dưỡng về kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ đang phụ trách.

6- Quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã theo vùng

- Vùng đồng bằng và đô thị:

+ Đào tạo cán bộ đương chức theo phương châm cán bộ còn trong độ tuổi quy hoạch nhưng thiếu kiến thức nào thì đào tạo, bồi dưỡng về kiến thức đó để đạt trình độ từ trung cấp trở lên;

+ Đào tạo những người chuẩn bị thay thế những cán bộ hưu trí đang đảm nhận công tác tại địa phương và những người đã cao tuổi.

+ Các xã miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc ít người, hải đảo quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã tập trung các nội dung sau:

+ Quy hoạch đào tạo trình độ học vấn gắn với đào tạo chuyên môn nghiệp vụ và lý luận chính trị theo chương trình do Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn để nhanh chóng có được đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã có đủ kiến thức và năng lực quản lý, điều hành kinh tế - xã hội của địa phương;

+ Quy hoạch đào tạo cán bộ thông qua việc thực hiện nghĩa vụ trong các lực lượng vũ trang (quân đội, công an) và thanh niên xung phong; thông qua việc luân chuyển cán bộ ở huyện, tỉnh về công tác ở cơ sở.

7- Quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng nguồn cán bộ, công chức cấp xã đối với những người đã hoàn thành nghĩa vụ trong các lực lượng vũ trang (quân đội, công an), thanh niên xung phong và các đối

tượng khác ở địa phương có trình độ tốt nghiệp trung học phổ thông, có đủ tiêu chuẩn theo yêu cầu chức danh cán bộ, công chức cấp xã; học sinh, sinh viên các trường trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học tốt nghiệp ra trường chưa có việc làm đang cư trú tại địa phương, việc quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng theo các nội dung sau:

- Lập kế hoạch đào tạo nguồn đối với các đối tượng đã hoàn thành nhiệm vụ trong các lực lượng vũ trang (quân sự, công an), thanh niên xung phong đã tốt nghiệp trung học phổ thông;

- Tổ chức điều tra, tổng hợp, phân tích, phân loại các đối tượng là học sinh, sinh viên đã tốt nghiệp các trường trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học theo chuyên ngành được đào tạo chưa có việc làm hiện đang cư trú tại địa phương; lập kế hoạch bồi dưỡng các kiến thức còn thiếu đối với các đối tượng này;

- Dự kiến kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ không chuyên trách, hợp đồng có thời hạn đưa vào diện quy hoạch cán bộ, công chức chuyên trách (coi nguồn này là công chức dự bị của cơ sở);

- Dự báo nhu cầu đào tạo của địa phương để lập kế hoạch đào tạo nguồn cán bộ dự bị theo chức danh chuẩn bị cho việc bổ sung, thay thế khi cần thiết.

8- *Nội dung, chương trình, hình thức, cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã*

- Yêu cầu: Chương trình, giáo trình, tài liệu

đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã được xây dựng theo tinh thần đổi mới phù hợp với những quan điểm, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, yêu cầu cải cách hành chính và đặc điểm địa lý, trình độ dân trí, phù hợp với trình độ quản lý điều hành của chính quyền cấp xã ở từng vùng. Nội dung đào tạo, bồi dưỡng phải sát với thực tiễn, cụ thể với vị trí, chức năng, nhiệm vụ của từng chức danh, chú trọng kết hợp giữa đào tạo lý luận theo mục tiêu chương trình với đào tạo theo tình huống và phương pháp xử lý giải quyết các tình huống cụ thể trong quản lý điều hành của cán bộ chuyên trách và trong chuyên môn nghiệp vụ của công chức.

- Nội dung, chương trình đào tạo, bồi dưỡng:

+ Đối với cán bộ đảng, đoàn thể: bí thư, phó bí thư đảng ủy, thường trực đảng ủy, bí thư, phó bí thư chi bộ (đối với những xã chưa thành lập đảng bộ), Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ, Chủ tịch Hội Nông dân, Chủ tịch Hội Cựu chiến binh, cần đào tạo, bồi dưỡng: trình độ trung cấp lý luận chính trị và trung cấp chuyên môn, nghiệp vụ theo chức vụ đang đảm nhận (đối với cấp xã ở vùng đồng bằng và đô thị); đào tạo trình độ học vấn kết hợp với bồi dưỡng chương trình lý luận chính trị và chuyên môn, nghiệp vụ (đối với xã,

thị trấn miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số, hải đảo).

+ Đối với cán bộ chính quyền: chủ tịch, phó chủ tịch hội đồng nhân dân; chủ tịch, phó chủ tịch uỷ ban nhân dân, cần đào tạo: trình độ trung cấp lý luận chính trị, trung cấp quản lý nhà nước và trung cấp chuyên môn, nghiệp vụ (đối với cấp xã ở vùng đồng bằng và đô thị); trình độ học vấn kết hợp với bồi dưỡng chương trình lý luận chính trị, chương trình quản lý nhà nước và chuyên môn, nghiệp vụ (đối với xã, thị trấn miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số, hải đảo).

+ Đối với các chức danh chuyên môn thuộc uỷ ban nhân dân cấp xã (quy định tại điểm b khoản 3 mục I điều này) nội dung, chương trình đào tạo: chuyên môn, nghiệp vụ hệ trung cấp, kiến thức cơ bản về tin học văn phòng (đối với cấp xã ở vùng đồng bằng);

+ Đối với cán bộ, công chức ở phường của các thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, đào tạo phổ cập chương trình tin học văn phòng;

Trình độ học vấn kết hợp với bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ (đối với xã, thị trấn miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số, hải đảo);

+ Đào tạo, bồi dưỡng tiếng dân tộc cho cán bộ, công chức cấp xã không biết tiếng dân tộc ở những

xã có đồng bào dân tộc chiếm từ 50% dân số trở lên ở địa phương.

9- *Hình thức đào tạo*: chính quy, không chính quy, bán tập trung, bồi dưỡng ngắn hạn, dài hạn.

10- *Cơ sở đào tạo, bồi dưỡng*: Kiện toàn, củng cố để nâng cao năng lực đào tạo bồi dưỡng của các trường chính trị, trường quân sự các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; các trường trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học của các bộ, ngành được giao nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã. Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên của các cơ sở đào tạo cán bộ, công chức cấp xã.

11- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương căn cứ các quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về cán bộ, công chức cấp xã; đặc điểm địa lý, tự nhiên, yêu cầu nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và trình độ dân trí của từng địa phương; quy hoạch cán bộ, công chức cấp xã và năng lực của các cơ sở đào tạo tại địa phương, ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương:

- Chỉ đạo, hướng dẫn ủy ban nhân dân cấp huyện điều tra, thống kê, phân tích, phân loại cán bộ, công chức cấp xã phục vụ cho công tác lập quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng.

- Tổng hợp quy hoạch, đào tạo cán bộ, công chức cấp xã; lập kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công

chức cấp xã 5 năm, hằng năm của địa phương gửi Bộ Nội vụ và tổ chức triển khai thực hiện.

- Tổng hợp số lượng cán bộ, công chức được đào tạo hằng năm, đánh giá hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cơ sở hằng năm báo cáo về Bộ Nội vụ.

- Trong phạm vi những quy định của Chính phủ, ban hành chế độ, chính sách phù hợp với thực tiễn của địa phương, động viên, khuyến khích cán bộ, công chức cấp xã tham gia học tập.

3. Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn người dân tộc thiểu số

1- Mục tiêu chung: Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức xã người dân tộc thiểu số, đặc biệt là cán bộ chủ chốt, có bản lĩnh chính trị vững vàng, có phẩm chất và năng lực, bảo đảm về tiêu chuẩn, cơ cấu dân tộc, trình độ, tính kế thừa giữa các thế hệ nhằm đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị cơ sở, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở vùng dân tộc thiểu số.

2- Mục tiêu cụ thể: Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ văn hoá, chuyên môn, nghiệp vụ, quản lý hành chính nhà nước, lý luận chính trị cho cán bộ, công chức xã người dân tộc thiểu số theo tiêu chuẩn chức danh đảm nhiệm, phấn đấu đến năm 2010 đạt:

- Về văn hóa: 100% cán bộ chuyên trách giữ chức vụ qua bầu cử có trình độ tốt nghiệp trung học cơ sở trở lên, trong đó 60% tốt nghiệp trung học phổ thông;

- Về chuyên môn nghiệp vụ: 100% cán bộ chuyên trách giữ chức vụ qua bầu cử và công chức chuyên môn được đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ theo chức danh quy định, trong đó 50% có trình độ trung cấp trở lên;

- Về lý luận chính trị: 100% cán bộ chuyên trách giữ chức vụ qua bầu cử và công chức chuyên môn được đào tạo, bồi dưỡng đạt trình độ sơ cấp trở lên, trong đó 40% có trình độ trung cấp;

- Về quản lý hành chính nhà nước: 100% cán bộ chủ chốt được đào tạo, bồi dưỡng kiến thức quản lý hành chính nhà nước;

- Về tin học văn phòng: 100% cán bộ, công chức được bồi dưỡng kiến thức về tin học văn phòng.

Đối tượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức xã người dân tộc thiểu số: cán bộ, công chức theo quy định tại Nghị định số 114/2003/NĐ-CP ngày 10-10-2003 của Chính phủ và nguồn trong quy hoạch chuẩn bị bổ sung, thay thế cán bộ, công chức xã người dân tộc thiểu số. Ưu tiên đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức dưới 45 tuổi trong quy hoạch cho các chức danh chủ chốt xã và các dân tộc thiểu số chưa có người làm cán bộ, công chức xã, cụ thể:

Đối với cán bộ, công chức xã người dân tộc thiểu số (đương nhiệm):

- Đào tạo, đào tạo bổ sung kiến thức về lý luận chính trị, quản lý hành chính nhà nước, chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ, công chức đang giữ các chức danh chủ chốt dưới 45 tuổi đạt trình độ theo tiêu chuẩn chức danh quy định;

- Đào tạo văn hoá cho cán bộ, công chức dưới 35 tuổi chưa tốt nghiệp trung học cơ sở hoặc trung học phổ thông để có trình độ tốt nghiệp trung học phổ thông, gắn với đào tạo chuyên môn nghiệp vụ, lý luận chính trị;

- Bồi dưỡng kiến thức về lý luận chính trị, quản lý hành chính nhà nước, chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ, công chức từ 45 tuổi trở lên để hoàn thành nhiệm vụ theo chức danh quy định;

- Bồi dưỡng kỹ năng tin học văn phòng cho 100% cán bộ, công chức xã người dân tộc thiểu số.

Đối với nguồn cán bộ, công chức xã người dân tộc thiểu số:

- Đào tạo văn hoá gắn với đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị theo tiêu chuẩn chức danh cán bộ, công chức quy định cho những người dưới 30 tuổi đã hoàn thành nghĩa vụ trong các lực lượng vũ trang, thanh niên xung phong, dân tộc thiểu số chưa có người làm cán bộ, công chức xã trong quy hoạch chuẩn bị bổ sung, thay thế cho cán bộ, công chức xã;

- Bồi dưỡng các kiến thức còn thiếu theo tiêu

chuẩn chức danh cán bộ, công chức cho những học sinh mới tốt nghiệp trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học chưa có việc làm, cư trú tại địa phương, trong quy hoạch chuẩn bị bổ sung, thay thế cho cán bộ, công chức xã.

4. Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ chủ chốt Hội Liên hiệp Phụ nữ cấp xã

1- Mục tiêu chung: Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ chủ chốt hội liên hiệp phụ nữ cấp quận, huyện (sau đây gọi là cấp huyện) và xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là cấp xã) có bản lĩnh chính trị vững vàng, có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực về công tác phụ nữ, đảm bảo tiêu chuẩn chức danh, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở địa phương.

2- Mục tiêu cụ thể đến năm 2012

- Chủ tịch hội liên hiệp phụ nữ cấp xã dưới 45 tuổi có trình độ trung học cơ sở trở lên, chưa đạt chuẩn về trình độ chuyên môn (chưa có trình độ trung cấp chuyên môn) được đào tạo trung cấp ngành công tác xã hội, chuyên ngành công tác phụ nữ.

- Chủ tịch, phó chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ cấp huyện (đã có bằng cử nhân) chưa qua bồi dưỡng nghiệp vụ được bồi dưỡng nghiệp vụ công tác phụ nữ (chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ 1 tháng).

- Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ xã và cán bộ trong quy hoạch chức danh Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ cấp xã chưa qua bồi dưỡng nghiệp vụ được bồi dưỡng nghiệp vụ công tác phụ nữ (chương trình bồi dưỡng 3 tháng).

3- Các nhiệm vụ chủ yếu của đề án:

- Phân tích, đánh giá trình độ chuyên môn, nghiệp vụ công tác phụ nữ của cán bộ chủ chốt Hội Liên hiệp Phụ nữ cấp huyện và cấp xã; xây dựng quy hoạch, kế hoạch đào tạo chuyên môn, bồi dưỡng nghiệp vụ công tác phụ nữ đối với cán bộ chủ chốt Hội Liên hiệp Phụ nữ cấp huyện, cấp xã trong 5 năm (2008 - 2012) và hằng năm; tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ công tác phụ nữ cho cán bộ chủ chốt Hội Liên hiệp Phụ nữ cấp huyện và cấp xã theo quy hoạch, kế hoạch đã được phê duyệt.

- Hoàn thiện chương trình, giáo trình trung cấp ngành công tác xã hội chuyên ngành công tác phụ nữ để đào tạo chuẩn hóa về chuyên môn công tác phụ nữ cho cán bộ chủ chốt Hội Liên hiệp Phụ nữ cấp huyện và cấp xã, đổi mới nội dung, chương trình, phương thức đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ công tác phụ nữ theo hướng nâng cao nhận thức chính trị, nhận thức về giới, năng lực tổ chức các hoạt động Hội và kỹ năng vận động quần chúng.

- Tăng cường đội ngũ giảng viên cho Trường Cán bộ Phụ nữ Trung ương, các trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được giao

nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ chủ chốt Hội Liên hiệp Phụ nữ cấp huyện và cấp xã.

- Xây dựng và hoàn thiện chế độ, chính sách, cơ chế về đào tạo, bồi dưỡng đối với cán bộ Hội Liên hiệp Phụ nữ cấp huyện và cấp xã.

4- Các giải pháp cơ bản:

- Thực hiện phân cấp trong hoạt động đào tạo, bồi dưỡng giữa Trường Cán bộ Phụ nữ Trung ương và các trường chính trị tỉnh. Trong đó kế hoạch, nội dung, chương trình đào tạo, bồi dưỡng sẽ do Trường Cán bộ Phụ nữ Trung ương làm đầu mối, có sự phối hợp thực hiện với các trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

- Đa dạng hóa nội dung, hình thức đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với từng loại đối tượng, chức danh và vùng miền khác nhau.

- Xây dựng năng lực cho đội ngũ giảng viên tham gia đề án, bao gồm giảng viên Trường Cán bộ Phụ nữ Trung ương, các trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, các trung tâm chính trị huyện và đội ngũ cộng tác viên từ các cấp Hội và từ các trường đại học trong cả nước.

- Xây dựng, hoàn thiện chế độ, chính sách, cơ chế đào tạo, bồi dưỡng đối với cán bộ Hội Liên hiệp Phụ nữ cấp huyện và cấp xã.

5- Kinh phí thực hiện đề án:

Kinh phí thực hiện đề án được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước hằng năm dành cho chương

trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức theo quy định của *Luật ngân sách nhà nước*.

Kinh phí do ngân sách trung ương bảo đảm bao gồm những nội dung công việc sau:

- Biên soạn giáo trình chuẩn về công tác phụ nữ.
- Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng do Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam trực tiếp thực hiện.
- Hỗ trợ một phần cho các tỉnh miền núi khó khăn, hàng năm phải nhận trợ cấp cân đối từ ngân sách trung ương.

- Tổ chức chỉ đạo kiểm tra và các chi phí khác có liên quan.

Kinh phí do ngân sách địa phương đảm bảo gồm những nội dung công việc sau:

- Tổ chức các lớp bồi dưỡng, đào tạo cho cán bộ Hội Liên hiệp Phụ nữ chủ chốt cấp huyện và cấp xã tại địa phương.

- Tổ chức chỉ đạo kiểm tra và các chi phí khác có liên quan.

Phần III

TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG THÔN, TỔ DÂN PHỐ

I- TỔ CHỨC HÒA GIẢI Ở CƠ SỞ

Pháp lệnh về tổ chức và hoạt động hòa giải ở cơ sở ngày 25-12-1998 quy định: Tổ hoà giải ở cơ sở là tổ chức tự quản của nhân dân được thành lập ở thôn, xóm, bản, ấp, tổ dân phố và các cụm dân cư khác để thực hiện hoặc tổ chức thực hiện việc hoà giải những việc vi phạm pháp luật và tranh chấp nhỏ trong nhân dân theo quy định của pháp luật.

Tổ hoà giải có tổ trưởng và các tổ viên do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã, phường, thị trấn phối hợp với các tổ chức thành viên của Mặt trận lựa chọn, giới thiệu để nhân dân bầu và do uỷ ban nhân dân cùng cấp công nhận.

1- Tổ trưởng tổ hoà giải là người phụ trách tổ hoà giải, đồng thời tham gia hoạt động hoà giải với tư cách tổ viên. Tổ trưởng tổ hoà giải có các nhiệm vụ sau:

- Phân công, điều hoà, phối hợp hoạt động của

các tổ viên tổ hoà giải; phối hợp hoạt động với tổ hoà giải khác khi xét thấy cần thiết;

- Tổ chức rút kinh nghiệm về công tác hoà giải;
- Báo cáo uỷ ban nhân dân, Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc xã, phường, thị trấn về công tác hoà giải.

2- Tổ viên tổ hoà giải có các tiêu chuẩn sau đây:

- Có phẩm chất đạo đức tốt, nghiêm chỉnh chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và có uy tín trong nhân dân;
- Có khả năng thuyết phục, vận động nhân dân thực hiện chính sách, pháp luật;
- Tự nguyện tham gia tổ chức hoà giải, có tinh thần trách nhiệm, nhiệt tình trong công tác hoà giải.

Nghị định số 160/1999/NĐ-CP ngày 18-10-1999 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của *Pháp lệnh về tổ chức và hoạt động hoà giải ở cơ sở* quy định:

- Tổ hoà giải ở cơ sở là tổ chức tự quản của nhân dân được thành lập ở thôn, xóm, bản, ấp, tổ dân phố và các cụm dân cư khác để thực hiện hoặc tổ chức thực hiện việc hoà giải.

- Tổ hoà giải có tổ trưởng và các tổ viên. Mỗi tổ hoà giải có từ 3 tổ viên trở lên. Căn cứ đặc điểm, tình hình cụ thể của cụm dân cư và kết quả cuộc họp thôn, xóm, bản, ấp, tổ dân phố, kết quả cuộc họp chủ hộ hoặc kết quả phiếu lấy ý kiến chủ hộ, chủ tịch uỷ ban nhân dân xã, phường, thị trấn quyết định số lượng tổ hoà giải ở địa phương.

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã, phường, thị trấn phối hợp với các tổ chức thành viên của Mặt trận lựa chọn, giới thiệu người để nhân dân bầu tổ viên tổ hoà giải. Công dân từ 18 tuổi trở lên, có năng lực hành vi dân sự và có đủ các tiêu chuẩn quy định tại Điều 9 của *Pháp lệnh về tổ chức và hoạt động hoà giải ở cơ sở* đều có quyền đề cử, ứng cử vào danh sách bầu tổ viên tổ hoà giải.

- Việc bầu tổ viên tổ hoà giải được tổ chức ở thôn, xóm, bản, ấp, tổ dân phố và cụm dân cư nơi tổ hoà giải hoạt động và được tiến hành theo một trong các hình thức sau:

+ Hợp nhân dân bàn, biểu quyết công khai hoặc bỏ phiếu kín;

+ Hợp chủ hộ trong thôn, xóm, bản, ấp, tổ dân phố, biểu quyết công khai hoặc bỏ phiếu kín.

Những người tham dự hợp nhân dân hoặc đại diện cho chủ hộ trong cuộc họp chủ hộ phải là người từ 18 tuổi trở lên và có năng lực hành vi dân sự. Các cuộc họp nói trên được tiến hành khi có ít nhất 2/3 số người trong diện họp tham dự.

+ Trong trường hợp không tổ chức họp được thì phát phiếu lấy ý kiến chủ hộ gia đình.

Người được bầu là tổ viên tổ hoà giải phải được quá nửa số người tham gia bầu tán thành.

- Tổ trưởng tổ hoà giải do các tổ viên tổ hoà giải bầu trong số tổ viên của tổ.

- Trưởng thôn, xóm, bản, ấp, tổ dân phố tổ chức và chủ trì các cuộc họp nhân dân, họp chủ hộ

để bầu tổ viên tổ hoà giải hoặc tổ chức việc phát phiếu lấy ý kiến chủ hộ.

Biên bản bầu tổ viên tổ hoà giải trong các cuộc họp nhân dân, họp chủ hộ, biên bản kết quả phiếu lấy ý kiến chủ hộ và biên bản bầu tổ trưởng tổ hoà giải được gửi đến chủ tịch uỷ ban nhân dân xã, phường, thị trấn xem xét để công nhận thành phần tổ hoà giải.

- Việc miễn nhiệm tổ viên tổ hoà giải được thực hiện trong những trường hợp sau:

- + Có hành vi vi phạm pháp luật;
- + Có hành vi trái đạo đức xã hội;
- + Thiếu nhiệt tình trong hoạt động hoà giải;
- + Theo nguyện vọng cá nhân xin rút khỏi tổ hoà giải.

- Căn cứ biên bản họp nhân dân, họp chủ hộ hoặc kết quả phiếu lấy ý kiến chủ hộ về việc miễn nhiệm tổ viên tổ hoà giải do trưởng thôn, xóm, bản, ấp, tổ dân phố chủ trì, ban tư pháp đề nghị bằng văn bản để chủ tịch uỷ ban nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định việc miễn nhiệm.

- Tổ trưởng tổ hoà giải là người phụ trách tổ hoà giải, đồng thời tham gia hoạt động hoà giải với tư cách là tổ viên Tổ hoà giải.

- Tổ trưởng tổ hoà giải có các quyền hạn, nhiệm vụ sau đây:

- + Phân công, điều hoà, phối hợp hoạt động của tổ viên tổ hoà giải; phối hợp với các tổ hoà giải

trong việc nâng cao nghiệp vụ và trong hoạt động hoà giải tranh chấp liên quan đến địa bàn hoạt động của các tổ hoà giải đó;

+ Tổ chức các cuộc họp định kỳ và đột xuất để rút kinh nghiệm về công tác hoà giải và đề xuất với uỷ ban nhân dân xã, phường, thị trấn về các biện pháp nâng cao hiệu quả của công tác hoà giải; cung cấp tài liệu và các thông tin nâng cao nghiệp vụ hoà giải;

+ Báo cáo định kỳ và đột xuất về công tác hoà giải cho uỷ ban nhân dân xã, phường, thị trấn và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cùng cấp;

+ Đại diện cho tổ hoà giải trong quan hệ với trưởng thôn, xóm, bản, ấp, tổ trưởng tổ dân phố, cụm dân cư và với các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội ở cơ sở.

Tổ viên tổ hoà giải có các quyền hạn, nhiệm vụ sau đây:

- Hoà giải các vụ việc theo quy định tại khoản 1 Điều 4 của nghị định này;

- Thông qua hoạt động hoà giải, tuyên truyền, vận động nhân dân nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật;

- Đối với những tranh chấp không thuộc phạm vi hoà giải có thể ảnh hưởng đến trật tự, an ninh ở địa phương, thì tổ viên tổ hoà giải phải báo cáo uỷ ban nhân dân xã, phường, thị trấn để xem xét và có biện pháp giải quyết.

II- THỰC HIỆN DÂN CHỦ Ở XÃ

1. Các quy định chung

Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn ngày 20-4-2007 quy định:

1- Những nội dung nhân dân bàn, biểu quyết

- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố.

- Bầu, bãi nhiệm thành viên ban thanh tra nhân dân, ban giám sát đầu tư của cộng đồng.

2- Hình thức nhân dân bàn, biểu quyết

- Nhân dân bàn và biểu quyết những nội dung quy định tại Điều 13 của pháp lệnh này bằng một trong các hình thức sau đây:

+ Tổ chức cuộc họp cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình theo địa bàn từng thôn, tổ dân phố;

+ Phát phiếu lấy ý kiến tới cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình.

- Trường hợp tổ chức họp cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình thì việc biểu quyết được thực hiện bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín; hình thức biểu quyết do hội nghị quyết định; nếu số người tán thành chưa đạt quá 50% tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố thì tổ chức lại cuộc họp.

- Trường hợp không tổ chức lại được cuộc họp thì phát phiếu lấy ý kiến tới cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình, trừ việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố.

3- Giá trị thi hành đối với những việc nhân dân bàn, biểu quyết

Đối với nội dung quy định tại khoản 2 Điều 13 của pháp lệnh này, nếu có trên 50% tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố tán thành thì có giá trị thi hành sau khi uỷ ban nhân dân cấp xã ra quyết định công nhận.

Đối với nội dung quy định tại khoản 3 Điều 13 của pháp lệnh này, nếu có trên 50% tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình tán thành thì có giá trị thi hành sau khi được Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã công nhận.

4- Việc công nhận những nội dung nhân dân bàn, biểu quyết

- Việc công nhận hương ước, quy ước của thôn, tổ dân phố được thực hiện như sau:

+ Trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố có trách nhiệm báo cáo ngay với uỷ ban nhân dân cấp xã kết quả việc nhân dân bàn, biểu quyết;

+ Trong thời hạn ba ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo của trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố, uỷ ban nhân dân cấp xã phải lập hồ sơ trình uỷ ban nhân dân cấp huyện;

+ Trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị của uỷ ban nhân dân cấp xã, uỷ ban nhân dân cấp huyện phải xem xét, ra quyết định công nhận; trường hợp không công nhận thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Việc công nhận kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố được thực hiện như sau:

+ Người chủ trì cuộc họp thôn, tổ dân phố có trách nhiệm lập biên bản, báo cáo ngay với uỷ ban nhân dân cấp xã kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố;

+ Trong thời hạn năm ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo, uỷ ban nhân dân cấp xã phải xem xét, ra quyết định công nhận; trường hợp không công nhận thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Việc công nhận kết quả bầu, bãi nhiệm thành viên ban thanh tra nhân dân, ban giám sát đầu tư của cộng đồng được thực hiện như sau:

+ Người chủ trì cuộc họp có trách nhiệm báo cáo ngay với Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã kết quả bầu, bãi nhiệm thành viên ban thanh tra nhân dân, ban giám sát đầu tư của cộng đồng;

+ Trong thời hạn năm ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo, Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã phải xem xét, công nhận; trường hợp không công nhận thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

5- Trách nhiệm của trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố

- Chủ trì, phối hợp với ban công tác mặt trận ở thôn, tổ dân phố tổ chức cuộc họp cử tri hoặc cử tri

đại diện hộ gia đình, phát phiếu lấy ý kiến cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình để nhân dân thực hiện những nội dung quy định tại Điều 10, khoản 1 và khoản 3 Điều 13 của pháp lệnh này.

- Lập biên bản về kết quả đã được nhân dân thôn, tổ dân phố bàn và quyết định trực tiếp những công việc của thôn, tổ dân phố.

- Lập biên bản về kết quả đã được nhân dân thôn, tổ dân phố bàn và quyết định trực tiếp những công việc thuộc phạm vi cấp xã; báo cáo kết quả cho chủ tịch uỷ ban nhân dân cấp xã.

- Tổ chức thực hiện những công việc trong phạm vi thôn, tổ dân phố đã được nhân dân quyết định.

2. Hình thức để nhân dân bàn và quyết định trực tiếp hoặc biểu quyết để cấp có thẩm quyền quyết định

Nghị quyết liên tịch số 09/2008/NQLT-CP-UBTUMTTQVN ngày 17-4-2008 của Chính phủ và Uỷ ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quy định:

1- Thẩm quyền lựa chọn hình thức để nhân dân bàn và quyết định trực tiếp hoặc biểu quyết để cấp có thẩm quyền quyết định

- Đối với các công việc trong phạm vi thôn, tổ dân phố:

Trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố sau khi thống nhất với trưởng ban công tác mặt trận thôn,

tổ dân phố quyết định lựa chọn một trong các hình thức tổ chức họp cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình theo địa bàn từng thôn, tổ dân phố hoặc tổ chức phát phiếu lấy ý kiến tới cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình quy định tại Điều 11 và Điều 14 của *Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn* để đưa ra nhân dân ở thôn, tổ dân phố bàn và quyết định trực tiếp hoặc biểu quyết để cấp có thẩm quyền quyết định các công việc trong phạm vi thôn, tổ dân phố, trừ việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố.

- Đối với các công việc trong phạm vi xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã):

Chủ tịch uỷ ban nhân dân cấp xã sau khi thống nhất với chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp quyết định lựa chọn một trong các hình thức tổ chức họp thôn, tổ dân phố hoặc tổ chức phát phiếu lấy ý kiến tới cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình quy định tại Điều 11 và Điều 14 của *Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn* để đưa ra nhân dân toàn cấp xã bàn và quyết định trực tiếp hoặc biểu quyết để cấp có thẩm quyền quyết định các công việc trong phạm vi toàn cấp xã.

2- Tổ chức họp thôn, tổ dân phố để nhân dân bàn và quyết định trực tiếp hoặc biểu quyết để cấp có thẩm quyền quyết định

- Đối với các công việc trong phạm vi thôn, tổ dân phố:

+ Trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố phối hợp với trưởng ban công tác mặt trận thôn, tổ dân phố tổ chức họp thôn, tổ dân phố, trừ cuộc họp để bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố;

Cuộc họp của thôn, tổ dân phố được tiến hành khi có trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố tham dự;

Trường hợp thôn, tổ dân phố có trên 200 hộ gia đình, có địa bàn dân cư sống không tập trung thì có thể tổ chức các cuộc họp theo từng cụm dân cư. Mỗi cụm dân cư có từ 70 đến 150 hộ gia đình. Cuộc họp của mỗi cụm dân cư được tiến hành khi có trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong cụm dân cư tham dự. Trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố tổng hợp kết quả cuộc họp ở từng cụm dân cư vào kết quả chung của toàn thôn, tổ dân phố;

Trình tự tổ chức cuộc họp được thực hiện như sau:

+ Trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố tuyên bố lý do, nêu mục đích, yêu cầu, nội dung cuộc họp; giới thiệu người đề cuộc họp biểu quyết cử làm thư ký;

+ Trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố trình bày những nội dung cần đưa ra để cuộc họp xem xét;

+ Những người tham gia cuộc họp thảo luận;

+ Trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố tổng hợp chung các ý kiến của những người tham gia cuộc

hợp; đề xuất phương án biểu quyết. Việc biểu quyết được thực hiện bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín do cuộc họp quyết định;

+ Nếu có trên 50% tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố tán thành thì kết quả cuộc họp có giá trị thi hành. Trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố lập biên bản và thông báo đến các hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố về kết quả cuộc họp;

+ Trường hợp không được trên 50% tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố tán thành thì trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố tổ chức lại cuộc họp. Việc tổ chức lại cuộc họp thực hiện theo khoản 1 Điều 3 của hướng dẫn này.

- Đối với các công việc trong phạm vi toàn cấp xã:

+ Chủ tịch uỷ ban nhân dân cấp xã sau khi thống nhất với chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp chỉ đạo trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố và trưởng ban công tác mặt trận thôn, tổ dân phố tổ chức họp thôn, tổ dân phố;

+ Trình tự tổ chức cuộc họp tại các thôn, tổ dân phố thực hiện như quy định tại khoản 1 điều này;

+ Trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố sau khi tổng hợp kết quả cuộc họp ở thôn, tổ dân phố, gửi kết quả đến chủ tịch uỷ ban nhân dân cấp xã để tổng hợp kết quả chung toàn cấp xã;

+ Trên cơ sở tổng hợp kết quả các cuộc họp từ các thôn, tổ dân phố, nếu có trên 50% tổng số cử

tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong toàn cấp xã tán thành thì kết quả cuộc họp ở toàn cấp xã có giá trị thi hành. Chủ tịch uỷ ban nhân dân cấp xã lập biên bản xác nhận kết quả họp của toàn cấp xã và thông báo bằng văn bản đến các trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố để thông báo đến các hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố;

+ Trường hợp không được trên 50% tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong toàn cấp xã tán thành thì chủ tịch uỷ ban nhân dân cấp xã tổ chức lại cuộc họp. Việc tổ chức lại cuộc họp thực hiện theo khoản 2 Điều 3 của hướng dẫn này.

3- Tổ chức lại cuộc họp thôn, tổ dân phố để bàn và quyết định trực tiếp hoặc biểu quyết để cấp có thẩm quyền quyết định

- Đối với các công việc trong phạm vi thôn, tổ dân phố:

+ Trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố phối hợp với trưởng ban công tác mặt trận thôn, tổ dân phố tổ chức lại cuộc họp để tiếp tục bàn và quyết định trực tiếp hoặc biểu quyết để cấp có thẩm quyền quyết định nội dung công việc mà cuộc họp trước đó chưa tán thành. Thời gian tổ chức lại cuộc họp chậm nhất là 15 ngày, kể từ ngày tổ chức cuộc họp trước đó;

+ Trình tự tổ chức lại cuộc họp thực hiện như trình tự tổ chức họp thôn, tổ dân phố quy định tại khoản 1 Điều 2 của hướng dẫn này;

+ Trường hợp không tổ chức lại được cuộc họp

hoặc tổ chức lại mà kết quả vẫn chưa được trên 50% tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình tán thành thì trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố phối hợp với trưởng ban công tác mặt trận thôn, tổ dân phố tổ chức phát phiếu lấy ý kiến tới cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình không dự họp để tổng hợp chung vào kết quả của cuộc họp liên trước đó. Việc kết hợp tổ chức họp thôn, tổ dân phố với tổ chức phát phiếu lấy ý kiến những cử tri không tham dự cuộc họp thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 5 của hướng dẫn này.

- Đối với các công việc trong phạm vi toàn cấp xã

+ Sau khi tổng hợp kết quả cuộc họp ở tất cả thôn, tổ dân phố trong toàn cấp xã mà chưa được trên 50% tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong toàn cấp xã tán thành thì chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã yêu cầu tổ chức lại cuộc họp ở những thôn, tổ dân phố chưa được trên 50% tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố tán thành;

+ Trường hợp không tổ chức lại được cuộc họp hoặc tổ chức lại mà kết quả tổng hợp vẫn chưa được trên 50% tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong toàn cấp xã tán thành thì tiến hành phát phiếu lấy ý kiến những cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình không tham dự họp để tổng hợp chung vào kết quả cuộc họp ở các thôn, tổ dân phố. Việc kết hợp tổ chức họp thôn, tổ dân phố

với tổ chức phát phiếu lấy ý kiến những cử tri không tham dự cuộc họp thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 5 của hướng dẫn này.

4- Tổ chức phát phiếu lấy ý kiến tới cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình để nhân dân bàn và quyết định trực tiếp hoặc biểu quyết để cấp có thẩm quyền quyết định

- Đối với các công việc trong phạm vi thôn, tổ dân phố:

+ Trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố phối hợp với trưởng ban công tác mặt trận thôn, tổ dân phố tổ chức phát phiếu lấy ý kiến tới cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình để bàn các công việc trong phạm vi thôn, tổ dân phố, trừ việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố;

+ Trình tự tổ chức phát phiếu lấy ý kiến của cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình được thực hiện như sau:

Trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố phối hợp với trưởng ban công tác mặt trận thôn, tổ dân phố xây dựng kế hoạch tổ chức phát phiếu lấy ý kiến; thành lập tổ phát phiếu lấy ý kiến có từ 3 đến 5 người;

Tổ phát phiếu lấy ý kiến trực tiếp đến từng hộ gia đình để phát phiếu cho cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình; tiến hành lấy phiếu của các cử tri đã góp ý và tổng hợp kết quả lấy ý kiến.

+ Nếu có trên 50% tổng số cử tri hoặc cử tri

đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố tán thành thì kết quả lấy ý kiến có giá trị thi hành. Trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố lập biên bản xác nhận và thông báo đến các hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố về kết quả lấy ý kiến.

- Đối với các công việc trong phạm vi toàn cấp xã

+ Chủ tịch uỷ ban nhân dân cấp xã phối hợp với chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp chỉ đạo các trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố phối hợp với trưởng ban công tác mặt trận thôn, tổ dân phố tổ chức phát phiếu lấy ý kiến cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trên địa bàn từng thôn, tổ dân phố;

+ Trình tự tổ chức phát phiếu lấy ý kiến của cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình thực hiện như quy định tại điểm b khoản 1 Điều này;

+ Trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố sau khi tổng hợp kết quả phiếu lấy ý kiến ở thôn, tổ dân phố, gửi kết quả cho chủ tịch uỷ ban nhân dân cấp xã để tổng hợp kết quả chung toàn cấp xã;

+ Nếu có trên 50% tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong toàn cấp xã tán thành thì kết quả lấy ý kiến có giá trị thi hành. Chủ tịch uỷ ban nhân dân cấp xã lập biên bản xác nhận kết quả và thông báo bằng văn bản đến trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố để thông báo đến các hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố.

5- Kết hợp tổ chức họp thôn, tổ dân phố với tổ chức phát phiếu lấy ý kiến những cử tri không tham dự cuộc họp

- Việc kết hợp tổ chức họp thôn, tổ dân phố với tổ chức phát phiếu lấy ý kiến những cử tri không tham dự cuộc họp chỉ áp dụng khi không tổ chức lại được cuộc họp hoặc sau khi đã tiến hành tổ chức lại cuộc họp mà kết quả vẫn chưa được trên 50% tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình tán thành đối với các nội dung quy định tại Điều 10, khoản 1 và khoản 3 Điều 13 của *Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn*.

- Trình tự kết hợp tổ chức họp thôn, tổ dân phố với tổ chức phát phiếu lấy ý kiến những cử tri không tham dự cuộc họp được thực hiện như sau:

+ Đối với các công việc trong phạm vi thôn, tổ dân phố

Trường hợp không tổ chức lại được cuộc họp hoặc sau khi đã tiến hành tổ chức lại cuộc họp thôn, tổ dân phố mà kết quả vẫn chưa được trên 50% tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố tán thành thì trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố phối hợp với trưởng ban công tác mặt trận thôn, tổ dân phố tổ chức phát phiếu lấy ý kiến của những cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình không tham dự cuộc họp để tổng hợp chung vào kết quả của cuộc họp liền trước đó.

Trên cơ sở tổng hợp kết quả cuộc họp và kết

quả lấy ý kiến những cử tri không dự họp, nếu có trên 50% tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố tán thành thì có giá trị thi hành. Trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố lập biên bản xác nhận kết quả kết hợp giữa cuộc họp với phát phiếu lấy ý kiến những cử tri không dự họp và thông báo đến các hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố.

+ Đối với các công việc trong phạm vi toàn cấp xã

Trường hợp không tổ chức lại được cuộc họp hoặc sau khi đã tiến hành tổ chức lại cuộc họp tại các thôn, tổ dân phố chưa được trên 50% tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình tán thành theo quy định tại khoản 2 Điều 3 của hướng dẫn này mà kết quả tổng hợp vẫn chưa được trên 50% tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong toàn cấp xã tán thành thì chủ tịch uỷ ban nhân dân cấp xã chỉ đạo các trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố phối hợp với trưởng ban công tác mặt trận thôn, tổ dân phố tổ chức phát phiếu lấy ý kiến những cử tri không tham dự cuộc họp. Việc tổ chức lấy ý kiến những cử tri không tham dự cuộc họp được tiến hành ở tất cả thôn, tổ dân phố trên địa bàn;

Chủ tịch uỷ ban nhân dân cấp xã tổng hợp chung kết quả cuộc họp liên trước đó với kết quả lấy ý kiến những cử tri không tham dự họp ở tất cả các thôn, tổ dân phố, nếu có trên 50% tổng số

cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong toàn cấp xã tán thành thì có giá trị thi hành;

Chủ tịch uỷ ban nhân dân cấp xã lập biên bản xác nhận kết quả và thông báo đến các trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố để thông báo đến các hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố.

3. Quy trình bầu trưởng thôn, tổ trưởng dân phố

Nghị quyết số 09/2008/NQLT-CP-UBTUMTTQVN quy định:

1- Công tác chuẩn bị hội nghị bầu trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố

- Chậm nhất 20 ngày trước ngày bầu cử, uỷ ban nhân dân cấp xã ra quyết định công bố ngày bầu cử trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố; chủ trì, phối hợp với ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp xây dựng kế hoạch, hướng dẫn nghiệp vụ và tổ chức triển khai kế hoạch bầu cử.

- Chậm nhất 15 ngày trước ngày bầu cử, trưởng ban công tác mặt trận thôn, tổ dân phố tổ chức hội nghị ban công tác dự kiến danh sách người ứng cử trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố; báo cáo với chi uỷ chi bộ thôn, tổ dân phố để thống nhất danh sách người ra ứng cử (từ 1- 2 người).

- Chậm nhất 10 ngày trước ngày bầu cử, chủ tịch uỷ ban nhân dân cấp xã ra quyết định thành lập tổ bầu cử (gồm tổ trưởng là trưởng ban công

tác mặt trận thôn, tổ dân phố; thư ký và các thành viên khác là đại diện một số tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội và đại diện cử tri thôn, tổ dân phố); quyết định về nhiệm vụ, quyền hạn của tổ bầu cử; quyết định thành phần cử tri (là toàn thể cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình) tham gia bầu cử trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố. Các quyết định này phải được thông báo đến nhân dân ở thôn, tổ dân phố chậm nhất 7 ngày trước ngày bầu cử.

2- Tổ chức bầu cử trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố

Tuỳ theo điều kiện của từng địa phương mà việc bầu trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố có thể tổ chức kết hợp tại hội nghị thôn, tổ dân phố hoặc tổ chức thành cuộc bầu cử riêng.

Trường hợp tổ chức thành cuộc bầu cử riêng, uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hướng dẫn quy trình, thủ tục của cuộc bầu cử trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố ở địa phương mình phù hợp với quy định của pháp luật.

3- Bầu cử trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố tại hội nghị thôn, tổ dân phố

- Tổ trưởng tổ bầu cử chủ trì hội nghị bầu cử trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố.

Hội nghị bầu trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố được tiến hành khi có trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố tham dự.

- Việc bầu cử trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố thực hiện theo trình tự sau đây:

+ Tổ trưởng tổ bầu cử đọc quyết định công bố ngày tổ chức bầu cử; quyết định thành lập tổ bầu cử, nhiệm vụ, quyền hạn của tổ bầu cử; quyết định thành phần cử tri tham gia bầu cử;

+ Tổ trưởng tổ bầu cử quyết định việc đề trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố đương nhiệm báo cáo kết quả công tác nhiệm kỳ vừa qua trước hội nghị cử tri; hội nghị cử tri thảo luận về công tác nhiệm kỳ vừa qua của trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố;

+ Tổ trưởng tổ bầu cử nêu tiêu chuẩn của trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố;

+ Đại diện ban công tác mặt trận thôn, tổ dân phố giới thiệu danh sách những người ra ứng cử trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố do Ban công tác mặt trận thôn, tổ dân phố đề cử và chi uỷ chi bộ thôn, tổ dân phố thống nhất theo quy trình quy định tại khoản 2 Điều 6 của hướng dẫn này. Tại hội nghị này, cử tri có thể tự ứng cử hoặc giới thiệu người ứng cử;

+ Hội nghị thảo luận, cho ý kiến về những người ứng cử. Trên cơ sở các ý kiến của cử tri, tổ bầu cử ấn định danh sách những người ứng cử để hội nghị biểu quyết. Việc biểu quyết số lượng và danh sách những người ứng cử được thực hiện bằng hình thức giơ tay và có giá trị khi có trên 50% số cử tri tham dự hội nghị tán thành;

+ Tiến hành bầu trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố:

Việc bầu cử có thể bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín do hội nghị quyết định;

Nếu bầu bằng hình thức giơ tay, tổ bầu cử trực tiếp đếm số biểu quyết. Nếu bầu bằng hình thức bỏ phiếu kín, tổ bầu cử làm nhiệm vụ kiểm phiếu;

Tổ bầu cử tiến hành kiểm phiếu tại nơi bỏ phiếu ngay sau khi kết thúc cuộc bỏ phiếu; mời đại diện cử tri không phải là người ứng cử có mặt tại đó chứng kiến việc kiểm phiếu.

Kiểm phiếu xong, tổ bầu cử lập biên bản kiểm phiếu. Biên bản kiểm phiếu phải ghi rõ: Tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình của thôn, tổ dân phố; số cử tri tham gia hội nghị; số phiếu phát ra; số phiếu thu vào; số phiếu hợp lệ; số phiếu không hợp lệ; số phiếu và tỷ lệ bầu cho mỗi người ứng cử so với tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình toàn thôn, tổ dân phố.

Người trúng cử trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố là người đạt trên 50% số phiếu bầu hợp lệ so với tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong toàn thôn, tổ dân phố.

Biên bản kiểm phiếu lập thành 3 bản, có chữ ký của các thành viên tổ bầu cử.

+ Tổ trưởng tổ bầu cử lập báo cáo kết quả bầu trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố, kèm theo biên

bản kiểm phiếu gửi ngay đến uỷ ban nhân dân, Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã.

- Trường hợp kết quả bầu không có người nào đạt trên 50% số phiếu bầu hợp lệ so với tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong toàn thôn, tổ dân phố thì tiến hành bầu cử lại. Ngày bầu cử lại do uỷ ban nhân dân cấp xã quyết định, nhưng chậm nhất không quá 15 ngày, kể từ ngày tổ chức bầu cử lần đầu.

Nếu tổ chức bầu lần thứ hai mà vẫn không bầu được trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố thì chủ tịch uỷ ban nhân dân cấp xã quyết định cử trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố lâm thời để điều hành hoạt động của thôn, tổ dân phố cho đến khi bầu được trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố mới.

Trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày chủ tịch uỷ ban nhân dân cấp xã quyết định cử trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố lâm thời, uỷ ban nhân dân cấp xã phải tổ chức bầu trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố mới. Quy trình bầu trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố mới thực hiện theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và khoản 1, khoản 2 Điều 8 của hướng dẫn này.

4- Việc công nhận kết quả bầu cử

Trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo của tổ trưởng tổ bầu cử, uỷ ban nhân dân cấp xã xem xét, ra quyết định công nhận người trúng cử trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố hoặc quyết định bầu cử lại; trường hợp

không ra quyết định công nhận hoặc quyết định bầu cử lại thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố chính thức hoạt động khi có quyết định công nhận của uỷ ban nhân dân cấp xã.

4. Quy trình miễn nhiệm, bãi nhiệm trưởng thôn, tổ trưởng dân phố

Nghị quyết số 09/2008/NQLT-CP-UBTUMT TQVN quy định:

1- Quy trình miễn nhiệm trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố

- Trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố có thể được miễn nhiệm do sức khỏe, do hoàn cảnh gia đình hoặc vì lý do khác.

- Thủ tục, trình tự tổ chức việc miễn nhiệm:

+ Người xin miễn nhiệm phải có đơn, trong đó nêu rõ lý do của việc xin miễn chức danh trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố gửi chủ tịch uỷ ban nhân dân cấp xã. Trường hợp trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố được điều động làm công tác khác thì không cần có đơn xin miễn nhiệm;

+ Việc miễn nhiệm trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố được thực hiện tại hội nghị cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình ở thôn, tổ dân phố. Trường ban công tác mặt trận thôn, tổ dân phố chủ trì hội nghị miễn nhiệm trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố;

Hội nghị miễn nhiệm trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố được tiến hành khi có trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố tham dự;

+ Trình tự hội nghị miễn nhiệm trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố:

Trưởng ban công tác mặt trận thôn, tổ dân phố chủ trì hội nghị, nêu lý do, yêu cầu của hội nghị;

Trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố trình bày lý do của việc xin miễn nhiệm;

Hội nghị thảo luận, đánh giá quá trình hoạt động của trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố;

Hội nghị tiến hành biểu quyết. Việc biểu quyết được thực hiện bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín do hội nghị quyết định. Hội nghị cử tổ kiểm phiếu từ 3 đến 5 người để làm nhiệm vụ;

Trường hợp có trên 50% so với tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong toàn thôn, tổ dân phố tán thành việc miễn nhiệm trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố thì trưởng ban công tác mặt trận thôn, tổ dân phố báo cáo ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, miễn nhiệm.

+ Trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo của trưởng ban công tác mặt trận thôn, tổ dân phố, ủy ban nhân dân cấp xã phải xem xét, ra quyết định công nhận kết quả miễn nhiệm chức danh trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố, chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã quyết định

cử trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố lâm thời để điều hành hoạt động của thôn, tổ dân phố cho đến khi bầu được trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố mới; trường hợp uỷ ban nhân dân cấp xã không ra quyết định công nhận kết quả miễn nhiệm thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

Việc bầu trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố mới phải được tiến hành trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày uỷ ban nhân dân cấp xã ra quyết định công nhận kết quả miễn nhiệm trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố. Quy trình bầu trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố mới thực hiện theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 8 của hướng dẫn này.

2- Quy trình bãi nhiệm trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố

- Trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố khi không còn được nhân dân tín nhiệm, không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm quyền làm chủ của nhân dân, tham nhũng, lãng phí, không phục tùng sự chỉ đạo điều hành của uỷ ban nhân dân cấp xã, vi phạm pháp luật và các quy định của cấp trên thì có thể bị cử tri bãi nhiệm theo đề nghị của chủ tịch uỷ ban nhân dân cấp xã hoặc của chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp hoặc có ít nhất một phần ba tổng số cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố kiến nghị.

Trên cơ sở đề nghị của chủ tịch uỷ ban nhân dân cấp xã hoặc của chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp hoặc của ít nhất một

phần ba tổng số cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố kiến nghị thì uỷ ban nhân dân cấp xã ra quyết định tổ chức hội nghị cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố để xem xét bãi nhiệm trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố.

Trưởng ban công tác mặt trận thôn, tổ dân phố chủ trì hội nghị bãi nhiệm trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố. Hội nghị bãi nhiệm trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố được tiến hành khi có trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố tham dự. Ngoài số cử tri thuộc thành phần dự hội nghị, trưởng ban công tác mặt trận thôn, tổ dân phố mời đại diện uỷ ban nhân dân cấp xã và Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp tham dự. Khách mời được phát biểu ý kiến, nhưng không được biểu quyết.

- Trình tự hội nghị bãi nhiệm trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố:

+ Trưởng ban công tác mặt trận thôn, tổ dân phố tuyên bố lý do, mục đích, yêu cầu của hội nghị;

+ Trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố trình bày bản tự kiểm điểm của mình, trong đó nêu rõ khuyết điểm, nguyên nhân khách quan và chủ quan, các biện pháp khắc phục. Trường hợp trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố không tham dự hội nghị hoặc có tham dự nhưng không trình bày bản tự kiểm điểm thì người đưa ra đề xuất việc bãi nhiệm

trình bày những khuyết điểm của trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố;

+ Hội nghị thảo luận, đóng góp ý kiến;

+ Hội nghị biểu quyết việc bãi nhiệm trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố. Việc biểu quyết được thực hiện bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín do hội nghị quyết định. Hội nghị cử tổ kiểm phiếu từ 3 đến 5 người để làm nhiệm vụ;

Trường hợp có trên 50% so với tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong toàn thôn, tổ dân phố tán thành việc bãi nhiệm trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố, thì trưởng ban công tác mặt trận thôn, tổ dân phố lập biên bản, báo cáo uỷ ban nhân dân cấp xã xem xét, bãi nhiệm.

+ Trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả bãi nhiệm trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố của trưởng ban công tác mặt trận thôn, tổ dân phố, uỷ ban nhân dân cấp xã phải xem xét ra quyết định công nhận kết quả bãi nhiệm trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố, chủ tịch uỷ ban nhân dân cấp xã ra quyết định cử trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố lâm thời để điều hành hoạt động của thôn, tổ dân phố cho đến khi bầu được trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố mới; trường hợp uỷ ban nhân dân cấp xã không ra quyết định công nhận kết quả bãi nhiệm thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Việc bầu trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố

mới phải được tiến hành trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày uỷ ban nhân dân cấp xã ra quyết định công nhận kết quả bầu nhiệm trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố. Quy trình bầu trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố mới thực hiện theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 8 của hướng dẫn này.

Kinh phí tổ chức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố do ngân sách cấp xã đảm bảo.

5. Lấy ý kiến nhân dân trước khi cơ quan có thẩm quyền cấp trên quyết định những việc liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích của nhân dân

Nghị quyết số 09/2008/NQLT-CP-UBTUMTTQVN quy định:

Cơ quan có thẩm quyền cấp trên quy định tại Điều 22 của *Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn*, bao gồm:

- Cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp (trừ các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị cấp xã).

- Doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức, đơn vị khác và cá nhân là chủ đầu tư, ban quản lý dự án các công trình, dự án đầu tư trên địa bàn.

1- Trách nhiệm của các cơ quan trong việc tổ chức lấy ý kiến nhân dân

- Cơ quan có thẩm quyền cấp trên quy định tại

Điều 13 của nghị quyết này có trách nhiệm lập phương án, kế hoạch để tổ chức lấy ý kiến nhân dân về những nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của mình, trong đó nêu rõ mục đích, yêu cầu của việc tổ chức lấy ý kiến, những nội dung cần lấy ý kiến, cách thức triển khai, thời gian lấy ý kiến và trách nhiệm tổ chức, phối hợp thực hiện; cử đại diện tham gia quá trình tổ chức lấy ý kiến nhân dân.

- Phương án, kế hoạch, kèm theo các hồ sơ, tài liệu liên quan và nguồn kinh phí phục vụ cho việc tổ chức lấy ý kiến nhân dân phải được cơ quan tổ chức lấy ý kiến gửi cho uỷ ban nhân dân cấp xã ở những địa bàn mà quyết định của cơ quan có thẩm quyền sẽ tác động trực tiếp đến quyền và lợi ích của nhân dân.

- Trên cơ sở phương án, kế hoạch của cơ quan có thẩm quyền, uỷ ban nhân dân cấp xã có thể lựa chọn một hoặc đồng thời nhiều hình thức quy định tại Điều 20 của *Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn* để tổ chức lấy ý kiến của nhân dân.

- Trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố có trách nhiệm tổ chức việc lấy ý kiến nhân dân theo sự chỉ đạo của uỷ ban nhân dân cấp xã.

2- Tổ chức họp thôn, tổ dân phố để lấy ý kiến nhân dân

- Trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố phối hợp với trưởng ban công tác mặt trận thôn, tổ dân phố

để tổ chức họp thôn, tổ dân phố lấy ý kiến về những việc liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích của nhân dân trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định.

- Trình tự tổ chức cuộc họp thôn, tổ dân phố được thực hiện như sau:

+ Trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố tuyên bố lý do, nêu mục đích, yêu cầu, nội dung cuộc họp; giới thiệu người để cuộc họp biểu quyết cử làm thư ký;

+ Trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố trình bày những nội dung cần lấy ý kiến theo hướng dẫn của uỷ ban nhân dân cấp xã, của cơ quan có thẩm quyền;

+ Những người tham gia cuộc họp phát biểu ý kiến, kiến nghị của mình về những nội dung đưa ra lấy ý kiến. Người đại diện cho cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm giải trình về những ý kiến của người dự họp. Thư ký cuộc họp ghi đầy đủ các ý kiến, kiến nghị của những người dự họp và ý kiến giải trình của người đại diện cơ quan có thẩm quyền;

Tuỳ theo từng nội dung cụ thể và theo sự hướng dẫn của uỷ ban nhân dân cấp xã mà cuộc họp có thể tiến hành việc biểu quyết đồng ý hay không đồng ý về những nội dung đưa ra lấy ý kiến nhân dân.

+ Trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố có trách nhiệm tổng hợp tất cả các ý kiến, kiến nghị, kết

quả biểu quyết (nếu có) của những người tham gia cuộc họp, báo cáo chủ tịch uỷ ban nhân dân cấp xã.

3- Tổ chức phát phiếu lấy ý kiến nhân dân

- Trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố phối hợp với trưởng ban công tác mặt trận thôn, tổ dân phố tổ chức việc phát phiếu lấy ý kiến của cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình để cho ý kiến về những việc liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích của nhân dân trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định.

- Trình tự tổ chức phát phiếu lấy ý kiến của cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình được thực hiện như sau:

+ Trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố phối hợp với trưởng ban công tác mặt trận thôn, tổ dân phố xây dựng kế hoạch tổ chức phát phiếu lấy ý kiến, chuẩn bị mẫu phiếu lấy ý kiến theo hướng dẫn của uỷ ban nhân dân cấp xã hoặc của cơ quan có thẩm quyền; thành lập tổ phát phiếu lấy ý kiến có từ 3 đến 5 người;

+ Tổ phát phiếu lấy ý kiến trực tiếp đến từng hộ gia đình để phát phiếu cho cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình; tiến hành lấy phiếu của các cử tri đã góp ý và tổng hợp kết quả góp ý;

+ Trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố có trách nhiệm tổng hợp tất cả các ý kiến, kiến nghị của những người tham gia vào phiếu lấy ý kiến, báo cáo chủ tịch uỷ ban nhân dân cấp xã.

4- Tổ chức lấy ý kiến nhân dân thông qua hòm thư góp ý

- Chủ tịch uỷ ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch và tổ chức lấy ý kiến nhân dân thông qua hòm thư góp ý; gửi các hồ sơ, tài liệu có liên quan cho trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố để phổ biến các nội dung lấy ý kiến đến nhân dân; hướng dẫn địa điểm các hòm thư để người dân đóng góp ý kiến.

- Thời gian để tổ chức lấy ý kiến nhân dân thông qua hòm thư góp ý ít nhất là 15 ngày liên tục, tính từ ngày niêm yết các nội dung cần lấy ý kiến tại trụ sở hội đồng nhân dân và uỷ ban nhân dân cấp xã đến ngày kết thúc việc lấy ý kiến.

- Trong thời gian tổ chức lấy ý kiến nhân dân thông qua hòm thư góp ý, chủ tịch uỷ ban nhân dân cấp xã phải niêm yết các nội dung cần lấy ý kiến, các hồ sơ, tài liệu liên quan tại trụ sở hội đồng nhân dân và uỷ ban nhân dân cấp xã, tuyên truyền, phổ biến trên hệ thống loa truyền thanh. Thời gian niêm yết và phổ biến trên hệ thống truyền thanh thực hiện liên tục trong thời gian tổ chức lấy ý kiến nhân dân.

- Chủ tịch uỷ ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tổng hợp kết quả lấy ý kiến nhân dân thông qua hòm thư góp ý; lập biên bản xác nhận kết quả và thông báo bằng văn bản đến các trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố để thông báo đến các hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố.

5- Việc tiếp thu các ý kiến đóng góp của nhân dân

- Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo kết quả lấy ý kiến nhân dân cho cơ quan có thẩm quyền.

- Cơ quan có thẩm quyền sau khi nhận được báo cáo tổng hợp kết quả lấy ý kiến nhân dân, phải xem xét tiếp thu và báo cáo kết quả của việc tiếp thu cho ủy ban nhân dân cấp xã để thông báo đến nhân dân.

- Trường hợp cơ quan có thẩm quyền quyết định các nội dung quy định tại Điều 19 của *Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn* khác với ý kiến đa số của nhân dân đã góp ý thì phải nêu rõ lý do của việc không tiếp thu và phải chịu trách nhiệm về quyết định của mình. Văn bản giải trình phải gửi cho ủy ban nhân dân cấp xã để thông báo đến nhân dân.

6. Việc lấy phiếu tín nhiệm đối với chủ tịch, phó chủ tịch hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân cấp xã

1- Nguyên tắc chung khi tổ chức lấy phiếu tín nhiệm

- Việc tổ chức lấy phiếu tín nhiệm đối với chủ tịch, phó chủ tịch hội đồng nhân dân và chủ tịch, phó chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã phải được tiến hành thực sự dân chủ, đúng quy định của pháp luật và bảo đảm sự lãnh đạo của cấp ủy đảng.

- Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã chủ trì việc tổ chức lấy phiếu tín nhiệm đối với chủ tịch, phó chủ tịch hội đồng nhân dân và chủ tịch, phó chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã.

Thành phần tham gia lấy phiếu tín nhiệm gồm các thành viên Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã, thành viên ban thường vụ của các tổ chức chính trị - xã hội cùng cấp, trưởng ban thanh tra nhân dân, trưởng ban giám sát đầu tư của cộng đồng (nếu có), bí thư chi bộ, trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố, trưởng ban công tác mặt trận thôn, tổ dân phố.

2- Thời hạn lấy phiếu tín nhiệm

- Việc lấy phiếu tín nhiệm lần đầu đối với chủ tịch, phó chủ tịch hội đồng nhân dân và chủ tịch, phó chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã được thực hiện sau 2 năm, kể từ ngày các chức danh này được hội đồng nhân dân cùng cấp bầu; việc tổ chức lấy phiếu tín nhiệm lần thứ hai trong nhiệm kỳ đó được tiến hành sau 2 năm kế tiếp, kể từ ngày lấy phiếu tín nhiệm lần đầu.

- Trường hợp chủ tịch, phó chủ tịch hội đồng nhân dân và chủ tịch, phó chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã được bầu bổ sung trong nhiệm kỳ của hội đồng nhân dân cấp xã, nếu thời gian giữ chức vụ trong nhiệm kỳ của hội đồng nhân dân cấp xã

chưa đủ 2 năm thì không tiến hành lấy phiếu tín nhiệm trong nhiệm kỳ này.

- Trường hợp chủ tịch, phó chủ tịch hội đồng nhân dân và chủ tịch, phó chủ tịch uỷ ban nhân dân cấp xã được bầu trong 2 nhiệm kỳ liên tiếp, việc lấy phiếu tín nhiệm trong nhiệm kỳ thứ hai được thực hiện sau 2 năm, kể từ ngày được bầu trong nhiệm kỳ thứ hai.

3- Công tác chuẩn bị hội nghị lấy phiếu tín nhiệm

- Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã chịu trách nhiệm chuẩn bị hội nghị lấy phiếu tín nhiệm theo các bước sau:

+ Xây dựng kế hoạch lấy phiếu tín nhiệm đối với chủ tịch, phó chủ tịch hội đồng nhân dân và chủ tịch, phó chủ tịch uỷ ban nhân dân cùng cấp;

+ Báo cáo với thường trực đảng uỷ cấp xã về kế hoạch lấy phiếu tín nhiệm các chức danh trên (sau đây gọi là những người được đưa ra lấy phiếu tín nhiệm);

+ Thông báo cho những người được đưa ra lấy phiếu tín nhiệm biết kế hoạch, thời gian, địa điểm và yêu cầu họ chuẩn bị bản kiểm điểm để gửi cho ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã chậm nhất là 30 ngày trước ngày tổ chức hội nghị lấy phiếu tín nhiệm;

Bản kiểm điểm công tác của những người được đưa ra lấy phiếu tín nhiệm cần tập trung đánh giá

về sự chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; năng lực điều hành, quản lý, mức độ hoàn thành chức trách, nhiệm vụ được giao; về đạo đức lối sống; về sự liên hệ, phục vụ nhân dân.

Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hướng dẫn bản kiểm điểm mẫu để thực hiện thống nhất ở địa phương mình.

+ Chỉ đạo trưởng ban công tác mặt trận thôn, tổ dân phố phối hợp với trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố tổ chức hội nghị để nhân dân đóng góp ý kiến vào bản kiểm điểm của những người được đưa ra lấy phiếu tín nhiệm và tổng hợp ý kiến đóng góp của nhân dân ở thôn, tổ dân phố gửi ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã để báo cáo tổng hợp chung trình bày tại hội nghị lấy phiếu tín nhiệm;

Trưởng ban công tác mặt trận thôn, tổ dân phố mời người được đưa ra lấy phiếu tín nhiệm tham dự hội nghị lấy ý kiến đóng góp của nhân dân.

- Chậm nhất là 10 ngày trước ngày tổ chức hội nghị lấy phiếu tín nhiệm, ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã phải gửi giấy mời, kèm theo bản kiểm điểm công tác của người được đưa ra lấy phiếu tín nhiệm cho những người thuộc thành phần tham gia lấy phiếu tín nhiệm quy định tại khoản 2 Điều 19 của hướng dẫn này (sau đây gọi chung là đại biểu chính thức).

4- Tổ chức hội nghị lấy phiếu tín nhiệm

- Hội nghị lấy phiếu tín nhiệm chỉ được tiến hành khi có ít nhất hai phần ba số đại biểu chính thức tham dự.

- Ngoài các đại biểu chính thức tham gia hội nghị lấy phiếu tín nhiệm, ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã mời đại diện thường trực đảng uỷ, thường trực hội đồng nhân dân, đại diện lãnh đạo uỷ ban nhân dân cùng cấp và thường trực hội đồng nhân dân, đại diện lãnh đạo uỷ ban nhân dân, ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp trên trực tiếp (sau đây gọi chung là đại biểu khách mời). Người được đưa ra lấy phiếu tín nhiệm được mời tham dự hội nghị này.

Đại biểu khách mời được phát biểu ý kiến, nhưng không được quyền biểu quyết.

- Hội nghị lấy phiếu tín nhiệm thực hiện theo trình tự sau:

+ Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã chủ toạ hội nghị lấy phiếu tín nhiệm. Đại diện ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã tuyên bố lý do, nêu mục đích, yêu cầu, nội dung hội nghị; giới thiệu người để hội nghị bầu thư ký trong số đại biểu chính thức tham gia hội nghị; thư ký thực hiện nhiệm vụ khi có trên 50% đại biểu chính thức tham dự hội nghị biểu quyết tán thành;

+ Người được đưa ra lấy phiếu tín nhiệm trình

bày bản kiểm điểm trước hội nghị và được phát biểu giải trình những vấn đề do các đại biểu tham dự hội nghị nêu ra. Nếu người được đưa ra lấy phiếu tín nhiệm không thể tham dự hội nghị thì việc đọc bản kiểm điểm sẽ do chủ tọa hội nghị quyết định;

+ Đại diện ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã đọc bản tổng hợp ý kiến đóng góp của cử tri và nhân dân ở các thôn, tổ dân phố;

+ Hội nghị thảo luận, đóng góp ý kiến vào bản kiểm điểm của những người được lấy phiếu tín nhiệm;

+ Hội nghị tiến hành bỏ phiếu tín nhiệm.

Trước khi bỏ phiếu tín nhiệm, hội nghị bầu tổ kiểm phiếu từ 3 đến 5 người là đại biểu chính thức dự hội nghị. Tổ kiểm phiếu thực hiện nhiệm vụ khi có trên 50% số đại biểu chính thức tham dự hội nghị tán thành.

Tổ kiểm phiếu hướng dẫn thủ tục bỏ phiếu tín nhiệm, phát phiếu, kiểm phiếu, lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả kiểm phiếu.

Biên bản kiểm phiếu phải ghi rõ: tổng số đại biểu chính thức được mời; số đại biểu chính thức tham dự hội nghị; số phiếu phát ra; số phiếu thu vào; số phiếu hợp lệ; số phiếu không hợp lệ; số phiếu và tỷ lệ phiếu tín nhiệm và không tín nhiệm của từng người được đưa ra lấy phiếu tín nhiệm so với số đại biểu chính thức tham dự hội nghị.

+ Thông qua biên bản hội nghị lấy phiếu tín nhiệm

Biên bản hội nghị lấy phiếu tín nhiệm được lập thành 6 bản gửi các cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 23 của hướng dẫn này và lưu tại ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã.

5- Việc gửi và xử lý kết quả lấy phiếu tín nhiệm

- Sau khi kết thúc hội nghị lấy phiếu tín nhiệm, trong thời hạn 5 ngày làm việc, ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã gửi báo cáo kết quả lấy phiếu tín nhiệm kèm theo kiến nghị của mình đến thường trực đảng uỷ, thường trực hội đồng nhân dân cùng cấp, uỷ ban nhân dân, ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp trên trực tiếp và tổ chức đảng có thẩm quyền quản lý người được lấy phiếu tín nhiệm để xem xét, quyết định theo thẩm quyền.

- Trường hợp ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã kiến nghị hội đồng nhân dân cùng cấp bỏ phiếu tín nhiệm tại kỳ họp hội đồng nhân dân đối với những người được đưa ra lấy phiếu tín nhiệm thì thường trực hội đồng nhân dân cấp xã báo cáo xin ý kiến các cơ quan có thẩm quyền xem xét việc đưa ra bỏ phiếu tín nhiệm tại kỳ họp hội đồng nhân dân gần nhất.

- Việc bỏ phiếu tín nhiệm tại kỳ họp hội đồng nhân dân cấp xã thực hiện theo Điều 65 của *Luật*

tổ chức hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân và Điều 56 của Quy chế hoạt động của hội đồng nhân dân ban hành kèm theo Nghị quyết số 753/2005/NQ-UBTVQH11 ngày 2-4-2005 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Kinh phí tổ chức việc lấy phiếu tín nhiệm của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã do ủy ban nhân dân cấp huyện trình hội đồng nhân dân cùng cấp cân đối cho ngân sách cấp xã để ủy ban nhân dân cấp xã cấp cho Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cùng cấp tổ chức việc lấy phiếu tín nhiệm. Việc lập, sử dụng, quyết toán kinh phí tổ chức việc lấy phiếu tín nhiệm thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước.

7. Đào tạo, bồi dưỡng trưởng thôn, tổ trưởng dân phố

Quy chế bồi dưỡng trưởng thôn, tổ trưởng dân phố ban hành kèm theo Quyết định số 135/2005/QĐ-BNV ngày 15-12-2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định việc bồi dưỡng trưởng thôn nhằm trang bị những kiến thức cơ bản về Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, những pháp luật liên quan trực tiếp tới chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của trưởng thôn, những kiến thức bổ trợ cần thiết và kỹ năng hoạt động giúp trưởng thôn thực hiện tốt nhiệm vụ tại địa bàn dân cư.

** Nội dung chương trình, tài liệu bồi dưỡng trưởng thôn gồm*

- Kiến thức cơ bản về Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Chức năng, nhiệm vụ của trưởng thôn.

- Kiến thức pháp luật liên quan trực tiếp tới hoạt động thực hiện nhiệm vụ của trưởng thôn tại địa bàn dân cư theo quy định tại Quyết định số 13/2002/QĐ-BNV ngày 6-12-2002 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành *Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn và tổ dân phố* và nhiệm vụ do uỷ ban nhân dân cấp xã giao.

- Những kiến thức cần thiết khác liên quan tới nhiệm vụ phải thực hiện (Quy chế dân chủ cơ sở, dân số kế hoạch hóa gia đình, xóa đói giảm nghèo, tôn giáo, dân tộc, kiến thức khoa học về khuyến nông, khuyến lâm, bảo vệ môi trường).

- Kỹ năng hoạt động của trưởng thôn.

Các khóa bồi dưỡng trưởng thôn theo chương trình, tài liệu quy định tại quy chế này đều phải được kiểm tra, đánh giá và cấp chứng chỉ khi kết thúc. Hình thức kiểm tra, đánh giá và cấp chứng chỉ do uỷ ban nhân dân cấp tỉnh quyết định. Mẫu chứng chỉ cấp cho học viên do Bộ Nội vụ hướng dẫn. Việc tổ chức kiểm tra, đánh giá, quản lý và cấp chứng chỉ cho trưởng thôn do cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thực hiện.

Giảng viên bồi dưỡng trưởng thôn gồm: Giảng

viên trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, báo cáo viên trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp huyện hoặc giáo viên của các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp tỉnh; giảng viên kiêm chức là cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp phòng thuộc quận, huyện, thị xã hoặc cán bộ, công chức ngạch chuyên viên chính cấp sở hoặc tương đương đang làm việc ở các lĩnh vực liên quan tới nội dung chương trình, tài liệu bồi dưỡng hoặc các lĩnh vực liên quan tới kiến thức bổ trợ cần thiết cho hoạt động của trưởng thôn.

Thời gian mỗi khóa bồi dưỡng trưởng thôn theo chương trình, tài liệu quy định tại quy chế này là 10 ngày. Hình thức, phương pháp bồi dưỡng trưởng thôn do cơ sở đào tạo, bồi dưỡng nghiên cứu lựa chọn phải phù hợp đặc điểm từng vùng và đối tượng bồi dưỡng đảm bảo thiết thực, chất lượng, hiệu quả.

Trưởng thôn được cử đi bồi dưỡng phải chấp hành nghiêm túc việc học tập theo kế hoạch của cơ quan có thẩm quyền và những quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng. Trường hợp học viên vi phạm khuyết điểm trong quá trình học tập sẽ phải kiểm điểm và chịu hình thức kiểm điểm, kỷ luật do ủy ban nhân dân cấp xã quyết định tùy theo mức độ vi phạm.

Trưởng thôn khi được cử đi bồi dưỡng được đài thọ toàn bộ kinh phí học tập, được hưởng nguyên

phụ cấp kinh phí hoạt động và các chế độ khác theo quy định hiện hành. Kinh phí học tập do uỷ ban nhân dân cấp tỉnh quyết định.

III- QUY CHẾ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA THÔN, TỔ DÂN PHỐ

1. Quy định chung

Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố ban hành kèm theo Quyết định số 13/2002/QĐ-BNV ngày 6-12-2002 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định:

Thôn, làng, ấp, bản, buôn, phum, sóc... (gọi chung là thôn); tổ dân phố, khu phố, khóm... (gọi chung là tổ dân phố) không phải là một cấp hành chính mà là tổ chức tự quản của cộng đồng dân cư, nơi thực hiện dân chủ một cách trực tiếp và rộng rãi để phát huy các hình thức hoạt động tự quản và tổ chức nhân dân thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và nhiệm vụ cấp trên giao. Dưới xã là thôn. Dưới phường, thị trấn là tổ dân phố. Thôn và tổ dân phố chịu sự quản lý trực tiếp của chính quyền xã, phường, thị trấn.

Trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố do nhân dân trực tiếp bầu, chủ tịch uỷ ban nhân dân cấp xã ra quyết định công nhận; là người đại diện cho nhân dân và đại diện cho chính quyền xã, phường,

thị trấn để thực hiện một số nhiệm vụ hành chính tại thôn và tổ dân phố. Trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố chịu sự lãnh đạo của chi bộ thôn, chi bộ tổ dân phố hoặc chi bộ cấp xã (nơi chưa có chi bộ thôn và chi bộ tổ dân phố); chịu sự quản lý, chỉ đạo, điều hành của uỷ ban nhân dân cấp xã; phối hợp chặt chẽ với ban công tác mặt trận, các đoàn thể và các hội ở thôn, tổ dân phố trong quá trình triển khai công tác.

Mỗi thôn, tổ dân phố có 1 phó thôn và 1 tổ phó tổ dân phố giúp việc cho trưởng thôn và tổ trưởng tổ dân phố. Trường hợp thôn và tổ dân phố có trên 1.500 dân có thể bố trí thêm 1 phó thôn và 1 tổ phó tổ dân phố. Phó thôn, tổ phó tổ dân phố do trưởng thôn và tổ trưởng tổ dân phố đề nghị (sau khi có sự thống nhất với ban công tác mặt trận), chủ tịch uỷ ban nhân dân cấp xã xem xét ra quyết định công nhận.

Nhiệm kỳ của trưởng thôn, phó thôn, tổ trưởng, tổ phó tổ dân phố tối đa không quá hai năm rưỡi. Trong trường hợp thành lập thôn, tổ dân phố mới hoặc khuyết trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố thì chủ tịch uỷ ban nhân dân cấp xã chỉ định trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố lâm thời hoạt động cho đến khi thôn, tổ dân phố bầu được trưởng thôn và tổ trưởng tổ dân phố mới.

Trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố được hưởng phụ cấp hàng tháng; căn cứ hướng dẫn của trung

ương, chủ tịch uỷ ban nhân dân cấp tỉnh quyết định mức phụ cấp hằng tháng đối với trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố; được miễn lao động công ích trong thời gian công tác; được cử đi huấn luyện, bồi dưỡng những kiến thức cần thiết.

Trưởng thôn, phó thôn, tổ trưởng, tổ phó tổ dân phố hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ sẽ được khen thưởng; không hoàn thành nhiệm vụ, có vi phạm khuyết điểm, không được nhân dân tín nhiệm thì tùy mức độ sai phạm sẽ bị phê bình, cảnh cáo, miễn nhiệm, bãi nhiệm, cho thôi chức hoặc truy cứu trách nhiệm theo pháp luật. Ban công tác mặt trận và cử tri đề nghị hội nghị chủ hộ hoặc cử tri đại diện hộ xem xét miễn nhiệm, bãi nhiệm. Chủ tịch uỷ ban nhân dân cấp xã xem xét quyết định hình thức kỷ luật phê bình, cảnh cáo hoặc cho thôi chức đối với trưởng thôn, phó thôn, tổ trưởng, tổ phó tổ dân phố.

Chủ tịch uỷ ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định công nhận các thôn hiện có cho từng xã nhằm ổn định tổ chức và hoạt động của các thôn.

Việc thành lập thôn mới (bao gồm cả việc chia tách, sáp nhập thôn):

- Giữ nguyên các thôn hiện có. Chỉ thành lập thôn mới khi tổ chức định canh, định cư, di dân giải phóng mặt bằng và khi thực hiện quy hoạch dân dân được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Quy mô thôn mới: Ở vùng đồng bằng miền Bắc phải có từ 150 hộ trở lên; ở vùng đồng bằng miền Trung và miền Nam phải có từ 100 hộ trở lên; miền núi, vùng cao, vùng sâu, vùng xa phải có từ 50 hộ trở lên.

- Quy trình và hồ sơ thành lập thôn mới: Sau khi chủ tịch uỷ ban nhân dân cấp tỉnh có quyết định về chủ trương, uỷ ban nhân dân xã xây dựng phương án thành lập thôn mới, nội dung chủ yếu gồm:

- + Sự cần thiết phải thành lập thôn mới.
- + Tên thôn.
- + Vị trí địa lý của thôn.
- + Dân số (số hộ, số nhân khẩu).
- + Diện tích thôn (đơn vị tính là héc-ta).
- + Kiến nghị.

Lấy ý kiến cử tri trong khu vực thành lập thôn mới về phương án, tổng hợp thành văn bản nêu rõ tổng số cử tri, số cử tri đồng ý, không đồng ý. Nếu đa số cử tri đồng ý, uỷ ban nhân dân xã hoàn chỉnh phương án, trình hội đồng nhân dân xã thông qua (có nghị quyết của hội đồng nhân dân).

+ Sau khi có nghị quyết hội đồng nhân dân xã, uỷ ban nhân dân xã hoàn chỉnh hồ sơ trình uỷ ban nhân dân cấp huyện xem xét. Uỷ ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm thẩm định phương án, hồ sơ trình chủ tịch uỷ ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định.

Hồ sơ trình chủ tịch uỷ ban nhân dân cấp tỉnh gồm:

- + Tờ trình của uỷ ban nhân dân xã trình hội đồng nhân dân xã.

- + Phương án thành lập thôn mới.

- + Biên bản lấy ý kiến cử tri.

- + Nghị quyết của hội đồng nhân dân xã.

- + Tờ trình của uỷ ban nhân dân xã trình uỷ ban nhân dân cấp huyện.

- + Tờ trình của uỷ ban nhân dân cấp huyện trình uỷ ban nhân dân cấp tỉnh.

Chủ tịch uỷ ban nhân dân cấp tỉnh xem xét ra quyết định thành lập thôn mới.

2. Tổ chức và hoạt động của thôn

- Cộng đồng dân cư trong thôn cùng nhau thảo luận, quyết định và thực hiện các công việc tự quản, bảo đảm đoàn kết, giữ gìn trật tự an toàn xã hội và vệ sinh môi trường; xây dựng cuộc sống mới; giúp đỡ nhau trong sản xuất và đời sống; giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp, thuần phong, mỹ tục của thôn; xây dựng cơ sở hạ tầng của thôn; xây dựng và thực hiện hương ước.

- Bàn biện pháp thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nhiệm vụ do uỷ ban nhân dân xã giao và thực hiện nghĩa vụ công dân đối với Nhà nước.

- Thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở.

- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trưởng thôn.

Các hoạt động của thôn được thực hiện thông qua hội nghị thôn. Hội nghị của thôn được tổ chức ba tháng hoặc sáu tháng một lần, khi cần có thể họp bất thường. Thành phần hội nghị là toàn thể cử tri hoặc chủ hộ hay cử tri đại diện hộ. Hội nghị do trưởng thôn triệu tập và chủ trì. Hội nghị được tiến hành khi có ít nhất quá nửa số cử tri hoặc chủ hộ tham dự. Nghị quyết của thôn chỉ có giá trị khi được quá nửa số chủ hộ hoặc cử tri đại diện hộ tán thành và không trái pháp luật.

1- Tiêu chuẩn trưởng thôn

Trưởng thôn phải là người có hộ khẩu và cư trú thường xuyên ở thôn, đủ 21 tuổi trở lên, có sức khỏe, nhiệt tình và có tinh thần trách nhiệm trong công tác, đạo đức và tư cách tốt, được nhân dân tín nhiệm, bản thân và gia đình gương mẫu, có năng lực và phương pháp vận động, tổ chức nhân dân thực hiện tốt các công việc của cộng đồng và cấp trên giao.

2- Nhiệm vụ, trách nhiệm và quyền hạn của trưởng thôn

- Triệu tập và chủ trì hội nghị thôn.
- Tổ chức thực hiện các quyết định của thôn.
- Tổ chức nhân dân thực hiện tốt quy chế dân chủ.
- Tổ chức xây dựng và thực hiện hương ước.

- Bảo đảm đoàn kết, giữ gìn trật tự an toàn trong thôn.

- Tổ chức thực hiện nhiệm vụ do uỷ ban nhân dân xã giao.

- Tập hợp, phản ánh, đề nghị chính quyền xã giải quyết những nguyện vọng chính đáng của nhân dân.

- Trên cơ sở nghị quyết của hội nghị thôn, ký hợp đồng dịch vụ phục vụ sản xuất và xây dựng cơ sở hạ tầng của thôn.

- Được uỷ ban nhân dân xã mời dự họp về các vấn đề liên quan. Hằng tháng báo cáo kết quả công tác với uỷ ban nhân dân xã; sáu tháng, cuối năm phải báo cáo công tác và tự phê bình trước hội nghị thôn.

3- Quy trình bầu trưởng thôn

- Toàn thể cử tri hoặc chủ hộ hay cử tri đại diện hộ tham gia bầu trực tiếp trưởng thôn theo hình thức bỏ phiếu kín hoặc giơ tay. Chủ tịch uỷ ban nhân dân xã quyết định ngày tổ chức bầu trưởng thôn và ra quyết định thành lập tổ bầu cử. Uỷ ban nhân dân xã có trách nhiệm bảo đảm kinh phí, chỉ đạo, hướng dẫn nghiệp vụ và giúp đỡ tổ chức tốt hội nghị bầu trưởng thôn.

- Giới thiệu nhân sự:

+ Căn cứ vào tiêu chuẩn trưởng thôn, sự lãnh đạo của chi bộ thôn hoặc chi bộ xã, ban công tác mặt trận thôn phối hợp với các đoàn thể

thanh niên, phụ nữ, nông dân, cựu chiến binh trong thôn dự kiến giới thiệu người ra ứng cử, sau đó tổ chức họp cử tri để thảo luận tiêu chuẩn, danh sách giới thiệu của ban công tác mặt trận thôn và những người ứng cử do cử tri giới thiệu hoặc tự ứng cử.

+ Căn cứ danh sách ứng cử tại hội nghị cử tri, trưởng ban công tác mặt trận chủ trì cuộc họp thảo luận thống nhất ấn định danh sách ứng cử viên chính thức. Thành phần cuộc họp gồm đại diện lãnh đạo của tổ chức đảng, chi đoàn thanh niên, các chi hội phụ nữ, nông dân, cựu chiến binh. Danh sách để bầu trưởng thôn phải dư ít nhất một người.

- Tổ bầu cử: Tổ bầu cử có không quá 7 thành viên do trưởng ban công tác mặt trận làm tổ trưởng. Các thành viên khác gồm đại diện của tổ chức đảng và một số đoàn thể như thanh niên, phụ nữ, nông dân và cựu chiến binh của thôn. Tổ bầu cử có nhiệm vụ:

+ Lập và công bố danh sách cử tri tham gia bầu trưởng thôn.

+ Công bố danh sách ứng cử viên.

+ Tổ chức hội nghị bầu trưởng thôn.

+ Công bố kết quả bầu cử.

+ Báo cáo kết quả hội nghị bầu trưởng thôn và nộp các tài liệu bầu cử cho uỷ ban nhân dân xã.

- Kiểm phiếu và công bố kết quả bầu cử:

+ Trước khi bỏ phiếu, hội nghị bầu ban kiểm phiếu do tổ bầu cử giới thiệu. Ban kiểm phiếu có 3 người.

+ Kiểm phiếu: Việc kiểm phiếu được tiến hành ngay sau khi kết thúc bỏ phiếu. Ban kiểm phiếu lập biên bản kết quả bỏ phiếu, bàn giao biên bản và phiếu bầu cho tổ trưởng tổ bầu cử.

+ Tổ trưởng tổ bầu cử công bố kết quả bầu cho từng người và người trúng cử trưởng thôn. Người trúng cử trưởng thôn là người có số phiếu bầu hợp lệ trên 50% số cử tri tham gia bầu cử. Kết quả bầu chỉ có giá trị khi có ít nhất 50% số cử tri trong danh sách tham gia bỏ phiếu.

- Căn cứ biên bản kết quả kiểm phiếu và báo cáo kết quả hội nghị bầu trưởng thôn, chủ tịch uỷ ban nhân dân xã xem xét ra quyết định công nhận người trúng cử trưởng thôn. Trưởng thôn chính thức hoạt động khi có quyết định công nhận của chủ tịch uỷ ban nhân dân xã.

- Kinh phí bầu cử do ngân sách xã cấp.

Trong trường hợp số cử tri tham gia bỏ phiếu dưới 50% và trong trường hợp vi phạm các quy định về bầu cử trưởng thôn tại khoản 2, 3, 4 điều này thì phải tổ chức bầu lại. Ngày tổ chức bầu lại do chủ tịch uỷ ban nhân dân xã quyết định. Trường hợp bầu cử lại lần thứ hai cũng không đạt kết quả, chủ tịch uỷ ban nhân dân xã chỉ định trưởng thôn lâm thời trong số những người ứng cử

chính thức để hoạt động cho đến khi bầu được trưởng thôn mới.

3. Tổ chức và hoạt động của tổ dân phố

Việc thành lập tổ dân phố mới (bao gồm cả việc chia tách, sáp nhập tổ dân phố) do uỷ ban nhân dân phường, thị trấn lập phương án, trình hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua và trình chủ tịch uỷ ban nhân dân cấp trên trực tiếp xem xét quyết định. Quy mô một tổ dân phố được thành lập mới có từ 70 hộ trở lên.

Hoạt động của tổ dân phố, hội nghị tổ dân phố, tiêu chuẩn và việc bầu cử tổ trưởng tổ dân phố được thực hiện theo Điều 9, 10, 11, 13 của quy chế này.

Nhiệm vụ, trách nhiệm, quyền hạn của tổ trưởng tổ dân phố:

- Triệu tập và chủ trì hội nghị tổ dân phố để bàn và tổ chức thực hiện các quyết định của tổ dân phố về giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội; tu sửa, xây dựng cơ sở hạ tầng ngõ phố và vệ sinh môi trường; xây dựng đời sống văn hoá, đoàn kết giúp đỡ nhau trong đời sống và sản xuất; thực hiện tốt các nhiệm vụ do uỷ ban nhân dân phường, thị trấn giao.

- Vận động và tổ chức nhân dân thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở.

- Tổ chức và thực hiện quy ước ở tổ dân phố.
- Tập hợp ý kiến, nguyện vọng chính đáng của nhân dân để phản ánh và đề nghị uỷ ban nhân dân phường, thị trấn giải quyết.
- Được uỷ ban nhân dân phường, thị trấn mời dự họp về các vấn đề liên quan. Hằng tháng báo cáo kết quả công tác với uỷ ban nhân dân phường, thị trấn, sáu tháng, cuối năm phải báo cáo công tác và tự kiểm điểm trước hội nghị tổ dân phố.

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
- Lời Nhà xuất bản	5
<i>Phần I</i>	
TỔ CHỨC BỘ MÁY	7
A. Hội đồng nhân dân	7
I- Bầu cử hội đồng nhân dân	7
II- Nhiệm vụ, quyền hạn của hội đồng nhân dân cấp xã	25
III- Kỳ họp hội đồng nhân dân	29
IV- Thường trực hội đồng nhân dân cấp xã	32
V- Hoạt động giám sát của hội đồng nhân dân cấp xã	34
VI- Giám sát của thường trực hội đồng nhân dân cấp xã	37
VII- Về thực hiện thí điểm không tổ chức hội đồng nhân dân phường	40
B. Ủy ban nhân dân cấp xã	47
I- Nhiệm vụ, quyền hạn của ủy ban nhân dân cấp xã	47
II- Tổ chức và hoạt động của ủy ban nhân dân cấp xã	53
III- Số lượng, cơ cấu thành viên ủy ban nhân dân cấp xã	57
	347

IV- Quy chế làm việc của uỷ ban nhân dân cấp xã	59
C. Trách nhiệm đối với người đứng đầu hội đồng nhân dân, uỷ ban nhân dân cấp xã	77
I- Trong thực thi công vụ	77
II- Trách nhiệm trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí	84
III- Trách nhiệm khi để xảy ra tham nhũng	99
D. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã và các tổ chức thành viên	103
Đ. Các cơ quan chuyên môn cấp xã	122

Phần II

CÁN BỘ, CÔNG CHỨC CẤP XÃ 181

I- Tuyển dụng, sử dụng cán bộ, công chức cấp xã	181
1. Các quy định chung	181
2. Các quy định cụ thể về cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn	194
3. Tiêu chuẩn đối với cán bộ xã, phường, thị trấn	219
4. Tăng cường cán bộ cho các xã trọng điểm vùng đồng bào dân tộc thiểu số	246
5. Chính sách luân chuyển, tăng cường cán bộ chủ chốt cho các xã thuộc 61 huyện nghèo và chính sách ưu đãi, khuyến khích thu hút trí thức trẻ, cán bộ chuyên môn, kỹ thuật về tham gia tổ công tác tại các xã thuộc 61 huyện nghèo	251

II- Kỷ luật cán bộ, công chức cấp xã	259
1. Các trường hợp bị xử lý kỷ luật	259
2. Những trường hợp chưa xem xét kỷ luật đối với cán bộ, công chức	259
3. Những trường hợp không áp dụng các hình thức kỷ luật	260
4. Nguyên tắc xem xét xử lý kỷ luật cán bộ, công chức	260
5. Hướng dẫn thực hiện chế độ kỷ luật công chức cấp xã, Thông tư số 03/2007/TT-BNV ngày 12-6-2007 của Bộ Nội vụ quy định	261

III- Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ xã	270
1. Đào tạo, bồi dưỡng chủ tịch hội đồng nhân dân, chủ tịch uỷ ban nhân dân xã	270
2. Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn đến năm 2010	277
3. Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn người dân tộc thiểu số	286
4. Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ chủ chốt Hội Liên hiệp Phụ nữ cấp xã	289

Phần III

TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG THÔN, TỔ DÂN PHỐ	293
--	-----

I- Tổ chức hoà giải ở cơ sở	293
II- Thực hiện dân chủ ở xã	298
1. Các quy định chung	298
2. Hình thức để nhân dân bàn và quyết định trực tiếp hoặc biểu quyết để cấp có thẩm quyền quyết định	301

3. Quy trình bầu trưởng thôn, tổ trưởng dân phố	311
4. Quy trình miễn nhiệm, bãi nhiệm trưởng thôn, tổ trưởng dân phố	316
5. Lấy ý kiến nhân dân trước khi cơ quan có thẩm quyền cấp trên quyết định những việc liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích của nhân dân	321
6. Việc lấy phiếu tín nhiệm đối với chủ tịch, phó chủ tịch hội đồng nhân dân, uỷ ban nhân dân cấp xã	326
7. Đào tạo, bồi dưỡng trưởng thôn, tổ trưởng dân phố	333
III- Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố	336
1. Quy định chung	336
2. Tổ chức và hoạt động của thôn	340
3. Tổ chức và hoạt động của tổ dân phố	345

Chịu trách nhiệm xuất bản
TS. NGUYỄN DUY HÙNG

Chịu trách nhiệm nội dung
TS. LÊ MINH NGHĨA

Biên tập nội dung: TS. LƯU TRẦN LUÂN
VŨ PHƯƠNG HÀ

Trình bày bìa: PHÙNG MINH TRANG

Chế bản vi tính: NGUYỄN THỊ HẰNG

Sửa bản in: PHÒNG BIÊN TẬP KỸ THUẬT

Đọc sách mẫu: PHƯƠNG HÀ

TÌM ĐỌC

- LUẬT BẦU CỬ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
NĂM 2003 SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NĂM 2010
- PHÁP LỆNH THỰC HIỆN DÂN CHỦ Ở XÃ, PHƯỜNG,
THỊ TRẤN NĂM 2007 VÀ VĂN BẢN HƯỚNG DẪN THI HÀNH
- QUY ĐỊNH VỀ GIÁM SÁT ĐẦU TƯ, GIÁM SÁT CÁN BỘ
TẠI CỘNG ĐỒNG, KHU DÂN CƯ
- HỎI - ĐÁP VỀ LÃNH ĐẠO QUẢN LÝ CỦA ỦY BAN
NHÂN DÂN CẤP XÃ

